THÍCH THỊ KÊ CỔ LƯỢC

QUYỂN 3

*__Nhà Đường:__ Họ Lý, lấy hiệu Thổ Đức, đóng đô Trường An, Huyền Tông đổi Trường An thành phủ Kinh Triệu, đến Túc Tông đổi thành Thượng Đô. Nhà Đường gồm: Cao Tổ, Thái Tông, Cao Tông, Tắc Thiên, Trung Tông, Duệ Tông, Huyền Tông, Túc Tông, Đại Tông, Đức Tông, Thuận Tông, Hiến Tông, Mục Tông, Kính Tông, Văn Tông, Vũ Tông, Tuyên Tông, Ý Tông, Hy Tông, Chiêu Tông, Cảnh Tông (tức Ai Tông), Bộc Vương (do Chu Toàn Trung lập, sau đó chuốc độc ông, ở ngôi một năm, niên hiệu Thiên Thọ. Bản Kỷ không chép việc một năm của Bộc Vương).

*__Cao Tổ:__ Húy là Uyên, tự là Thúc Đức, người Thành Kỷ Lũng Tây. Ông nội ông là Hổ và tám người gồm Lý Bật v.v.. đều giúp Tây Ngụy và được phong Thượng trụ quốc. Chu Mẫn Đế nhận ngôi của Tây Ngụy, truy phong ông làm Đường quốc công. Hổ sinh ra Bính, Bính sinh ra Uyên, đều được tập phong Đường Công. Uyên làm quan cho nhà Tùy, đến Dương Đế năm Đại Nghiệp năm thứ chín, Đế phong vệ úy thiếu khanh Lý Uyên làm Lưu Thú của quận Hoằng Hóa, cấp cho mười ba quận thuộc Quan Hữu. Tháng giêng năm thứ mười hai, Đế hạ chiếu cho Hữu kiêu vệ tướng quân Đường Công Lý Uyên làm Thái Nguyên Lưu Thú. Tháng mười một năm thứ mười ba. Lý Uyên chiếm Trường An, lập Cung Đế. Tháng ba năm Mậu Dần, Tùy Cung Đế hạ chiếu cho Đường Vương lập quan từ Thừa Tướng trở xuống, gia phong Cửu Tích. Tin dữ của Tùy Dương Đế ở Giang Đô lan đến Trường An, tháng năm, Cung Đế nhường ngôi cho nhà Đường. Đường Vương lên ngôi Hoàng Đế, ở ngôi chín năm, thọ bảy mươi tuổi. Niên hiệu Vũ Đức chín năm.

Năm Mậu Dần: Vũ Đức năm đầu, tháng năm đổi niên hiệu, bỏ quận đặt ra châu, đổi Thái thú thành Thứ sử. Tháng năm, Đế dựng đạo tràng mở Vô Giá pháp hội ở Nam Cù, Chu Tước môn. Tháng sáu, lệnh Tăng, đạo mỗi bên sáu mươi chín người hành đạo bảy ngày tại điện Thái Cực, hết hạn thì thiết trai cúng dường cả ngàn Tăng. Tháng tám,

Tiết Cử ở Kim Thành mất, Thái tử Nhân Cảo lên kế ngôi. Đường Tần Vương Thế Dân đem binh vây, Nhân Cảo ra hàng, họ Tiết diệt vong. Tháng chín, Lý Mật hàng Đường. Hồi ấy, Lý Mật chiếm Sơn Đông lấy quốc hiệu là Ngụy, đến tháng mười hai thì làm phản, Hùng châu hành quân tổng quản Thạch Ngạn Sư vây đánh và chém Mật cùng Vương Bá Đáng.

Yên: Cao Khai Đạo chiếm Ngư Dương	*Trịnh: Vương Thế Sung*	*Hạ: Đậu Kiến Đức xưng Vương*	*Lương: Lý Quỹ. An Tập năm thứ 2*	*Lương: Tiêu Tiễn xưng đế*	*Tần: Tiết Nhân Cảo*
Định Dương Khả Hãn, Thiên Hưng năm thứ 2		*Ngô*	*Lương: họ Lương năm thứ 2*		*Sở: họ Chu*

Kỷ Mão: niên hiệu Vũ Đức năm thứ hai

Yên	*Trịnh: Khai Minh năm đầu*	*Hạ: Ngũ Phụng năm thứ 2*	*Lương: Đường tiêu diệt*	*Lương: họ Tiêu*	*Tần: Nhân Cảo bị Đường diệt*
Định Dương: Ngô Hương năm thứ 3		*Ngô: Minh Chính năm đầu*	*Lương: Năm thứ 3*		*Sở*

Canh Thìn: Vũ Đức năm thứ ba

Yên: Họ Cao	*Thịnh: VươngThế Sung Khai Minh năm thứ 2*	*Hạ: Ngũ Phụng năm thứ 2*	*Lương: Tiêu Tiễn*
Định Dương Khả Hãn bị Đường diệt	*Ngô: Đỗ Phục Thành năm đầu*	*Lương: họ Lương Vĩnh Long năm thứ 4*	*Sở: họ Chu.*

Đế dựng chùa Linh tiên, sai con thứ Lý Bá Dược soạn văn bia, hạ chiếu dựng Tứ Đại Tập Tiên Ni Tự gồm: Thiêm Xương, Thắng Nghiệp, Từ Bi, Chứng Quả, rồi chép kinh đúc tượng, bỏ Tấn Dương cựu phủ làm chùa Hưng Thánh, dựng chùa Nghĩa Hưng ở Tinh Châu, vì cầu phước cho thái tổ Nguyên Hoàng Đế, Nguyên Trinh hoàng Thái hậu, Đế tạc ba tượng chiên-đàn, đặt mười đại đức ở chùa Từ Bi để tổng quản Tăng ni.

- Tân Tỵ: Vũ Đức năm thứ tư, ban hành tiền Khai Nguyên Thông Bảo, học sĩ Âu Dương Tuân soạn văn và sách, văn ấy lưu thông ai cũng có thể đọc.

Yên:	*Trịnh bị Đường diệt*	*Hạ bị Đường diệt*	*Lương bị Đường diệt*
Hán Đông Vương	*Ngô: họ Đỗ năm thứ 2*	*Lương*	*Sở*

Tháng sáu, Thái sử Lệnh Phó Dịch dâng mười một điều phế bỏ Phật pháp, Pháp sư Pháp Lâm nghị luận với Đế, cáo trạng của Dịch bị bỏ.

- Nhâm Ngọ: Vũ Đức năm thứ năm

Yên			
Hán: Thiên Tạo năm đầu	*Ngô: năm thứ 3*	*Lương*	*Sở: Trương Thiệp An*

- Quý Mùi: Vũ Đức năm thứ sáu.

Yên				
Hán bị Đường diệt	*Ngô: năm thứ 4*	*Lương bị Đường diệt*	*Sở bị Đường diệt*	

- Giáp Thân: Vũ Đức năm thứ bảy

Yên bị Đường diệt				
	Ngô bị Đường diệt			

Tháng hai năm Vũ Đức năm thứ bảy đổi Đại Tổng quản thành Phủ Đại Đô đốc. Tháng ba, bắt đầu định lệnh, lấy thái úy, Tư Đồ, tư không làm tam công. Kế đến, Thượng thư môn hạ, trung thư, Bí thư, điện trung nội thị làm lục tỉnh, kế nữa, Ngự sử đài, rồi thái thường đến thái phủ làm cửu tự. Lại kết hợp với tác giám quốc tử học, thiên sách thượng tướng phủ, Tả hữu vệ đến Tả hữu lĩnh vệ thành mười bốn vệ. Đông cung đặt ra Tam sư, Tam thiếu chiêm sự và Lưỡng phường Tam tự đứng đầu phủ. Vương Công đặt ra quan đảm việc trong kinh thành. Châu huyện trấn nhung là quan ngoại chức sự. Từ Khai phủ nghi đồng tam ty đến Sĩ lang hai mươi tám chức đều là quan văn tán. Phiêu kỵ đại tướng quân đến bồi mậu phó úy cả thảy ba mươi mốt chức đều là quan võ tán. Từ thượng trụ quốc đến vũ kỵ úy cả thảy mười hai bậc đều là huân quan. Mồng một tháng tư bắt đầu ban hành luật lệ mới. So với pháp chế cũ của Tùy Khai Hoàng tăng thêm năm mươi ba điều mới. Bắt đầu ấn định việc chia ruộng, thu thuế. Phàm của cải của dân chia làm chín bậc. Trăm hộ là một làng, năm làng là một hương, bốn nhà là một lân, bốn lân là một bảo. Ở trong thành ấp thì gọi là phường, ở ngoài đồng nương thì gọi là thôn. Nhà hưởng bổng lộc không được giành quyền lợi với dân. Các ngành công thương được dự vào hàng kẻ sĩ. Nam nữ mới sinh thì gọi là hoàng, bốn tuổi gọi là tiểu, mười sáu tuổi gọi là trung, hai mươi tuổi gọi là đinh, sáu mươi tuổi gọi là lão. Một năm thì khai Kế Tràng, ba năm thì khai Hộ tịch.

Ất Dậu: Vũ Đức năm thứ tám, tháng hai, Đế bỏ cách thức ở quốc học, đặt ra Tam tòa, mở ra Tam tông, chiêu mộ học giả của tam Giáo hội tập. Thích Tuệ Thừa nêu cao nghĩa học, biện luận, vương thần vui vẻ thán phục, cả triều đều biết đến ngài.

Bính Tuất: Vũ Đức năm thứ chín, tháng hai, Thái sử lệnh là Phó Dịch cấu kết với Đạo sĩ Lý Trọng Khanh dâng vua "Thập Dị Cửu Mê Luận" nhằm chê bai Phật thánh. Dịch dâng sớ phỉ báng Phật pháp cả thảy bảy lần. Tể tướng Tiêu Vũ bài xích thẳng Phó Dịch. Tháng tư, Đế đem sớ tấu của Dịch ban phát cho chư tăng. Pháp sư Thích Minh Khái vạch ra tám điều mà dịch quyết phá Phật hủy Tăng. Pháp sư Pháp Lâm

soạn "Thập Dụ Cửu Châm" phá luận thuyết "Thập Dị Cửu Mê" của Lý Trọng Khanh. Môn Hạ Điển Nghi Lý Sư Chính soạn Nội Đức Luận ba thiên bày đủ sự lợi ích của nhà Phật. Tháng năm, Đế hạ chiếu sa thải những lời viễn vong của cả hai giáo phái.

Mồng bốn tháng sáu, Tần Vương Thế Dân đem binh phủ bình định nội loạn. Đế cho Tần Vương làm Hoàng Thái tử, đại xá thiên hạ, đình chỉ việc sa thải hai giáo phái, hạ chiếu tháng tám nhường ngôi cho Thái tử. Thái tử lên ngôi ở Đông Cung, Hiển Đức điện. Cao Tổ xưng Thái Thượng hoàng Đế.

**Thái Tông Văn Hoàng Đế:* Húy Thế Dân, con năm thứ hai của Cao Tổ ở ngôi hai mươi ba năm, thọ năm mươi hai tuổi. Niên hiệu Trinh Quán hai mươi ba năm.

Đinh Hợi: Trinh Quán năm đầu, mùa Xuân tháng giêng, Đế lệnh cho Tăng ni trong kinh cùng các nơi hành đạo bảy ngày tại các chùa, phẩm vật cúng trai do Hữu Ty xét cấp. Ngày hoàn mãn cùng nhóm họp tại chùa Đại Hưng Thiện để Đế cúng dường. Đế bảo Phó Dịch: Phật đạo huyền nhiệm, dấu Thánh đáng noi, hơn nữa báo ứng rõ ràng, nhiều lần ứng nghiệm, nhưng khanh vẫn chẳng tỏ ngộ lý này là tại sao vậy? Dịch đáp ngược ý, rất ghét, từ đó về sau Đế chẳng đếm xỉa đến ông.

Bỏ sát sinh, dựng chùa: Năm này, Đế xả cung cũ Thái Hòa ở núi Chung Nam làm chùa Long Điền cầu phước cho Cao Tổ, sau lại dựng chùa Thúy Vi. Đế thấy Thích Minh Chiêm rất giỏi y thuật, nên triệu vào điện cúng dường. Nhân đó ngài bày tỏ cách chế ngự cho Đế vương, rằng lấy từ bi cứu khổ của nhà Phật làm nơi thú hướng. Đế vui mừng, và hạ lệnh ngày sáu tháng ba hằng năm cả nước không được sát sinh, nơi những chiến trận xưa đều dựng chùa Phật.

- Mậu Tý, tháng ba năm thứ hai, Đế nghĩ lại lúc mới bình định thiên hạ đã giết quá nhiều người, nên đã lấy ngự phục cúng các chùa, thỉnh Tăng lễ sám cầu siêu. Đế hạ chiếu: "Từ cuối nhà Tùy mở lòng nghĩa, chăm cứu vớt, đánh đông dẹp bắc, phàm người tử trận thật không ghi hết, tự tay chém tướng gần cả ngàn người. Thiết nghĩ Thánh giáo Như Lai thâm sâu nhân từ, trong các giới cấm, sát hại nặng nhất. Giao cho Hữu Ty, các chùa kinh thành hãy lập đàn tràng, hành đạo bảy ngày đêm, chí thành lễ sám, tất cả y phục đều đem cúng thí, mong nạn ba đường nhân đây giải thoát, thống khổ muôn kiếp nhờ đây hết sạch".

Tháng chín, Đế hạ chiếu: Nay thóc lúa tốt tươi, muôn báu sắp thành, vẫn sợ mưa gió mất mùa, dân không nơi nương tựa, dám mong người thông minh, nhân từ nhiều phước, hãy vì điềm lành trời cao, ngưỡng

mong che chở, có thể trong kinh thành, hoặc tự quán các châu trong nước, Tăng ni đạo sĩ hãy đọc kinh hành đạo bảy ngày bảy đêm. Tháng giêng, tháng bảy hằng năm cứ theo lệ thường này mà hành đạo."

Giới luật: Năm này, vua hạ chỉ mời Pháp Sư Huyền Uyển vào cung truyền trao Bồ-tát giới cho Phi tần, hoàng Thái tử và các vương. Huyền Uyển nhập diệt tháng mười hai năm Trinh Quán thứ mười. Ngài dâng biểu để lại rằng: "Thánh đế minh vương cung kính Tam bảo, nếu Sa-môn nào phạm pháp đừng nên xử phạt như thứ dân, xin giao cho chúng Tăng, dựa trên luật mà trị.". Ngài còn dâng Đế bộ An Dưỡng Luận và Tam Đức Luận, Đế vui mừng nhận. Đế hạ chiếu truy điệu, sai Thái tử viếng tang, lệnh Hữu Ty cung cấp phẩm vật an táng. Đời Đường, sắc lệnh Sa-môn khởi nguyên từ ngài. Đế còn cho dựng một tháp Phật ngay nơi mộ ngài, sai con thứ là Lý Bá Dược soạn văn bia.

Kỷ Dậu: Tháng ba năm thứ ba, Đế hạ chiếu cho Tăng ni trong kinh thành cứ ngày hai mươi bảy hàng tháng hành đạo ngay tại chùa mình đang ở, lấy các kinh như Nhân Vương, Đại Vân làm thời khóa thường lệ. Tháng ba, Đế hạ chiếu mở đạo tràng dịch kinh tại chùa Đại Hưng Thiện. Sa-môn Huyền Môn v.v.. dịch ngữ, Luật sư Quật-đa làm chứng dịch; Pháp Lâm, Tuệ Nguyệt v.v.. chấp bút; Tuệ Thừa v.v.. chứng nghĩa. Sai Bộc Xạ Phòng Huyền Lệnh, Cấp Sự Đỗ Chánh Luân, Thượng thư Lý Hiếu Cung tham gia trợ dịch san định. Quang lộc đại phu thái phủ Khanh Tiêu Cảnh làm Tổng giám hộ. Trăm quan cùng trợ giúp. Tháng sáu, Đế hạ chiếu thỉnh Minh Tịnh Thiền sư ở Mật cchâu vào kinh cầu mưa. Đế hạ chỉ độ ba trăm Tăng. Đế hạ chiếu đổi cung cũ của Hoàng gia là Thông Nghĩa Cung làm chùa ni, lấy tên là Hưng Thánh. Tháng mười một, Đế hạ chiếu thỉnh tượng thêu của Phật, Bồ-tát, Thánh tăng, Kim cang về chùa Thắng Quang để cúng dường. Tháng giêng năm thứ sáu, Đế thỉnh bốn mươi chín đại đức ở các chùa hành đạo suốt hai mươi mốt ngày để khánh thành các tượng thêu. Ngày hoàn mãn, Đế cúng dường cả ngàn Tăng, Vương công đều dâng hương.

- Xây chùa: Tháng mười hai nhuần, Đế nhớ nghĩ những u hồn trệ phách từ họ Tùy đến nay, nên hạ chiếu: "Nhà Tùy mất đạo, chín châu điêu linh, Trẫm đích thân tổng quản Nguyên nhung, đến nay quét sạch, rất lo sợ ở dưới chín suối vẫn còn kẻ chịu cột đồng, vạc sôi, nơi tám nạn mãi vướng trong băng giá, tro tàn. Bởi vậy, Trẫm gieo trồng ruộng phước cứu những hồn phách ấy. Có thể từ khi dấy nghĩa đến nay, những nơi giao tranh, anh hùng nghĩa sĩ, hung đồ bại trận bỏ mình, mỗi nơi ấy dựng một ngôi chùa nhằm kết thắng duyên với Tăng chúng, mong trống

pháp khua vang, biến lửa dữ thành sen xanh, nghe được lời kinh biến biển lửa thành cam lồ. Quan sở ty hãy kiểm định xứ sở và dựng khắp chùa, làm đủ mọi điều để tỏ tấc lòng bi ai của Trẫm."

Năm sau, trên khắp chiến hào đều dựng Già-lam. Nơi phá quân Tiết Cử dựng chùa Chiêu Nhân ở U châu, phá Vương Thế Sung dựng chùa Chiêu Giác ở Lạc châu, phá Lưu Vũ Chu dựng chùa Hoằng Tế ở Phần Châu, phá Tống Kim Cương dựng chùa Từ Vân ở Tấn Châu, phá Hoắc Lão Sinh dựng chùa Phổ Tế ở Lữ châu, phá Đậu Kiến Đức dựng chùa Đẳng Từ ở Trịnh Châu, phá Lưu Hắc Thát dựng chùa Chiêu Phước ở Lạc Châu, lệnh cho Ngu Thế Nam, Lý Bá Dược, Chử Toại Lương, Nhan Sư Cổ, Sầm Văn Bản, Hứa Kính Tông, Chu Tử Xa cùng chia nhau soạn văn bia cho các châu mỗi nơi dựng đó.

Năm Trinh Quán năm thứ hai mươi, Đế đánh Liêu trở về, lập đàn cầu siêu cho chiến sĩ, dựng chùa Mẫn Trung ở U châu. Năm Canh Dần, Đế cho rằng y phục chưa có khác biệt nên tháng tám hạ chiếu: "Từ nay y phục của tam phẩm trở lên màu tía, tứ phẩm ngũ phẩm màu lục đào, lục phẩm, thất phẩm màu xanh lục, bát phẩm màu xanh. Phụ nữ mặc y phục giống màu của chồng.

****Tam Tạng Pháp Sư Huyền Trang:*** Mùa Đông năm Trinh Quan năm thứ ba, ngài sang Tây Vực thỉnh những bộ kinh chưa truyền đến Trung Quốc. Ngài vào triều dâng biểu nhưng Đế không cho đi, thế là ngài trốn đi. Từ Nguyên Châu, ngài ra khỏi Ngọc Quan, qua các nước như Cao Xương, Diệp Hộ. Năm Trinh Quán năm thứ bảy, ngài đến Trung Ấn, gặp Đại Thừa Cư Sĩ nhận Du-già Sư Địa, vào Vương Xá thành, dừng ở chùa Na-lan-đà, theo Thượng Phương Giới Hiền Luận Sư thọ học tông chỉ Du-già, Duy Thức. Ngài ở đây mười năm và từ Vương xá thành trở về. Tháng giêng năm Trinh Quán năm thứ mười chín ngài về đến Kinh sư. Lưu thú Trường An Phòng Huyền Lệnh dâng biểu bẩm với Đế. Năm Nhâm Thìn ngài đến Lạc Dương. Tháng ba Kỷ Hợi, ngài gặp Đế ở điện Nghi loan. Đế hỏi: "Thầy đi sao không đến báo Trẫm?" Ngài đáp: "Lúc ấy thần ba lần dâng biểu, nhưng không được bệ hạ ưng chuẩn, mới tự đi." Đế nói: "Thầy hay cầu pháp quên thân, lợi ích hữu tình, Trẫm rất hài lòng." Nhân đó, ngài tâu vua những bản Kinh Luận tiếng Phạm do mình thỉnh về gồm sáu trăm năm mươi bảy quyển và xin đến chùa Thiếu Lâm ở Tung sơn, Lạc Dương vì nước tuyên dịch. Đế nói: "Trẫm vừa dựng chùa Hoằng Phước để cầu phúc cho Mục Thái hậu, thầy có thể để đến đó phiên dịch". Vua lệnh cho Huyền Chương Phòng Huyền Lệnh chuyên tâm giám hộ, mọi vật dụng cần thiết cho công việc

đều do quốc khố chu cấp. Tháng sáu năm Trinh Quán năm thứ hai mươi hai, Đế viết bài tựa cho Đại Đường Tam Tạng Thánh Giáo gồm những bộ kinh do ngài mới dịch. Lúc này Hoàng Thái tử xem Thánh tự xong liền soạn thuật Thánh ký. Đế hạ chiếu cho Hoàng Thái tử soạn lời bạt trong Bồ-tát tạng kinh. Tháng tám, Đế ban cho ngài trăm nén vàng, y phục và bảo đao. Ngài dâng biểu tạ ơn, đại khái nói: "Áo nhẫn nhục màu hợp mây trôi, đao trí tuệ lưỡi như ngọc dũa, kính mặc y để đoạn ma phiền não, đeo bảo đao cắt sạch lưới trần lao." Đời Cao Tông, năm Vĩnh Huy Năm thứ ba, ngài dựng tháp ở chùa Từ An để an trí số Kinh Luận bằng tiếng Phạm. Ngài dâng biểu, Đế ban tặng những y phục vật dụng của những người đã mất của bảy cung như đại nội, đông cung, dịch đình v.v.. Giúp ngài hoàn thành ngôi tháp. Ngài xây theo cách thức của Tây Vực, tháp hoàn thành, cao hai trăm thước. Tháng mười năm Hiển Khánh năm thứ tư, Đế đổi cung Ngọc hoa làm chùa để truy điệu Tiên đế và thỉnh ngài ở. Năm sau, ngài dịch kinh Bát-nhã tại chùa Ngọc Hoa. Tháng hai niên hiệu Long Đức năm đầu, ngài sai đệ tử Đại Thừa Quang sao chép những bộ Kinh Luận đã dịch gồm bảy mươi lăm bộ, một ngàn ba trăm ba mươi lăm quyển, lại triệu môn nhân dựng tượng thiết trai từ biệt đại chúng, sai Tả hữu niệm Phật Di-lặc. Nửa đêm mồng năm, ngài năm nghiêng bên phải an nhiên thị tịch, thọ sáu mươi lăm tuổi. Đế không thiết triều ba ngày, lệnh tẩm liệm ngài trong quan vàng quách ngọc. Tháng tư, dựng tháp ở Sản Đông Nguyên.

Đệ tử ngài như Thần Thái, Lâu Nguyên, Hội Ẩn, Tuệ Lập, Minh Duệ, Nghĩa Bao, Đại Thừa Quang đều là bậc long tượng trong pháp môn. Ngài đem tông chỉ Duy Thức, Du-già Sư Địa mà mình đã thọ học với Luận Sư Giới Hiền ở Tây Vực truyền trao cho Khuy Cơ.

**Thiền sư Pháp Dung ở núi Nguy Đầu:* Sư họ Vi, người Diên Lăng Nhuận Châu. Năm mười chín tuổi học thông kinh sử, sau xem đại bộ Bát-nhã hiểu thấu chân không. Ngày nọ, Sư chợt than: "Đạo Nho, sách đời không phải pháp rốt ráo. Bát-nhã chánh quán mới là thuyền bè xuất thế." Thế rồi, Sư ẩn cư ở Mao Sơn, theo thầy thế phát, sau vào hang núi phía Bắc chùa U Thê, núi Ngưu Đầu, Kiến Khang để tĩnh tọa quán tâm. Lúc này có những điềm lạ như chim muôn dâng hoa, cọp sói ở quanh Sư. Sau Tứ Tổ hóa độ Sư.

- Tân mão: Năm thứ năm, Đế dựng chùa Từ Đức ở cung Khánh Thiện, chùa Diêu Đài ở Chiêu Lăng cầu phước cho Mục Thái Hậu, hạ chỉ thỉnh Pháp sư Huyền Uyển vào chùa Đức nghiệp nơi Thượng uyển vì hoàng Thái hậu chép kinh Phật. Đế lại dựng tàng kinh ở chùa Diên

hưng, uỷ thác Uyển làm giám hộ.

- Nhâm Thìn: Năm thứ sáu, xuống chiếu sửa phủ cũ Thái Nguyên thành chùa Thiên Cung, truy phụng Mục Thái hậu, lại dựng chùa ở Đại Thành Tây, Trấn An Thành, cầu phước cho Mục Thái hậu, lấy tên là chùa Hoằng Phước.

- Quý Tỵ: Năm năm thứ bảy, ban lệnh cấm đánh bắt cá, sát sinh, độ ba ngàn Tăng ni.

- Tháng tư năm Trinh Quán năm thứ chín, Thái Thượng hoàng mất. Tháng mười một Đế hạ chiếu: "Tam thừa dung hòa, tế độ trên hết, Bát chánh quy y, từ bi làm đầu, khơi biển trí tuệ, phổ lợi quần sinh chặt rừng phiền não, lợi ích muôn vật. Trẫm kính phụng ngai vàng, cung thờ mệnh báu, giáo huấn chí đức xa mấy cũng tỏ, phép tắc đại Thánh sâu mấy cũng tường, muốn khiến người người thoát khỏi trói vây, nhà nhà gieo trồng nhân thọ. Thiện duyên tán loạn, Tăng chúng giảm thiểu, đài hoa tháp báu, nhà vắng người không, lông trắng sen xanh, gió lùa mưa thấm, lời mầu mai một, diệu ý chôn vùi. Các châu trong nước, chỗ nào có chùa thì hãy độ Tăng ni nhiều nhất là ba ngàn. Những châu lớn nhỏ, người có Hoa, Di, tùy nơi mà độ nhiều hay ít. Quan Hữu Ty xét kỹ, cốt phải nêu cao đức độ. Những người trước đây, do giảm Tăng số mà hoàn tục, hoặc những Cư sĩ tự tu nếu hạnh nghiệp đáng noi thì cũng cho độ ngần ấy, ắt không ai dư thừa cũng không được khuyết thiếu. Nếu có nhiều tăng đồ trôi theo thế tục, hoặc mượn uy quỷ thần làm trò yêu mị, hoặc dối xưng đồng bóng mượn đạo cầu lợi, hoặc đốt chích thân thể, hù tục doạ ngu, hoặc đến bọn quan nhận tiền đút lót, phàm những người này quá trái Thánh giáo, Trẫm dù nể tình hộ trì cũng không thể nhân nhượng. Từ nay lệnh cho sở ty dựa trên giới luật khuôn vàng thước ngọc, sáng suốt ngăn chặn."

- Bính Thân: Trinh Quán năm thứ mười, Hoàng Thái tử Thừa Càn hỏi Trương Sĩ Hành rằng: "Thờ Phật bồi phước, báo ứng thế nào?" Hành đáp: "Thờ Phật là ở lòng thanh tịnh nhân từ, nếu tham lam bạo ngược dù dốc hết của cải cúng Phật cũng không đổi hết tai họa. Vả lại thiện ác báo ứng như bóng theo hình. Thánh nhân nói rất rõ, nếu vua sáng suốt, tôi trung thành, con hiếu thuận thì phước độ lâu bền, bèn ngược lại thì chuốc họa". Sĩ Hành dùng những lời này nhằm sửa đổi tâm tính Thái tử. Về sau Thái tử Thừa Càn mất đức, Trinh Quán năm thứ mười bảy Đế phế Thừa Càn làm dân thường, lập Tấn Vương Trị làm Hoàng Thái tử.

+ Thị Tộc Chí: Tháng giêng năm Trinh Quán năm thứ mười hai,

Lại Bộ Thượng thư Cao Sĩ Liêm, huỳnh môn thị lang Vi Đĩnh, Lễ bộ thị lang Linh Cô Đức Tỷ, Trung thư thị lang Sầm Văn Bản soạn xong bộ Chí về tộc họ, lấy Huỳnh môn thị lang Thôi Dân Cán làm đệ nhất, Đế không bằng lòng, mới sai san định lại, phải lấy phẩm vật của đương triều để phân cao thấp. Cuối cùng lấy hoàng tộc đứng đầu, kế đến Ngoại thích, đưa Thôi Dân Cán xuống hàng năm thứ ba, gồm cả thảy hai trăm chín mươi ba họ, một ngàn sáu trăm năm mươi mốt nhà, ban hành khắp nước.

+ ***Hòa Thượng Đỗ Thuận:*** Ngài tên Pháp Thuận, họ Đỗ, người Ung Châu. Thiếu thời Tùy Văn Đế rất kính trọng, hằng tháng thường cúng dường ngài. Lúc này, Đế rất kính trọng, thường thỉnh ngài vào cung, thờ kính như Phật. Ngài gom tập Hoa Nghiêm Pháp Giới Quán, đệ tử Trí Nghiễm hoằng truyền giáo quán này. Ngài tịch tháng năm Trinh Quán năm thứ mười bốn.

- Nhâm Dần: Trinh Quán năm thứ mười sáu, tháng năm, Đế cầu phước cho Mục Hoàng Thái hậu ở chùa Hoằng Phước, tự tay viết sớ nguyện rằng: "Điều mà Thánh triết chuộng là hiếu đễ, điều mà người nhân ưa là thân thuộc. Trẫm từ nhỏ đội ơn nuôi nấng, lớn lên được dạy bảo khuyên răn, tấc lòng dầy sâu ấy ngày nào quên được. Tình cảm cao dày trời cao khó báo, mấy lời khâm kính da diết bi thương, muốn báo ân dày chỉ nhờ ngầm giúp. Kính dâng hai trăm tấm lụa, noi đại giáo Từ bi, nếu chí thành có cảm, mong tiêu trước lỗi trước, làm nhân lành từ đây, ngõ hầu được phước vui về sau vậy." Đế lại ban sắc chỉ vì Mục Thái hậu chép Đại tạng kinh, tuyển mười Pháp Sư hiệu đính.

- Quý Mão: Trinh Quán năm thứ mười bảy, tháng hai, Đế hỏi gián nghị đại phu Chử Toại Lương: "Vua Thuấn chế đồ Sơn, có hơn mười người can ngăn là tại sao vậy?" Lương đáp: "Xa xỉ là gốc của nguy vong, đồ sơn không đủ thì phải dùng đến vàng ngọc. Trung thần thương vua ắt phòng ngừa từ xa, nếu họa loạn đã thành thì đâu can ngăn được nữa!" Đế nói: "Đúng! Trẫm có lỗi, khanh cũng phải can ngăn từ xa" Đế nói tiếp: "Người chủ chỉ có một tấc lòng mà người công kích lại quá đông, có người dùng sức mạnh, có người dùng biện luận, hoặc có kẻ xu nịnh, kẻ gian trá, kẻ ham hố, hợp nhau công kích, ai nấy cũng muốn nhận được ân sủng bổng lộc, người chủ khinh suất nhận một lời họ thì liền kéo theo nguy vong. Đây mới thật là khó!

* ***Lăng Yên Các:*** Đế sai vẽ tượng các công thần gồm: Triệu Công Trường Tôn Vô Kỵ, Triệu Quận Nguyên Vương Lý Hiếu Cung Lai, Thành Công Đỗ Như Hối, Trịnh Văn Trinh Công, Ngụy Trưng, Lương

Công Phòng, Huyền Lệnh, Thân Công Cao Sĩ Liêm, Ngạc Công Úât Trì Kính Đức, Vệ Công Lý Tĩnh, Tống Công Tiêu Vũ Bao Trung, Tráng Công Doàn Chí Huyền, Quỳ Công Lưu Hoằng Cơ, Tưởng Trung Công Khuất Đột Thông, Vân Tiết Công Ân Khai Sơn, Tiếu Tương Công Sài Thiệu, Bi Trương Công Trường Tôn Thuận Đức, Vân Công Trương Lượng, Trần Công Hầu Quân Tập, Đàm Tương Công Trương Công Cẩn, Lô Công Trình Tri Tiết Vĩnh Hưng, Văn Y Công Ngu Thế Nam, Du Trương Công Lưu Chánh Hội, Cử Công Đường Kiệm, Anh Công Lý Thế Tích, Hồ Tráng Công Tần Phúc Bảo ở trong Lăng Yên Các.

* ***Thiền Sư Phong Can, Hàn Sơn, Thập Đắc:*** Phong Can lưu dấu ở chùa Quốc Thanh núi Thiên Thai, dựng am ở góc Tây Bắc Tàng điện, cỡi con cọp đi tắt rừng tùng, ngài gặp đứa trẻ khoảng mười tuổi, hỏi ra nó không nhà, không họ ngài dẫn về nuôi trong nhà bếp, đặt tên là Thập Đắc. Có một lần bần sĩ Từ Hàn Nham đến xưng là Hàn Sơn Tử. ba người gặp nhau rất vui vẻ. Năm này Phong Can đi vân du, vừa lúc Lư Khâu Dận đến nhậm chức Thái thú Thái Châu. Lư Khâu bỗng bị chứng đau đầu, Phong Can tìm đến nhà bảo mình rất giỏi trị bệnh này. Lư Khâu ra gặp. Ngài cầm bình nước và vẩy, bệnh của Khâu khỏi ngay. Nhân đó Khâu hỏi ngài từ đâu đến. Ngài đáp:

- Chùa Quốc Thanh ở Thiên Thai.

- Ở đấy có hiền tài không?

- Hàn Sơn là Văn-thù, Thập Đắc là Phổ Hiền, ông nên đến đó gặp họ.

Ba hôm sau, Lư Khâu đến chùa hỏi thăm tông tích Phong Can, gặp hai Đại sĩ, Lư Khâu vái chào. Hai Đại sĩ bỏ đi và nói: "Phong Can lắm lời, ông ấy là Di-đà, ông chẳng biết, lạy ta làm gì" và hai Đại sĩ trốn vào hang núi, hang ấy tự khép lại. Hàn Sơn, Thập Đắc có thơ đề khắp núi rừng, tăng trong chùa gom thành một quyển khắc bản lưu hành ở đời.

* ***Kinh Di Giáo:*** Trinh Quán năm thứ mười tám, Đế hạ chỉ: "Như Lai diệt độ, do mạt thế suy vi nên ngài phó chúc cho quốc vương, đại thần hộ trì Phật pháp. Tăng ni xuất gia giới hạnh phải hoàn bị. Nếu buông lòng phóng túng, vướng trong phiền não, trôi theo người đời làm trái Kinh Luật, là đánh mất ý chỉ vi diệu của Như Lai lại phụ cái nghĩa quốc vương nhận sự giao phó. Kinh Di Giáo là kinh Phật nói lúc sắp Niết-bàn, răn dạy đệ tử rất ư thiết yếu, tăng tục đời sau chẳng ai sùng phụng, đạo lớn sắp diệt, lời mầu sắp diệt. Trẫm trọn nhớ Thánh giáo mãi mong hoằng dương, nay lệnh cho sở ty sai mười người sao chép thật

nhiều kinh này cốt lưu hành khắp. Quan ngũ phẩm trở lên ở trong kinh và Thứ sử các châu, giao mỗi người một quyển. Nếu thấy Tăng ni nào đức hạnh không đúng như kinh văn thì nên cùng nhau khuyến tấn phải khiến họ tuân theo."

Tháng hai năm thứ mười chín, Đế dẫn quân đi đánh Cao Ly nhưng không thắng, tháng chín ban sư về. Tháng ba năm năm thứ hai mươi, Đế xa giá đến Trường An. Thích Trí Tắc ngụ tại chùa Biện Tài, phòng ốc đóng kín, chúng bảo ngài là người điên. Trí Tắc đáp: "Cho người ta điên mà không biết chính mình điên. Xuất gia lìa tục chỉ tham cơm áo, đi ở chướng ngại, khóa cửa khóa rương, thu gom muôn thứ, nơm nớp không yên. Đó không phải kẻ điên thì còn ai điên nữa!" Nói xong, ngài vỗ tay cười vang rồi đi mất.

* ***Cao Vương ở Phong Kinh:*** Thích Pháp Thông giảng pháp ở huyện Gia Hưng, Tô Hàng, thuộc Chiết Tây, có thần tên Cao Vương giáng xuống bảo rằng: "Hãy thỉnh Pháp Sư Thông đến truyền trao Bồ-tát giới cho ta." Người dân làm theo lời Thần đi thỉnh Pháp sư. Thần lại giáng xuống và bảo: "Từ nay về sau hãy bỏ rượu thịt và các thứ cay nồng, sau này nếu muốn cầu phước thì hãy thỉnh Tăng chúng thiết trai hành đạo ngay tại miếu này." Hai năm sau, tại huyện Hải Diêm ở Tú châu, Thần nói: Người trong Phiên Dương Phủ do thường cúng tế nên Thần giáng xuống bảo: "Hãy thỉnh Pháp Sư Thông giảng Kinh Niết-bàn cho ta!" Mọi người liền thỉnh ngài đến giảng. Thần lại bảo: "Thần mang nghiệp chướng chịu nhiều khổ não, từ khi được nghe pháp đến nay thân đã bớt khổ nhưng vẫn còn bị trùng nhỏ cắn rứt xin hãy thỉnh Pháp Sư Thông giảng Đại Phẩm cho ta!". Ngài lại giảng Kinh Thần nghe, Thần giáng xuống tạ ơn.

Trinh Quán năm năm thứ hai mươi hai, Đế từ khi đánh Liêu về khí lực không tốt nên lưu tâm đến giáo pháp. Tháng tám, Đế hỏi Pháp Sư Huyền Trang: "Muốn gieo lợi ích pháp môn, trước phải làm gì?" Huyền Trang đáp: "Chúng sinh mê hoặc, chẳng phải tuệ thì không khai mở được, mầm tuệ là vốn để gây dựng pháp; hoằng pháp phải nhờ con người, nên việc độ tăng là trên hết". Đế nói: "Trẫm ban y ca-sa và bảo đao cho Thầy". Huyền Trang dâng biểu tạ ơn. Tháng chín, Ất Mão Đế hạ chiếu: "Cuối đời Tùy mất nền cai trị, thiên hạ nhiễu loạn, bốn biển lầm than, tám phương điêu đứng, Trẫm ra tay dẹp loạn, tự đốc quân binh, nhiều lần bị gió sương, đêm ngủ trên lưng ngựa, vừa nhờ thuốc thang nhưng bệnh chưa dứt hẳn, mấy ngày gần đây mới được bình phục. Đó chẳng phải nhờ phước thiện đó ư! Kinh thành và các châu trong nước

nơi nào có chùa thì độ năm Tăng." Lúc này trong nước có hơn ba ngàn bảy trăm ngôi chùa, Tăng được độ đến hơn một vạn bảy ngàn người.

Hoàng Thái tử Trị ở Xuân cung, gặp tiết trời u ám, mệt mỏi buồn rầu, nhớ đến ân đức như trời cao khôn cùng của mẹ, ân từ vô biên, liền bỏ tiền của, chọn đất dựng chùa Đại Từ Ân để cầu phước cho Văn Đức Hoàng hậu. Đến tháng mười hai, công việc hoàn tất. Thái tử dựng thêm tháp, hạ chiếu tuyển chọn năm mươi đại đức tài đức trong kinh thành, mỗi người dẫn theo sáu thị giả cùng vào ở chùa mới. Tháng này, Thái tử sắm đủ năm mươi cỗ xe báu đi rước chư Đại đức, trang hoàng mấy trăm thứ trang sức trước chùa, thỉnh các kinh tiếng Phạm và thụy tượng xá-lợi ở An Tân, lệnh cho chín bộ nhạc Thái Thường, âm nhạc Vạn Niên ở Trường An, tràng phan bảo cái của các chùa trong kinh thành cùng dẫn vào chùa. Đế ngự trên cửa lầu An Phước kính cẩn bưng lò hương, kinh tượng đi qua hết mới thôi. Hoàng Đế rất hài lòng. Sau khi lên ngôi, Cao Tông tự tay soạn văn bia cho chùa Đại Từ Ân.

- Kỷ Dậu: Trinh Quán năm thứ hai mươi ba, mùa hạ tháng 4, Đế bệnh, tháng năm thì mất, tháng sáu Thái tử lên ngôi, tháng tám an táng Văn Hoàng Đế ở Chiêu Lăng, miếu hiệu Thái Tông.

* ***Cao Tông:*** Húy là Trị, tự Vi Thiện, con năm thứ chín của Thái Tông. Ban đầu ông được phong Tấn Vương, ở ngôi ba mươi bốn năm, thọ năm mươi sáu tuổi. Niên hiệu Vĩnh Huy sáu năm, Hiển Khánh năm, Long Sóc ba năm, Lân Đức hai năm, Càn Phong hai năm, Tổng Chương hai năm, Hàm Hanh bốn năm, Thượng Nguyên hai năm, Nghi Phụng ba năm, Điều Lộ một năm, Vĩnh Long một năm, Khai Diệu một năm, Vĩnh Thuần một năm, Hoàng Đạo một năm.

- Canh Tuất: Vĩnh Huy năm đầu. Tân Hợi:Vĩnh Huy năm thứ hai.

Tổ năm thứ 4: **Tôn giả Đạo Tín.**

Sư họ Tư mã, vốn người Hà Nội, di cư sang huyện Quảng Tế, Kỳ Châu (nay là Hoài Tây). Sư sinh ra đã siêu dị, từ nhỏ mến mộ Không Tông, các môn giải thoát, cứ như đã quen từ trước. sau khi kế thế Tổ vị, sáu mươi năm lưng sư chẳng dính chiếu. Đường Cao Tổ, Vũ Đức năm thứ bảy, Sư ở núi Phá Đầu, Kỳ Châu (nay là Song Phong). Trong năm Trinh Quán, Thái Tông nghe tiếng tăm, ba lần hạ chiếu mời vào triều nhưng Sư không đến, Đế hạ chiếu tiếp và bảo sứ giả: "Nay ông ta không theo lệnh ta thì đem đầu về". Sứ thần truyền ý vua, Sư chìa cổ chờ chém. Sứ thần về tâu lại, Đế vui vẻ thán phục, uỷ dụ rất hậu. Đến lúc này, Sư đã ở hai mươi năm trên núi. Ngày nọ Sư đến huyện Hoàng

Mai, trên đường gặp đứa trẻ chừng hơn bảy tuổi. Sư hỏi:

- Con họ gì?

Đứa bé đáp:

- Họ thì có nhưng không phải họ thường!

- Là họ gì?

- Họ Phật.

- Con không có họ sao?

- Họ rỗng nên không.

Sư ngầm biết đây là bậc pháp khí nên sai đứa bé dẫn về nhà cha mẹ. Sư xin cho nó xuất gia. Mẹ đứa bé nghĩ nó vốn có túc duyên nên đồng ý cho đi. Sư thế phát và đặt pháp danh đứa bé là Hoằng Nhẫn. Về sau, Sư phó chúc: "Xưa Như Lai truyền chánh pháp nhãn, lần lượt đến ta, nay ta giáo phó pháp và y bát cho ông, nghe ta nói kệ:

Giống hoa có tánh sinh
Nhờ đất hoa nảy mầm
Duyên lớn hợp với tín
Sẽ sinh, sinh chẳng sinh.

Lúc này là năm Vĩnh Huy năm thứ hai, ngày bốn tháng chín nhuần, Sư dặn môn nhân: "Tất cả pháp đều giải thoát, các ông mỗi người giữ gìn và hoằng hóa đến đời sau." Nói xong, Sư ngồi yên và tịch, thọ bảy mươi hai tuổi. Môn nhân dựng tháp ngay núi này. Mồng tám tháng tư năm sau, cửa tháp tự mở, sắc diện của Sư tươi tỉnh như còn sống. Trong năm Đại Lịch, Đường Đại Tông ban Sư thụy Đại Giám Thiền Sư, tháp hiệu Từ Vân. Sư từng đến núi Ngưu Đầu ở Kiến Khang hóa độ Thiền sư Pháp Dung, về sau lưu xuất thêm một phái nữa.

- Giáp Dần: Vĩnh Huy năm thứ năm, Đế đặc biệt hạ chỉ độ Sa-di Khuy Cơ làm Tăng, cho vào chùa Đại Từ Ân tham dự dịch kinh sửa nghĩa. Khuy Cơ là con nuôi của Ngạc Trung Vũ Công Uất Trì Kính Đức. Ngài ở Trường An. Hồi ấy, Pháp Sư Huyền Trang đến nhà cha ngài xin cho ngài xuất gia. Sớ ký chỉ cần đọc qua là ngài nhớ vanh vách, nghĩa cũng hiểu ngay, rất tinh thông Đại thừa, Tiểu thừa. Ngài theo Pháp Sư Huyền Trang thọ học tông chỉ Du-già, Duy Thức, soạn cả trăm bộ luận, người đương thời gọi ngài là Bách Bản Luận Sư. Tánh ngài hào phóng, mỗi lần đi đâu đều sắm đủ ba cỗ xe, gồm kinh, sách và thức ăn, nên người ta thường gọi ngài là Tam Xa Pháp Sư. Ngài tịch vào niên hiệu Vĩnh Thuần năm đầu, thọ năm mươi mốt tuổi. Đế viết chiếu chỉ truy điệu, họa tượng làm bài tán, cho chôn ở kênh bắc Phàn Xuyên gần mộ Pháp Sư Huyền Trang.

Tuyên Luật Sư ở núi Chung Nam, Kinh Triệu là người trì luật tinh

nghiêm cảm được nhà bếp chư thiên cúng dường thường chê cung cách xa xỉ của Tam xa Khuy Cơ. Ngày nọ Khuy Cơ đến thăm Luật Sư, đã quá ngọ nhưng cơm chư thiên chưa mang đến. Khuy Cơ cáo từ về thì chư thiên đến. Luật sư trách sao mang cơm đến muộn, chư thiên đáp: "Vừa rồi Đại thừa Bồ-tát ở đây canh giữ nghiêm ngặt nên không thể vào được!" Luật sư nghe vậy thất kinh, từ đó dù xa hay gần đều rất kính. Khuy Cơ mở tông lấy tên là Từ Ân tông.

* ***Từ Ân Giáo:*** Hồi ấy Đại sĩ Vô Trước ở nước Thiên Trúc nhiều lần lên Tri Túc Thiên Cung tham học tông chỉ Duy Thức với Bồ-tát Di-lặc. Đến khi em ngài là Bồ-tát Thiên Thân đi về Tây qua nước La Duyệt, phát minh Đại thừa, hai người mới cùng nhau soạn luận. Thiên Trúc lúc này mới có Thánh hiền xuất thế hoằng dương giáo pháp này. Đến Chánh pháp Tạng Luật sư Giới Hiền người Trung Ấn, Tây Thiên, đã một trăm lẻ ba tuổi, ở tại chùa Na-lan-đà thuộc nước Vương xá thành, gặp Tam tạng Huyền Trang đến, Giới Hiền bèn đem tông chỉ Du-già Sư Địa, Duy Thức truyền trao cho Huyền Trang. Huyền Trang về đông, Ngài đem tông chỉ này truyền cho Khuy Cơ. Khuy Cơ là người mở mang thuyết cũ soạn nhiều sớ luận, học giả đều noi theo, và bảo đây là pháp tướng hiển lý tông, Từ Ân giáo của tam xa.

- Ất Mão: Vĩnh Huy năm thứ sáu, tháng mười, Đế sai Tư không Lý Trách bê ngọc tỷ tấn phong sủng phi Võ thị làm Hoàng hậu, phế Vương Hoàng hậu. Trước đây năm Trinh Quán năm thứ hai, Thái Tông triệu con gái Kinh châu Đô đốc Võ Sĩ Hoạch vào hậu cung làm tài nhân, lúc này mới mười bốn tuổi. Thái sử tâu có điềm nữ chủ xuất hiện, nên Đế đuổi đến chùa Cảm nghiệp làm ni. Vĩnh Huy năm thứ năm, Đế triệu Bà vào cung làm Chiêu Nghi, nay sách phong làm Hoàng hậu.

- Bính Thìn: Hiển Khánh năm đầu, tháng năm, Đế hạ lệnh: Tăng ni trong nước người nào phạm quốc pháp thì dùng luật tăng mà trị, không được xử đồng như dân. Tháng mười một, Thiên Hậu sinh con, đặt tên là Phật Quang Vương, tức Trung Tông. Ngày năm tháng mười hai, vì Phật Trung Quang đã độ bảy Tăng, thỉnh Pháp sư Huyền Trang thế phát xuất gia cho Phật Quang Vương.

+ ***Hòa Thượng Thiên Tuế Bảo Chưởng:*** Ngài người Trung Ấn, Tây Trúc, vừa sinh tay trái nắm chặt, bảy tuổi thế phát xuất gia mới mở tay ra, nhân đó ngài có tên là Bảo Chưởng. Đông Hán Hiến Đế năm Kiến An năm thứ hai mươi bốn, ngài đến xứ này. Ngài vân du phía đông qua nước Ngụy, Tấn rồi về Tây vào đất Thục lạy Phổ Hiền, trú ở Đại Từ, hàng ngày tụng kinh Bát-nhã, có lúc ngài ngâm nga: "Lao

nhọc răng ngọc lạnh, tợ trốn gấp suối lạnh, có khi nửa đêm ngồi, quỷ thần khóc trước thềm". Một hôm ngài nói với chúng: "Ta có nguyện trụ thế ngàn năm" nên người ta gọi ngài là Thiên Tuế. Sau ngài vân du đến Ngũ Đài, rồi ở các nơi như Hoa Nghiêm ở Chúc Dung Phong, Song Phong ở Hoàng Mai, Đông Lâm ở Lô Sơn, rồi đến Kiến Khang. Gặp lúc Đạt-ma vào đất Lương, ngài đến thưa hỏi và tỏ ngộ. Vũ Đế rất đề cao đạo lạp của ngài, giữ trong nội đình. Sau đó không lâu, ngài qua đất Ngô. Ngài có làm bài kệ:

Thành Lương gặp Đại Sư
Tham thiền tỏ tâm địa
Trôi nổi nơi Nhị Chiết
Lại rạng rỡ núi sông.

Ngài xuôi dòng về Đông, từ Thiên Khoảnh đến Thiên Trúc, qua Mậu Phong, lên Thái Bạch, đến Nhạn Đãng, đi khắp bảy mươi hai am ở Thúy Phong. Thái Tông năm Trinh Quán năm thứ mười lăm ngài ở lại ngọn Phi Lai Phong ở Hàng châu và ở đó (nay là chùa Trung Thiên Trúc), có câu "Đi khắp bốn trăm sông Chấn Đán, trong đây chỉ xứng Đạo nhân du". Sau ngài trụ tại Bảo Nham ở Phổ Giang. Bấy giờ là năm Đinh Tỵ, Hiển Khánh năm thứ hai, ngày Nguyên Đán, ngài tự tay đắp tượng Phật, chín ngày thì xong. Ngài hỏi đệ tử là Tuệ Vân: giống ai? Vân đáp: Giống y hòa thượng. Ngài liền tắm rửa ngồi ngay thẳng nói với Vân: "Ta trụ thế đã một ngàn bảy mươi hai năm rồi, nay phải đi". Nghe ta nói kệ:

Xưa nay không sống chết
Nay cũng bày sống chết
Ta phải đi trụ tâm
Đời sau sinh lại đây.

Nói xong, ngài quy tịch. Năm mươi bốn năm sau, Trưởng lão Thích Phù đến tháp ngài lạy và nói: "Xin cửa tháp mở ra chốc lát!" Quả nhiên cửa tháp mở ra, xương cốt ngài dính liền nhau như vàng ròng. Thích Phù liền đem hết về núi Tần Vọng dựng tháp. Đời Huyền Tông, trong năm Khai Nguyên môn nhân của Tuệ Vân là Tông Nhất từng khắc đá ghi lại hành trạng của ngài.

- Mậu Ngọ: Hiển Khánh năm thứ ba, ngài mười hai tháng sáu, Đế dựng xong chùa Tây Minh. Ngày mười ba, Đế thỉnh tượng thêu, tràng phan vào an trí trong chùa. Kế đó, triệu Tăng, Đạo mỗi bên bảy người vào điện Bách phước cùng luận về danh, lý để khai mở nghĩa sâu. Đế lại cho hai bên luận nghị. Toàn văn có ghi đủ trong Luận Hoành của

Đạo Tuyên Luận Sư. Tháng bảy, Đế hạ chiếu thỉnh Pháp Sư Huyền Trang vào ở chùa Tây Minh. Tháng mười năm thứ tư, Đế sửa cung Ngọc Hoa thành chùa để truy tiến Tiên đế, thỉnh Pháp Sư Huyền Trang đến ở. Năm thứ năm, Đế xa giá đến Đông Đô, hạ chiếu mời Tăng là Nghĩa Bao, Tuệ Lập đến Lạc Kinh yết kiến Đế ở điện Hợp Bích, luận bàn rất hợp ý, Đế giữ họ lại trong chùa Tịnh độ ở Đông Đô.

- Tân Dậu: Long Sóc năm đầu, tháng chín, Đế xa giá đến chùa Thiên Cung vốn là cựu đệ của Cao Tổ để thiết trai cúng dường chư Tăng.

- Thích Ngạn Tông soạn Đại Đường Kinh Tự Lục Truyện mười quyển nhằm nêu lại linh tích của Tam bảo.

- Minh Giải: Tăng Minh Giải ở chùa Phổ Quang, Trường An. Ông họ Diêu, bản tính thông minh, cầm kỳ thi họa tuyệt thế một thời, nhưng thích lưới tục chẳng ham cửa đạo, say sưa rượu chè, phóng tâm dục tình. Năm Hiển Khánh năm thứ ba, Đế dựng xong chùa Tây Minh mới nhờ Pháp sư Linh Nhuận chọn người vào ở. Lúc ấy có mấy quan đồng hàng cùng tiến cử Minh Giải. Pháp sư Linh Nhuận nói: "Các ông nên tìm học giới định tuệ để tăng trưởng ruộng phước, sao lại đưa khách rượu, thợ vẽ gánh vác sự ký thác lớn lao này!" Các quan xấu hổ lui ra, Minh Giải ôm hận. Sau đó không lâu, Đế mở tứ khoa, chẳng kể đạo tục, Minh Giải ứng thí. Nhờ tài bắn giỏi nên ông đỗ, không xiết vui mừng, liền hoàn tục và không quên phỉ báng chư Tăng. Không bao lâu, Giải nhiễm bệnh, thấy mấy mươi người cầm đuốc đến đón mình. Minh Giải thất kinh chưa kịp nói lời nào thì chết, đúng vào tháng tám năm này. Sau, Giải báo mộng cho Tăng là Trí Chỉnh ở chùa Tịnh độ thuộc Tương Châu rằng: "Minh Giải vốn không có phước, không tuân nội giáo, nay mắc tội lớn, đói khát khôn cùng, xin thầy niệm tình là cố nhân bố thí cho một bữa ăn được không?" Trí Chỉnh hứa cho. Đến lúc tỉnh dậy, Chỉnh bày thức ăn đến đêm mới nằm, liền thấy Minh Giải khúm núm đến tạ ơn. Hai năm sau, Giải lại báo mộng cho thợ vẽ Trương Sinh rằng: "Tôi vì không tin Phật pháp nay chịu đại thống khổ, ông hãy gắng sức vì tôi chép cho một vài quyển kinh". Giải ân cần nắm tay, ngâm thơ thay lời chia tay, bảo thợ vẽ đọc mười tám lần cho nhớ. Lúc thức dậy ông nhớ kỹ bài thơ rằng: "Vẫy tay chẳng nỡ lìa, vỗ ngực tự đau thương, xót thay thời gian ngắn, thương thay đường suối dài, rừng tùng nghe rùng rợn, gò hoang sương lạnh rơi, chia tay lấy gì tặng, để tâm trong điển chương". Người thợ vẽ này vốn không biết chữ mới nhờ người khác chép lại để thấy rõ ý của Minh Giải. Bạn bè đều nói: "Đây quả là văn phong của Minh Giải

không sai!" Kẻ thấy người nghe thảy bùi ngùi thương cảm.

- Nhâm Tuất: Long Sóc năm thứ hai, tháng hai, Đế đổi tên gọi các chức quan. Môn hạ tỉnh là Đông đài, Trung thư tỉnh là Tây đài, Thượng thư tỉnh là Trung đài, Thị trung là tả tướng, Trung thư lệnh là hữu tướng, bộc xạ là khuôn chánh, Tả hữu thừa là túc cơ, Thượng thư là Thái thường bá, Thị lang là Thiếu thường bá. ngoài ra, hai mươi bốn ty ngự sử đài, chín tự, bảy giám, mười sáu vệ đều lấy tên nghĩa huấn để thay. Chức vụ trách nhiệm vẫn như cũ.

- ***Tượng lớn ở Tinh châu:*** Tinh châu là Thái Nguyên Lộ nay đổi thành Ký Ninh lộ. Đế và Hoàng hậu đến chùa Đồng Tử ở Tinh châu, tượng lớn cao mười bảy trượng. Tháng bảy Đế sai Sứ cúng Ca-sa đắp tượng, tượng phóng quang minh, Đế rất vui mừng.

- ***Hòa thượng Thiện Đạo:*** Hòa thượng vào Kinh dạy người tu Tịnh độ, niệm Phật Di-đà. Ngài thuyết pháp ở chùa Quang Minh và quy tịch trong năm này.

- ***Đại sĩ Tăng-già ở Tứ Châu:*** Hồi ấy, ngài từ nước Toái Diệp vân du đến Tây Lương. Năm này ngài hoằng hóa ở Lạc Dương. Có người hỏi:

- Thầy họ gì?

Ngài đáp:

- Họ gì!

- Người nước nào?

- Người nước nào.

Tắc Thiên niên hiệu Vạn Tuế Thông Thiên năm đầu hạ chiếu "Những Phiên tăng người nào thích ở thì Sở tại cho họ ở". Lúc này Đại sĩ không muốn làm khác người nên ghi tên ở Sở Châu, chùa Long Hưng. Có lúc ngài lặng lẽ hoặc ngồi yên trong phòng kín. Có lúc chấn tích ở Trường Lộ. Trung Tông năm Cảnh Long năm thứ hai, Đế hạ chiếu mời Đại sĩ từ Chuẩn Tự vào cung, Đế xưng đệ tử, Tam Công hỏi pháp, trăm quan quy tâm. Đế mời ngài ở tại chùa Tiến Phước. Ở kinh thành được vài tháng, trời bỗng đại hạn, Đế thỉnh ngài vào nội điện cầu mưa, quả nghiệm tức thì. Đế liền cho Tuệ Nghiễm, Tuệ Ngạn và Mộc Xoa làm thị giả ngài. Đế sắc tứ nơi ngài ở là Phổ Quang Vương Tự, tiễn về đất Hoài. Duệ Tông niên hiệu của Cảnh Vân năm đầu, tháng ba, ngài quy tịch, thọ tám mươi ba tuổi. Đế hạ chiếu phụng toàn thân về chùa Phổ quang Vương, Tứ Châu dựng tháp. Đế hỏi Thánh Sĩ Vạn Hồi:

- Tăng già là người thế nào?

Hồi đáp:

Là Quán Âm Đại sĩ hóa thân.

Ngài ở nước mình ba mươi năm, năm mươi ba năm hành hóa ở Trung Quốc, hiện thân độ người có duyên cả thảy hai mươi bảy nơi, thần tích linh dị, người người chiêm ngưỡng, điện chùa tháp miếu nơi nào người ta cũng thờ cúng.

- Ất Sửu: Lân Đức năm thứ hai, chùa Pháp Tụ ở Ích Châu có bức tượng Bồ-tát Địa Tạng do Trương Tăng Diêu vẽ. Tháng bảy năm này, tượng do Tăng vẽ lại bỗng phóng quang. Cứ thế vẽ thêm ra, tượng nào cũng phóng quang.

* ***Chín đời Đồng Cư:*** Lân Đức năm thứ hai, tháng mười, Đế xa giá đến Đông Đô tế trời ở Thái Sơn. Tháng mười một, Đế đến Thọ Trương, xa giá đến nhà Trương Công Nghệ. Công Nghệ vẽ bức họa "Cửu thế đồng cư" treo trên ngạch cửa (gồm Bắc Tề, Tùy, Đường), đế hỏi nguyên do sao lại đồng cư, Công Nghệ liền viết một lúc hơn cả trăm chữ Nhẫn. Đế khen và ban cho gấm lụa (Thọ Trượng thuộc Thái Nguyên, nay là Ký Ninh lộ)

+ ***Luật sư Đạo Tuyên ở núi Chung nam:*** Năm Đinh Mão, Càn Phong năm thứ hai, mồng ba tháng mười, ngài nhập diệt ở chùa Tây Minh, Trường An. Ngài họ Tiền, húy Đạo Tuyên, người Kinh Triệu. Cha là lại bộ Thượng thư Thân. Mẹ ngài mộng thấy mặt trăng chui vào bụng nhân đó mang thai. Bà lại mộng thấy vị Tăng Ấn Độ đến nói: "Người bà mang thai là Luật sư Tăng Hựu đời Lương". Lớn lên, ngài xuất gia, chuyên trì giới Luật, cảm được chư thiên cúng cơm, hầu hạ. Những năm về già, thấy giới đàn không hợp với Luật, nên ngài đích thân bạch với những người có trách nhiệm đàn tràng chiếu theo Luật mà sửa đổi lại. Đêm đến, ngài trì luật chí thành miên mật đến té xỉu, bỗng có một thiếu niên mặc áo giáp đội mũ trụ đến đỡ ngài dậy. Ngài hỏi: Ông là ai? Người ấy đáp: "Đệ tử là con của Bác Xoa Thiên Vương, tên Trương Quỳnh, do thầy có giới đức nên đến hầu hạ". Ngài hỏi những việc lúc Thế Tôn còn trụ thế và nhập diệt thế nào, Quỳnh đều thuật lại tường tận. Lúc chia tay, Quỳnh trao cho ngài răng của Phật và bài thuốc kết hợp giữa cháo với thuốc mà trị. Nay là loại thuốc "Thiên Vương Bổ Tâm Viên" mà khắp nơi bày bán, những hành giả lễ sám thường dùng hàng ngày. Thiên thần giáng linh vô số, cùng đến hỏi đáp. Ngài gom lại lấy tên "Cảm Thiên Thị Ứng Truyện". Ngài soạn Nội Điển Lục, Tam Bảo Cảm Ứng Lục, Phật Đạo Luận Hành, Thích-ca Phổ, Tứ Phần Yết-ma, Tục Cao Tăng Truyện, Quảng Hoằng Minh Tập. Cả thảy tám bộ, tám mươi mốt quyển, đều lưu hành ở đời. Ngài thị tịch, Cao Tông hạ

chiếu ai điếu, lệnh trong nước các chùa đều vẽ, đắp tượng ngài thờ cúng nhằm nêu cao tấm gương giới đức. Mục Tông làm bài tán rằng:

Đời có bậc Giác, làm sứ Như Lai Rồng
ma quy hàng, Sơn thần hầu hạ Tiếng
vang Ngũ thiên, lời rền vạn cổ Trời
lặn non Tây, Phật nhật Đông mọc Cúi
đầu quy y, bậc khai tông Luật.

Ý Tông, năm Hàm Thông năm thứ mười một, Đế ban ngài hiệu Trừng Chiếu Luật Sư.

* ***Nam sơn giáo:*** Khởi nguyên từ Tôn giả Ưu-ba-ly, sau Phật nhập diệt, ngài triệu tập bốn bộ chúng kết tập Luật tạng. Ưu-ba-ly khẩu tụng lời Phật mười lần, chứng thực không sai, sau đó tuyên bố. Thời Tam quốc, Ngụy Thiệu Lăng Lệ Công năm Gia Bình năm thứ hai, tây Trúc Sa-môn Đàm-kha-la đến Lạc Dương mới đưa ra bộ Tăng-kỳ Giới Bản. Đông Tấn An Đế năm Nghĩa Hy năm thứ ba, Thiên Trúc Sa-môn Phật-đà Da-xá đem Thập Tụng Luật đến, từ đó Luật nghi ở Trung Hoa mới có đủ. Từ đời Nguyên Ngụy, Luật sư Thông v.v..cứ thế truyền xuống. Đến lúc này có Đạo Tuyên Luật Sư là người trì Luật nghiêm cẩn, được chư Thiên dâng cơm, hầu hạ. Ngài hoằng truyền oai nghi, mở ra Luật tạng, nổi tiếng khắp nước, Tăng chúng gọi đây là tông "Hành sự phòng phi chỉ ác".

* ***Những Luật sư truyền Luật:*** gồm: Tôn giả Ưu-ba-ly người Trung Ấn Độ, Tôn giả Đàm-kha-la người Nam Thiên Trúc, Tôn giả Phật-đà Da-xá người Trung Ấn Độ, Luật sư Thông, Luật sư Quang Thống, Luật sư Đàm Huy Nguyện, Luật sư Lạc Hồng Vân, Luật sư Tùy Hồng Tuân được Văn Đế tôn làm thầy. Luật sư Trí Thủ, Luật sư Chung Nam Đạo Tuyên, Luật sư Văn Cương người Quang Châu, Luật sư Đạo Ngạn được Trung Tông tôn kính, vẽ hình tôn trí ở cung Lâm Quang, Đế viết lời tán. Luật sư Thái Lượng, Luật sư Đàm Nhất, họ Trương người Nam Dương, Luật sư Đạo Trừng đời Đường, được Đức Tông ban hiệu Đại Viên Luật Sư. Luật sư Tuệ Khâm họ Từ, người Hồng Châu.

- Mậu Thìn: Tổng Chương năm đầu. Kỷ Tỵ: Tổng Chương năm thứ hai.

- Canh Ngọ: Hàm Hưởng năm đầu. Tân Mùi: Hàm Hanh năm thứ hai.

* ***Thủy Lục Nghi Văn:*** Tháng ba năm Hàm Hanh năm thứ hai, bỗng có một dị nhân đến nói với Thiền sư Pháp Anh ở chùa Pháp hải, Trường Ann rằng: "Đệ tử biết có sám văn Thủy lục hay làm lợi ích oan

linh. Sau khi Lương Vũ Đế mất, sám văn mai một không lưu hành. Nay Tăng đất Ngô là Nghĩa Tế ở chùa Đại Giác cất giữ nghi văn này, mong thầy đến xin, ngày rằm tháng tới như pháp lập đàn ở chùa Sơn bắc, nếu được thoát khỏi gông cùm, lao ngục, không dám quên báo ơn". Pháp Anh liền đến Nghĩa Tế, quả nhiên thỉnh được sám văn, đúng kỳ hẹn, ngài lập đàn ở chùa Sơn Bắc. Chiều tối hôm sau, dị nhân ấy dẫn theo mười mấy tùy tùng đến tạ ơn rằng: "Đệ tử là Tần Trang Tương Vương", và chỉ những người đi theo nói: "Đây là Phạm Tuy, Nhương Hầu, Bạch Khởi, Vương Tiễn, Trương Nghi, Trần Chẩn đều là bề tôi nhà Tần, ai nấy đều tạo tội bị giam cầm nơi âm phủ, đêm dài mờ mịt, không ai cứu thoát. Xưa Lương Vũ Đế lập trai nghi này ở chùa Kim Sơn, những bề tôi của Trụ Vương đời trước đều được thoát khổ. Lúc ấy đệ tử tạm bớt khổ, nhưng do tội nghiệp chưa dứt nên không được thoát khỏi. Nay nhờ thầy lập trai đàn, đệ tử và tùy tùng cùng tất cả các chư hầu liệt quốc đều nhờ thiện lực sắp được sinh nhân gian, nghĩ đến đời khác nước lạ nên đến đây tạ ơn". Nói xong, dị nhân biến mất. Từ đó Nghi Văn này lưu hành khắp nước mang lại lợi ích lớn.

* ***Vạn Hồi Pháp Vân Công:*** Ông họ Trương, người Văn Hương, Quắc Châu, sinh mồng năm tháng năm Trinh Quán năm thứ sáu, đời Thái Tông. Lúc này là Hàm Hưởng năm thứ tư, ông được Đế độ làm Sa-môn. Thuở nhỏ,ông đưa thư cho anh, đi xa cả sáu ngàn dặm, sáng đi chiều về, nhân đó người ta gọi ông là Vạn Hồi. Tắc Thiên, năm Thùy Củng năm thứ tư, Thái hậu mời ông vào cung ban cho y gấm, sai cung nữ hầu hạ. Trường An năm thứ hai, ông đến đâu thì giáo hóa ở đó. Huyền Tông khi chưa lên ngôi, từng gặp riêng ông. Hồi vỗ lưng Huyền Tông nói: "Năm mươi năm thái bình, Thiên Tử tự vui vầy". Trung Tông năm Thần Long năm thứ hai, Đế ban ông hiệu Pháp Vân Công. Duệ Tông năm Cảnh Vân năm thứ hai, tháng mười, Đế mời ông vào Tập Hiền viện ở Cung Quán cấp cho hai mỹ nữ hầu hạ. Tháng 12, ông chợt bảo tìm Hà Thủy ở Văn Hương. Tả hữu tìm không có. Ông bảo: "Đến cái hang nơi miếng đất trước nhà thì có". Ông uống cạn nước và lặng lẽ quy tịch, thọ tám mươi tuổi. Đế ban ông chức Tư Đồ, hiệu Quắc Quốc Công, sắc lệnh vẽ hình ông tôn trí trong Tập Hiền Viện.

- Giáp Tuất: Thượng Nguyên năm đầu, Đế xưng Thiên hoàng, hậu xưng Thiên hậu. Mùa thu tháng tám, Đế lệnh các quan văn võ, tam phẩm trở lên mặc áo màu tía, thắt đai kim ngọc. tứ phẩm mặc áo lụa đào đậm, thắt đai vàng. Ngũ phẩm mặc lụa đào nhạt, đai vàng, Lục phẩm mặc màu xanh lục đậm, thất phẩm màu xanh lục nhạt đều thắt

đai bạc, bát phẩm mặc xanh đậm, cửu phẩm mặc xanh nhạt đều thắt đai bằng thâu thạch. Thứ dân mặc màu vàng, đai đồng thiết. Nếu chẳng phải thứ dân thì không được phép mặc màu vàng.

Tổ năm thứ 5: Đại Sư Hoằng Nhẫn.

Sư quê ở huyện Hoàng Mai, Kỳ Châu. Trước đây làm Tài Tùng Đạo Giả ở núi Phá Đầu, từng xin Tứ Tổ rằng: "Con có thể nghe đạo pháp được chẳng?" Tổ đáp: "Ông già rồi, giả như có nghe thì hoằng hóa cũng không kịp, nếu ông tái sinh thì ta gắng chờ". Đạo Giả nghe vậy đi ra bến sông, bỗng gặp cô gái đang giặt đồ, ông chào và hỏi: "Cô cho tôi ngủ nhờ được không?" Cô gái đáp: "Tôi còn cha mẹ ông có thể đến nhà xin" Đạo Giả nói: "Tôi sẽ đến xin". Cô gái gật đầu đồng ý. Đạo Giả chống gậy về núi và quy tịch. Cô gái con út họ Châu kia bỗng dưng có thai. Cha mẹ cô tức giận đuổi đi. Cô lưu lạc, bơ vơ, ngày đi kéo chỉ thuê, đêm ngủ các quán xá. Sau, cô sinh một đứa con trai, cô cho là điềm chẳng lành nên đem nó vứt trong sông nước đục. Hôm sau, thấy đứa con ngồi trên nước chảy xiết, cô thất kinh vớt về nuôi nấng. Ngày ngày cậu bé theo mẹ đi xin ăn, trong làng gặp một người trí than: "Đứa bé này chỉ thua Phật bảy tướng". Về sau, cậu bé ấy được Tứ Tổ hóa độ và truyền trao y pháp, tiếp bước giáo hóa ở núi Phá Đầu. Đến năm Hàm Hưởng năm thứ hai, có một cư sĩ tên Lư Tuệ Năng từ Tân Châu đến tham học. Tổ hỏi:

- Ông từ đâu đến?

Năng đáp:

Từ Lãnh Nam.

- Muốn cầu việc gì?

- Chỉ cầu làm Phật.

- Người Lãnh Nam không có Phật tánh làm sao làm Phật?

- Người có Nam Bắc, Phật tánh há cũng vậy?

Tổ lớn tiếng bảo:

Xuống nhà giã gạo đi!

Tuệ Năng lạy Tổ và lui xuống nhà sau làm công việc giã gạo hơn tám tháng. Tổ biết lúc giao phó đã đến, nên bảo chúng mỗi người tùy chỗ thấy của mình mà viết một bài kệ. Lúc này pháp hội có hơn bảy trăm Tăng, Thượng tọa Thần Tú là người học thông nội điển ngoại điển được chúng kính ngưỡng. Họ đều suy tôn ông về nói: "Nếu chẳng phải ngài Tú thì chẳng ai làm nỗi việc này". Thần Tú nghe vậy mới viết bài kệ ở vách hành lang:

Thân là cây Bồ-đề
Tâm như đài gương sáng
Thường thường siêng lau chùi
Chớ để bụi trần bám.

Tổ thấy và khen: "Y như đây tu hành cũng được thắng quả". Tuệ Năng nghe vậy liền nói: "Hay thì có hay nhưng liễu ngộ thì chưa!" Đêm ấy, Tuệ Năng cầm đuốc mời quan Biệt Giá Trương Nhật Dụng viết hộ mình bài kệ bên cạnh kệ của Thần Tú.

Bồ-đề vốn không cây
Gương sáng cũng không đài
Xưa nay không một vật
Bụi trần bám vào đâu!

Tổ thấy bài kệ liền ngầm xuống nơi giã gạo hỏi:

- Gạo trắng chưa?

Năng đáp:

Trắng rồi nhưng chưa qua giần sàng.

Tổ lấy gậy gõ vào cối ba cái. Canh ba đêm ấy, Năng vào trượng thất. Tổ dạy: "Chư Phật xuất thế vì nhân duyên đại sự nên tùy cơ lớn nhỏ mà dẫn dắt, từ đó có tông chỉ đốn tiệm, Thập địa, Tam thừa, đó gọi là giáo môn. Thế nhưng Phật đem chánh pháp nhãn tạng viên minh chân thật bí mật mầu nhiệm vô thượng giao phó cho Thượng thủ Đại Ca-diếp Tôn giả. Cứ thế, chư tổ truyền trao cho đến đời năm thứ hai mươi tám là Bồ-đề Đạt-ma Đại Sư. Đạt-ma truyền pháp này về đông, lần lượt truyền trao đến ta. Nay ta đem đại pháp, y Tăng-già-lê và bảo bát giao phó cho ông, ông phải khéo giữ gìn, chớ khiến pháp đoạn đứt, nghe ta nói kệ:

Hữu tình đến gieo giống
Từ đất quả lại sinh
Không tình lại không giống
Không tánh cũng không sinh.

Tuệ Năng thọ pháp xong đảnh lễ hỏi Tổ: "Pháp thì nghe rồi, còn y bát có truyền trao nữa không?"

Tổ đáp:

Xưa Đạt-ma từ nơi khác đến, sợ người đời không tin có thầy truyền thừa nên lấy y bát làm minh chứng, nay thiên hạ đã tin rồi nên y bát đến ông thì đừng truyền nữa. Hơn nữa, ông hãy ẩn cư thật xa, đợi lúc hợp thời hãy hoằng hóa. Đó gọi là "Nhận y bát chẳng khác nào thân mạng treo đầu sợi tơ.

Năng thưa:

Con phải đến đâu?

Tổ đáp:

Gặp Hoài thì dừng, gặp Hội thì ẩn.

Tuệ Năng đảnh lễ Tổ và ngay đêm đó ra đi. Tổ không thượng đường ba ngày, đại chúng nghi và hỏi, Tổ đáp:

- Đạo của ta đi rồi!

Chúng hỏi:

Ai được y bát?

- Tuệ Năng được.

Chúng vỡ lẽ người họ Lư tên là Năng ấy ắt được y bát và đi rồi. Tổ truyền trao y pháp xong, bốn năm sau, vào năm Thượng Nguyên năm thứ hai, Tổ bảo chúng: Nay ta xong việc, đến lúc phải đi! Tổ vào thất ngồi yên quy tịch, thọ bảy mươi bốn tuổi, đồ chúng dựng tháp ở Đông Sơn thuộc Hoàng Mai. Đại Tông ban hiệu Đại Mãn Thiền Sư, tháp hiệp Pháp Vũ.

Bính Tý: Nghi Phụng năm đầu. Kỷ Mão: Điều Lộ năm đầu.

Canh Thìn: Vĩnh Long năm đầu. Tân Tỵ: Khai Diệu năm đầu.

Nhâm Ngọ: Vĩnh Thuần năm đầu, ẩn sĩ Tôn Tư Mạc mất. Ông rất giỏi thuật y dược, âm dương, Trang Lão, lại tinh thông Phật điển, được tôn xưng là Chân Nhân.

Quý Mùi: Hoằng Đạo năm đầu, tháng mười hai, Đế bệnh, mất năm Đinh Tỵ. Năm Giáp Thân Trung Tông lên ngôi, tôn Thiên hậu là hoàng Thái hậu. Mọi chánh sự đều do bà quyết định. Trung Tông lên ngôi xong bị phế, Thái hậu nắm triều chính.

* ***Phật Đảnh Tôn Thắng Đà-la-ni:*** Sa-môn Phật Đà-ba-lợi người nước Kế Tân, Bắc Ấn, Tây Vực (Hán dịch Giác Hộ) vào năm Nghi Phụng năm đầu ngài đến núi Thanh Lương ở Ngũ Đài gặp một ông già. Ông già hỏi:

- Ông đến đây làm gì?

Ngài đáp:

Muốn lạy Văn-thù.

- Ông có đem Phật Đảnh Tôn Thắng chú qua không?

- Không.

- Chúng sinh cõi này có nhiều người phạm bốn nghiệp sát, đạo, dâm, vọng, ông hãy về nước đem thần chú ấy qua đây làm lợi ích lớn, đệ tử sẽ chỉ cho ông chỗ của Văn-thù.

Nói xong, ông già biến mất. Ba-lợi quay về đem thần chú ấy sang.

Niên hiệu Hoằng Đạo năm đầu. Ngài đến Trường An. Đế hạ chiếu sai Đỗ Hành Khải và Tam Tạng Nhật Chiếu dịch xong. Ba-lợi lại đem Phạm bản này đến tăng Thuận Trinh ở chùa Tây Minh, Trinh tấu xin cùng ngài phiên dịch, lấy tên Tôn Thắng Đà-la-ni, đây là bản dịch năm thứ ba, so với bản dịch của họ Đỗ có vài chỗ khác nhau, so với các bảnkhác thì bản dịch này lưu hành nhiều nhất. Sau đó ngài vào Ngũ Đài và không ai biết ngài tịch lúc nào, ở đâu.

* ***Pháp Uyển Châu Lâm:*** Gồm một trăm quyển, Đế cho nhập tạng lưu hành. Sách do Pháp sư Huyền Huy soạn. Huyền Huy tự là Đạo Thế, thị tịch năm Hoằng Đạo năm đầu.

* Tắc Thiên: Húy là Chiếu, họ Võ, vợ Cao Tông, sinh ba người con là Trung Tông, Duệ Tông và công chúa Thái Bình. Cao Tông mất, Trung Tông lên ngôi, tôn bà là Hoàng Thái hậu. Trung Tông năm đầu, tháng hai, bà phế Trung Tông làm Lô Lăng Vương cho ở nơi riêng. Năm Kỷ Mùi, bà lập Dư Vương Đán làm Hoàng Đế, chánh sự do Thái hậu quyết định, cho Đế ở điện riêng. Mùa hạ tháng tư, dời Lô Lăng Vương về Phòng Châu, sau dời qua Quân Châu. Tháng chín, Giáp Dần bà đại xá thiên hạ, đổi niên hiệu Quang Trạch, cờ xí đều làm màu vàng. Quan Bát Phẩm xuống đến già trẻ đều đổi sắc phục xanh ngọc. Đông Đô đổi thành Thần Đô, cung gọi là Thái Sơ. Lại đổi Thượng thư tỉnh là văn xương đài, Tả hữu bộc xạ là Tả hữu tướng, Lục tào là Lục quan thiên địa tứ thời, Môn hạ tỉnh là loan đài, trung thư tỉnh là phụng các, thị trung là nạp ngôn, trung thư lệnh là nội sử, ngự sử đài là tả túc chính đài, đặt thêm chức hữu túc chính đài. Ngoài ra những tên đứng đầu trong tỉnh, tự giám đều theo nghĩa mà sửa đổi. Thái hậu nắm quyền hai mươi mốt năm, thọ tám mươi mốt tuổi. Niên hiệu Quang Trạch một năm, Thùy Củng bốn năm, Vĩnh Xương một năm, Thiên Thọ lại đổi Tái Sơ hai năm, Trường Thọ hai năm, Diên Tái một năm, Thiên Sách Vạn Tuế lại đổi Chứng Thánh một năm, Vạn Tuế Thông Thiên lại đổi Vạn Tuế Đăng Phong một năm, Thần Công một năm, Thánh Lịch hai năm, Cửu Thị một năm, Trường An năm.

- Giáp Thân: Tháng giêng, Trung Tông lấy niên hiệu Tự Thánh. Tháng hai, Dự Vương lên ngôi lấy niên hiệu Văn Minh. Tháng chín Giáp Dần đổi niên hiệu Quang Trạch.

- Ất Dậu: Thùy Củng năm đầu. Bính Tuất: Thùy Củng năm thứ hai, cây dâu trong vườn nhà Hoàng Thủ Cung ở Tuyền Châu bỗng sinh hoa sen trắng, nhân đó ông đổi nhà làm chùa, nay là chùa Khai Tiên.

- Thùy Củng năm thứ ba, Thiên Trúc Sa-môn Địa Bà-ha-la (Hán

dịch Nhật Chiếu) đến Trường An vào niên hiệu Nghi Phụng đời Cao Tông, dịch Kinh như Mật Nghiêm v.v... Đến lúc này ngài dịch tổng cộng mười tám bộ, ba mươi bốn quyển. Thái hậu tự tay viết lời tựa.

- Kỷ Sửu. Vĩnh Xương năm đầu. Canh Thìn: Thiên Thọ năm đầu.

* Đổi Quốc Hiệu: Tháng chín, Thiên Thọ năm đầu, thị ngự sử Phó Du Nghệ dẫn trăm quan vào cung dâng biểu xin đổi quốc hiệu là Chu, đổi họ Hoàng Đế là Võ. Thái hậu ưng chuẩn, ngự ở lầu Tắc Thiên đại xá thiên hạ, đổi Đường thành Chu, đổi niên hiệu. Đế lấy hiệu Thánh thần Hoàng Đế. Cho Hoàng tộc mang họ Võ, lập Thất miếu của họ Võ ở Thần Đô. Mồng một tháng mười một Canh Thìn Đế về Nam đến Thái hậu hưởng vạn tượng thần cung đại xá thiên hạ, bắt đầu dùng Chánh sóc nhà Chu. Lấy tháng mười một Vĩnh Xương năm đầu làm tháng giêng Tái Sơ năm đầu, lấy tháng mười hai làm tháng Chạp. Tháng đầu mùa hạ là tháng một. Tần Tông Khánh sửa đổi mười hai chữ như "Thiên, địa..." dâng lên, năm Đinh Sửu thi hành. Thái hậu tự lấy tên Chiếu, đổi chiếu thành Chế. Tháng hai Tân Dậu, Thái hậu triệu Cống Sĩ vào điện Lạc thành. Thể lệ Cống Sĩ thi điện phát xuất từ đó. Đến mùa Đông tháng mười Cửu Thị năm đầu, Đế hạ chế lại lấy tháng giêng làm tháng mười một, tháng một là tháng giêng. Trung Tông, Thần Long năm đầu, tháng hai, lại lấy quốc hiệu Đường, Giao Miếu, xã tắc, lăng tẩm, bá quan, cờ xí, sắc phục, văn tự đều theo pháp chế như năm Vĩnh Thuần trước đây, lại đổi Thần đô thành Đông Đô, Bắc đô là Tinh châu, tạo ra mười hai chữ mới (--đổi thành--, --đổi thành--,--đổi thành--,--đổi thành--,--đổi thành--,--đổi thành--,--đổi thành--,--đổi thành--,--đổi thành--,--đổi thành--, lệnh cho Tể tướng soạn thời Chánh Ký, hàng tháng giao cho Lại quán. Thời Chánh Ký phát xuất từ đây.

- Nhâm Thìn: Trường Thọ năm đầu, tháng tư, chiếu thỉnh Thiền Sư Nhân Kiệm vào cung. Sư nhìn Thái hậu rất lâu và hỏi: "Hiểu không?" Hậu đáp: "Chẳng hiểu". Sư nói: Lão Tăng trì giới tịnh khẩu (không nói)". Nói xong Sư đi. Sáng hôm sau, Sư dâng Hậu mười chín bài Đoản ca. Hậu xem rất thích, ban thưởng cho Sư rất hậu. Nay chỉ còn một bài Liễu Nguyên Ca trong Truyền Đăng Ngọc Anh tập. Sư chính là Hòa thượng Đằng Đằng nối pháp với Quốc sư Tuệ An ở Tung Nhạc, Quốc sư nối pháp của Ngũ tổ.

* ***Kinh Bảo Tích:*** Sa-môn Đạt-ma-lưu-chi (Hán dịch Pháp Hy) người nước Nam Thiên Trúc, Cao Tông nghe tài đức của ngài nên vào niên hiệu Khai Diệu năm đầu sai sứ mang chiếu sang Tây Vực thỉnh. Năm này, ngài đến Trường An, Thái hậu cho triệu kiến và đổi tên ngài

là Bồ-đề-lưu-chí (Hán dịch Giác Ái) sắc lệnh cho ngài dịch kinh tại chùa Phật thọ ký, cả thảy mười chín bộ, hai mươi tám quyển. Trung Tông, Thần Long năm thứ hai, Chí theo xa giá về kinh. Đế mời ngài dịch Kinh Bảo Tích tại Tây Sùng Phước Tự, Đế làm bút thọ. Duệ Tông, Cảnh Vân năm đầu, Đế lại cho mở riêng Bảo Tích hội tại Bắc Uyển, Bạch Liên Hoa đình, Đế cũng đích thân làm Bút thọ, Vương Tấn, Hạ Tri Chương v.v.. nhuận sắc, trung thư Lục Tượng Tiên, Ngụy Truy Cổ làm giám hộ. Đế ngự bút viết lời tựa ở đầu bộ kinh, Huyền Tông, Khai Nguyên năm đầu, ngài đem bộ kinh Bảo Tích mình dịch kết hợp bản dịch cũ thành một bộ gồm một trăm hai mươi quyển. Từ đó ngài không dịch nữa mà chuyên trì tụng, tu tập Thiền quán. Khai Nguyên năm thứ mười lăm, ngài tịch, thọ một trăm năm mươi sáu tuổi. Ngày an táng, Đế đặc biệt cấp đội nghi trượng, cờ xí của Thiên Tử, dựng tháp ở Tây Nguyên, Long Môn, truy tặng chiếc Hồng Lô Đại Khanh, ban thụy là Khai Nguyên Nhất Thiết Biến Tri Tam Tạng, những danh đức trọng vọng xưa nay chưa có ai bằng ngài. Ngài dịch cả thảy năm mươi ba bộ kinh, gồm một trăm mười tám quyển.

- Giáp Ngọ: Diên Tái năm đầu.

- Ất Mùi: Thiên Sách Vạn Tuế năm đầu, tháng giêng Tân Tỵ, Thái hậu gia hiệu là Từ Thị, đổi niên hiệu là Chứng Thánh, lại gia hiệu Thiên Sách Kim Luân Đại Thánh Hoàng Đế, đổi niên hiệu Vạn Tuế Thông Thiên.

- ***Pháp Sư Nghĩa Tịnh:*** Sư họ Trương, húy Nghĩa Tịnh, tự Văn Minh người Mang Dương. Ngài xuất gia từ nhỏ, thành niên thì thọ cụ túc. Cao Tông, Hàm Hưởng năm thứ hai, ngài ba mươi bảy tuổi, đến Tây Vực tìm kinh Phật, bôn ba một mình suốt hai mươi lăm năm, đi qua hơn ba mươi nước. Lúc này, tháng năm Ất Mùi, ngài về đến Hà Lạc, mang theo gần bốn trăm bộ cả thảy năm mươi vạn quyển Kinh Luật luận tiếng Phạm, một cái chân dung Kim Cang tòa, ba trăm hạt xá-lợi. Thái hậu ra tận ngoài đông môn đón xem an trí ở chùa Phật thọ ký, sắc lệnh ngài phiên dịch. Đầu tiên, ngài cùng Thật-xoa-nan-đà dịch kinh Hoa Nghiêm. Trường An năm thứ ba, ngài dịch những kinh như: Kim Quang Minh Tối Thắng Vương v.v... Bách Nhất Yết-ma v.v... Thành Quân Trợ Giáo Hữu Quán làm giám hộ. Thái hậu viết bài tựa cho Thánh giáo mới dịch. Trung Tông, Thần Long năm đầu, tại đạo tràng trong Đông Lạc, ngài dịch Khổng Tước Vương Kinh v.v.. Đế viết tựa, lấy hiệu Đại Đường Long Hưng Tam Tạng Thánh Giáo. Năm thứ hai, ngài theo xa giá về Trường An, Đế sắc lệnh lập riêng viện dịch

kinh trong chùa Đại Tiến Phước, dịch Kinh Nhất Thiết Trang Nghiêm Vương v.v... Binh bộ thị lang Thôi Thục, cấp sự trung Lô Xán nhuận văn, sữa chữ, bí thư giám phò mã đô úy Dương Thận Giao làm giám hộ. Trung Tông, Cảnh Long năm thứ hai, Đế triệu ngài vào cung cùngdịch kinh. Ba tháng kiết hạ, Đế nhớ lại hồi còn ở Phòng Châu mình từng cầu niệm Dược Sư nên thỉnh ngài dịch kinh Dược Sư hai quyển tại điện Phật quang. Duệ Tông, Cảnh Vân năm đầu, tại chùa Đại Tiến Phước, ngài dịch những Kinh Luận như Dục Tượng v.v... hai mươi bộ gồm tám mươi tám quyển. Học sĩ Lý Kiêu, Trương Thuyết nhuận sắc, bộc xạ Vi Cự Nguyên, Tô Hoài làm giám hộ. Huyền Tông, Khai Nguyên năm đầu, tháng bảy ngài quy tịch, thọ bảy mươi chín tuổi, tăng lạp năm mươi chín hạ, Đế cấp phẩm vật an táng, dựng tháp ở Cao Nguyên phía Bắc Long Môn, Lạc Kinh. Ngài dịch tổng cộng năm mươi sáu bộ, gồm hai trăm ba mươi quyển Kinh Luật luận, lại soạn riêng nghi, truyện v.v... chín tuyển. Tuy dịch rộng ba tạng, nhưng ngài chuyên nghiên cứu luật bộ truyền dạy cho người học.

Năm này, Đế sắc lệnh Sa-môn Minh Toàng San định Kinh mục, soạn Lục mười lăm quyển nhập đại tạng lưu hành.

* ***Kinh Hoa Nghiêm:*** Thái hậu nghe nước Vu-điền có Đại Kinh Hoa Nghiêm tiếng Phạm nên sai sứ qua thỉnh, đồng thời mời học giả giỏi tiếng Phạm theo sứ về nước. Lúc ấy Vu-điền quốc chủ mời Tôn giả Thật-xoa-nan-đà (Hán dịch Giác Hỷ) là người tinh thông tông chủ Hoa Nghiêm theo sứ đi. Thái hậu rất hài lòng. Tháng ba năm ấy, Đế hạ chiếu mời ngài ở chùa Đại biến không cùng Bồ-đề-lưu-chí, Pháp sư Phục Lễ v.v.. dịch kinh. Sau thỉnh ngài qua chùa Phật thọ ký. Thái hậu xa giá đến chùa, đích thân giám sát việc phiên dịch, cúng dường trai tăng. Đến Thánh Lịch năm thứ hai, tháng mười, kinh được dịch xong gồm tám mươi quyển. Thái hậu viết tựa, ngự ở điện Thái cực tuyên cáo với trăm quan. Trường An năm thứ tư, Thật-xoa-nan-đà dịch xong kinh Lăng-nghiêm bảy quyển, so với các bản khác, bản dịch này sáng tỏ nhất. Nan-đà dịch tổng cộng mười chín bộ, một trăm lẻ bảy quyển Kinh Luận, rồi cáo từ về Vu-điền. Đế hạ chiếu cho ngự sử Hoặc Tự Quang đưa ngài về nước. Đến Trung Tông, Cảnh Long năm thứ hai, Đế lại triệu ngài sang, sắm đủ lễ nghi đích thân đón rước, đưa về ngụ tại chùa Tiến Phước diễn giảng ý chỉ của kinh. Duệ Tông, Cảnh Vân năm đầu, tháng mười, ngài quy tịch, trà-tỳ nhưng lưỡi còn nguyên, Đế hạ chiếu đưa về Vu-điền dựng tháp.

- Bính Thân: Tháng mười hai Giáp Thân Vạn Tuế Thông Thiên

năm đầu đổi niên hiệu Vạn Tuế Đăng Phong.

* ***Hiền Thủ Giáo:*** Thích Pháp Tạng họ Khương, hiệu Hiền Thủ, người nước Khương Cư, phong thái xuất chúng, tài trí tuyệt luân, ngài đến Trường An liền được chọn vào những bậc danh tăng nghĩa học, được tham dự trong dịch trường của Pháp sư Huyền Trang. Sau nhân thấy bút thọ, chứng nghĩa, nhuận văn kiến thức không đồng nên ngài ra khỏi dịch trường. Hồi ấy, Pháp sư Đỗ Thuận ở Đôn Hoàng rất được Tùy Văn Đế kính trọng, từng cùng đệ tử là Trí Nghiễm hoằng truyền pháp giới quán của Hoa Nghiễm (Đời Tấn dịch là Hoa Nghiêm). Pháp Tạng theo hầu Trí Nghiễm và học hết giáo quán này. Đến khi chuyển dịch, ngài đứng đầu dịch trường. Phạm bản Hoa Nghiêm của Vu-điền mà Thật-xoa-nan-đà dịch, ngài và Pháp sư Nghĩa Tịnh, Phục Lễ đều có tham dự. Vạn Tuế Thông Thiên năm đầu, Đế hạ chiếu thỉnh Sa-di Pháp Tạng khai thị tông chỉ Hoa Nghiêm tân dịch tại chùa Thái Nguyên, miệng ngài phóng ánh sáng trắng. Đế có chiếu chỉ thỉnh mười đại đức trong kinh thành truyền cụ túc cho ngài, ban hiệu là Hiền Thủ, triệu vào chùa Đại Biến không tham gia dịch thuật. Trường An năm đầu, đế mời ngài giảng kinh Hoa Nghiêm tân dịch tại chùa Phật Thọ Ký ở Đông Đô. Giảng đến phẩm Hoa Tạng Thế Giới thì đại địa rung chuyển, ngay hôm đó, Đế triệu ngài vào điện Trường sinh để hỏi về nghĩa của Lục Tướng, Thập Trùng Đế võng. Ngài trình bày thứ lớp về nghĩa của Thiên Đế Võng, Thập Trùng Huyền Môn, Hải Ấn Tam-muội Môn, Lục Tướng Hòa Hợp Nghĩa Môn, Phổ Nhãn Cảnh Giới Môn. Các nghĩa chương này đều là những nghĩa tổng biệt của Hoa Nghiêm. Thái hậu mờ mịt chẳng hiểu, ngài bèn chỉ con sư tử vàng ở góc điện để làm thí dụ, nhân đó soạn nghĩa môn thẳng tắt, dễ hiểu lấy tên là Kim Sư Tử Chương, liệt vào tướng tổng biệt của Thập môn. Thái hậu tỏ ngộ tông chỉ. Ngài lại dùng phương tiện khéo léo khai mở cho những người học nhưng chưa hiểu nghĩa. Ngài lấy mười tấm gương treo ở tám hướng cùng trên dưới, mỗi cái cách nhau một trượng các gương đối mặt vào nhau. Chính giữa ngài đặt một tượng Phật, đốt một cây đuốc để soi sáng, bóng và ánh sáng in hình khắp mặt gương. Nhờ vậy, người học hiểu ngay "sát hải" thể nhập nghĩa vô tận. Ngài từng soạn Bát-nhã tâm kinh sớ, đương thời rất quý trọng, lưu hành khắp nước. Ngài được ban hiệu Khương Tạng Quốc Sư. Thanh lương Đại Thống Quốc Sư Trừng Quán đem cả tài A Thánh siêu xuất mà truy tôn Hiền Thủ, soạn Hoa Nghiêm sớ luận cả mấy trăm vạn lời, Khuê Phong Tông Mật Kế Thừa, đó là Hoa Nghiêm Ngũ Tổ. Mạch nguồn đại pháp chảy tràn thiên hạ, lấy tên là Nhất Niệm Viên Dung Cụ

Đức Tông, Hiền Thủ Giáo.

* ***Quốc Sư Thanh Lương:*** Ngài họ Hạ Hầu, pháp danh Trừng Quán, người Sơn Âm, Việt Châu. Năm mười một tuổi, ngài xuất gia với Thiền sư Bái ở chùa Bảo lâm núi Ứng thiên, tụng kinh Pháp Hoa. Năm mười bốn tuổi ngài gặp được Từ Ân hóa độ, nổi tiếng ở Thiền Lâm. Trong năm Càn Nguyên đời Túc Tông, ngài theo Luật sư Lễ ở chùa Thê hà, Nhuận Châu học Tướng Bộ Luật, theo Đàm Nhất học Nam Sơn Luật, đến Pháp sư Huyền Bích ở Kim lăng học Quan Hà Tam Luận. Tam Luận thạnh hành ở Giang biểu đều nhờ công sức của ngài. Năm Đại Lịch đời Đại Tông, ngài hoằng truyền Khởi Tín, Niết-bàn ở chùa Ngõa quan. Ngài lại theo Pháp Tạng ở Hoài nam học Hải Đông Khởi Tín Sớ Nghĩa, nghiên cứu Hoa Nghiêm, Tam Luận suốt hai mươi năm, theo Pháp sư Trạm Nhiên ở Tô châu học sớ nghĩa các kinh như Tạp Ma, Pháp Hoa, Thiên Thai Chỉ Quán. Lại yết kiến thiền sư Trung ở núi Ngưu Đầu, Thiền Sư Khâm ở Kính Sơn, Thiền Sư Vong Danh ở Lạc Dương để tham vấn Thiền pháp của Nam Tông. Ngài lại yết kiến Thiền Sư Tuệ Vân liễu ngộ huyền lý của Bắc Tông. Nhẫn đến dịch thuật các kinh, truyện, tử sử, tiểu học, thương nhã, Thiên Trúc tất đàm, chư bộ dị chấp, tứ vỹ, ngũ minh, bí chú, nghi quỹ, thiên tụng, thư tung, ngài đều đọc khắp. Đại Lịch năm thứ mười một, ngài đến Ngũ Đài Lễ Văn-thù, qua Nga Mi lạy Phổ Hiền rồi về Ngũ Đài ở tại chùa Đại Hoa Nghiêm chuyên hành sám pháp Phương Đẳng, cảm khái vì Sớ cũ của Hoa Nghiêm văn dài dòng, nghĩa tóm lược, nên bùi ngùi nghĩ ngợi hoài, huống gì Văn-thù là đại trí, Phổ Hiền là đại lý, hai Thánh hợp lại thành Tỳ-lô-giá-na, muôn hạnh đều thông, ngay đó mới là nghĩa của Đại Hoa Nghiêm. Ngài soạn Sớ hai mươi quyển. Đức Tông năm Trinh Nguyên năm thứ bảy, Hà đông Tiết độ sứ Lý Tự Lương thỉnh ngài giảng tân sớ tại chùa Sùng phước. Đức Tông nghe danh ngài liền sai Trung Sứ Lý Phụ Quang mang chiếu đến thỉnh vào triều, cùng Tam Tạng Bát-nhã người Kế Tân dịch bốn mươi quyển của phần sau Hoa Nghiêm do nước Ô Trà tiến cống. Tháng năm sau, Đế sai Trung Sứ Hoắc Tiên Minh tuyên chiếu thỉnh ngài vào cung. Đức Tông kính trọng, thỉnh ngài ở dịch trường để san định, chỉnh sửa, lại hạ chiếu thỉnh ngài soạn sớ. Ngài soạn mười quyển và dâng Đế. Thuận Tông lúc chưa lên ngôi từng đàm đạo với ngài và thỉnh ngài soạn Liễu Nghĩa một quyển, Tâm Yếu một quyển và nhân duyên ăn thịt mắc tội. Ngài soạn thuật rất nhiều sớ nghĩa cương yếu, đệ tử truyền pháp đến hơn trăm người (xem trong Hiến Tông Nguyên Hòa năm thứ mười một và Văn Tông, Khai Thành năm thứ 3)

* ***Thiền Sư Khuê Phong Tông Mật ở núi Chung nam:*** Ngài họ Hà, người Tây Sung, Quả Châu vốn theo nghiệp Nho. Hiến Tông năm Nguyên Hòa năm thứ hai, trên đường lên kinh ứng thí, chợt gặp Pháp tịch của Thiền sư Viên ở Toại Châu, thể nhận pháp vị và ngài liền cầu xin thế phát xuất gia, thọ cụ túc trong năm ấy. Ngày nọ, ngài theo chúng đi chứng trai tại nhà của phủ lại Nhậm Quán. Ngài nhỏ nhất pháp hội, theo năm thứ tự nhận được bản kinh Viên Giác, Thập Nhị Chương đọc chưa hết quyển nhưng ngài liền sáng tỏ. Ngài trình chỗ thấy với Viên, Viên nói: "Ông sẽ hoằng dương rộng giáo nghĩa của Viên đốn, đó là chư Phật giao phó cho ông vậy, hãy đi đi, đừng trói mình một chỗ!" ngài vâng lời từ biệt, đến yết kiến Thiền Sư Trung ở Kinh Nam, Thiền Sư Chiếu ở Lạc Dương đều được ấn khả. Ngài đến Tương Hán, nhân lúc bệnh, có vị Tăng trao cho ngài bộ Hoa Nghiêm sớ do Đại sư Trừng Quán ở Thượng Đô soạn. Ngài xem và mừng rỡ nói: "Thiền ta gặp Nam Tông, Giáo hợp Viên Giác". Ngay đó, tâm ngài khai mở, đọc đến nửa quyển, trời nghĩa sáng bừng. Không lâu sau đó, ngài vào Khuê Phong Lan-nhã ở núi Chung nam. Trong năm Thái Hòa đời Văn Tông, Đế mời ngài vào cung ban cho y tía, nhiều lần hỏi về pháp yếu. Văn sĩ trong triều đều quy ngưỡng nhưng chỉ có tướng quốc Bùi Hưu là người thấu triệt diệu nghĩa, thọ giáo làm người ngoại hộ. Ngài thấy học giả cỉa Thiền Giáo thường công kích nhau, nhân đó soạn Thiền Nguyên Chư Thuyên, gom tập những văn tự, cú lệ nêu bày đạo lý căn nguyên của Thiền môn mà chư tôn túc soạn thuật, chép thành một tạng để lại cho đời sau. Mồng sáu tháng giêng niên hiệu Hội Xương năm đầu, đời Vũ Tông, tại viện Hưng Phước, ngài dặn đồ chúng: "Hãy đem thi thể cho muôn thú ăn, lượm xương đốt rồi rải tro đi!" Nói xong ngài quy tịch. Tăng tục đưa toàn thân ngài lên Khuê Phong, trà-tỳ thâu xá-lợi cất nơi thạch thất. Tuyên Tông truy tôn ngài thụy là Định Tuệ Thiền Sư, tháp hiệu Thanh Liên. Ngài thọ sáu mươi ba tuổi, nối pháp của Thiền Sư Viên ở Toại châu, thuộc phái Hà Trạch, đời năm thứ năm của Lục Tổ.

+Đế hạ chiếu thỉnh Thiền Sư Tuệ An ở Tung Nhạc và Thiền Sư Thần Tú vào triều, rước hai ngài lên điện. Thái hậu ra quỳ lạy, giữ nơi cấm cung, sớm tối hỏi đạo, tôn Tuệ An làm Quốc Sư. Lúc ấy, từ Vương Công trở xuống nghe danh ngài đều đến yết kiến, cung kính đảnh lễ.

* ***Bắc Tông Thiền Sư Thần Tú:*** Sư húy Thần Tú, họ Lý, người Khai Phong, nối pháp Ngũ Tổ nhưng dòng phụ. Từ nhỏ, Sư theo Nho học, học rộng nghe nhiều, chợt phát tâm xuất gia. Sư đến chùa Song Phong ở Kỳ Châu, gặp Ngũ Tổ, khâm phục và thờ Tổ gắng công gánh

nước, đốn củi, chấp lao phục dịch để cầu đạo, Tổ độ Sư. Sau khi Ngũ Tổ nhập diệt, sư trụ ở núi Đương dương, Giang Lăng. Thái hậu nghe tiếng liền thỉnh vào cung, cúng dường Sư và Quốc sư Tuệ An tại nội đạo tràng, đặc biệt tôn kính, lệnh dựng chùa Độ Môn ở Đương Dương để nêu cao đức của Sư. Trung Tông lên ngôi, càng rất tôn kính Sư. Đại thần Trương Thuyết từng nghe pháp yếu nhận lễ đệ tử. Sư dạy chúng: "Tất cả Phật pháp tự tâm sẵn có, ngoài tâm cầu pháp chẳng khác con bỏ cha trốn đi". Trung Tông Thần Long năm thứ hai, tháng hai, Sư tịch ở chùa Thiên Cung, Đông Đô. Đế ban Sư thụy Đại Thông Thiền Sư, lệnh an táng ở Long Môn, ngày an táng cấp cho nghi trượng, cờ xí của Thiên Tử, Đế đưa đến Tiện Kiều, lệnh cho trung thư lệnh Trương Thuyết soạn văn bia. Sư sinh cuối đời Tùy, thọ hơn trăm tuổi, tăng lạp tám mươi hạ. Khi ấy, Kỳ Vương Phạm, Trưng Quân Lư Hồng Nhất đều khắc bia làm bài tán. Cựu Đường Thư có chép truyện của Sư. Đế ban thụy hiệu bắt đầu từ Sư Môn Nhân Phổ Tịch, Nghĩa Phước v.v.. đều kế thừa pháp tịch.

* ***Quốc Sư Tuệ An ở Tung nhạc:*** Ngài họ Vệ, húy Tuệ An, người Chi Giang, Kinh châu, xuất gia từ nhỏ. Tùy Văn Đế, Khai Hoàng năm thứ mười bảy, Sư vào ở ẩn trong hang núi. Trong năm Đại Nghiệp đời Dương Đế, dân đinh đào kênh bị đói rách, ngài đi khất thực về nuôi họ. Dương Đế nghe tiếng triệu vào cung nhưng ngài không đi mà trốn vào núi Thái hòa, lên Hoành Nhạc hành hạnh Đầu-đà. Năm Trinh Quán đời Thái Tông, ngài đến Hoàng Mai, Kỳ Châu, yết kiến Ngũ Tổ và được tâm yếu. Cao Tông, Lân Đức năm đầu, ngài vân du đến Thạch Bích ở núi Chung nam và ở đó. Cao Tông hạ chiếu mời nhưng ngài không vào triều mà đến Thiếu Lâm ở Tung Sơn và nói: "Đây là nơi ta tịch". Thiền giả quy tụ với ngài rất đông. Thái hậu sai sứ đi thỉnh ngài vào triều, ngài và Thần Tú đều được Thái hậu kính lễ. Thái hậu tôn ngài làm Quốc Sư. Đến Trung Tông, Thần Long năm thứ hai, Đế ban ngài ca-sa tía và thỉnh mười bốn đệ tử ngài vào cung cúng dường. Lúc này, Trung Tông sai nội thị Tiết Giản đi thỉnh Lục Tổ nhưng Tổ không đến. Ba năm sau, Trung Tông ban ngài tăng y Ma-nạp. Ngài từ biệt trở về Tung Nhạc. Mồng ba tháng ba năm Cảnh Long năm thứ ba, ngài dặn môn nhân: "Ta mất hãy đem xác vào rừng đợi lửa của núi rừng thiêu ta" Mồng tám, ngài an nhiên thị tịch, thọ một trăm hai mươi tám tuổi. Môn nhân làm đúng lời dạy, quả nhiên tự nhiên có lửa của núi rừng hỏa thiêu ngài, được tám mươi xá-lợi. Trong đó năm hạt lớn màu tía, môn nhân dâng Đế tôn trí trong cung. Duệ Tông, Tiên Thiên năm đầu, môn nhân dựng

tháp. Người đời gọi ngài là Lão An Quốc Sư, đệ tử nối pháp có Nhân Kiệm, Phá Táo Đọa, Tung Nhạc Nguyên Khuê.

- Đinh Dậu: Thần Công năm đầu. Mậu Tuất: Thánh Lịch năm đầu.

+ Hoàng Tự (Duệ Tông) cố xin Đế nhường ngôi cho Lô Lăng Vương. Tháng chín, lập Lô Lăng Vương Triết làm hoàng Thái tử. Triết lại đổi tên là Hiển, đại xá thiên hạ. Kỷ Hợi: Thánh Lịch năm thứ 2.

- Canh Tý: Cửu Thị năm đầu, mùa Đông tháng mười, đế lại lấy tháng giêng làm tháng mười một, tháng một làm tháng giêng.

- Tân Sửu: Trường An năm đầu, Nhâm Dần là năm thứ hai, Quý Mão năm thứ ba, Giáp Thìn là Trường An năm thứ tư.

* **Trung Tông:** Húy là Hiển, con năm thứ bảy của Cao Tông được lập hoàng Thái tử. Hồi ấy, Cao Tông mất, Thái tử lên ngôi, tháng giêng, Đế tôn Thiên hậu làm Thái hậu, lập bà phi họ Vi làm Hoàng hậu, cất nhắc cha Hoàng hậu là Vi Huyền Trinh làm Dự Châu Thứ sử. Đế cho Huyền Trinh làm thị trung. Bùi Viêm cố can nhưng Đế không nghe, Viêm thưa Thái hậu và hai người ngầm bàn mưu. Tháng hai, Mậu Ngọ, Thái hậu phế Đế xuống làm Lô Lăng Vương cho qua Phòng Châu, lại dời về Quân Châu, đày Huyền Trinh đến Khâm Châu. Tắc Thiên, Thánh Lịch năm đầu lại lập ông làm Hoàng Thái tử. Lúc này tháng giêng năm Ất Tỵ, Thiên hậu truyền ngôi cho Thái tử. Năm Bính Ngọ Đế lên ngôi. Năm Đinh Mùi, Thái hậu dời về Chủ Dương cung, Đế thống lĩnh trăm quan, thượng tôn Thiên hậu là Tắc Thiên Đại Thánh Hoàng Đế. Tháng mười một Nhâm Dần, bà mất, Thần Long năm đầu, tháng hai, Đế lấy lại quốc hiệu Đường. Giao, miếu, xã tắc, cờ xí, trăm quan đều theo phép chế như năm Vĩnh Thuần trước kia, đổi Thần Đô là Đông Đô, Bắc Đô là Tinh châu. Đế ở ngôi sáu năm, thọ năm mươi lăm tuổi. Niên hiệu Thần Long hai năm, Cảnh Long bốn năm.

- Ất Tỵ: Thần Long năm đầu, tháng tư, Đế giáng Ngự trát triệu Lục tổ Tào Khê vào cung. Ngự Trát ghi: "Trẫm mời hai thầy An, Tú vào cung cúng dường, mỗi lần hỏi đến pháp Nhất thừa, hai thầy ấy đều chối từ nói: "Thiền sư Năng ở phương nam mật nhận y pháp của Đại sư Nhẫn, bệ hạ nên đến đó hỏi". Nay Trẫm sai nội thị Tiết Giản đem chiếu nghinh thỉnh, mong Thầy từ niệm mau vào thượng kinh". Tổ dâng biểu lấy cớ bệnh mà từ chối. Tiết giản thưa:

- Chư Thiền đức trong kinh thành đều nói, muốn hiểu được Đạo phải tập Thiền định, nếu không nhờ Thiền định mà được giải thoát là điều chưa từng có. Không rõ pháp mà Thầy nói, ý chỉ thế nào?

Tổ đáp:

Đạo do tâm ngộ lẽ đâu ở nơi ngồi!

Giản thưa: Đệ tử về triều, chúa thượng tất hỏi, mong thầy chỉ bày tâm yếu để khiến vua tỏ đạo!

- Đạo không có sáng tối.

- Sáng dụ cho trí tuệ, tối dụ cho phiền não, nếu không dùng trí tuệ chiếu phá phiền não thì dựa vào đâu ra khỏi sinh tử?

- Nếu dùng trí tuệ chiếu phá phiền não thì đó là Tiểu cơ Nhị thừa.

- Thế nào là Kiến giải Đại thừa?

- Minh và vô minh, tánh nó không hai. Tánh không hai ấy chính là thật tánh. Thật tánh thì ở phàm không giảm, ở Thánh không tăng, ở trong phiền não nhưng chẳng loạn, ở trong thiền định nhưng chẳng tịch. Tánh tướng như như, đó gọi là đạo.

- Thầy nói chẳng chẳng diệt đâu khác ngoại đạo?

- Ngoại đạo lấy diệt ngăn sinh, lấy sinh bày diệt. Diệt nhưng chẳng diệt, sinh nói không sinh, ta nói vốn tự chẳng sinh, nay cũng không diệt, nên không giống ngoại đạo. Ông muốn biết tâm yếu chỉ cần đừng suy nghĩ phân biệt tất cả thiện ác thì tự nhiên được vào tâm thể thanh tịnh, vắng lặng thường trụ, hằng sa diệu dụng.

Tiết Giản lạy tạ về cung thưa lại lời Tổ, Đế khen hay. Sau đó, sai Sứ mang tặng Tổ ca-sa Ma-nạp, Bình bát, năm trăm cây lụa để biểu thị lòng ngưỡng mộ của Thiên Tử.

* ***Kinh Lăng-nghiêm:*** Thiên Trúc Sa-môn Bát Thích Mật Đế (Hán dịch Cực Lượng) đến cư ngụ tại Chế Chỉ đạo tràng ở Quảng châu trong năm này. Tháng năm, ngài đọc ra một phẩm trong Quán Đảnh Bộ, đó là kinh Lăng-nghiêm, Di Già Xán Pháp (Hán dích Vân Phong) dịch thành một bộ mười quyển. Tể tướng Phòng Dung bút thọ. Lúc này Dung bị đày đến Cao châu, nhân đó được ngụ trong dịch trường. Sa-môn Hoài Địch chứng dịch. Chuyển dịch xong, triều đình trách tại sao dịch riêng. Mật Đế thấy vậy liền theo thuyền đem luôn Phạm bản về Thiên Trúc.

- Bính Ngọ: Thần Long năm thứ hai, Tăng Phạm v.v.. được gia phong Ngũ Phẩm.

* ***Thí Kinh Độ Tăng:*** Tháng tám, Đế hạ chiếu cho cả nước thí nghĩa của kinh Đồng Hành, ai thông thuộc không vấp thì độ làm Tăng. Việc thi kinh độ Tăng khởi nguyên từ đó.

* ***Sa-môn Trí Nghiêm:*** Ngài là con quốc vương nước Vu-điền, từ nhỏ làm quan nhà Đường, sớm hưởng vinh lộc, làm đại tướng quân,

được phong Quận Công. Tháng năm này, ngài xin đổi nhà thành chùa, Đế ưng chuẩn. Ngài lại cố xin xuất gia, ngày hai mươi bốn tháng mười hai, Đế viết chiếu "Con người ta không ai chẳng ham bổng lộc, tiếc ngôi vị, nhưng sở nguyện của khanh là muốn bỏ tục xuất gia, chợt xét mình đến tâu xin, Trẫm mến tiếc và ban thưởng, toại nguyện cho khanh hoàn thành chí lớn". Đế còn thỉnh ngài trụ ở chùa Chí Tướng núi Chung Nam nhiều lần tham gia phiên dịch.

+ Đinh Mùi: Cảnh Long năm đầu. Tháng ba năm thứ hai, ngày mồng một, Phương Đạo đại tổng quản Trương Nhân Nguyện xây Tam thọ giáng thành ở Hà Thượng, thuộc Phong Châu.

* ***Thần Núi xin giới:*** Thiền sư Tung Nhạc Nguyên Khuê, họ Lý Sinh ở Y Khuyết, xuất gia từ nhỏ. Trong năm Vĩnh Thuần đời Cao Tông, ngài thọ Cụ túc, học Tỳ-ni tại chùa Nhàn cư, yết kiến quốc sư Tuệ An đốn ngộ huyền chỉ, dựng am tu tập ở Bàng Ổ, Tung nhạc. Vào một ngày trong năm này, có một dị nhân, mặc áo tay rộng, đội mũ trụ cao đi đến, những người tùy tùng rất đông, tướng mạo kỳ vĩ cùng yết kiến ngài. Ngài thấy họ chẳng phải người thường bèn ôn tồn hỏi:

- Lành thay, Nhân giả! Vì sao đến đây?

Họ đáp:

Thầy biết tôi chăng?

- Ta quán Phật và chúng sinh bình đẳng, cùng một cách nhìn lẽ đâu phân biệt!

- Tôi là thần núi, nắm quyền sống chết người khác, thầylẽ đâu nhìn tôi như những người khác!

- Ta vốn chẳng sinh, ông đâu thể làm chết, ta xem thân như hư không, xem ta và ông như nhau, ông có thể hoại diệt hư không và ông chăng! Nếu hủy diệt được hư không và ông, nhưng ta chẳng sinh chẳng diệt, hư không và ông ông còn không thể hủy diệt thì làm sao hay làm ta sống hay chết được!

Thần lạy và nói:

Ta cũng thông minh chánh trực trong số các Thần, nhưng nào biết thầy có trí tuệ, biện tài rộng lớn thế này, mong thầy trao cho chánh giới để tôi độ thế.

Ngài nói:

Ông xin giới tức là đã được giới rồi. Vì sao? Vì ngoài giới không có giới, thì còn giới nào nữa!

- Lý này tôi nghe mờ mịt, chỉ xin thầy giới thôi, thân tôi xin làm môn nhân đệ tử.

Ngài lập tòa thiết bàn, cầm lò hương nói:

"Nay trao cho ông năm giới, giữ được thì đáp được, không giữ được thì đáp không được."

Thần nói:

Xin cung kính nghe dạy.

Ngài nói:

Không dâm, ông có giữ được không?

- Tôi có vợ được chứ!

- Ý không phải vậy mà là không tà dâm bừa bãi.

Thần đáp:

Giữ được.

- Không trộm cắp ông giữ được không?

- Thiếu tôi mới lấy chứ đâu có trộm cắp!

- Không phải như vậy mà là cúng tế thì ông ban phước bừa bãi, không cúng thì ông gây họa không lường.

Thần đáp:

Giữ được.

- Không giết hại, ông giữ được không?

- Tôi nắm quyền bính sao không giết?

- Không phải vậy, mà là lạm sát, ngộ nhận, nghi ngờ giết bừa bãi.

Thần đáp: Giữ được!

- Không nói dối, ông giữ được không?

- Tôi chánh trực làm gì có nói dối!

- Không phải vậy, mà là trước sau không hợp lòng trời.

Thần đáp:

Giữ được!

Ngài nói:

Ông không uống rượu say xỉn được không?

Thần đáp:

Giữ được!

Ngài nói:

Đó là giới của Phật, đem hữu tâm phụng trì mà không có tâm câu chấp, đem hữu tâm vì vật mà không có tâm nghĩ đến thân, hay giữ được như vậy, thì dù sinh trước trời đất nhưng chẳng phải trẻ, dù chết sau trời đất nhưng cũng chẳng già, trọn ngày biến hóa nhưng chẳng động, rốt ráo vắng lặng nhưng chẳng yên. Tín như vậy thì dù cưới vợ nhưng chẳng có vợ, dù hưởng phẩm vật nhưng chẳng lấy gì, dù nắm quyền uy nhưng

chẳng vì quyền, dù dối trá nhưng chẳng có tâm, tuy say nhưng chẳng hôn mê. Nếu không có tâm với vạn vật thì không có giới, không giới thì không tâm, không Phật, không chúng sinh, không ông cũng không có ta, ai giữ giới?

Thần nói:

Tôi thần thông đứng sau Phật!

Ngài nói: Thần thông của ông trong mười điều làm được năm và không làm được năm. Thần thông của Phật trong mười điều ngài làm được bảy và không làm được ba.

Thần thất kinh lui ra quỳ thưa:

Con nghe được chăng!

Ngài nói:

Ông có thể trái ý Thượng đế, đông đi đến trời, tây đến Thất tinh chăng?

Thần đáp:

Không thể.

- Ông có thể đoạt quả đất, trộn Ngũ nhạc, gom bốn biển chăng?

- Không thể.

- Đó là năm điều ông không làm được. Phật có thể làm rỗng không tất cả tướng thành trí vạn pháp nhưng không thể diệt ngay định nghiệp. Phật hay biết tánh của hữu tình, thấu triệt việc trong ức kiếp nhưng không thể hóa độ kẻ vô duyên. Phật có thể độ vô lượng hữu tình nhưng không thể độ tận cõi chúng sinh. Đó là ba điều Phật không làm được. Định nghiệp cũng không lâu bền, vô duyên rồi cũng có lúc, cõi chúng sinh vốn không tăng giảm, rõ ràng chẳng người nào làm chủ pháp đó, có pháp không chủ thì gọi là không pháp, không pháp không chủ thì gọi là không tâm. Theo ta hiểu thì Phật cũng không có thần thông, chỉ là hay lấy vô tâm mà thông đạt tất cả các pháp.

Thần nói:

Con thật ra nông cạn, tối tăm, chưa nghe nghĩa không, giới thầy truyền trao, con xin phụng hành, nay xin báo đáp đại ân đại dức theo khả năng của mình!

Ngài nói:

Ta quán thân không có vật, quán pháp vô thường, sừng sững như vậy còn muốn gì nữa.

- Thầy phải để con làm chút việc thế gian, thi thố chút sức thần của con để khiến cho những người đã phát tâm, mới phát tâm, chưa phát tâm, chưa tín tâm, đã tín tâm nhờ sức thần của con mà biết có Phật, có

Thần, có điều làm được, có điều không làm được, có tự nhiên, có phi tự nhiên.

- Thôi, đừng làm, đừng làm!

- Phật cũng sai Thần hộ pháp, lẽ đâu thầy làm trái lời Phật! Mong thầy tùy ý sai bảo!

Ngài bất đắc dĩ nói:

Chùa Đông Nghiễm cỏ rậm um tùm không có đại thụ, núi phía Bắc có đại thụ nhưng phía ấy là mặt lưng chẳng cần thế tựa, ông có thể dời cây phía Bắc ấy sang ngọn phía Đông này được không?

Thần đáp:

Con xin làm theo, nhưng đêm tối tất có chấn động mong thầy đừng sợ hãi!

Nói xong, Thần cúi lạy chào và đi. Ngài tiễn ra đến cửa chính và nhìn xem thì thấy nghi vệ ngút trời chẳng khác Đế vương, khí núi khói mây hòa quyện cờ xí, tràng phan, chuỗi ngọc, nghi vệ vụt thẳng lên không và ẩn mất. Đêm ấy, quả nhiên gió thét mưa gào, sấm vang chớp dậy, rường cột lung lay, chim thú hoảng hốt, ngài bảo chúng: "Đừng sợ, đừng sợ! Thần đã dặn ta trước rồi!"

Sáng ra trời đất lặng yên, tùng thông ở ngọn Bắc đều dời hết qua núi Đông, thẳng hàng xanh tốt, ngài nói với đồ chúng: "Sau khi ta mất, đừng ai nhắc lại chuyện này, nếu nói thật, thì mọi người sẽ cho ta làm trò yêu mị" Đến Huyền Tông, năm Khai Nguyên năm thứ tư, ngài dặn dò môn nhân: "Trước đây, ta ở ngôi chùa ở núi Đông, nay ta nhập diệt hãy đem hài cốt ta về an táng bên ấy". Dặn dòn xong, ngài mất. Ngài nối pháp của Quốc sư Tuệ An, Tuệ An nối pháp của Ngũ Tổ Đại Mãn Thiền Sư.

Kỷ Dậu: Cảnh Long năm thứ ba, Đế triệu Luật Sư Đạo Ngạn vào cung truyền Tam quy Ngũ giới cho Hoàng hậu, cung phi. Đế cho vẽ tranh minh họa giới cấm, treo trong cung Lâm Quang và đích thân làm bài tán: "Giới châu sáng sạch, dòng tuệ trong xanh, thân trong linh giới, tâm liền nhập định, học chân tông mầu, quán thông thật tánh, duy trì pháp sự, nắm giữ đức chính". Luật tạng nhờ ngài mà thịnh truyền, tượng Giáo nhờ ngài mà rạng rỡ. Huyền Tông, Khai Nguyên năm thứ năm, ngài tịch.

* **Duệ Tông:** Húy là Đán, con năm thứ tám của Cao Tông, ban đầu được phong làm Dự Vương, sau được phong Tương Vương. Tháng sáu năm Cảnh Long năm thứ tư, Trung Tông bị mưu sát, Vi hậu giấu kín không phát tang, lập Ôn Vương Trùng Mậu làm Hoàng Thái tử, phát

tang và Thái tử lên ngôi, lấy niên hiệu Đường Long. Con của Tương Vương là Long Cơ dẹp yên nội loạn, đưa Tương Vương phụ chánh cho Thiếu đế, Thiếu đế sau đó nhường ngôi cho Tương Vương. Tương Vương lên ngôi Hoàng Đế, ở ngôi ba năm, lập Long Cơ làm Hoàng Thái tử. Huyền Tông, Khai Nguyên năm thứ hai, tháng bảy, Trùng Mậu mất, thụy là Thương Hoàng Đế, thọ hai mươi tuổi. Tháng sáu năm Khai Nguyên năm thứ tư, Duệ Tông mất, thọ năm mươi lăm tuổi. Niên hiệu Cảnh Vân hai năm, Tiên Thiên một năm.

Canh Tuất: tháng sáu đổi niên hiệu Cảnh Vân. Năm đầu Tháng tám cho Tả Vũ vệ đại tướng quân Tiết Nội kiêm luôn chức U châu Đô đốc Tiết độ sứ. Tên gọi Tiết độ sứ bắt đầu từ Nột. Trăm quan được ban tước, độ hàng vạn Tăng sĩ, Đạo sĩ.

Nhâm Tý: Tiên Thiên năm đầu, tháng bảy Đế truyền ngôi cho Thái tử

* **Huyền Tông:** Húy Long Cơ, con năm thứ ba của Duệ Tông, ban đầu được phong Sở Vương, sau cải phong làm Lâm Truy Vương. Năm Cảnh Vân, ông được phong làm Hoàng Thái tử. Tiên Thiên năm đầu, tháng tám, ông lên ngôi, ở ngôi bốn mươi ba năm, thọ bảy mươi tám tuổi, tôn Duệ Tông làm thái Thượng hoàng, niên hiệu Khai Nguyên hai mươi chín năm, Thiên Bảo mười bốn năm.

Quý Sửu: Khai Nguyên năm đầu. Tháng bảy mùa Thu, Đế cùng Kỳ Vương Phạm, Tiết Vương Nghiệp, Quách Nguyên Chấn, Vương Mao Trọng, Cao Lực Sĩ giết Tể tướng, âm mưu phế lập những kẻ ác nghịch là Tiêu Chí Trung, Đậu Hoài Trinh, Sầm Hy, Thôi Thục Thường, Nguyên Khải, Lý Từ, thưởng quan tước cho Công thần, hoạn quan thịnh lên từ đó. Tháng mười hai đại xá thiên hạ, đổi chức Thượng thư. Tả hữu bộc xạ thành Tả hữu Thừa Tướng, trung thư tỉnh thành Tử vi tỉnh, Môn hạ tỉnh thành Hoàng môn tỉnh, Thị trung thành Giám, Ưng châu là Kinh triệu phủ, Lạc châu là Hà nam phủ. Trưởng sử là Doãn, Tư mã là Thiếu doãn.

* ***Lục Tổ Tuệ Năng:*** Tổ họ Lư, tên Năng, tiên tổ vốn người ở Phạm Dương, cha là Hành Thao, trong năm Vũ Đức đời Cao Tổ, ông bị phế quan đày đến Tân châu và sinh ngài (nên ngài thành người Tân hưng. Năm lên ba tuổi, cha mất) mẹ thủ tiết nuôi con. Lớn lên, gia cảnh quá nghèo, ngài phải đốn củi đổi cháo nuôi mẹ. Ngày nọ, đi ngang chợ, nghe khách tụng kinh "Ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm", ngài liền hỏi khách:

- Ông được pháp này từ ai?

Khách đáp:

Đây là kinh Kim Cang, nhận được từ Đại Sư Nhẫn ở Hoàng Mai.

Ngài liền về xin mẹ, đến yết kiến Ngũ Tổ ở Thiều châu. Có cô ni Vô Tận Tạng đọc kinh Niết-bàn, ni hỏi chữ Kinh, Tổ đáp:

- Chữ thì không biết, nghĩa thì xin cứ hỏi.

Ni nói:

Chữ còn không biết, làm sao hiểu được nghĩa?

Tổ đáp:

Diệu lý của chư Phật không đóng khung trong văn tự.

Ni thất kinh, bảo mọi người: "Năng là người có đạo, nên cúng dường ông ấy". Gần đó có nền cũ ngôi chùa cổ Bảo Lâm, mọi người xin dựng lại và mời ngài ở đó. Bốn chúng vân tập, không lâu nơi đây thành đạo tràng đông đúc. Tổ nghĩ đến đại pháp, nên đến thẳng Đông Sơn ở Hoàng Mai. Cao Tông năm Hàm Hưởng năm thứ hai, ngài đã đắc pháp, cơ phong ngữ thoại có chép trong chương của Ngũ tổ. Năm Bính Tý, Nghi Phụng năm đầu, mồng tám tháng giêng, ngài về ẩn cư ở chùa Pháp Tánh, Nam Hải. Có hai vị Tăng luận về gió động, phướn động, Tổ nói: "Không phải gió động, không phải phướn động mà tâm nhân giả động." Pháp Sư Ấn Tông nghe vậy lấy làm lạ, bèn đến gạn hỏi ngài học đạo ở đâu, mới biết ngài chính là cư sĩ họ Lư. Ngày rằm tháng giêng, Ấn Tông nhóm họp các danh tăng thạc đức thế phát cho ngài. Mồng tám tháng hai, thỉnh Trí Quang Luật Sư truyền cụ túc giới cho Tổ tại chùa Pháp tánh. Thọ giới xong, ngài khai pháp môn ở Đông sơn. Mồng tám tháng hai năm sau, ngài về lại chùa Bảo lâm. Thứ sử Thiều châu là Vi Cứ thỉnh ngài chuyển pháp luân tại chùa Đại Phạm và thọ nhận Vô Tướng Tâm Địa Giới. Môn nhân ghi chép lời ngài, lấy tên là Đàn Kinh. Sau, ngài về Tào Khê đại hoằng Phật pháp. Trung Tông, Thần Long năm đầu, tháng tư, Đế sai Nội Thị Tiết Giản đến thỉnh nhưng Sư không vào triều Giản đành xin pháp yếu về triều bẩm tấu. Đế khen hay, ban thưởng Ma-nạp ca-sa, bình bát, gấm lụa. Ngày mười chín tháng mười hai, Đế hạ chiếu đổi ngôi chùa cổ Bảo lâm ở Thiền châu thành chùa Trung hưng. Ngày mười tám tháng mười một năm Đinh Mùi, lại lệnh cho Thứ sử Thiều châu tu bổ trang nghiêm thêm, Đế sắc tứ tên chùa là Pháp tuyền, chỗ ở cũ của Tổ thuộc Tân Châu sắc tứ thành chùa Quốc ân. Duệ Tông, Tiên Thiên năm đầu, ngày nọ ngài chợt nói với đồ chúng "Ta đã nhận pháp yếu và y bát từ Đại Sư Hoằng Nhẫn, nay tín căn của các ông đã thuần thục, không ai nghi ngờ, nên ta chỉ nói pháp yếu, không truyền y bát nữa, nghe ta nói kệ:

Đất tâm chứa các giống
Mưa khắp tất nảy mầm
Đốn ngộ hoa tình hết
Quả Bồ-đề tự thành.

Ngày một tháng bảy năm sau, ta về lại chùa Quốc Ân ở Tân Châu". Lúc này, ngài thuyết pháp độ người ngót bốn mươi năm, ngày ba tháng tám niên hiệu Tiên Thiên năm thứ hai, ngài tắm rửa, kiết già thị tịch, thọ bảy mươi sáu tuổi. Ngày mười ba tháng mười một, môn nhân đưa về dựng tháp ở Tào Khê, nay là chùa Nam Hoa. Tiền Thứ sử Vi Cứ soạn văn bia. Túc Tông, Thượng Nguyên năm đầu, Đế mến mộ đạo của ngài, liền sai sứ đến thỉnh y bát của Thiên Trúc mà Ngũ Tổ truyền cho ngài đem vào cung chiêm ngưỡng lễ lạy. Đại Tông lên ngôi, ngày năm tháng năm niên hiệu Thừa Quang năm đầu, Đế mộng thấy Tổ đến xin y bát lại, Đế liền sai sứ thỉnh về lại Tào Khê. Hiến Tông, Nguyên Hòa thứ mười, Nam hải kinh lược Mã Tổng thấy Lục tổ Tào Khê chưa có thụy mới tâu xin, Đế ban ngài thụy là Giám Thiền Sư, tháp hiệu Linh Chiếu. Mã Tổng lại xin Liễu Tử Hậu khắc bia ghi lại hành trạng của Tổ.

* ***Đế hỏi ân Phật:*** Khai Nguyên năm thứ hai, Đế tuyên hỏi Tả Vệ Tăng Lục Thần Quang Pháp Sư:

"Phật đối với chúng sinh có ân đức gì khiến họ bỏ cả vua, cha mẹ, vợ con mà phụng thờ Phật. Nếu nói có lý thì Trẫm sẽ hoằng dương, còn như vô lý thì Trẫm sẽ dẹp bỏ".

Thần Quang đáp:

"Phật đối với chúng sinh, ân vượt trời đất, sáng lấp trời trăng, đức hơn cha mẹ, nghĩa vượt vua tôi."

Đế hỏi:

Trời, đất, mặt trời, mặt trăng có đủ công tạo hóa; cha, mẹ, vua, tôi đủ đức sinh thành, tại sao bảo Phật hơn những thứ ấy?

Quang đáp:

Trời có thể che nhưng không thể chở, đất có thể chở nhưng không thể che, mặt trời soi sáng ban ngày còn ban đêm thì không, mặt trăng chiếu sáng ban đêm còn ban ngày thì không, cha chỉ sinh mà không thể dưỡng, mẹ chỉ hay dưỡng mà không thể sinh, vua có đạo thì bề tôi trung, vua vô đạo thì bề tôi nịnh, từ đó mà suy, đức không hoàn bị. Phật đối với chúng sinh, ân ấy không như vậy. Luận về che thì che khắp bốn loài, bàn về chở thì chở hết sáu đường, nói về sáng thì soi chiếu mười phương, kể đến soi thì sáng loà ba cõi, nói đến từ thì cứu bạt biển khổ, luận về Bi thì độ thoát U minh, xét về Thánh thì vua trong các Thánh,

bàn về Thần thì Lục thông tự tại, bởi vậy kẻ còn người mất đều cứu khắp, kẻ sinh người hèn đều độ hết, ngưỡng mong bệ hạ lưu tâm kính ngưỡng".

Đế vui mừng nói:

Ân của Phật đã như vậy, chẳng phải thầy thì không ai nêu được, Trẫm nguyện hồi tâm, đời đời kính ngưỡng.

- Giáp Tý: Khai Nguyên năm thứ mười hai. Ất Sửu: Khai Nguyên năm thứ mười ba.

* ***Thiền Sư Phá Táo Đọa:*** Không ai biết tên họ của Sư. Sư đắc pháp với Quốc Sư Tuệ An, ẩn cư trong Tung Nhạc. Trong núi có ngôi miếu rất linh, giữa điện chỉ an trí một ông táo, xa gần đến cúng vái không ngớt. Ngày nọ, Sư dẫn thị giả vào miếu, lấy gậy gõ ông táo ba cái, nói: "Ôi! Ông táo này chỉ là bùn gạch hợp thành, Thánh từ đâu có, linh ở chỗ nào, sao lại hưởng sinh mạng cúng tế". Sư gõ ba cái nữa, ông táo đổ xuống. Lát sau có một người mặc áo xanh, đội mũ trụ đến trước Sư lạy tạ. Sư hỏi:

- Ông là ai?

Người ấy đáp:

Con vốn là thần táo ở miếu này, từ lâu chịu nghiệp báo ngày nay nhờ thầy nói pháp vô sinh, được thoát nơi này sẽ sinh lên cõi trời, nay đến đây lạy tạ.

Ngài nói:

Đó là do tánh vốn có của ông chứ không phải ta gượng nói.

Thần lạy hai lạy và ẩn mất. Bởi vậy người đương thời gọi Sư là Hòa thượng Phá Táo Đọa.

* ***Luật đến Nhật Bản:*** Khai Nguyên năm thứ mười bốn, Sa-môn Nhật Bản như Vinh Duệ v.v.. đến Dương châu, mang theo mười y Tăng-già-lê, trên y thêu hình núi sông và những vật khác. Y này là do Quốc chủ nước họ giao mang cúng dường Tăng Trung Quốc. Khi ấy Luật sư Giám Chân nhận y, và khen là người ngoại quốc có chủng tánh Phật, nên muốn qua đó giáo hóa. Gặp lúc Vinh Duệ khuyến thỉnh, Luật sư bèn theo thuyền về Đông đến Nhật Bản. Quốc chủ Xa-già nghinh đón, thỉnh ngài ngụ ở điện Tỳ-lô. Sau đó không lâu, Quốc chủ thỉnh ngài truyền Tam quy, Ngũ giới. Phu Nhân, quần thần lần lượt lãnh thọ. Nhật Bản có Luật tông từ đó.

* ***Thiền sư Nhất Hạnh:*** Cao Tăng truyện chép: "Thích Nhất Hạnh họ Trương, người Cự Lộc, vốn tên Toại là con cháu của Đàn quốc công công Cẩn dưới triều Thái Tông. Thuở nhỏ ngài xuất chúng, đọc khắp

ký, Tụng, đọc sách chẳng xem lại. Gặp Thiền sư Phổ Tịch ở Tung sơn, ngài ngộ đời huyễn, liền lạy Phổ Tịch làm thầy, thế phát xuất gia, ngụ ở chùa Tung Dương, Trung Nhạc, chuyên cần tinh tấn. Sau, ngài qua núi Đương Dương, Kinh châu, theo Luật sư Tuệ Ngộ học Tỳ-ni. Ngài rất tinh thông các sách âm dương, sấm vỹ. Sau lại tìm học toán thuật. Chưa lên đến chùa Quốc thanh ở Thiên Thai nhưng ngài đã được chúng Tăng cả chùa biết tiếng. Từ đó thanh danh ngài chấn động gần xa. Duệ Tông, Cảnh Vân năm thứ hai, tháng ba, Đế triệu ngài vào cung, ngài lấy cớ bệnh từ chối không đi. Huyền Tông, năm Khai Nguyên năm thứ ba, tháng tám, Đế sai lễ bộ lang trung Trương Hiệp đem chiếu chỉ đến núi Đương dương, ngài vào cung. Đế hỏi:

- Thầy có tài năng gì?

Ngài đáp:

Đọc qua liền nhớ kỹ.

Đế sai Trung Quan đem sổ quan cho ngài xem. Ngài xem qua vừa hết, gấp sách lại, nhớ và đọc lại mới mấy tờ. Đế bất giác bước khỏi long sàng vái ngài nói: "Thầy thật là Thánh nhân". Khen ngợi một lúc, Đế giữ ngài lại trong điện Quang Thái, triệu hỏi liên tục, đoán việc họa phước như trong lòng bàn tay. Tháng tư năm Khai Nguyên năm thứ chín, triều đình cho rằng lịch Lân Đức không hiệu nghiệm, Đế triệu ngài đến sửa và soạn lịch mới. Ngài căn cứ lịch Đại Diễn lập cách tính so sánh cho phù hợp, đó là bộ lịch Khai Nguyên Đại Diễn gồm năm mươi hai quyển, được biên nhập trong Đường Thư Lịch Luật Chí. Hình Hòa Phát vốn là đạo thuật gia nói với Doãn Hâm: "Hòa thượng Nhất Hạnh thật là Thánh nhân đời Hán, Lạc Hạ Hoành soạn lịch Thái Sơ có nói, tám trăm năm sẽ sai một ngày, lúc ấy có Thánh nhân chuẩn định lại. Năm nay hết hạn, lịch Đại Điễn ra đời và chỉnh lại sự sai sót ấy, bởi vậy lời của Lạc Hạ Hoành thật đáng tin, chẳng phải Thánh nhân thì còn ai làm được việc này". Ngài học Đà-la-ni Bí Ấn với Tam tạng Kim Cang Trí. Tháng mười năm Khai Nguyên năm thứ mười một, ngài mượn sức nước đẩy chế xong hỗn thiên hoàng đạo nghi, cái mà từ xưa chưa từng có. Đế mừng rỡ đích thân soạn bài minh, hạ chiếu trong điện Vũ Thành cho bá quan xem.

* ***Hỗn Thiên Hoàng Đạo Nghi:*** cách thức này dựa hình tượng tròn như bầu trời, bày đủ túc xích đạo, độ số, dẫn nước xả vào bánh xe khiến nó tự quay. Một ngày một đêm thì quay giáp vòng. Bên ngoài nối hai bánh xe, làm mặt trời mặt trăng khiến nó vận hành. Mỗi lần bánh lớn quay sang Tây một vòng, thì mặt trời đi sang đông một độ, mặt trăng

quay mười ba độ. Lại dùng cái rương gỗ làm đất bằng, đặt hoàng đạo nghi ở dưới đất một nửa, sáng, tối, mồng một, rằm rất chính xác. Lại dựng hai người gỗ trên đất bằng, trước một người đặt một cái trống cứ đến một khắc (mười lăm phút) thì tự đánh trống. Trước một người đặt một cái chuông, cứ đến một giờ (hai tiếng) thì tự đánh chuông.

Đế ở cung Đại Minh, ôn tồn hỏi ngài về vận mệnh của xã tắc, ngài đáp: "Xe loan có cuộc đi vạn dặm (vạn lý), xã tắc rốt cuộc được tốt lành (kiết)". An Lộc Sơn làm phản, Đế phải xa giá đến đất Thục, cầu Vạn Lý, Thành đô rồi lại về. Hy Tông mất, em Đế là Kiết Vương là người hiền tài, quần thần đều ngưỡng vọng. Trung úy Dương Phục Cung xin lập em ông là Thọ Vương Kiệt, Lương thay đổi vận mệnh, lời ngài quả nhiên đúng. Ngày tám tháng mười một năm Khai Nguyên mười lăm, ngài thay áo, ngồi ngay thẳng và tịch, thọ bốn mươi lăm tuổi. Đế khóc rất bi ai, không thiết triều ba ngày, để kim quan hai mươi mốt n gày, nhưng sắc diện ngài vẫn tươi tỉnh. Đế hạ chiếu cho an táng ở cao nguyên Đồng Nhân, lấy quốc khố năm mươi vạn tiền để dựng tháp, ban thụy là Đại Tuệ Thiền Sư, Đế tự tay soạn văn bia, khắc vào đá, lệnh cho từ Đông cung trở xuống, quan Cửu phẩm trong kinh thành trở lên, đều phải di tống kim quan đến Đồng Nhân, thiết trai, cấp ruộng hương hỏa. Tháng ba năm Khai Nguyên năm thứ mười sáu, Đế xa giá đi Ôn, Thang. Lộ trình xuất phát từ tháp của ngài, Đế hạ giá sai các quan đến tháp ngài thưa ý định xa giá của mình, ban tặng năm mươi cây lụa để chi phí cho việc trồng tùng, bá trước tháp. Ngài nối pháp Thiền Sư Phổ Tịch ở Tung Sơn, Phổ Tịch nối pháp Bắc Tông Thần Tú, Thần Tú nối pháp dòng phụ của Ngũ Tổ. Đời Tống, Tăng Thống Tán Ninh soạn truyện của ngài có ghi: "Ngài theo xa giá đến Tân Lễ, đứng trước xa giá từ tạ Đế và về Đông đến Tung Sơn, lễ lạy bổn sư Phổ Tịch Thiền Sư và nhập diệt ở chùa Võng cực".

* ***Xuân Du:*** Tháng hai năm Khai Nguyên năm thứ mười tám, Đế mới sai trăm quan soạn Thắng Hành Nhạc trong mười ngày nghỉ xuân, từ Tể tướng đến Viên Ngoại lang cả thảy mười hai chức, mỗi người được Đế ban cho năm mươi xâu tiền. Đế ngự tại Hoa ngạc lâu đón những người ra về mời họ ở lại uống rượu, lần lượt sai họ hát múa, vui chơi rồi mới đi. Lúc này cả nước chỉ có hai mươi bốn tử tội.

* ***Kinh Quyển:*** Sa-môn Trí Thăng soạn Khai Nguyên Thích Giáo Lục hai mươi quyển trình bày năm thứ tự của Kinh Luận gồm năm ngàn bốn mươi tám quyển. Ngài còn soạn Tục Nội Điển Lục một quyển, Tục Dịch Kinh Đồ Ký một quyển, Tục Phật Đạo Luận Hoành một quyển.

Đế ngự ở Hoa Ngạc lâu triệu hai phái Phật giáo và Đạo giáo đến luận nghĩa. Pháp sư Đạo Nhân cùng luận biện với Đạo sĩ Doãn Khiêm. Khiêm luận thua. Đế có chiếu biên hết luận nghĩa ấy cho nhập tạng, lấy tên là Khai Nguyên Phật Đạo Luận Hoành.

Pháp sư Đạo Nhân họ Trường Tôn, người Cao Lăng, Trường An. Cha ngài tên Dung làm chức điện trung thị ngư sử, mẹ ngài họ Mã. Khai Nguyên năm thứ mười tám tại Hoa Ngạc lâu, ngài biện luận trước Đế để phân định sự hơn kém của hai giáo. Ngài mạnh dạn hùng biện chẳng khác sông tuôn biển chảy, Đạo sĩ Doãn Khiêm đối đáp lộn xộn, lý kém từ thua, luận tông trái ngược. Đế hai, ba lần ngợi khen, ban ngài năm trăm tấm lụa để tỏ lòng báo ân pháp thí. Ngoài ra, Đế còn cho tập hợp lý lẽ cuộc luận này thành bộ Luận Hoành một quyển, thịnh hành ở đời. Khai Nguyên năm thứ hai mươi tám, ngài có bệnh, dâng biểu và nhập diệt. Đế xem biểu tấu, vô cùng thương tiếc, sai trung sứ nội cấp sự giả Văn Hoài mang năm mươi cây lụa đến viện điếu tang. Ngài thọ bảy mươi ba tuổi, tăng lạp năm mươi ba hạ. Ngày mười ba tháng tám năm ấy, môn nhân an táng ngài bên cạnh vườn Tiêu dao ở Sơn Âm, Chung Nam.

*Chú Thích Kinh: Khai Nguyên năm thứ mười chín, Đế chú thích kinh Kim Cang và ban phát cho cả nước.

*__*Miếu Thái Công:*__ Tháng ba, Đế mới sai các châu ở Lưỡng Kinh mỗi nơi lập một miếu Thái Công, phối hợp tế tự luôn Trương Lương, tuyển đủ mười danh tướng xưa đứng hàng Thập Triết. Ngày Thượng tuất của tháng hai, tháng tám hàng năm tế tự như lễ của Khổng Tử. Niên hiệu Thượng Nguyên năm đầu, Túc Tông truy tôn Lã Vọng thụy là Vũ Thành Vương.

* __*Bí Mật Giáo:*__ Tây Thiên, Đông độ hoằng truyền được bảy đời. Đầu tiên là Kim Cang Tát-đỏa ở trước Tỳ-lô-giá-na đích thân thọ nhận Du-già Ngũ Bộ Tô Tất Quỹ Phạm. Tát-đỏa truyền cho Đại sĩ Long Mãnh. Long Mãnh truyền cho Xà-lê Long Trí, đến đây nó tồn tại đã mấy trăm năm. Long Trí truyền cho Kim Cang Trí Bạt Nhật La Bồ-đề. Kim Cang Trí mới đem giáo pháp này sang Đông độ và truyền cho Tam tạng Bất Không. Trong niên hiệu Khai Nguyên đời Huyền Tông, Bất Không lại sang Tây Thiên, vào nước Sư Tử theo A-xà-lê Phổ Hiền thọ học mười tám hội Kim cang quán đảnh và cách lập đàn Đại bi thai tạng. Năm Thiên Bảo năm thứ năm, ngài về lại Kinh đô, đem pháp đã học truyền cho Pháp sư Tuệ Lãng. Từ Tuệ Lãng, những người nối pháp ngài ở phương Nam ngày một ít, truyền đến đời sau này và gọi riêng là pháp

Du-già. Những Phật sự ấy ngày nay vẫn còn.

* ***Kim Cang Trí:*** Ngài ngụ cư chùa Quảng Phước, Lạc Dương, tên tiếng Phạm là Bạt-nhật-la Bồ-đề, Hán dịch là Kim Cang Trí, vốn người nước Ma-lại-da thuộc Nam Ấn, Thiên Trúc. Cha ngài dòng Bà-la-môn, rất giỏi Ngũ minh, làm thầy của Kiến Chi Vương. Chỉ mới vài tuổi nhưng mỗi ngày ngài đọc thuộc cả vạn lời, mười lăm tuổi khai ngộ Phật lý, theo thầy xuất gia, học A-tỳ Đạt-ma v.v... tại chùa Na-lan-đà ở Trung Ấn, đăng đàn thọ Cụ túc, nghe giảng mười tám bộ Luật. Ngài lại đến Tây Ấn học các luận của Tiểu thừa. Hơn mười năm, ngài đã thông suốt ba tạng Kinh Luật Luận. Nghe Phật pháp ở Chi Na rất thịnh ngài liền theo thuyền sang, năm Khai Nguyên năm thứ bảy, ngài đến Quảng Phủ, năm sau đến Kinh Đô, Đế nghinh đón và thỉnh ngài ngụ ở chùa Đại Từ Ân hoằng dương Bí Mật Giáo, lập pháp Mạn-trà-la, sau ngài về trụ ở chùa Tiến Phước. Thiền sư Đại trí Đạo Nhân, Đại tuệ Nhất Hạnh, Tam tạng Bất Không đều thờ ngài làm thầy. Những bộ kinh do ngài dịch, phần nhiều Nhất hạnh đều có tham gia. Nhất hạnh từng thọ học nghi chế của Đàn pháp. Ngày rằm tháng tám năm Khai Nguyên năm thứ hai mươi, tại chùa Quảng phước ở Lạc Dương ngài nói với đồ chúng: "Lúc trăng tròn sáng ta sẽ đi". Ngài lễ Phật Tỳ-lô-giá-na, đi nhiễu bảy vòng, quay về bản viện, đốt hương phát nguyện, giao phó kinh Phạm và những bản dịch xong, ngài an nhiên thị tịch, thọ bảy mươi mốt tuổi, tăng lạp năm mươi mốt hạ. Mồng bảy tháng mười một, đồ chúng an táng ngài bên phải Y Xuyên phía Nam Long môn. Đệ tử Bất Không bẩm tấu triều đình, Đế phong ngài thụy là Quán Đảnh Quốc Sư, sai trung thư thị lang Đỗ Hồng Tiệm soạn bia ghi lại tài đức của ngài.

* ***Tam tạng Bất Không:*** Ngài ngư cư chùa Đại Hưng Thiện ở Kinh triệu, tên tiếng Phạm A-mục-chư Bạt-chiết-la, Hán dịch là Bất Không Kim Cang. Ngài thuộc dòng dõi Bà-la-môn ở Bắc Thiên Trúc, từ nhỏ mồ côi, theo chú đến các nước phía Đông. Năm mười lăm tuổi, ngài theo thờ Kim Cang Trí và được truyền giáo pháp, đăng đàn thọ Cụ túc, học Nghi quỹ, rất giỏi Nhất Thiết Hữu Bộ. Sau khi Kim Cang Trí nhập diệt, tháng mười hai năm Khai Nguyên năm thứ hai mươi lăm, ngài dẫn hai mươi mốt đệ tử theo thuyền ở Côn Lôn về lại Ngũ Thiên Ấn đi khắp các nước tìm Mật tạng và Kinh Luận cả thảy hơn năm trăm bộ. Năm Thiên Bảo năm thứ năm, ngài về Kinh, phụng chiếu ngụ cư ở Hồng Lô, năm sau, Đế triệu ngài vào cung lập đàn làm lễ quán đảnh cho Đế. Đế ban ngài hiệu Trí Tạng Quốc Sư, thỉnh qua ở chùa Tịnh ảnh. Mùa hạ, ngài cầu mưa linh nghiệm, Đế tự tay bưng hòm báu dâng ngài ca-sa tía.

Ở Mang sơn phía Bắc Lạc Dương có con mãng xà rất lớn, nhả khí độc khắp nơi, ai ngửi phải độc khí ấy sẽ chết ngay. Đế triệu ngài đến chú thuật giết nó. Năm Thiên Bảo năm thứ mười hai, binh của ba nước Tây Phiên, Đại Thạch, Khang Cư vây Lương châu, Đế thỉnh ngài cầu âm binh giải vây. Ngài lập đàn, tụng Nhân Vương mật ngữ, Đế đích thân dâng hương. Bỗng có vị thần mặc giáp trụ xuất hiện, Đế nhìn thấy và hỏi ngài:

- Đây là thần gì?

Ngài đáp:

Con trưởng của Bắc Phương Tỳ-sa-môn Thiên vương.

Ngài tụng mật ngữ rồi sai đi. Ngày hai mươi bốn tháng tư Tây Kinh về cấp báo: Ngày mười một tháng hai cách Đông bắc thành khoảng ba mươi dặm, giữa mây mù thần binh xuất hiện oai phong, trên lầu cửa Bắc thành có Quang Minh Thiên vương phẫn nộ nhìn quân Phiên, thúc trống thổi tù và mà đến, Tây Phiên cuống cuồng cuốn giáp chạy trốn. Đế xem biểu tấu, nhân đó ra lệnh lầu thành các nơi dựng tượng Thiên Vương bắt đầu từ đó. Trong năm Càn Nguyên đời Túc Tông, Đế triệu ngài vào cung dựng pháp Đạo tràng hộ ma, truyền pháp Chuyển Luân Vương Vị, Thất Bảo Quán Đảnh cho Đế. Cuối năm Thượng Nguyên, ngài dâng biểu xin vào núi. Lý Phụ Quốc tuyên sắc lệnh thỉnh ngài ở tu tại chùa Trí cự, núi Chung Nam. Đại Tông lên ngôi, ân sủng càng hậu. Vĩnh Thái năm đầu, Đế thỉnh ngài dịch hai kinh Mật Nghiêm và Nhân Vương, Đế viết bài tựa. Mồng một tháng mười một, Đế đặc biệt phong ngài chức Hồng Lô Khanh. Năm Đại Lịch năm thứ ba, Đế thỉnh ngài lập đàn tại chùa Đại Hưng Thiện, trao pháp quán đảnh cho đại thần thân cận và tướng soái các trấn. Đế dự đàn, gia phong ngài hiệu Đại Quảng Trí Tam Tạng. Đại Lịch năm thứ sáu, ngài dâng các bộ kinh do mình dịch, cả thảy bảy mươi bảy bộ một trăm hai mươi quyển. Đại Lịch năm thứ chín, ngài quy tịch. Trước đó ngài dâng biểu từ tạ, Đế sai Sứ đến thăm hỏi, thuốc thang, gia phong ngài chức Khai Phủ Nghi Đồng Tam Ty, phong làm Tiêu Quốc Công, thực ấp ba ngàn hộ. Ngài cố chối từ không nhận và nói: “Lúc trăng tròn sáng, ta sẽ đi rồi, sắp lâm chung còn trộm nhận danh vị làm gì nữa!”. Ngài đem năm vòng kim cang, linh, chày, do thầy mình truyền lại và đặt trên mâm bạc xâu chuỗi hạt Bồ-đề thủy tinh thay lời từ biệt, giao cho trung sứ Lý Hiến Thành mang về dâng Đế. Rằm tháng sáu, ngài tắm nước thơm, nằm quay đầu về Đông, mặt quay về Bắc, nhìn về sân rồng, bắt đại ấn quy tịch trong Chánh định, thọ bảy mươi tuổi, tăng lạp năm mươi hạ. Đệ tử Tuệ Lãng kế thế

ngôi vị quán đảnh, ngoài ra người biết pháp này còn vài người nữa. Đế không thiết triều ba ngày, ban gấm lụa, vật dụng, bốn mươi vạn tiền, hơn hai trăm vạn tiền để xây tháp, sai công đức sứ Lý Nguyên Tông đảm trách việc an táng. Mồng sáu tháng bảy, làm lễ trà-tỳ, sai triều phẩm Lưu Tiên Hạc đến chùa tế tự, ban chức Tư không, ban thụy là Đại Biện Chánh Quảng Trí Tam Tạng, thâu mấy trăm viên xá-lợi, lấy tám mươi hạt lớn dâng về triều. Xương đỉnh đầu của ngài không cháy, bên trong có một viên xá-lợi nửa ẩn nửa hiện. Đế hạ chiếu cho chùa này dựng tháp ở viện riêng, Ngự sử đại phu Nghiêm Trình soạn bia, Từ Hạo khắc gỗ tại viện này.

Trong Hệ Truyền đời Tống ghi: "Truyền giáo nối nhau, Đông Hạ tôn Kim Cang Trí làm Thỉ tổ, Bất Không Kim Cang là Tổ năm thứ hai, Tuệ Lãng là tổ năm thứ ba. Về sau phân nhiều chi phái, nhưng họ đều hỏi "Truyền Du-già Đại Giáo thì rất nhiều, nhưng ít người chứng nghiệm là tại sao vậy?" Đó cũng giống như con Vũ Gia sinh ra Ứng Long, Ứng Long sinh ra Phượng Hoàng, Phượng Hoàng sinh xuống những loài chim khác, muốn thay đổi, lẽ đâu được ư!

- Quý Dậu: Khai Nguyên năm năm thứ hai mươi mốt, Đế chia thiên hạ thành Kinh Kỳ, Đô Kỳ, Quan Nội, Hà Nam, Hà Đông, Hà Bắc, Lũng Hữu, Sơn Nam Đông Đạo, Sơn Nam Tây Đạo, Kiếm Nam, Hoài Nam, Giang Nam Đông Đạo, Giang Nam Tây Đạo, Kiềm Trung, Lãnh Nam cả thảy mười lăm đạo. Mỗi nơi đều đặt thái phỏng sứ. Phương sĩ Trương Quả Lão tự nói mình đã mấy trăm tuổi, Đế triệu ông vào cung, ông khẩn thiết từ chối và về núi. Đế ban ông chức Ngân Thanh Quang Lộc Đại Phu, hiệu Thông Tuyền Tiên Sinh. Ông vào Thường Sơn và không rõ mất lúc nào.

* ***Hoa Nghiêm Hợp Luận:*** Khai Nguyên năm thứ hai mươi hai, Lý Trưởng giả ở Thái Nguyên, tên là Thông Huyền mỗi ngày ăn một cái bánh táo nhỏ bằng lá cây bá, nhân đó người ta gọi ông là Táo Bá Đại Sĩ. Trước đây, trong năm Khai Nguyên năm thứ bảy, ông từng soạn Luận trong Trai Đường của nhà Cao Tiên Nô ở huyện Mạnh, Thái Nguyên. Ba năm sau, ông dời về bên cạnh Cổ Phật Đường của người họ Mã. Đọc suốt mười năm, ông quảy kinh sách ra đi. Ông đi đường núi được hai mươi dặm bỗng gặp một con cọp, trưởng giả vỗ nó và nói: "Ta soạn Hoa Nghiêm Luận, ngươi có thể chọn cho ta một chỗ nghỉ chân được không?" Nói xong, ông đặt túi kinh lên lưng nó. Đi đến trước cái tháp bằng đất ở bãi đất núi Thần Phước, con cọp dừng lại. Trưởng Giả liền vào tháp soạn Luận. Mỗi đêm miệng ông phóng ánh sáng để thay đèn

đuốc, ban ngày có hai đồng tử một nam một nữ lấy nước, dâng hương. Đến giờ ăn, đồng tử dọn thức ăn, ăn xong đồng tử dọn bát. Cứ thế suốt năm, trưởng giả soạn xong luận, hai đồng tử ẩn tích đâu mất chẳng còn thấy nữa. Ông soạn xong luận gồm bốn mươi quyển. Tháng ba năm Khai Nguyên năm thứ hai mươi tám, ông mất, hưởng thọ chín mươi lăm tuổi. Ông còn soạn những bộ như: Quyết Nghi Luận, Hội Thích, Thập Môn Huyền Nghĩa, Duyên Sinh Giải, Mê Thập Minh Luận, Thập Huyền Lục Tướng, Bách Môn Nghĩa Hải, kệ, Tán, Ngữ v.v... đều lưu hành ở đời.

* ***Dược Vương:*** Họ Vi, tên Cổ, tự Lão Sư, người nước Sơ Lặc. Năm Khai Nguyên năm thứ hai mươi lăm, ông đến Kinh đô, đầu đội khăn lụa, mặc áo vải the, chống gậy lê mà đi, lưng đeo đến mấy trăm cái hồ lô, đến đâu cũng cho thuốc bổ, thường có con chó đen đi theo ông. Hễ ai có bệnh hoạn, ông nhìn thì họ khỏi ngay. Đế kinh lễ, tôn ông là Dược Vương Bồ-tát. Hoàng hậu vẽ hình ông thờ tự cúng dường.

Khai Nguyên năm thứ hai mươi sáu, Đế hạ chiếu cho các châu quận trong nước mỗi nơi phải xây một chùa lớn, lấy niên hiệu đặt tên chùa, đó là chùa Khai Nguyên. Tháng sáu, lập Hoàng Thái tử Dư, sau đổi tên là Hanh.

+ **Văn Tuyên Vương:** Tháng tám năm năm thứ hai mươi bảy, Đế truy tôn Khổng Tử Thụy Văn Tuyên Vương. Trước đây tế tự như tiên Thánh, tiên Sư, Chu Công tế hướng nam, Khổng Tử tế hướng Đông. Đế ra lệnh chế từ nay tế tự Khổng Tử ở hướng Nam, mặc lễ phục của vương giả, truy tặng đệ tử ông làm công, hầu, bá.

* ***Thanh Nguyên:*** Thiền sư Hành Tư ở chùa Tĩnh Cư, núi Thanh Nguyên, Kiết châu. Sư họ Lưu, người An Thành, Kiết Châu, từ nhỏ xuất gia đắc pháp với Lục tổ, về trụ ở Thanh Nguyên. Đến lúc này vào ngày mười ba tháng mười hai năm Khai Nguyên năm thứ hai mươi tám, Sư thượng đường cáo biệt đại chúng rồi kiết già thị tịch. Hy Tông ban Sư thụy là Hoằng Tế Thiền Sư, tháp hiệu Quy Chân. Sư nối pháp của Lục tổ.

* ***Thiền sư Phổ Tịch:*** Ngài trụ trì chùa Đường Hưng ở Kinh đô. Cựu Đường Sử chép: "Ngài họ Mã, quê ở Hà Đông, thiếu thời đi tham vấn khắp cao Tăng học Kinh Luật, thờ Thần Tú ngót sáu năm, Tú thấy ngài là bậc pháp khí mới truyền hết đạo cho. Thần Tú vào kinh, nhân tiến cử ngài với Tắc Thiên, nhờ vậy ngài được độ làm tăng. Thần Tú quy tịch, những người mến mộ Phật pháp trong cả nước đều tôn thờ ngài. Trung Tông nghe đức hạnh cao xa, liền hạ chiếu chỉ bảo ngài thay

Thần Tú thống lãnh đồ chúng. Khai Nguyên năm thứ mười ba, Huyền Tông có chỉ dụ thỉnh ngài về ở tại đô thành, lúc này Vương Công Sĩ thứ đua nhau đến lạy học. Tính ngài nghiêm cẩn, ít nói, khó thấy được niềm vui hiện trên gương mặt, vì vậy xa gần càng kính trọng ngài hơn. Lúc này, Khai Nguyên năm thứ hai mươi tám, ngài quy tịch. Đế hạ chỉ ban hiệu là Đại Chiếu Thiền Sư. Ngày an táng, Hà Đông Doãn Bùi Khoan cùng vợ con đều mặc đồ tang đứng sau hàng môn đồ. Sĩ thứ cả thành đều khóc tiễn, chợ búa chẳng đông mấy ngày. Sư nối pháp của Thần Tú, Thần Tú nối pháp Ngũ tổ. Đệ tử ngài có Duy Chánh, Nhất Hạnh nối pháp.

* ***Nam Nhạc Thiền Sư:*** Sư họ Đỗ, húy Hoài Nhượng, người Kim Châu. Năm mười lăm tuổi, sư từ biệt cha mẹ, đến chùa Ngọc Tuyền ở Kinh châu theo Luật sư Hoằng Cảnh xuất gia, thọ Cụ túc, học Tỳ-ni, sau đó đến Tào Khê tham vấn Lục tổ. Qua tám năm, Sư mới nhận lãnh được pháp yếu. Tổ nói với Sư: "Tổ năm thứ hai mươi bảy của Tây Thiên là Bát-nhã Đa-la có sấm ký, rằng dưới chân ông sẽ xuất hiện một con ngựa câu, đạp chết người trong thiên hạ". Sư hầu hạ Tổ suốt mười lăm năm. Duệ Tông, Tiên Thiên năm đầu, Sư qua trụ chùa Bát-nhã ở Hoành Nhạc. Lúc này, tức năm Khai Nguyên, Sư tiếp nhận Mã Tổ Đạo Nhất, phó pháp bằng bài kệ:

Đất tâm ươm các giống
Gặp nước tất nảy mầm
Hoa Tam-muội không tướng
Đâu hoại lại đâu thành!

Ngày mười một tháng tám năm Thiên Bảo năm thứ ba, Sư viên tịch ở Hoành Nhạc, thọ sáu mươi tám tuổi. Đế ban Sư Thụy Đại Tuệ Thiền Sư, tháp hiệu Tối Thắng Luân. Sư nối pháp của Lục tổ.

Thiên Bảo năm thứ ba, Đế đổi "niên" thành "tái", đến Túc Tông Càn Nguyên năm đầu, lại đọc là "niên".

* ***Từ Bộ Điệp:*** Tháng năm Thiên Bảo năm thứ năm, Đế hạ chiếu thiên hạ độ Tăng ni, đồng thời sai Từ bộ cấp điệp. Nay gọi đó là Từ bộ vốn phát xuất từ đây.

- Mậu Tý: Thiên Bảo năm thứ bảy, đại tướng quân Cao Lực Sĩ dựng chùa Bảo Thọ ở Tây Kinh, đúc đại hồng chung, thiết trai cúng dường để khánh thành. Cả triều đều vân tập, giao hẹn ai đánh một tiếng chuông thì cúng trăm tiền. Có người thích cúng đánh đến hai mươi tiếng.

- Canh Dần: Thiên Bảo năm thứ chín, tháng năm Đế ban An Lộc

Sơn tước Đông Bình quận vương. Tướng soái nhà Đường được phong vương bắt đầu từ Lộc Sơn. An Lộc Sơn vốn người Hồ ở Liễu Thành, Doanh châu, ban đầu có tên là A Lạc Sơn mà bộ tộc Đột quyết gọi là Đấu Chiến Thần. Ông họ Khang, mẹ là A Sử Đức làm nghề đồng cốt trong bộ tộc Đột quyết. Bà cầu tự ở Càn Lạc Sơn, đến khi sinh Lộc Sơn, bỗng có ánh sáng chiếu khắp nhà trại, thú rừng đều kêu vang. Người chiêm bói cho đó là điềm lành. Cha chết, mẹ ông dẫn ông đến An Diên Yển trong bộ tộc Đột quyết, gặp lúc bộ tộc này tan rã, ông và con người anh Diên Yển là Tư Thuận cùng trốn sang nhà Đường, nên giả mạo họ An tên Lộc Sơn. Có Sử Tốt Vu là người cùng quê với Lộc Sơn, nổi tiếng là dũng sĩ, nhiều lần gặp tướng quân đề bạt, ông được Đế ban tên là Tư Minh, từ đó về sau họ đều làm phản.

- Nhâm Thìn: Thiên Bảo năm thứ mười một, tháng ba, Đế đổi sử bộ thành văn bộ, hình bộ thành hiến bộ.

- Ất Mùi: Thiên Bảo năm thứ mười bốn, tháng mười một An Lộc Sơn làm phản. Túc Tông năm Càn Nguyên năm thứ hai, An bị tiêu diệt. Đại Tông, Quảng Đức năm đầu, Sử bị diệt.

* **Túc Tông:** Húy là Hanh, con năm thứ ba của Huyền Tông. Năm Khai Nguyên năm thứ hai mươi sáu, ông được lập làm Hoàng Thái tử. tháng sáu năm Bính Thân, An Lộc Sơn vây hãm Đồng Quan. Huyền Tông chạy đến đất Thục. Thái tử lên ngôi ở Linh Vũ, đổi niên hiệu Chí Đức đúng vào tháng bảy, tôn Huyền Tông làm thái Thượng hoàng, đổi Phù Phong thành Phụng tường phủ. Ông ở ngôi bảy năm, thọ năm mươi hai tuổi. Niên hiệu Chí Đức hai năm, Càn Nguyên hai năm, Thượng Nguyên hai năm, Bảo Ứng một năm.

- Tháng bảy năm Bính Thân đổi niên hiệu Chí Đức năm đầu. An Lộc Sơn tự xưng Đại Yên Hoàng Đế, lập niên hiệu Thánh Vũ đưa, binh vào Trường An. Năm sau, An Lộc Sơn bị hoạn quan của mình là Lý Trư Nhi cầm đao rạch bụng và An chết. Con của ông là An Khánh Tự nối ngôi. Đinh Dậu, Chí Đức năm thứ hai, tháng chín, thu phục lại Tây Kinh, tháng mười thu phục lại Đông Kinh. Đinh Mão, Đế vào Tây Kinh. Tháng mười hai, Thượng hoàng về đến Hàm dương ở cung Hưng khánh. Túc Tông lập con là Quảng Bình Vương Thúc làm sở vương, gia phong các công thần, phong Quách Tử Nghi làm Tư Đồ, Lý Quang Bật làm Tư không, đổi Thục Quận làm Nam kinh, Phụng Tường là Tây kinh, Tây Kinh là Trung kinh.

- Mậu Tuất: Càn Nguyên năm đầu, Đế đại xá thiên hạ, đổi niên hiệu, lại đổi "Tái" thành "Niên". Đế lập đạo tràng trong cấm cung,

giảng tụng, đọc kinh sau lệnh trên Ngũ nhạc đều phải dựng chùa, chọn những Sa-môn đức hạnh trụ trì, cho phép Cư sĩ nào tụng được năm trăm tờ kinh sẽ độ làm tăng, hoặc nộp một trăm xâu tiền để xin độ điệp, thế phát, hoặc cho người thấu tỏ nghĩa kinh xuất gia, đến khi Lưỡng Kinh được bình định. Các châu trọng yếu nộp tiền độ Tăng, Đạo sĩ đến hơn vạn người, từ đó bắt đầu có tên gọi "Tiến nạp". Lập Sở Vương làm Thái tử.

* ***Ao Phóng Sinh:*** Tháng ba năm Càn Nguyên năm thứ hai, Đế hạ chiếu cho các châu trong thiên hạ đều phải đào ao phóng sinh. Tháng mười, đế ban sắc lệnh cho Thăng châu Thứ sử Nhan Chân Khanh soạn bài minh văn bia về việc phóng sinh, có trong nhà Đường. Bài tựa ghi: "Hoàng Đế ta cho khắp thiên hạ đào ao, nương thành linh mà cầu phước, nhờ sức gia trì của Đà-la-ni, tát cạn biển phiền não, và dòng sinh tử, xét thời tiền cổ đâu từng có như vậy". Tháng tám Đế lệnh cho Tư Đồ Quách Tử Nghi đánh An Khánh Tự, phong hoạn quan Khai phủ nghi đồng tam ty Ngư Triều Ân làm quán quân dung tuyên úy xử trí sứ. Tên gọi Quán Quân Dung có từ đây. Sử Tư Minh giết An Khánh Tự, tự lập làm Đại Yên Hoàng Đế.

- Canh Tý: Thượng Nguyên năm đầu.

* ***Thiền sư Thần Hội ở Hà trạch:*** Sư họ Cao, người Tương Dương, mười bốn tuổi làm Sa-di, yết kiến Lục Tổ và đắc pháp, sau qua Tây Kinh thọ giới. Trung Tông, năm Cảnh Long năm thứ hai, Sư về Tào Khê. Tổ nhập diệt, trong khoảng hai mươi năm kế đó, đốn tông của Tào Khê ngày càng mai một ở Kinh, Ngô; tiệm môn của Tung Nhạc lại thịnh hành ở Tần, Lạc. Năm Thiên Bảo năm thứ tư, Sư vào kinh đô, soạn Hiển Tông ký, để chỉnh đốn lại hai tông: đốn của Tuệ Năng ở Phương Nam, tiệm của Thần Tú ở Phương Bắc. Lúc này, Thượng Nguyên năm đầu, Sư từ biệt chúng và an nhiên thị tịch, an táng ở Long Môn. Đế sắc dựng tháp viện, ban hiệu Chân Tông Bát-nhã. Sư nối pháp của Lục tổ. Núi Hà trạch thuộc Tào châu, Đông Xương lộ. Hà thuộc Duyện châu.

- Tân Sửu: Thượng Nguyên năm thứ hai, tháng tám, Đế bỏ niên hiệu chỉ gọi Nguyên niên (năm thứ), bỏ tôn hiệu chỉ gọi Hoàng Đế, lấy tháng Tý làm tháng đầu của một năm, theo giờ kiến lập ấy mà tính. Năm sau, lấy lại như trước. Sử Tư Minh yêu mến con út là Triêu Thanh nên lập Thanh làm Thái tử, muốn giết con trưởng là Triêu Nghĩa, bộ tướng của Triêu Nghĩa là Lạc Duyệt cầm tù và giết Sử Tư Minh. Triêu Nghĩa lên ngôi Hoàng Đế.

* ***Nam Dương Quốc Sư:*** Tên là Tuệ Trung, họ Nhiễm, quê ở Việt

Châu, Chiết Đông, thọ tâm ấn của Lục tổ, ngụ cư hang Đảng Tử trên núi Bạch Nhai thuộc Nam Dương. Hơn bốn mươi năm, ngài chưa từng xuống núi. Túc Tông nghe đạo hạnh của ngài, vào năm Thượng Nguyên năm thứ hai, Đế sai trung sứ Tôn Triều Tiến đem chiếu mời ngài vào cung. Đế lấy lễ thầy tiếp đãi ngài, thỉnh ở viện Tây Thiền chùa Vu Phước. Đế hỏi ngài:

- Ở Tào Khê thầy đắc pháp gì?

Ngài hỏi lại:

Bệ hạ có thấy mảng tuyết trong hư không không?

- Thấy.

- Do đinh đóng hay treo lơ lửng!

Đế hỏi tiếp:

Thế nào là mười thân Điều Ngự Sư?

Ngài đứng dậy hỏi:

Hiểu không?

Đế đáp:

Chẳng hiểu!

- Hãy đem Tịnh bình lại đây cho lão tăng!

Đế hỏi:

Thế nào là Vô tránh Tam-muội?

Ngài đáp:

Đàn-việt đạp trên đỉnh Tỳ-ô mà đi.

- Ý này thế nào?

- Chớ nhận pháp thân thanh tịnh của chính mình.

Đế hỏi tiếp, ngài chẳng thèm nhìn, Đế nói:

- Trẫm là Thiên Tử của Đại Đường, vì cớ gì thầy không nhìn?

Ngài hỏi:

Bệ hạ có thấy hư không chăng?

- Thấy!

- Nó có liếc nhìn bệ hạ không?

Ngay đó, Đế chợt hiểu. Đời Đại Tông năm Đại Lịch thứ mười, Sư thấy việc hóa duyên sắp hết nên cáo từ Đế. Đại Tông hỏi:

- Sau khi thầy tịch, đệ tử phải ghi thế nào?

- Bảo Đàn-việt dựng một ngôi tháp Vô Phùng.

- Vậy xin thầy cho hình dạng của tháp!

Ngài im lặng một lát và hỏi:

Hiểu không?

Đế đáp:

Không hiểu!

- Sau khi bần đạo đi, thị giả Ứng Chân biết được việc này, xin bệ hạ đến đó hỏi.

Ngày mười chín tháng mười hai, ngài năm nghiêng bên phải quy tịch. Môn nhân dựng tháp ở hang Đảng Tử, Đế ban thụy Đại Chứng Thiền Sư. Đại Tông cho triệu Ứng Chân vào cung hỏi lại việc trước, Chân im lặng giây lâu rồi hỏi:

Thánh Thượng hiểu không?

- Không hiểu.

Ứng Chân thuật bài kệ:

Phía Nam Tương, phía Bắc Trạch
Trong có vàng ròng đầy một nước
Dưới cây Vô ảnh hợp cùng thuyền
Trên điện lưu ly không tri thức.

Ứng Chân trụ ở núi Đam Nguyên, Kiết châu, Gianh Tây, nối pháp của Nam Dương Quốc Sư.

- Nhâm Dần: Bảo Ứng năm đầu, lấy tháng Tỵ. Sở Châu Thứ sử Thôi Tiên dâng biểu rằng: "Có Ni tên Chân Như chợt lên trời gặp Thượng đế, Thượng đế ban cho mười ba thứ ngọc quý, dặn hễ trong nước có tai họa thì lấy ra trấn giữ.". Quần thần đều tán thưởng, nhân đó Đế lấy hiệu Bảo Ứng.

Giáp Dần: Thượng hoàng mất, Đế thương khóc lâm bệnh ở nội điện, bệnh tình ngày càng nặng, mới sai Thái tử xử lý việc nước.

Giáp Thân: Đế đổi niên hiệu lại lấy tháng Dần làm tháng giêng. Số tháng đều như cũ. Năm Đinh Mão, Đế mất, Mậu Thìn cử hành đại lễ tang Hoàng Đế. Kỷ Tỵ, Thái tử lên ngôi. Sở Châu là Hoài An Lộ ngày nay.

* **Đại Tông:** Húy là Dự, lúc đầu có tên là Thục, con trưởng của Túc Tông, được phong Quảng Bình Vương, làm Nguyên Soái, cùng bọn Quách Tử Nghi khôi phục lại hai kinh. Càn Nguyên năm đầu ông được lập làm Hoàng Thái tử. Đến lúc này, ông lên ngôi, ở ngôi mười bảy năm, thọ 53 tuổi. Niên hiệu Quảng Đức hai năm, Vĩnh Thái một năm, Đại Lịch mười bốn năm.

- Quý Mão: Quảng Đức năm đầu, Sử Triêu Nghĩa thua trận chạy đến Phạm Dương, cùng đường phải thắt cổ chết trong rừng. Mùa Đông, tháng mười, Thổ Phiên vây hãm Kinh sư, Đế chạy đến đất Thiểm, Quách Tử Nghi khắc phục lại được, Đế về lại cung. Tháng mười hai, Đế hạ chiếu cho sửa sang lại điện Bồ-tát Văn-thù ở Ngũ đài, đúc đồng

thay ngói, đường bằng vàng ròng.

- Giáp Thìn: Quảng Đức năm thứ hai, Đế hạ chiếu tuyển ba trăm tăng và trăm người khác thay phiên tụng kinh Nhân Vương, Bát-nhã. Họ ra vào đều ngồi xe ngựa, hành đạo suốt năm tháng.

- Ất Tỵ: Vĩnh Thái năm đầu, Đế hạ chiếu cho các quan trong nước không được đánh đập, hạ nhục Tăng Ni.

* ***Vu-lan-bồn:*** Bính Ngọ, Đại Lịch năm đầu, tháng bảy, Đế lập hội Vu-lan-bồn trong cung, thiết bảy Thánh vị từ Cao Tổ Thái Tông trở xuống, dựng phan lớn, trên phan đều ghi hiệu của đế vương, nghinh từ Thái miếu vào đạo tràng. Hôm ấy bá quan xếp hàng ở Quan Thuận Môn nghinh lạy đi theo, từ đó lấy làm lệ thường hàng năm. Năm Quý Mùi, hai nhà Thái miếu sinh cây Linh Chi, Đế làm thơ phú bày tỏ cái đẹp, trăm quan cùng họa theo. Kinh chép: "Đại đệ tử Phật là Tôn giả Mục-kiền-liên có thần thông bậc nhất, gặp phải mẹ mình mạng chung đọa trong loài ngạ quỷ, Mục-liên xem thấy về bạch Phật mong Phật cứu giúp. Phật dạy ngài vào ngày rằm tháng bảy là ngày chúng Tăng tự tứ, hãy sắm đủ vật thực cúng dường Phật và chúng Tăng, đọc tụng các kinh, nhờ vậy mẹ ngài thoát khỏi loài ngạ quỷ.

- Đinh Mùi: Đại Lịch năm thứ hai, tháng bảy, quán quân dung Ngư Triều Ân tấu xin đổi trang viện của mình trước đây được Đế ban cho thành chùa Chương kính, nhằm cầu phước cho Thái hậu.

* ***Tinh Tấn:*** Trong Pháp Hoa Phụ Hành ghi: "Đối với pháp, không nhiễm thì gọi là Tinh, niệm niệm thú cầu thì gọi là Tấn". Tướng quốc Đỗ Hồng Tiệm đi phủ dụ dân đất Ba Thục, năm ấy ông đến Ích châu, sai sứ đến núi Bạch Nhai thỉnh Thiền sư Vô Trụ vào thành hỏi pháp yếu. Tiệm hỏi:

- Đệ tử nghe Kim Hòa thượng nói pháp môn ba câu là không nhớ, không niệm, chớ vọng; chẳng rõ đó là một hay là ba?

Sư đáp: Không nhớ là giới, không niệm là định, chớ vọng là tuệ, nhưng nhất tâm chẳng sinh thì đủ giới định tuệ, chẳng phải một cũng chẳng phải ba.

- Chữ vọng trong câu cuối chẳng phải là vọng theo tâm đó sao!

- Theo ông thì có!

- Có gì làm bằng chứng?

- ***Kinh Pháp Cú chép:*** "Nếu khởi tâm tinh tấn, vọng này chẳng phải tinh tấn, nếu tâm chẳng khởi vọng, tinh tấn không bến bờ".

Ngay đó, Hồng Tiệm dứt hết nghi tình. Bỗng có con quạ kêu, ông hỏi Sư:

Thầy nghe không?

- Nghe và không nghe chẳng liên quan đến tánh nghe. Lúc có tiếng là thanh trần tự sinh, khi không tiếng thì thanh trần tự diệt nhưng tánh nghe này chẳng theo tiếng mà sinh, cũng chẳng theo tiếng mà diệt. Thấu tỏ tánh nghe này thì thoát khỏi sự lưu chuyển của thanh trần, cho đến sắc, thanh, hương, vị, xúc cũng như vậy.

Hồng Tiệm vui mừng lễ kính (xem trong Truyền Đăng Lục). Sư nối pháp của Thiền sư Vô Tướng ở Ích châu, Vô Tướng nối pháp của Thiền sư Tịch ở Tư châu, Tịch nối pháp Thiền sư Tiên ở Tư châu, Tiên nối pháp của Ngũ tổ, nhưng là dòng phụ.

- Giáp Dần: Đại Lịch năm thứ chín, Đạo sĩ Sử Hoa nhờ pháp thuật được vua ân sủng, nhân đó Hoa xin lập thang dao nhọn để đấu phép với Sa-môn. Đế có chiếu chỉ cho Lưỡng Nhai chọn tăng ứng thí. Sa-môn Sùng Tuệ là người thường tụng chú Thủ-lăng-nghiêm, ngài dâng biểu xin thi đấu. Đế dẫn bá quan đến xem. Sử Hoa đạp trên dao nhọn đi lên, vẫy Sùng Tuệ lên theo. Cũng đạp dao nhọn đi lên, chẳng hề hấn gì. Tuệ sai chất củi đốt đống lửa lớn trước sân, Tuệ vào đống lửa rồi gọi Hoa vào. Hoa sợ toát mồ hôi, không dám nhìn thẳng. Đế vui mừng cho bãi cuộc, ban cho Tuệ hiệu Hộ Quốc Tam Tạng. Về sau không ai biết ngài mất ở đâu.

* ***Tam Sinh Thạch:*** Sa-môn Viên Trạch ngụ cư tại chùa Tuệ Lâm ở Lạc Dương, rất thân với ẩn sĩ Lý Nguyên. Tuệ Lâm vốn là phủ đệ cũ của Nguyên. Cha của Nguyên tên là Đăng làm Thái thú Đông Đô, bị An Lộc Sơn giết, vì vậy Nguyên quyết không làm quan thường ở trong chùa. Ngày nọ, hai người ngẫu hứng dẫn nhau đi dạo trên núi Nga Mi. Nguyên muốn từ Kinh châu men đường núi lên, Trạch muốn từ Trường An lần theo hang núi. Nguyên là người từ lâu dứt bỏ việc đời, không muốn vào Kinh đô nữa, Trạch không cản được. Hai người mới từ Kinh châu theo thuyền đi Nam Phổ. Đang đi, bỗng thấy một phụ nữ có thai đang vác hũ ra sông lấy nước, Trạch nhìn thấy khóc nói: "Tôi sở dĩ không muốn đi đường này chính vì việc này". Nguyên thất kinh hỏi nguyên do, Trạch đáp: "Người phụ nữ đó có mang đã ba năm, đợi tôi đến đầu thai làm con bà. Không gặp thì thôi, nay gặp rồi thì không thể trốn tránh. Ông hãy dùng phù chú giúp tôi sinh sớm, ba ngày sau bà ấy sẽ tắm đứa bé, mong ông hãy đến, tôi sẽ cười một cái làm tin, mười ba năm sau tôi sẽ gặp ông ở ngoài chùa Thiên Trúc tại Hàng châu". Nguyên bùi ngùi chuẩn bị đồ tắm rửa cho ông, đến tối thì Trạch mất. Người phụ nữ ấy sinh con được ba ngày, Nguyên đến nhìn xem, thằng

bé thấy Nguyên đến liền cười rất mãn nguyện. Nguyên kể rõ sự việc cho gia đình người phụ nữ ấy nghe. An táng Trạch xong, Nguyên về lại chùa. Sau đúng kỳ hẹn, Nguyên từ Lạc Dương đến đất Ngô để hoàn thành hẹn ước ngày ấy. Quả nhiên, cạnh bờ ruộng cỏ xanh trước chùa Thiên Trúc dưới núi Tây Sơn ở Hàng châu, Nguyên nghe một mục đồng gõ sừng trâu mà ca rằng:

Tinh hồn cũ trên đá tam sinh
Thưởng trăng ngâm vịnh chẳng cần bàn
Thẹn với tình người xa thăm hỏi
Thân này tuy khác, tánh thường còn.

Nguyên hỏi:

Ông Trạch vẫn khỏe chứ?

Mục đồng đáp:

Anh Lý quả là người đáng tin, nhưng duyên đời chưa hết, nên chẳng được gần nhau, chỉ mong siêng tu đừng nên giải đãi, ngày sau ắt gặp lại. Mục đồng ca tiếp:

Thân trước thân sau việc mang mang
Muốn nói nhân duyên sợ đau lòng
Núi sông Ngô, Việt đà đi khắp
Lại về Yên Trác lên Cù đường.

Ngâm xong, mục đồng ẩn mất chẳng thấy, Nguyên về lại Tuệ Lâm. Đến đời Mục Tông, đầu năm Trường Khánh, ông đã tám mươi tuổi. Ngự sử trung thừa Lý Đức Dụ dâng biểu tiến cử ông. Mục Tông hạ chiếu cho ông giữ chức Gián nghị đại phu, nhưng ông không vào triều.

- Mậu Ngọ: Đại Lịch năm thứ mười ba, Đế hạ chiếu cho Luật sư của lưỡng kinh tường định lại giới luật cũ, mới; khai, liệt, trì, phạm, ban hành khắp nước. Lúc này Thiền tông rất thịnh, chủ Gianh Tây có Đại Tịch Mã Tổ, chủ Hồ Nam có Thạch Đầu. Thiền giả trong thiên hạ đều quy tụ hết dưới pháp tịch của hai nơi này.

- Kỷ Mùi: Đại Lịch năm thứ mười bốn, tháng năm Đế mất, Thái tử lên ngôi, hạ chiếu tôn Quách Tử Nghi làm thượng phụ, gia phong chức Thái úy và trung thư lệnh.

* **Đức Tông:** Húy là Quát, con trưởng Đại Tông, ban đầu được phong Phụng Tiết quận vương, chức đại nguyên soái thống lãnh hết binh mã. Quảng Đức năm thứ hai, ông được lập làm hoàng Thái tử, ở ngôi hai mươi sáu năm, thọ sáu mươi bốn tuổi. Niên hiệu Kiến Trung bốn năm, Hưng Nguyên một năm, Trinh Nguyên hai mươi mốt năm.

- Canh Thân: Kiến Trung năm đầu. Tân Dậu: Kiến Trung năm thứ

hai. Phần Dương Trung Vũ Vương Quách Tử Nghi mất, thọ tám mươi lăm tuổi.

- Quý Hợi: Kiến Trung năm thứ tư, tháng mười Lý Hy Liệt vây Tương Thành, Đế phát binh các đạo Kinh Nguyên... đến cứu. Kinh Nguyên Tiết độ sứ Diêu Lệnh Ngôn đến Kinh đô, binh mã của ông xin được thưởng nhưng không toại ý nên xông lên giết Lệnh Ngôn, quay lại phò tá Chu Thử làm chủ. Đế phải chạy đến Phụng Thiên, đơn thân độc mã. Thử sai Kinh Nguyên binh mã Sử Hàn Mân dẫn quân tinh nhuệ đánh úp Phụng Thiên. Đại tư nông Đoàn Tú Thật nói với Kỳ Linh Nhạc: "Việc gấp rồi". Thật sai Linh Nhạc trá phù lệnh của Diêu Lệnh Ngôn để Mân đem quân về. Ngay lúc đại quân đều xuất phát, người lấy cắp ấn phù của Lệnh Ngôn chưa về, Tú Thật đành đổi ấn của tư nông. Ấn phù được đưa cho Hàn Mân, Mân thấy ấn phù liền đem quân về. Chu Thử tự xưng là Đại Tần Hoàng Đế, lấy niên hiệu Ứng Thiên.

- Giáp Tý: Hưng Nguyên năm đầu, Chu Thử lại đổi quốc hiệu là Hán, đổi niên hiệu Thiên Hoàng. Lý Hy Liệt lên ngôi Hoàng Đế ở Hứa châu, lấy quốc hiệu Đại Sở, lấy niên hiệu Vũ Thành, đặt ra trăm quan. Đế từ Phụng Thiên về thẳng thành ở Lương châu, củng cố hành dinh ở Thần Sách, Hà Bắc. Tiết độ sứ Lý Thạnh khôi phục lại kinh thành. Tháng sáu, Chu Thử định chạy trốn sang Thổ Phiên thì bị tướng của ông là Lương Đình Phân chém chết, bêu đầu ở hành dinh. Đế hạ chiếu đổi Lương châu thành Hưng Nguyên phủ. Đế đến Trường An, tấn phong Lý Thạnh tước Tây Bình Vương.

- Ất Sửu: Trinh Nguyên năm đầu. Bính Dần: Trinh Nguyên năm thứ hai, tháng năm, Đế triệu Luật sư Đạo Trừng vào cung truyền Tam quy Ngũ giới cho phi tần, nội thị. Đế ban ngài hiệu Đại Viên Luật Sư, hạ chiếu cho các chùa tuyên giảng, lại lập hội Vu-lan-bồn giống như thời của Đại Tông.

Trinh Nguyên năm thứ ba, chia Chiết Giang Đông Tây đạo thành Tam Chiết. Chiết Tây cai quản Nhuận châu, Chiết Đông cai quản Việt châu, Tuyên Hấp Trì cai quản Tuyên châu. Mỗi nơi đặt quán sát sứ để nắm giữ mọi việc.

- Trinh Nguyên năm thứ tư, Đế hạ chiếu nghinh xương ngón tay của Phật ở chùa Vô Ưu Vương, Kỳ châu vào cung cúng dường.

* ***Thiền sư Mã Tổ ở Gianh Tây:*** Sư pháp danh Đạo Nhất, người huyện Thập Phương, Hán châu, họ Mã, nên gọi Sư là Mã Tổ. Sư xuất gia ở chùa La-hán trong ấp, theo Đường Hòa thượng ở Tư Châu thế phát, theo Luật sư Viên ở Du Châu thọ Cụ túc giới. Trong năm Khai Nguyên

đời Huyền Tông, sư tu thiền trong Nam Nhạc, gặp Hòa thượng Hoài Nhượng khai thị và truyền tâm ấn. Từ ngọn Phật Tích ở Kiến Dương Sư dời về Lâm Xuyên, sau đó qua trụ ở núi Cung Công thuộc Nam Khang. Đại Tông năm Đại Lịch năm thứ tư, Sư ngụ cư tại chùa Khai nguyên, Chung Lăng. Lúc này Liên súy lộ Tự Cung nghe danh mến mộ, đích thân đến thọ học tông chỉ. Từ đó người học bốn phương đều quy tụ dưới tòa. Hồng châu Liêm Sứ hỏi Sư:

- Ăn thịt uống rượu là đúng hay không ăn là đúng?

Sư đáp:

Nếu ăn thì nhờ hưởng lộc, không ăn thì ắt được phước. Liêm Sứ liền tỉnh ngộ. Đệ tử đắc pháp có một trăm ba mươi chín người, ai nấy đều làm Tông chủ một phương, giáo hóa không cùng. Lúc này, năm Trinh Nguyên năm thứ tư, tháng giêng, kinh hành trong rừng, thấy hang động bằng phẳng, Sư bảo thị giả: "Xác thân của ta, trong tháng sau sẽ về chỗ này". Nói xong Sư quay về. Sau đó Sư có chút bệnh, viện chủ Văn Hòa thượng đến hỏi Sư:

- Gần đây tôn hầu thấy thế nào?

Sư đáp:

Ngày gặp Phật, đêm gặp Phật!

Mồng một tháng hai, Sư tắm rửa, kiết già quy tịch. Hiến Tông năm Nguyên Hòa năm thứ tám, Đế ban Sư hiệu Đại Tịch Thiền Sư, tháp hiệu Đại Trang Nghiêm.

* ***Thạch Đầu:*** Canh Ngọ, Trinh Nguyên năm thứ sáu, Hòa thượng Nam Nhạc Thạch Đầu quy tịch. Sư họ Trần, húy Hy Thiên, người Cao Yếu, Thụy châu, vốn có chí cao, thông minh. Trưởng thành, Sư đến Tào Khê đắc pháp nhưng chưa thọ giới thì Tổ viên tịch. Tổ dặn Sư hãy đến tham học với Thiền sư Hành Tư ở núi Thanh Nguyên. Đầu năm Thiên Bảo đời Huyền Tông, sư đến ngôi chùa phía nam Hoành sơn. Phía đông chùa này có khối đá, hình dạng như cái đài, Sư bèn cất am ở trên ấy, nên đương thời người ta gọi Sư là Hòa thượng Thạch Đầu. Sư trứ tác Thảo Am Ca Tham Đồng Khế thịnh hành ở đời. Năm này, Sư viên tịch, tháp ở Đông Linh, đế ban thụy Vô Tế Đại Sư, tháp hiệu Kiến Tướng. Sư nối pháp của Thanh Nguyên Hành Tư, Hành Tư nối pháp của Lục Tổ.

* ***Thiền Sư Quốc Nhất:*** Nhâm Thân, tháng mười hai năm Trinh Nguyên năm thứ tám, Thiền sư Quốc Nhất thị tịch. Sư họ Chu, húy Đạo Khâm, người Côn Sơn, Tô châu, vốn theo đạo Nho. Năm hai mươi tám tuổi, Sư gặp Thiền sư Tố ở Hạc lâm, Nhuận Châu khuyên thế phát xuất gia. Tố dặn Sư hãy đi và nói: "Ông cứ xuôi dòng mà đi, gặp đất Kính

thì dừng". Sư về Nam, Huyền Tông năm Thiên Bảo năm thứ ba, Sư đến một ngọn núi Đông Bắc Lâm An, người tiều phu cho biết đây là Kính sơn, thế là Sư dừng chân ở đây. Trong núi có đầm rồng. Con rồng này đầu hóa thành người dâng đất cho Sư, từ đó thành Già-lam (nay là Kính Sơn Thiền tự thuộc huyện Dư Hàng, lộ Hàng châu, Chiết Tây đạo, là ngôi chùa Thiền tông lớn nhất). Tăng hỏi:

- Thế nào là đạo?

Sư đáp:

Trên núi có cá chép, dưới giếng có cỏ bồng!

Thôi Triệu Công hỏi:

Nay đệ tử muốn xuất gia được không?

Sư đáp:

Xuất gia là việc của đại trượng phu, đâu phải việc mà khanh tướng làm được!

Triệu Công tỉnh ngộ. Đại Tông năm Đại Lịch năm thứ ba, Đế triệu Sư vào cung lễ lạy. Đế nói với Quốc sư Tuệ Trung: "Trẫm muốn ban cho thầy Khâm cái tên". Quốc sư vui vẻ phụng chiếu, Đế ban Sư hiệu Quốc Nhất Thiền sư. Sau, Sư từ biệt trở về Kính sơn. Tháng mười hai năm này Sư nói pháp và thị tịch. Đế ban Sư thụy Đại Giác Thiền Sư. Sư nối pháp của Thiền sư Tố ở Hạc Lâm, Tố nối pháp của Thiền sư Uy ở Ngưu Đầu, Kiến Khang, Uy nối pháp của Thiền sư Trì ở Ngưu Đầu, Trì nối pháp của Sư Phương ở Ngưu Đầu, Phương nối pháp của Sư Nghiễm ở Ngưu Đầu, Nghiễm nối pháp của Thiền Sư Dung ở Ngưu Đầu. Pháp Dung nối pháp của Tứ Tổ, và là dòng phụ.

- Quý Dậu: Trinh Nguyên năm thứ chín, tháng giêng, Giám Thiết Sứ Trương Bàng xin thâu thuế trà. Các huyện sản xuất trà của chín châu, trà trên núi đều phải đóng thuế với giá một phần mười. Thuế trà có từ đó.

Vợ Mao Hãn ở Thọ châu sinh đứa con tên Mao Trái vào năm Hưng Nguyên năm đầu. Đứa bé mình người, đầu heo, tai voi, chân lừa, tai cá. Lớn lên, hàng ngày cứ lấy roi sắt tự quất thân mình, cầm chổi quét đất chùa, nói với người khác: "Do ngày trước ăn cắp tiền vàng của thường trụ nên nay quét đất để trả nợ". Sau, ở chùa Vân môn, Việt châu có người vinh Trái rằng:

Đồng xu thường trụ chớ lấy xài
Ngày sinh gấp vạn khó trả xong
Chân lừa, đầu lợn ngay trước mắt
Đất Phật đời này quét chưa xong.

Lúc này, vào năm Canh Dậu, Mao Trái chết.

* ***Thích Hạo Nhiên:*** Ngài tên là Trú, tự là Nhất Tác, người Hồ châu, rất có tài, được Lỗ Công Nha Chân Khanh, Vu Địch, Ngô Quý Đức kính trọng. Hễ Lục Vũ (người soạn ra Trà kinh) đến thì ngài cùng Vũ đàm đạo cả ngày. Sĩ đại phu mến phục khí tiết thanh cao của ngài, nhưng ngài thường thẹn vì văn chương nổi tiếng ở đời. Ngài từng than: "Dù có học thức quản bác như Trọng Ni, hay đa văn như Tể Thần, trọn ngày trước mắt xót đạo xa xỉ nghĩa, cất bước liền loạn tánh mình, đâu bằng cây tùng trên núi hưởng mây, trăng; thiền khách gặp nhau, chẳng nói nhưng đạo hợp, tĩnh lặng thì tánh đồng, ta phải vào Trữ sơn thôi!

Thế rồi, ngài gom hết thơ văn mình làm ra đốt sạch. Sau, trung thừa Lý Hồng đến Hồ châu, ghé lại Trữ Sơn xin thơ văn của ngài. Ngài nói: "Bần đạo xếp bút nghiêng hơn hai mươi năm rồi, một bài cũng chẳng có. Ngầm tìm thì lụy trong vật, vọng khởi ngã nhân, nay vất đi lâu rồi!" Hồng sưu tầm trong nhân gian, chỉ được mười quyển. Ngài mất, tướng quốc Vu Định viết bài tựa trong áng thơ văn này và dâng vua. Đức Tông hạ chiếu cất giữ ở Bí các. Về sau được người đời khen tặng "Trú của đất Tráp hay thanh thản".

Hoạn quan chuyên quyền việc quân việc nước bắt đầu từ Đậu Văn Trường. Đầu tiên, Văn Trường ghét tả thần sách đại tướng quân Bá Lương Khí. Tháng mười hai, năm Trinh Nguyên năm thứ tám, Đế cho Lương Khí làm hữu lệnh quân, nhân đó hoạn quan đắc chí. Đến lúc này, là tháng năm, năm Trinh Nguyên năm thứ mười một, Hà Đông Tiết độ sứ Lý Tự Lương mất, giám quân Vương Định Viễn tâu cho hành quân Tư mã Lý Thuyết làm lưu hậu. Thuyết là người có đức, Định Viễn nhân đó xin đúc ấn giám quân. Giám quân có ấn khởi nguyên từ Định Viễn.

* ***Luật sư Linh Triệt:*** Ngài tự là Nguyên Trừng, ngụ cư ở chùa Vân môn, Việt châu, công khanh đương thời đều mến mộ tài năng của ngài, Lưu Trường Khanh, Nghiêm Duy, Hoàng Phủ Tằng đều đến kết thân. Thơ văn của ngài nổi tiếng ngang hàng với Hạo Nhiên. Ngài soạn Luật Tông Hành Nguyên hai mươi mốt quyển. Ngài vân du ở Kinh đô rất sớm, nên danh tiếng vang dội khắp nơi, về già ngài ở mãi Việt châu. Tướng quốc Quyền Đức Dư làm bài tựa tiễn ngài, trong đó có câu: "Xem hình dung, xét ngôn từ thì biết được tâm ngài, chẳng đợi cảnh yên mới tĩnh lặng". Hiến Tông năm Nguyên Hòa năm thứ mười một, ngài quy tịch, có Văn Tập hai mươi quyển, do Thượng thư Lưu Vũ Tích viết lời tựa. Về sau, người ta gọi ngài là "người làm tan băng tuyết của đất Việt".

- Bính Tý: Trinh Nguyên năm thứ mười hai, tháng tư, nhân ngày sinh nhật mình, Đế cho Sa-môn, Đạo sĩ giảng luận ở điện Lân đức. Lúc này, Đế mới cho Nho sĩ tham gia. Đế rất hài lòng, ban ca-sa tía cho Pháp sư Thụy Phủ, thỉnh vào cung dạy dỗ Hoàng Thái tử.

* ***Tăng Tiêu:*** Sa-môn Tăng Tiêu tuy nhỏ nhưng thần thái thanh cao, hiểu biết xuất chúng. Túc Tông, Càn Nguyên năm đầu, ngài thi và thông suốt nghĩa kinh mà được tuyển làm Tăng. Sau, ngài học Tỳ-ni, đức hạnh cao vời. Lúc này, Trinh Nguyên năm thứ mười bốn, ngài dựng am trên Tây Lĩnh ở Hàng châu. Đại Nhã thường vân du với ngài. Lý Kiết Phủ, Vi Cao, Mạnh Giản là những người thâm giao cư sĩ. Người đất Ngô nói: "Tiêu của đất Hàng làm tan vân tiêu, Triệt của đất Việt làm tan băng tuyết, Trú của đất Tráp hay thanh thản". Lục Vũ ở Cánh Lăng gặp ngài và nói: "Trời, trăng, mây, ráng ta biết đó là thiên tiêu, núi sông cây cỏ ta biết đó là địa tiêu, đưa tài năng về cái đẹp ta biết đó là đức tiêu, sống nhàn vắng lặng, được cái chẳng phải danh, thật là ở ông chăng!" Người đất Hàng tôn trọng ngài, không gọi đích danh mà gọi là Hòa Thượng Tây Lĩnh.

+ Tháp Ký: Kỹ Mão, Trinh Nguyên năm thứ mười lăm, tháng tư, Dữu Thừa Tuyên soạn bài minh trên tháp Vô Cấu Tịnh Quang ở Phước Châu. Trong ấy ghi: "Quán sát sứ liễu công, giám quân sứ Ngư Công đều cho rằng: Báo ân vua không cần gì lớn hơn chuộng phước, chuộng phước không gì lớn hơn làm lành, làm lành không đâu lớn hơn Phật giáo. Gốc của giáo vốn ở nơi tháp. Phàm tháp, trên thẳng tới các trời, dưới trấn giữ ba cõi; bóng nó phủ che như trời trăng soi, phá tối thành sáng; Linh của nó kêu như đá vàng tấu lên, nghe tiếng liền sinh thiện. Như vậy các phước đều quy về nhân vương. Bàn bạc xong xuôi, ai nấy nhìn nhau hoan hỉ. Người ăn lộc vua liền thích bố thí, kẻ gánh sức vua thì vui vẻ hiến công, lao nhọc nhưng không than khổ, công việc hoàn thành, Hoàng Đế hân hoan, ngự trát đề tên, ban tên tháp là Trinh Nguyên Vô Cấu Tịnh Quang.

+ Bảo Lâm Truyện: Năm Trinh Nguyên năm thứ mười bảy, Sa-môn Tuệ Cự ở Kiến Khang, Tam tạng Thắng Trì người Thiên Trúc cùng biên soạn sắp xếp những sấm ký truyền pháp của chư Tổ và cơ duyên của các Tông sư thành Bảo Lâm Truyện.

- Quý Mùi: Trinh Nguyên năm thứ mười chín, Đại sư Ngưng Công ở chùa Thánh Thiện, Đông Đô thị tịch. Hàn lâm Bạch Lạc Thiên làm bài kệ Bát Tiệm đến viếng. Bài tựa ghi: "Bạch Cư Dị từng cầu tâm yếu nơi thầy, thầy ban giáo pháp Quán giác định tuệ, minh thông tế xả" từ

đó vào nơi tai, thông qua tâm mà được. Hôm nay thầy mất, đệ tử lấy tám chữ ấy làm bài kệ thành kính chia buồn.

- Giáp Thân: Trinh Nguyên năm thứ hai mươi, tháng chín, Thái tử Tụng bị bệnh phong nói không được. Trinh Nguyên năm năm thứ hai mươi mốt, mồng một tháng giêng, Vương tôn thân thích đều vào chúc Tết, chỉ có Thái tử vì bị bệnh nên không đến được, Đế khóc than sầu thảm từ đó sinh bệnh, mỗi ngày một nặng. Trong hơn hai mươi ngày, trong ngoài không thông tin tức, chẳng biết hai cung có an ổn không.

- Quý Mùi: Đế mất, Giáp Ngọ tuyên di chiếu Thái tử lên ngôi ở điện Thái cực.

* **Thuận Tông:** Tên Tụng, con trưởng của Đức Tông. Do tắt tiếng nên ông không thể giải quyết mọi việc, ở trong thâm cung buông màn rèm kín, chỉ có hoạn quan Lý Trung Ngôn, Chiêu Dung, Ngưu Thị hầu hạ. Các quan tâu việc gì thì từ trong rèm ông chuẩn tấu. Ông ở ngôi một năm, thọ bốn mươi sáu tuổi.

- Ất Dậu: Vĩnh Trinh năm đầu tháng tám, đế hạ chiếu cho Thái tử lên ngôi Hoàng Đế, mình làm thái Thượng hoàng, dời về ở cung Hưng khánh. Năm Ất Tỵ, Hiến Tông lên ngôi ở điện Tuyên Chính. Niên hiệu Vĩnh Trinh một năm.

Tháng chín, thái úy trung thư lệnh Vi Cao mất. Cao cai quản đất Thục suốt hai mươi mốt năm, được phong Nam Khang Trung Vũ Vương. Dân Tứ Xuyên tế tự ông làm Thổ thần, nghi lễ chú trọng đến nghi thức nhà Phật. Tượng Phật bằng đá trên Tuyên Sơn, Gia châu được đục xong, Cao viết bài ký rằng: "Đầu lớn ngàn thước, mắt rộng hai trượng, tướng tốt còn lại thảy đều tương xứng". Ông từng dạy con anh vũ niệm Phật. Anh vũ chết, ông nói: "Đây là người niệm Phật, chôn cất đúng lễ Sa-môn". Ông trà-tỳ chim, quả nhiên thâu được hai hạt xá-lợi. Ông làm bài ký, đại loại nói: "Nguyên tinh lấy năm khí trao cho muôn loài, dù loài vẩy hay lông, ắt cũng có con cảm được tinh anh thuần tuý. Dạy cầm thú kia, tập nó nói được, tỏ tướng không trong bất niệm, lưu chân cốt trong thân tàn, đó là Nguyên Thánh thị hiện, cảm ứng ở nơi lòng người".

* **Hiến Tông:** Tên Thuần, con trưởng của Thuận Tông, ban đầu được phong Quảng Lăng Vương. Vĩnh Trinh năm đầu, tháng ba, ông được lập làm hoàng Thái tử. Tháng tám ông nhận chiếu lên ngôi, ở ngôi mười lăm năm, thọ bốn mươi lăm tuổi. Niên hiệu Nguyên Hòa mười lăm năm.

- Bính Tuất: Nguyên Hòa năm đầu, mùa xuân tháng giêng, Thượng hoàng mất. Tháng mười, Đế hạ chiếu thỉnh Tăng có đạo hạnh trong cả

nước vào Thượng Đô hoằng dương Phật pháp.

- Đinh Hợi: Nguyên Hòa năm thứ hai, Đế hạ chiếu thỉnh Thiền Sư Đại Nghĩa trên núi Nga Hồ, Tín châu vào điện Lân Đức thiết trai cúng dường, triệu các Đại đức vào cùng luận về nghĩa học, Đế đến dự nghe. Có Pháp sư hỏi:

- Cái gì là Tứ đế?

Ngài đáp:

Thánh Thượng là một Đế, còn ba đế nữa ở đâu?

- Dục giới không có Thiền, Thiền ở trong Sắc giới, cõi này dựa vào đâu mà lập?

Ngài đáp:

Pháp sư chỉ biết Dục giới không có Thiền mà không biết Thiền giới không có dục!

- Thế nào là nghĩa của Thiền?

Ngài đưa tay chỉ hư không, Pháp sư không đáp được. Đế nói:

Pháp sư giảng Kinh Luận vô cùng, nhưng chỉ một chút này vẫn chẳng nói được, tại sao vậy!

Ngài quay lại hỏi đại chúng:

- Rốt cuộc lấy cái gì làm đạo?

Có người đáp lấy "cái biết" làm đạo. Ngài nói: Không thể dùng trí để biết, không thể dùng thức để hay, làm sao lấy cái biết làm đạo!

Có người đáp lấy "không phân biệt" làm đạo. Ngài nói: khéo hay phân biệt các pháp tướng, ở trong Đệ nhất nghĩa nhưng không động, làm sao nói lấy "không phân biệt" làm đạo!

Có người đáp lấy Tứ thiền Bát định làm đạo. Ngài nói: Thân Phật vô vi, không rơi trong số lượng, làm sao lấy Tứ thiền Bát định làm đạo được!

Còn có mấy người nữa trả lời, ngài đều nhân đó khai mở cho họ. Đế hỏi:

Cái gì là nghĩa của Phật tánh?

Ngài đáp:

Không lìa điều mà bệ hạ hỏi.

Đế ngầm khế hội. Từ đó Đế càng chú trọng Thiền tông.

Ngài vốn họ Từ, người Tu Giang, Cù châu, nối pháp của Mã Tổ. Tháng giêng năm Nguyên Hòa năm thứ mười ba, ngài quy tịch. Đế ban ngài thụy Tuệ Giác Thiền Sư. Trong Kính sơn cựu Tổ Đồ chép: "Đại Nghĩa Phủ Thiền Sư, họ Ngô".

* ***Tăng Lục:*** Tháng hai năm Nguyên Hòa năm thứ hai, Đế hạ

chiếu cho Pháp sư Đoan Phủ đảm trách nghi thức pháp sự ở nội điện, chú lục Tăng sự ở Tả hữu Nhai. Tăng Lục khởi nguyên từ Đoan Phủ.

* ***Thiền sư Đạo Ngộ:*** ở chùa Thiên Hoàng, Thành Đông, Kinh Nam. Đời Đường, Hiệp Luật Lang Phù Tái soạn văn bia ghi: "Đạo Ngộ họ Trương quê ở Đông Dương, Vụ Châu. Năm mười bốn tuổi, ngài xuất gia, theo đại đức ở Minh châu thế phát, hai mươi lăm tuổi thọ giới ở chùa Trúc lâm, Hàng châu. Ban đầu ngài tham vấn Quốc Nhất ở Kính Sơn, ở lại đây năm. Đại Tông, năm Đại Lịch năm thứ mười một, ngài ẩn cư trên núi Đại mai, Tứ Minh. Trong năm Kiến Trung, đời Đức Tông, ngài yết kiến Gianh Tây Mã Tổ. Năm Kiến Trung năm thứ hai ngài tham vấn Thạch Đầu và đại ngộ, ẩn cư núi Tử Lăng, Đương Dương. Lúc này, ngày mười ba tháng tư năm Nguyên Hòa năm thứ hai, do bị đau lưng mà ngài quy tịch, thọ sáu mươi tuổi, tăng lạp ba mươi lăm hạ. Đệ tử nối pháp có ba người là Tuệ Chân, Văn Bí, U Nhàn. Ngày nay ở Thành Đông, Kinh Nam vẫn còn ngõ hẻm Thiên Hoàng.

- Mậu Tý: Nguyên Hòa năm thứ ba, Đế triệu Thiền Sư Hoài Huy vào ở chùa Chương Kính, Kinh Triệu, thường triệu ngài đến điện Lân đức để luận đạo. Ngài quy tịch trong năm này, Đế ban thụy Đại Giác Thiền Sư. Ngài họ Tạ, quê ở Tuyền châu, nối pháp Mã Tổ.

* ***Thiền sư Đạo Ngộ:*** ở chùa Thiên Vương, Thành Tây, Kinh Nam. Đời Đường, Chánh nghị đại phu hộ bộ thị lang bình chương sự kinh nam Tiết độ sứ Khâu Huyền Tố soạn văn bia ngài có ghi: "Đạo Ngộ họ Thôi, người Chữ Cung, là hậu duệ của Tử Ngọc. Năm mười lăm tuổi, ngài theo Luật sư Đàm Chứ chùa Trường sa xuất gia, hai mươi ba tuổi đến Tung Sơn thọ giới, ba mươi tuổi tham vấn Thạch Đầu, Thạch Đầu khia thị nhưng ngài không khế cơ, kế đó ngài yết kiến Tuệ Trung Quốc Sư. Năm ba mươi bốn tuổi, ngài và thị giả của Quốc sư là Ứng Chân cùng về nam yết kiến Mã Tổ. Tổ nói: "Biết nhận tâm mình xưa nay là Phật, không rơi trong thứ lớp, chẳng mượn tu trì, thể tự như như, muôn đức viên mãn". Ngay đây, ngài đại ngộ. Tổ dặn ngài: "Ông đi trụ trì chớ rời nơi cũ". Ngài nhận yếu chỉ xong liền quay về Kinh môn. Cách thành không xa, ngài dựng một thảo am và ở đó. Sau, tiết sứ hỏi thăm Tả hữu và tìm ra nơi ở của ngài. Tiết sứ đích thân đến thăm hỏi. Thấy đường sá chật hẹp, xe ngựa qua không được, cỏ cây um tùm chưa từng dọn dẹp, vì vậy tiết sứ nổi giận sai người khiêng ngài ném xuống dòng nước chảy xiết rồi rầm rộ kéo về. Chưa đến nhà, phủ đệ của ông bỗng bốc cháy chẳng ai dám đến gần, lại nghe trong hư không có tiếng nói: "Ta là Thiên Vương thần! Ta là Thiên Vương thần!", tiết sứ quỳ lạy hối

lỗi, ngọn lửa liền dập tắt. Ông liền chạy thẳng ra bờ sông thấy ngài bên bờ nước, ông quỳ lạy sám hối thỉnh ngài về nha phủ cúng dường, dựng ngôi chùa ở phía Tây phủ đệ, đặt tên là chùa Thiên vương. Hàng ngày, ngài thường nói: "Sống vui! Sống vui!" Nhưng đến lúc sắp quy tịch, ngài lại than: "Khổ! Khổ! Diêm-la vương đến bắt ta!" Viện chủ thấy vậy hỏi: "Lúc trước Hòa thượng bị Tiết sứ ném xuống sông nhưng thần sắc không đổi, ngày nay sao lại thế này?"

Ngài cầm cái gối và hỏi: "Ông nói xem lúc đó đúng hay bây giờ đúng?"

Viện chủ không đáp được. Ngài ném gối và quy tịch. Lúc ấy nhằm ngày mười ba tháng mười năm Nguyên Hòa năm thứ năm. Ngài thọ tám mươi hai tuổi, tăng lạp sáu mươi ba hạ. Đệ tử nối pháp một người là Sùng Tín.

- Canh Dần: Nguyên Hòa năm thứ năm, tháng ba, Đế cho gián nghị Mạnh Giản thay thế Tiêu Phủ làm giám hộ, nhuận văn cho việc dịch kinh ở chùa Lê Tuyền.

* ***Bàng Cư Sĩ:*** Cư sĩ Bàng Uẩn ở Tương châu. Ông tự là Đạo Huyền, người huyện Hoành Dương, Hoành châu, vốn theo nghiệp Nho. Thiếu thời, ông tỏ ngộ sự đời, chí cầu Chân đế. Đời Đức Tông, đầu năm Trinh Nguyên, ông yết kiến Thiền sư Thạch Đầu Hy Thiên, hỏi:

- Ai là người chẳng làm bạn với muôn pháp?

Thạch Đầu giơ tay bịt miệng ông. Ông hoát nhiên tỉnh ngộ. Sau ông kết bạn với Thiền sư Đan Hà Thiên Nhiên. Ngày nọ, Thạch Đầu hỏi:

- Việc hàng ngày, ông làm những gì?

Ông đáp:

Nếu hỏi việc hàng ngày thì không có chỗ mở miệng. Và trình bài kệ:

Việc hàng ngày chẳng lạ
Chỉ tôi tự biết hay
Nơi nơi chẳng lấy bỏ
Xứ xứ chẳng trái bày.
Đỏ, tía ai đặt hiệu
Gò núi diệt trần ai
Thần thông và diệu dụng
Gánh nước và chặt cây.

Thạch Đầu hứa khả. Sau đó Thạch Đầu hỏi:

- Ông muốn làm cư sĩ hay xuất gia?

Ông đáp:

Xin cho con được theo sở nguyện. Thế là ông không thế phát. Sau, ông tham vấn Mã Tổ hỏi:

- Ai là người chẳng làm bạn với muôn pháp?

Tổ nói:

Đợi ông uống một hớp hết sạch nước Tây Giang ta sẽ nói cho ông nghe.

Ngay câu nói này, ông đốn ngộ huyền chỉ, đứng vào hàng đồ của Mã Tổ, lưu lại ở đây tham vấn hai năm. Ông có bài kệ:

Trai chẳng cưới vợ
Gái chẳng gả chồng
Cả nhà nhóm họp lại
Cùng bàn lời Vô sinh.

Ông ứng đáp lanh lợi, khắp nơi đều biết tiếng. Đến lúc này là năm Nguyên Hòa năm thứ sáu, ông vân du về bắc đến Tương Hán, đến đâu thì ở đó. Ông có cô con gái tên Linh Chiếu làm nghề bán giỏ tre độ nhật qua ngày. Đang ngồi, ông hỏi Linh Chiếu:

- Người xưa nói: "Tỏ rõ đầu trăm cỏ, làm sao tỏ rõ ý Tổ sư"?

Linh Chiếu đáp:

Già cả mới nói câu đó.

Ông hỏi:

Còn con thế nào?

Chiếu đáp:

Tỏ rõ đầu trăm cỏ, tỏ rõ ý Tổ Sư!

Ông bèn cười. Có lần ông xuống cầu vác bè lên, Linh Chiếu thấy vậy đi qua đi lại bên cạnh ông. Ông hỏi:

- Con làm gì thế?

Chiếu đáp:

Hễ cha té ngã, Linh Chiếu đến đỡ.

Lúc sắp quy tịch, ông bảo Linh Chiếu:

Con ra xem mặt trời hễ đúng ngọ vào cho cha hay.

Linh Chiếu ra xem và chạy vào báo:

Mặt trời đúng ngọ rồi nhưng có nhật thực.

Ông bước ra xem, Linh Chiếu liền leo lên sàng tòa của cha, chắp tay thị tịch. Ông cười nói: "Con gái ta lanh lẹ thiệt!"

Ông đành dời lại bảy ngày sau. Châu Mục Vu Địch hay tin đến thăm ông. Ông nói với Địch: "Chỉ mong rỗng không những thứ có, cẩn thật chớ cho thứ không là thật, ở mãi thế gian đều như huyễn hóa. Nói

xong, ông gối đầu lên gối Vu Địch mà tịch. Trước đó ông dặn hãy hỏa táng mình rải tro ở sông hồ. Bàng bà chạy ra ruộng nói với con trai là Bàng Đại: "Cha mày chết rồi!" Bàng Đại cười đáp: "Dạ!" và chống cày thị tịch. Bàng bà nói: "Mày còn ngu si hơn!" Hỏa táng con trai xong, bà đi khắp xóm làng từ biệt mọi người rồi quy ẩn. Về sau chẳng ai biết Bà đi về đâu. Bàng Uẩn có hơn ba trăm thiên kệ lưu truyền ở đời. Tăng tục đều thương tiếc, bảo Bàng cư sĩ trong Thiền môn chính là Tịnh Danh ở thành Tỳ-da (ngài Duy-ma-cật)

- Nhâm Thìn: Nguyên Hòa năm thứ bảy mùa hạ tháng sáu, có nạn Đại thủy, biểu hiện âm thịnh, Đế cho xuất cung đến ba trăm xe cung nữ.

* ***Bố thí thức ăn cho chim thú:*** Nguyên Hòa năm thứ tám, Pháp sư Trí Biện là bậc hiểu ngộ tuyệt luân nhưng rất ít đồ chúng. Bỗng có vị kỳ túc xem tác phẩm do ngài soạn thuật và nói: "Hiểu biết của ông cao xa, rất hợp ý Phật, nay ít đồ chúng là do thiếu nhân duyên, Phật còn không thể độ người vô duyên huống gì là người sơ tâm! Ông nên bày thức ăn bố thí chim thú, hai mươi năm sau ắt sẽ có chúng". Ngài làm đúng như lời dạy nấu cơm rải khắp bên ngoài. Chim kéo đến mổ ăn. Biện cầu khấn: "Loài nào ăn thức ăn này nguyện xin làm pháp lữ". Hai mươi năm sau, Biện đến Nghiệp thành khai hội giảng, thính chúng dưới tòa đến hơn ngàn người đều là Tỳ-kheo trẻ.

* ***Bắc Sơn Lục:*** Do Pháp sư Thần Thanh ở Bắc Sơn soạn, lưu hành ở đời. Lúc này Nguyên Hòa năm thứ chín, ngài quy tịch.

* ***Thiền sư Bá Trượng:*** Ở Long Hưng lộ, Gianh Tây: Sư tên Hoài Hải, họ Vương, người Trường Lạc, Phước châu, từ nhỏ đã xuất gia, tinh thông cả Tam học. Lúc Mã Tổ hoằng hóa ở Gianh Tây, ngài dốc tâm theo hầu, cùng Tây Đường Trí Tạng, Nam Tuyền Phổ Nguyện đều được Tổ ấn khả. Lúc này hóa môn của ba đại sĩ làm thành thế chân vạc. Sư thượng đường dạy: "Linh quang chiếu sáng, thoát xa căn trần, thể bày chân thường, chẳng kẹt văn tự, tâm tánh không nhiễm, vốn tự viên thành, hễ lìa vọng duyên tức như như Phật". Sư lập ra nghi quỹ cho Tùng lâm, lấy tên là thanh quy. Lúc này, ngày mười ba tháng giêng năm Nguyên Hòa năm thứ chín, Sư quy tịch, thọ chín mươi lăm tuổi. Đế ban Sư thụy Đại Trí Thiền Sư, tháp hiệu Đại Bảo Thắng Luân. Sư nối pháp của Mã Tổ.

* ***Thanh Quy:*** Do Thiền sư Đại Trí núi Bá Trượng lập ra, giống như giới luật của Phật, động tĩnh thi thiết, tới lui cúi ngước, chớ để phạm phải. Tòng lâm đều tuân hành theo. Lại có Tiểu thanh quy dùng cho

hàng ngày, do Thiền sư Vĩnh Minh Diên Thọ lập ra.

+ Nguyên Hòa năm thứ chín, tháng giêng, Liễu Tử Hậu soạn văn bia cho Luật sư Đại Minh ở Nam Nhạc. Tronng ấy đại khái ghi: "Nho lấy lễ lập nhân nghĩa, không có lễ thì bại hoại, Phật lấy Luật giữ định tuệ, bỏ luật tất mai một. Bởi vậy người nhân nghĩa mà xa lễ thì không thể luận đạo Nho, người có định tuệ mà làm khác luật thì không thể bàn đến Phật. Người đạt đạo này chỉ có sư Đại Minh. Phàm đạo Phật suy vi, thì đồ chúng xem nhẹ luật mà bỏ kinh, Đại Minh rất lo sợ, vì vậy cứu xét giới luật thì lập nên đại pháp, tính thông kinh giáo thì tấn tu diệu nghĩa. Phàm y phục vật dụng đều làm phép tắc cho người, đi đứng nói năng đều làm gương mẫu cho vật" (Nguyên văn được ghi trong Liễu Tập)

* ***Thiền sư Điểu Khòa:*** Sư họ Phan, húy Đạo Lâm, người Phú Dương, Hàng châu. Mẹ họ Chu, lúc sinh Sư, ánh sáng mùi thơm tỏa đầy nhà, nhân đó bà đặt tên Sư là Hương Quang. Năm chín tuổi, Sư xuất gia, hai mươi mốt tuổi thọ giới tại chùa Quả Nguyện. Sau đó Sư đến chùa Tây Minh ở Trường An học kinh Hoa Nghiêm, luận Khởi Tín với Pháp sư Phục Lễ. Lễ lấy bài tụng Chân Vọng khai thị và dạy Sư tu thiền. Sư hỏi: Đầu tiên cái gì gọi là quán, phải dụng tâm thế nào?

Lễ im lặng giây lâu, Sư lạy ba lạy lui ra. Lúc này Đại Tông hạ chiếu thỉnh Thiền sư Kính Sơn Đạo Khâm vào cung. Sư đến yết kiến Đạo Khâm và khế ngộ tâm yếu. Kế đó, Sư về Nam ngụ cư ở chùa Vĩnh Phước, Cô Sơn, Tiền Đường. Chùa này có Bích-chi-phật, đạo tục cùng đến lập pháp hội, Sư chấn tích quang lâm. Thiền sư Thao Quang ở chùa Linh Ẩn hỏi Sư:

- Pháp hội này vì sao lại gây tiếng?

Sư đáp:

Không có tiếng, ai biết mà hiểu!

Sau, thấy núi Tần Vọng phía Bắc Tây Hồ có cây tùng lớn, cành lá xum xuê tỏa rộng rủ xuống như tán che. Sư bèn leo lên đó cư ngụ. Nên người đương thời gọi Sư là Thiền Sư Điểu Khòa (tổ chim). Bên cạnh Sư có tổ chim Thước, nên người ta lại gọi Sư là Hòa Thượng Thước Sào. Lúc này, trong năm Nguyên Hòa, thị lang Bạch Cư Dị do trung thư lệnh xá nhân cử đi phủ dụ Hàng châu, Thị lang nghe đạo hạnh của Sư, nhân thấy Sư ngụ cư trên Tổ mới nói:

- Chỗ Sư ở thật nguy hiểm!

Sư đáp:

Chỗ Thái thú còn nguy hiểm hơn tôi nhiều!

- Ngôi vụ của đệ tử trấn giữ núi sông, có gì nguy hiểm!

- Lửa củi gặp nhau, thức tánh chẳng dừng mà chẳng nguy hiểm sao!

- Đại ý Phật pháp ra sao?

- Chớ làm điều ác, siêng làm điều thiện!

- Trẻ con ba tuổi cũng hiểu thì nói làm gì!

- Tuy trẻ con ba tuổi nói được nhưng ông già tám mươi tuổi chưa chắc làm được!

Thị lang khâm phục, nhiều lần theo hỏi đạo, nhân đó ông dựng am tre ở Hồ Thượng gần nơi Sư ở để tiện sớm tối tham học. Am trúc ấy chính là chùa Quảng Hóa ngày nay, di tượng của Thị lang vẫn còn trong đó. Đời Mục Tông, năm Trường Khánh năm thứ tư, ngày mười tháng hai, Sư nói với thị giả: "Nay báo thân ta đã hết". Nói xong Sư kiết già thị tịch. Đế ban Sư thụy Viên Tu Thiền Sư. Sư nối pháp của Thiền sư Quốc Nhất Đạo Khâm, vốn là dòng phụ của Tứ tổ.

* ***Thị giả Bố Mao:*** Ngài họ Ngô, tục danh Nguyên Khanh, pháp danh Hội Thông làm quan giữ chức cung phụng. Năm Nguyên Hòa thứ mười, ngày nọ ngài tâu với Đế: "Thần từ nhỏ không ăn mặn, chí muốn theo Thích Tiếp Tuần, mong bệ hạ cho thần xuất gia". Sau, mẹ ngài bị bệnh, ngài về quê ở Hàng châu, yết kiến Thiền sư Điểu Khòa ở Hồ Thượng cầu xin thế phát xuất gia. Điểu Khòa nói:

- Tăng thời nay ít có người tinh tấn cần khổ, tu hành phần nhiều lơ là lạm dụng.

Ngài đáp:

Vốn tịnh chẳng phải mài dũa, vốn sáng chẳng nhờ vật khác chiếu.

Điểu Khòa nói:

Nếu ông liễu ngộ tịnh trí viên diệu, thể tự không tịch, tức là người xuất gia chân chánh.

Ngài thành tâm cầu thỉnh, Điểu Khòa cho xuống tóc thọ giới, đặt pháp danh là Hội Thông. Ngài hầu hạ Điểu Khòa nhiều năm, ngày nọ chợt từ biệt Điểu Khòa nói:

Con đến các nơi khác học Phật pháp!

Khòa nói:

Ở đây cũng có một chút Phật pháp.

Ngài thưa:

Xin Hòa thượng dạy cho!

Điểu Khòa rút khăn lông trên người đưa lên thổi. Ngài đốn ngộ

huyền chỉ, nên không đi nữa, nhân đó có hiệu Bố Mao thị giả. Ngài dựng Già-lam ở phía Đông chùa Hỷ Thước, gò Tây của Cát Lĩnh, đó là chùa Chiêu Hiền.

- Bính Thân: Nguyên Hòa năm thứ mười một, Thiền Sư Trí Thường ở chùa Quy tông, Giang châu, mắt có hai đồng tử, bôi thuốc trên tay áp vào xoa một lúc thì hai mắt đều đỏ, nhân đó người ta gọi ngài là Xích Nhãn Quy Tông. Giang châu Thứ sử Lý Bột hỏi ngài:

- Hạt cải thâu nạp Tu-di chẳng phải là nói dối đó chăng!

Ngài đáp:

Người ta đồn sứ quân đọc cả vạn quyển sách đúng không!

Bột đáp:

Đúng vậy!

Ngài nói:

Sứ quân từ đầu đến chân lớn cỡ cây dừa, vạn quyển sách để đâu cho hết.

Bột cúi đầu tỉnh ngộ. Ngài mất, người nối pháp rất nhiều. Ngài nối pháp của Mã tổ.

* ***Vợ chàng họ Mã là Quán Thế Âm:*** Nguyên Hòa năm thứ mười hai, Bồ-tát dùng sức đại Từ bi muốn giáo hóa dân ở Thiểm hữu mới thị hiện làm một cô gái xinh đẹp, đi đến nơi ấy. Trông thấy dung nhan giọng nói của cô, ai cũng muốn cưới làm vợ. Cô gái nói: "Tôi cũng muốn có chỗ nương tựa, chỉ một đêm nếu người nào đọc thuộc phẩm Phổ Môn thì tôi xin theo hầu hạ!

Hôm sau, có đến hai mươi người đọc thuộc kinh. Cô gái nói:

- Một người con gái đâu thể lấy nhiều người. Bây giờ ai đọc thuộc kinh Kim Cang, tôi sẽ lấy làm chồng.

Hôm sau có đến mười người đọc thuộc. Cô gái cũng không bằng lòng, xin thi thêm lần nữa. Cô đưa họ kinh Pháp Hoa bảy quyển, hẹn ba ngày sau, nếu ai đọc thuộc thì cô lấy làm chồng.

Đúng kỳ hẹn, chỉ có một người họ Mã đọc thuộc kinh. Cô gái bảo chàng ta đi sắm đủ lễ nghi để thành hôn. Chàng họ Mã rước cô dâu về. Cô gái nói: "Nay thiếp trong người không khỏe đợi chút xíu khỏe hẳn sẽ đến gặp chàng". Khách chưa về hết thì cô gái chết, thân thể liền tan hoại, chàng họ Mã đem an táng ngay. Mấy ngày sau, có vị Tăng chống tích đến gặp họ Mã hỏi nguyên do cô gái ấy. Họ Mã dẫn vị Tăng đến nơi an táng. Vị Tăng cầm xích xới lên thì thấy thân thể đã biến mất, chỉ còn bộ xương như vòng vàng. Vị Tăng lấy cây xích xâu vòng vàng ấy đưa cao, nói với mọi người: "Đây là Thánh nhân, thương xót bọn ông

chướng nặng nên bày phương tiện giáo hóa bọn ông. Các ông nên khéo nghĩ đến tác nhân để khỏi đọa trong biển khổ". Nói xong vị Tăng bay lên không đi mất. Từ đó, đất Thiểm hữu có rất nhiều người phụng Phật. Hòa thượng Xán ở Tuyền châu làm bài tán rằng:

Dung nhan yểu điệu tóc thướt tha
Lừa gạt Lang quân niệm Pháp Hoa
Một nắm xương tàn sau khi mất
Chẳng hay trăng sáng lặn mấy nhà!

* ***Quốc sư Thanh Lương:*** Quốc sư húy Trừng Quán, từng nói đến trong đời Tắc Thiên năm Vạn Tuế Thông Thiên. Khi Thuận Tông còn ở Đông cung, ông nghe pháp hiểu ngộ, hỏi ngài về tâm yếu. Ngài đáp đại loại: "Chí đạo vốn ở nơi tâm mình, tâm pháp vốn ở nơi vô trụ. Tâm thể vô trụ linh diệu, hay biết, không mê. Tánh tướng vắng lặng, bao hàm đức dụng. Mê hiện lượng thì hoặc khổ rối bời, ngộ chân tánh thì rỗng rang thấu tỏ. Tuy tức tâm tức Phật nhưng chứng thì mới biết. Nhưng có chứng có biết tuệ nhật thì lún sâu trong đất có, nếu không chiếu không ngộ thì mây mờ che kín cả cửa không. Nếu một niệm chẳng sinh thì khoảng trước sau dứt, chiếu thể độc lập, ngã vật đều như, đến thẳng nguồn tâm không trí không đắc. Nhưng mê ngộ nương nhau, chân vọng đối đãi, nếu tìm chân bỏ vọng, giống như bỏ bóng theo hình, còn tỏ vọng tức chân thì như ở bóng râm thì bóng mất. Nếu không tâm vong chiếu thì muôn lự đều sạch, nếu mặc tình tịch biết thì muôn hạnh mở ra, phóng khoáng mặc tình đi ở, vắng lặng nhận ra cội nguồn, nói nín chẳng mất huyền vi, động tĩnh chẳng lìa pháp giới. Bàn về Chỉ thì càng quên tri tịch, luận về Quán thì cùng chiếu tịch tri. Nói đến chứng thì không thể chỉ người. Kể đến lý thì không chứng chẳng tỏ. Bởi vậy tỏ ngộ tịch vô tịch, chân tri vô tri, vì tri và tịch là nhất tâm chẳng hai, khế hợp Trung đạo cùng quên có không.

Tháng năm Nguyên Hòa năm thứ tư, Đế lệnh Hữu Ty đúc ấn riêng gia phong Quốc sư Thanh Lương làm Tăng Thống Quốc Sư, điều hành việc giáo môn. Đế hỏi:

- Điều Hoa Nghiêm tuyên bày, cái gì gọi là pháp giới?

Ngài đáp:

Pháp giới là bản thể thân tâm chúng sinh. Từ xưa đến nay nó rỗng rang, sáng rộng, chỉ một chân cảnh mà thôi, không có hình tướng nhưng che khắp đại thiên, không có bờ mé nhưng hàm dung vạn hữu, trờ trờ ngay trước tâm, mắt, nhưng không thể nhìn thấy tướng nó, lồ lộ ngay trong sắc trần nhưng không thể phân được lý nó, chẳng phải mắt tuệ

thấu pháp, trí sáng lìa niệm thì không thể thấy được tự tâm linh thông như vậy. Thế nên, vừa thành Chánh giác, Thế Tôn đã bất giác thốt lên: "Kỳ lạ thay! Tất cả chúng sinh đều có đủ đức tướng trí tuệ Như Lai, chỉ vì vọng tưởng chấp trước nên không chứng đắc được". Vì thế, xứng tánh Pháp Hoa mà ngài diễn nói kinh Hoa Nghiêm, toàn đề cặp đến chân không giản dị, tinh tuý, sự lý dung nhiếp, biến khắp ngưng tịch". Đế nghe diệu nghĩa, thân tâm rỗng rang, ngay đó thấu tỏ.

* ***Hộ quốc chân thân Phật cốt:*** Kỷ Hợi, Nguyên Hòa năm thứ mười bốn, tháng giêng, Đế sai Trung Sứ Đỗ Anh Kỳ mang hương hoa đến tháp hộ quốc chân thân chùa Pháp Vân ở phủ Phụng Tường để thỉnh xương của Phật Thích-ca vào cung. Đế ngự trên An Phước môn nghinh bái, giữ lại trong cung cúng dường. Ngày năm thứ ba, xá-lợi phóng quang ngũ sắc, trăm quan xứng tán, đưa đi khắp các chùa. Tăng chúng oai nghi tề chỉnh, tấu nhạc của Thái Thường, Vạn Niên, Trường An, cờ xí trống chiêng tưng bừng hiếm thấy. Hình bộ thị lang Hàn Dũ dâng biểu can ngăn, dẫn cổ dụ kim, nói thọ mạng của Đế cũng như vận nước không lâu dài. Đế nổi giận, hạ biểu tấu cho tể phụ mang Dũ ra chém. Bùi Độ, Thôi Quần can khuyên, Đế đày Dũ làm Thứ sử Triều châu. Vừa mới đến quận, Dũ dâng biểu ai tạ khuyên Đế. Dũ lên Thái sơn, lâu ngày không có tin báo nên u sầu không vui. Dũ nghe trong quận có Thiền Sư Đại Điên là người đức cao vọng trọng mới gởi thư mời. Mời đến lần năm thứ ba, Đại Điên mới tới. Đại Điên nói năng lanh lợi, Dũ giữ lại đến mấy mươi ngày. Có khi ngài nhập định mấy ngày mới xuất, Dũ càng kính trọng. Ngài từ biệt đi. Dũ tế thần trên biển rồi lên Linh Sơn đến nơi ngài ở, thưa:

Đệ tử bận việc trong Quân châu, nay muốn xét chỗ trọng yếu, xin Thầy cho một câu.

Ngài chẳng nói chẳng nhìn, Dũ bối rối. Lúc ấy Tam Bình làm thị giả, Bình gõ giường một cái, ngài nói:

"Làm gì?"

Bình thưa: Trước dùng định lay chuyển, sau dùng trí nhổ lên.

Dũ bái Tam Bình và nói:

"Môn phong của Hòa thượng cao ngất, Dũ này nhờ thị giả mới có đường vào.

Ngài hỏi Dũ:

"Trông u sầu, như có điều gì không vừalòng là tại sao vậy?

Dũ đáp:

Dũ tôi được trong dụng trong triều hưởng bổng lộc hậu hỹ, một

sớm lời ngay không được dùng, bị đày xa tám ngàn dặm, vượt qua biển núi, vợ con chết cả, sương độc khí bệnh ngày đêm phát tác. Nay bị đày đến chỗ không người, mạng sống này há giữ được ư? Trên đường đến đây, tôi ghé miếu Quảng Lăng cầu khấn, may nhờ sức thần được chết cho khỏi lo, đem công trung hưng viết trên tấu chương nói rõ cho Chúa Thượng, sai người về đông lên Thái sơn tấu công với thiên hoàng, nếu toại ý nơi đây, thì ngõ hầu được chúa thượng triệu Dũ này về, thuật làm công đức, tế ở miếu Giao vậy. Dũ ngày đêm trông mong nhưng tin chưa đến, sốt ruột mong đến mau, thì Dũ tôi làm sao vui vẻ được!

Ngài nói:

Lời ngay thẳng của ông trong triều là trung với vua không đếm xỉa đến thân mình hay là vì bản thân mình nói càn để chạy theo danh? Lời ấy được dùng thì ông được tiếng là ngay thẳng, hưởng cái lợi từ lời nói, nếu không dùng thì ắt bị đuổi việc, cớ gì phải ôm ấp mãi trong lòng làm gì! Nếu trung mà bị đuổi thì đừng nói có hay hơn không! Tôi nghe, kẻ làm bề tôi không chọn nơi yên mà ở, không lượng thế mà đi, nay ông bị đuổi nên không vui, xu thời mà chạy theo danh, quả không phải là bề tôi trung chánh. Hơn nữa, sống chết họa phước của ông lẽ đâu không treo trên trời? Ông hãy tự bên trong tu sửa, bên ngoài chịu mệnh đi! Ở Quảng Lăng ấy há có thể tạo phước cho ông chăng! Chúa thượng vì gian tà tranh nước nên thảo phạt không rảnh tay, chỉ có thể dẹp yên nhưng ung nhọt chưa hết hẳn. Ngay lúc này đây, ông lại muốn phong thiền cáo công để sách loạn thiên hạ, nhưng chủ ý là do mình muốn về triều, ông nhẫn tâm làm được ư! Còn nữa, do cùng quẫn, bấn loạn rồi cầu khấn quỷ thần, đó là ông không biết mệnh. Náo động thiên hạ nhưng chẳng đếm xỉa, cốt có lợi cho mình mà thôi là ông không biết nhân. Nói càng để chứng tỏ mình trung, gặp khốn đốn thì uất ức là ông không biết nghĩa. Lấy loạn làm trị để cáo với Thiên hoàng là ông không biết lễ, ấy vậy mà ông vẫn làm. Ông bị đày là do nói gì vậy?

Dũ đáp:

Chúa thượng rước xương Phật vào đại nội, tôi cho Phật là phép tắc của Di Địch, thời Tam đại không có Phật nhưng vận nước lâu bền, Tấn Tống Lương Ngụy thờ Phật nhưng không chết yểu thì cũng loạn. Dũ sợ chúa thượng bị mê hoặc cho nên không nghĩ đến bản thân ra sức bài xích.

Ngài nói:

Nếu vậy thì ông nói sai rồi. Phật là Đại thánh che khắp trời người, đạo Phật thấu tỏ vạn vật mà lập ngôn, lời Phật thì thấu cùng lý tánh,

giáo pháp thì bỏ ác hướng thiện, bỏ ngụy về chân. Phật đối với thiên hạ như cha đối với con, nhưng ông phỉ báng thì chẳng khác nào con lại đi giết cha. Tôi nghe, người khéo quan sát người khác là xem đạo của họ tồn tại thế nào, chứ không so sánh nơi họ ở. Vua như Kiệt, Trụ; bề tôi như Chích, Kiểu đều là người Trung Quốc nhưng đâu thể noi theo vì họ là kẻ vô đạo. Thuấn sinh ở Đông Di, Văn Vương sinh ở Tây Di, Do Dư sinh ở rợ Nhung, Quý Lễ sinh ở rợ Man, hai Thánh hai Hiền ấy há cho họ là Di Địch mà không bắt chước họ chăng! Nay ông chẳng suy xét đạo Phật cứ chê suông là Di Địch, sao lại ăn nói hồ đồ đến thế? Ông cho rằng thời Thượng Cổ chưa có Phật nên không noi theo ư? Vậy thì Khổng, Mạnh sinh trong thời suy Chu, nhưng Xi Vưu, Cổ Tẩu sinh ở thời Thượng Cổ, lẽ đâu ông bỏ Thánh hiền của suy Chu mà bắt chước kẻ hung tàn của Thượng Cổ? Ông cho rằng thời Ngũ Đế Tam vương chưa có Phật nhưng sống lâu, vậy Ngoại Bính ở ngôi hai năm, Trọng Nhâm bốn năm, không phải chết yểu đó sao? Thư Vô Dật nói: "Từ đó về sau cũng không ai sống lâu, có người mười năm, người hai mươi năm". Ông cho rằng thời Tần Hán, nhân chủ chết yểu và loạn thì Hán Minh đế là anh chủ một thời, Lương Vũ đế thọ đến tám mươi sáu tuổi há cũng chết yểu là loạn đó sao!

Dũ nói:

Tôi cho rằng người theo Phật không hề nói đến phép tắc của tiên vương, lại rêu rao bừa thuyết luân hồi sinh tử, thân chẳng làm được chút nhân nghĩa trung tín, nhưng dối lập ngọn nguồn báo ứng họa phước, không có cái nghĩa vua tôi, chẳng có tình thân phụ tử, làm bại hoại đạo của tiên vương, Dũ này há im lặng mà không chỉ trích được sao!

Ngài nói:

Quá lắm rồi! Ông chẳng thấu đạt gì cả! Có người ở đây cả ngày đếm đến mười, nhưng không biết hai nhân năm là mấy, người ấy tất bị cho là kẻ điên. Ông trọn ngày nói đến nhân nghĩa trung tín, nhưng chẳng biết Phật nói Thường, Lạc, Ngã, Tịnh thật ra chẳng khác. Vả lại, có phải ông đọc thuộc sách Phật rồi nghi là lời Phật lập dị với tiên vương phải không?

Dũ đáp:

Dũ tôi đâu rãnh để đọc sách Phật!

Ngài nói:

Ông chưa từng đọc sách Phật, thì làm sao biết được Phật không nói đến phép tắc của tiên vương? E rằng ông chưa từng đọc sách của Khổng Tử lại liền nghi ngờ đạo Khổng sai, hay là ông nghe người ta

nói sai thì ông liền cho nó sai. Nếu ông chưa từng đọc sách của Khổng Tử nhưng lại nghi đạo Khổng sai thì đó là "Chó của vua Thuấn" nếu ông nghe người ta nói sai thì ông liền cho nó sai, đó là "đàn bà", xưa vua Thuấn nuôi con chó, con chó biết chỉ có ông Thuấn. Ngày nọ vua Nghiêu đi ngang, con chó liền nhảy ra cắn. Không phải nó mến ông Thuấn ghét ông Nghiêu, mà do người nó thường gặp là Thuấn chứ chưa từng gặp ông Nghiêu bao giờ. Tôi lại nghe, con gái về nhà chồng, mẹ tiễn đi. Hễ về bên chồng rồi thì cô dâu nọ ắt phải kính, phải vâng lời, không được trái ý chồng. Thế nhưng người theo người khác, đó là việc đàn bà. Ông đâu thể chạy theo cái sai của người khác mà chẳng khảo xét nguyên do, liền cho là nó sai ư! Phàm luân hồi sinh tử không phải vọng lập, đó là chí số của trời đất, là lý mầu của u minh. Theo lý muôn vật mà xét thì, gốc rễ cỏ cây chặt đi thì sống lại, tính nó khôi phục lại, có gì lạ đâu! Khổng Tử nói: "Có khởi đầu ắt có kết thúc" nên biết đó là thuyết sống chết. Trang Tử nói: "Vạn vật ra khỏi chân tính rồi vào lại chân tính". Giả Nghị nói: "Hóa làm loài khác có gì phải lo". Đó đều là thuyết luân hồi, chẳng đợi Phật nói mới rõ, thì ông đâu thể cho nó là vọng tạo. Còn nữa, ông cho họa phước báo ứng là dối lập thì càng thấy rõ ông quá sai lầm rồi. Phàm quả báo thiện ác đều là sự tương ứng tự nhiên của chân lý. Kinh Dịch nói: "Tích thiện thì an vui mãi, tích ác thì tai ương hoài". Lại nói: "Quỷ thần hại nhiều nhưng phước ít". Tăng tử nói: "Cẩn thận! Cẩn thận! cho đi thứ gì thì nhận về thứ nấy!" Đó đều là thuyết báo ứng cả. Chỉ có Phật là người hay thương xót đến họa phước của con người, nên nêu bày tỏ rõ, rằng đó là lý ắt phải đến, khiến con người không tự vùi mình trong ấy, lẽ đâu là vọng tạo? Ông lại cho rằng Phật không có cái nghĩa vua tôi, không có tình cha con, nhưng đó vốn là điều ông không thể với tới được. Sự vốn có trong cõi này, có cái vượt ngoài cõi này. Nếu trong cõi này thì mọi người đều tuân thủ nó, còn như ngoài cõi này thì chẳng phải bậc Thần thánh trong thiên hạ ắt không ai hiểu tới được. Cho nên, những lời dạy của Thánh nhân, có điều nói để mọi người tuân thủ, có cái vì Thần thánh trong thiên hạ mà nói. Mỗi bên nhận lãnh khác nhau. Đạo mà Khổng Tử nói đến là khuôn phép chí cực, vô tư vô vi, vắng lặng chẳng động, cảm thì liền thông. Đó không phải là điều mà mọi người cùng nhận hiểu. Mọi người mà vô tư vô vi thì lý trong thiên hạ này đã dứt mất rồi. Phật nói cho kẻ bề tôi ắt dựa vào lòng trung, nói cho phận làm con ắt dựa trên tâm hiếu, đó là điều nói cho mọi người cùng tuân thủ. Có những lời Phật nói nhắm đến cái vô tâm nhưng chẳng phải chỉ có vô tâm, nhắm đến cái vô ngã, nhưng

chẳng phải chỉ có vô ngã mà còn nhắm đến cái vô sinh. Như vậy, trình tự của âm dương không thể loạn, số mệnh của trời đất chẳng đổi dời, nên đương nhiên là có vua tôi cha con trong ấy. Điều đó những kẻ thấy ít nghe cạn nói được ư! Nay ta nói cho ông biết, lý của Phật bao trùm muôn phương vì nó không có bản chất, đã nhiệm mầu lại càng nhiệm mầu, giống như trời có con người bên dưới. Trọn ngày khen trời nhưng trời chẳng đầy thêm, trọn ngày chê trời nhưng trời chẳng vơi đi. Như vậy khen và chê đều là lỗi cả. Từ nhà Hán đến nay trải qua lâu ngần ấy năm, sự vật trong thiên hạ thay đổi nhiều cũng ngần ấy, vua tôi sĩ dân cũng đông ngần ấy, trời đất thần minh cũng đâu có lừa dối, thuyết nhà Phật thịnh hành trong ấy, kẻ không dám bàn luận lại gạt phắt đi, ắt là dám che trời đất đi mà không biết hổ, che trăm Thánh mà chẳng biết thẹn. Diệu lý tồn tại trong đó rồi sau mới đến nơi này, ông hãy suy nghĩ cho kỹ đi! Nay ta nói cho ông biết, hễ học thì phải khảo cứu đến cái sâu xa của đạo. Đạo mà sâu xa thì chí của ta không ai lường được, lúc ấy ắt người khác cho mình là hiền tài. Họ cho mình hiền tài chính là chỗ này, nhưng trái lại ta cho họ sai thì rõ ràng tâm ta có điều gì đó chưa biết hết. Vì vậy tư duy cho sâu điều đúng của họ, cố sức mà tìm thì ngõ hầu sẽ phát hiện ra. Nay ông khư khư vì bản thân mình, tới lui trong thanh sắc lợi dục, có một chút không như ý liền phẫn uất bi lụy, nếu đời nay không chịu đựng thì khác gì lũ ruồi nhặng tranh cặn bã trong đống đồ dơ đâu!

Khi ấy Dũ trố mắt không chớp, hào khí tiêu tan, bàng hoàng như đánh mất thứ gì đó, liền nói với Đại Điên:

- Ngay đây hết lời rồi!

Ngài nói:

Ta sở dĩ nói cho ông biết là vì nhắm cái tài năng của ông chứ không phải nhắm vào điều ông đạt đến.

Dũ thưa:

Dũ này mê muội, xin muốn được nghe điều mình sẽ đạt đến!

Ngài đáp:

Thành thật với lòng mình, thấu cùng tánh mệnh, tỏ lý vạn vật, thấu được mệnh trời, sau đó ta sẽ nói cho ông nghe. Bây giờ ông đi đi, ta không nói với ông nữa.

Hàn Dũ đứng dậy đi ra.

- Tháng tám, Đế và Tể tướng nói chuyện, thấy Dũ cũng đáng thương nên trao Dũ chức Viên châu Thứ sử. Dũ dựng lại am cho Đại Điên cúng ngài hai cái y, từ biệt rằng:

"Dũ tôi sắp xa thầy rồi, xin được nghe một lời cuối trong lần gặp này!"

Đại Điên nói:

Ta nghe, người dễ tin người cũng tất dễ thay đổi, người dễ khen người tất cũng dễ chê họ. Ông nghe ta nói rồi dễ tin như vậy, biết đâu sau này nghe người khác nói lại cho ta sai cũng nên!

Đại Điên không nói nữa. Dũ biết mình không thể nghe thêm được gì, bèn đến Viên châu. Thượng thư Mạnh Giãn biết Dũ có giao du với Đại Điên nên gởi thư chúc mừng vì Dũ đã có lòng tin. Trong thư trả lời Mạnh Giãn, Hàn Dũ có đề cập đến Đại Điên, rằng Đại Điên rất thông minh, tinh thông đạo lý, tài năng vượt ngoài hình hài, vui với đạo lý, chẳng bị sự vật động tâm. Tuy tôi không hiểu hết những gì sâu xa trong lời ông, nhưng lòng mình đã không còn ngưng trệ, nhân đó thường lui tới với ngài.

Thiền sư Đại Điên họ Dương húy Bảo Thông, quê ở Linh sơn, Triều châu. Ngài nối pháp Thiền sư Nam Nhạc Thạch Đầu Hy Thiên. Hy Thiên nối pháp của Thanh Nguyên Hành Tư, Hành Tư nối pháp của Lục tổ Đại Giám. Năm này, Liễu Tử Hậu mất.

- Canh Tý: Nguyên Hòa năm thứ mười lăm, tháng Giêng Đế mất. Tháng nhuần Hoàng Thái tử lên ngôi ở điện Thái Cực.

* **Mục Tông:** Húy là Hằng, con năm thứ ba của Hiến Tông. Nguyên Hòa năm thứ bảy, ông được lập làm Hoàng Thái tử, ở ngôi bốn năm, thọ ba mươi tuổi. Niên hiệu Trường Khánh bốn năm.

Tân Sửu: Trường Khánh năm đầu, tháng ba, Lô Long Tiết độ sứ Lưu Tổng coi giữ hơn hai mươi quận ở U, Yên, đã về triều xin làm Tăng, Đế ban y và hiệu Đại Giác Đại sư, đặt phủ đệ nơi ông ở là chùa Báo ân.

- Nhâm Dần: Trường Khánh năm thứ hai, tháng hai, Đế sai Tả nhai Tăng lục Linh Phụ mang chiếu đến Phần Dương thỉnh Thiền sư Vô Nghiệp vào cung. Linh Phụ đến tuyên chiếu xong, lạy nói: "Chúa Thượng lần này đặc biệt ân chỉ, mong thầy đi cho". Sư cười nói: "Bần đạo có đức gì mà phiền lụy đến nhân chủ, ông về trước đi, ta theo sau ngay". Sư tắm rửa, trải tòa, nói với môn nhân là Tuệ Âm: "Tánh thấy nghe hiểu biết của các ông lâu dài bằng thái hư. Tất cả cảnh giới vốn tự rỗng lặng kẻ mê không tỏ liền bị cảnh lừa, một khi bị cảnh lừa thì lưu chuyển không cùng, phải thường thấu tỏ tất cả không, không một pháp đáng lưu luyến. Đó là chỗ dụng tâm của chư Phật". Nói xong, Sư ngồi ngay thẳng, đến nửa đêm thì quy tịch. Linh Phụ về tâu lại mọi việc. Đế

kính ngưỡng tán thán rất lâu, ban Sư thụy Đại Đạt Quốc Sư. Sư được Hiến Tông, Mục Tông kính trọng, ba lần hạ chiếu thỉnh nhưng Sư không vào cung. Sư họ Đỗ, người Thương châu, nối pháp của Mã tổ.

- Tháng mười, Đế xa giá đến chùa Thiện Nhân cúng Tăng chúng một trăm vạn tiền. Tháng mười một, hạ chiếu lập Cảnh Vương Trạm làm Hoàng Thái tử.

- Quý Mão: Trường Khánh năm thứ ba, tháng tám, Đế xa giá đến cung Trường Khánh, gặp Tăng đang trì bát Đế cúng cho ba trăm tấm lụa.

- Thiền sư Như Hội ở chùa Hồ Đông quy tịch thọ tám mươi tuổi. Sư quê ở Thiều châu, nối pháp của Mã tổ.

- Giáp Thìn: Trường Khánh năm thứ tư, mùa Đông, Đế mất ở tẩm cung, Kính Tông lên ngôi ở nhà đông của điện Thái cực. Tháng mười hai, Từ Tứ quán sát sứ Vương Trí Hưng, nhân ngày sinh nhật Đế mới xin dựng giới đàn độ Tăng Ni ở Cầu phước. Đế ưng chuẩn, chùa Vĩnh Phước ở Hàng châu khắc kinh Pháp Hoa lên vách đá. Nguyên Chân soạn bài ký.

* **Kính Tông:** Tên là Trạm, con trưởng của Mục Tông, ở ngôi hai năm thọ mười tám tuổi. Bảo Lịch hai năm.

- Ất Tỵ: Bảo Lịch năm đầu. Bính Ngọ: Bảo Lịch năm thứ hai, tháng mười hai Đế mất.

* **Văn Tông:** Tên Ngang, con năm thứ hai của Mục Tông, ban đầu được phong làm Giang Vương. Kính Tông không có con nên lập Giang Vương lên ngôi. Ông ở ngôi mười ba năm thọ ba mươi ba tuổi. Niên hiệu Thái Hòa chín năm, Khai Thành năm.

- Đinh Mùi: Thái Hòa năm đầu.

* ***Đại sư Từ Nhẫn Linh Tế:*** ở núi Đại Hồng. Sư họ Trương, tên Thiện Tín, người Long Hưng. Trong năm Nguyên Hòa đời Hiếu Tông, Sư ngụ cư chùa Khai Nguyên, Hồng châu, tham vấn Mã Tổ, mật khế tâm yếu. Kính Tông, năm Bảo Lịch năm thứ hai, Sư đến ở cạnh núi Thái hồ, Tùy châu. Lúc này trời đại hạn, người trong làng là Trương Vũ Lăng mang dê lợn đến Hồ Long cầu đảo. Sư thấy vậy bùi ngùi nói: "Hại mạng này để cứu mạng kia, tội càng thêm nặng, thôi đừng sát sinh, đợi ba hôm nữa ta sẽ cầu cho ông". Sư vào hang động phía Bắc núi nhập định cầu khấn. Sấm nổ trời mưa. Mấy ngày sau, Vũ Lăng lần theo dấu vết tìm Sư, Sư vẫn còn nhập định, Vũ Lăng liền xuống núi và dựng tịnh xá, cho hai con hầu hạ Sư. Người học nghe tiếng quy tụ thành pháp tịch. Đến lúc này, Thái Hòa năm đầu, ngày hai mươi chín tháng

năm, Sư ngầm nói với Long thần: "Ngày trước ta thay vật tế nên lấy mất miếng ăn của ông, nay ta xả thân để trả lại, ông có thể ăn thịt ta. Sư dùng dao cắt chân phải, lại cắt chân trái, môn nhân thấy vậy chạy đến giật con dao, một dòng sữa trắng tuôn ra từ vết cắt, Sư an nhiên quy tịch. Các đạo ở phía Nam, phía Đông núi này tâu với Đế mọi việc, Đế tán thán ban nơi Sư ở là U Tế Thiền viện. Đời Thạch Tấn trong năm Thiên Phước đổi thành chùa Kỳ Phong. Tống Thần Tông, Nguyên Phong năm đầu, Đế lại đổi thành chùa Linh Phong, Triết Tông, năm Nguyên Hiệu năm thứ hai, tháng chín Đế hạ chiếu đổi thành Thập Phương Thiền Tự mời trưởng lão Báo Ân ở chùa Thiếu Lâm, Lạc Dương về trụ trì. Sư nối pháp của Mã Tổ.

* ***Thiền Sư Dược Sơn Duy Nghiễm:*** Sư họ Hàn, người Giáng Châu, mười bảy tuổi theo Thiền Sư Tuệ Chiếu ở Tây Sơn Hồ Dương xuất gia, thọ giới với Luật sư Hy Tháo ở Hoành nhạc. Sư thông tỏ Kinh Luật, nghiêm trì giới luận. Đầu tiên Sư đến tham vấn Thạch Đầu, Thạch Đầu chỉ Sư đến Mã Tổ, Sư về lại Thạch Đầu và tỏ ngộ tâm yếu. Sau, Sư đến trụ ở Dược sơn, Lễ châu. Đại chúng quy tụ rất đông. Thượng thư Lý Tường tự là Tập Di đi phủ dụ Lãng Châu, mến mộ đạo pháp của sư nên vào núi yết kiến, Sư vẫn đọc kinh không nhìn. Tường nói:

"Gặp mặt chẳng bằng nghe tiếng."

Sư gọi Tường, Tường dạ, Sư nói:

"Sao ông quí tai thính mà mắt mờ thế"

Tường lạy tạ, hỏi:

- Thế nào là đạo? Sư lấy tay chỉ trên chỉ dưới rồi hỏi: Hiểu không?

Tường đáp:

"Không hiểu".

Sư nói:

Mây ở trời xanh, nước trong bình.

Tường vui mừng dùng kệ đáp:

Luyện được thân hình tợ hạc hình
Dưới ngàn gốc tùng hai hòm kinh
Tôi đến hỏi đạo không gì khác
Mây ở trời xanh nước trong bình.

Tường hỏi tiếp:

Thế nào là giới định tuệ?

Sư đáp:

Ở đây không có thứ rào cản ấy.

Tường lãnh hội và cáo từ. Sư nối pháp Thiền sư Thạch Đầu Hy Thiên. Lúc này, Thái Hòa năm thứ hai, Sư quy tịch, thọ tám mươi bốn tuổi. Đế ban Sư thụy Hoằng Đạo Đại Sư, tháp hiệu Hóa Thành.

* ***Thiền sư Long Đàm Sùng Tín ở Lễ châu:*** Sư quê ở Chử Cung nhà trong hẻm chùa Thiên Hoàng, thành Kinh Nam. Sư lạy Thiền sư Đạo Ngộ xuất gia, sau khi thọ giới, ở lại hầu hạ, lãnh ngộ huyền chỉ. Sau, Sư đến cư ngụ tại Long Đàm, Lễ Dương. Sư nối pháp của Thiên Hoàng Đạo Ngộ, Đạo Ngộ nối pháp của Thạch Đầu Hy Thiên, Hy Thiên nối pháp của Thanh Nguyên Hành Tư, Hành Tư nối pháp của Lục tổ. Sư nhận đệ tử, đó là Đức Sơn Tuyên Giám.

* ***Kinh trên vách đá:*** Thái Hòa năm thứ ba, chùa Trùng Huyền ở Tô châu khắc xong kinh trên vách đá. Thị lang Bạch Cư Dị soạn văn bia đại loại rằng: "Phàm khai thị ngộ nhập tri kiến chư Phật, lấy Liễu nghĩa độ vô biên, đem Viên giáo dạy vô cùng thì không gì sâu xa hơn kinh Pháp Hoa gồm sáu mươi chín ngàn năm trăm lẻ năm lời. Chứng Vô sinh nhẫn, vào cửa Bất nhị, trụ trong giải thoát không thể nghĩ bàn thì không gì sâu xa hơn kinh Duy-ma-cật gồm hai mươi bảy ngàn chín trăm mười hai lời. Đưa bốn loại chín loài vào Vô dư Niết-bàn nhưng thật không có người được độ thì không gì mầu nhiệm hơn kinh Kim Cang gồm năm ngàn hai trăm tám mươi bảy lời. Diệt tội tăng phước, thanh tịnh tất cả đường ác, không gì nhanh bằng kinh Tôn Thắng Đà-la-ni gồm ba ngàn hai mươi lời. Ứng niệm tùy nguyện sinh cõi Cực lạc, không gì lớn hơn kinh A-di-đà gồm một ngàn tám lời. Dùng chánh kiến quán thật tướng, không gì hơn kinh Phổ Hiền Hạnh Pháp gồm sáu ngàn chín trăm chín mươi lời. Bày tự tánh, nhận bản giác không gì sâu xa hơn kinh Thật Tướng Pháp Mật gồm hai ngàn một trăm lẻ năm lời. Rỗng không pháp trần, nương vào trí Phật thì không gì hơn Tâm Kinh Bát-nhã gồm hai trăm năm mươi tám lời. Tám loại kinh này bao gồm đủ yếu chỉ của mười hai bộ ba thừa, đủ bí tạng của muôn Phật. Tâm kinh có ba bản dịch, bản hai trăm năm mươi tám lời của Tam tạng Pháp sư Huyền Trang dịch vào năm Trinh Quán đời Thái Tông. Đây là bản dịch năm thứ ba.

* ***Thiền sư Đan Hà Thiên Nhiên ở Đặng châu:*** Sư thị tịch trong tháng sáu, thọ tám mươi ba tuổi, Đế ban thụy Trí Thông Thiền Sư. Sư vốn theo Nho học, ngày nọ vào Trường An ứng thí, gặp Thiền giả ở quán trọ, Thiền giả hỏi Sư: Nhân giả đi đâu?

Sư đáp:

Thi làm quan.

- Thi làm quan đâu bằng thi làm Phật!

Sư hỏi:

Thi làm Phật phải đến đâu?

- Hiện nay Đại sư Mã Tổ hoằng hóa ở Gianh Tây, đó là nơi tuyển người làm Phật.

Sư liền đến thẳng Gianh Tây. Gặp Tổ, Sư lấy tay giở khăn che đầu, Mã Tổ nhìn Sư rồi nói: "Nam Nhạc Thạch Đầu là thầy của ông". Sư bèn đến Thạch Đầu, lấy tay giở khăn che đầu, Thạch Đầu bảo: "Xuống nhà sau đi!" Sư lạy tạ vào ở phòng hành giả, luân phiên chấp lao phục dịch suốt ba năm. Ngày nọ, Thạch Đầu bảo chúng: "Ngày mai dọn cỏ trước điện Phật". Hôm sau, cả đại chúng lớn nhỏ đều cầm liềm, cuốc đến dọn cỏ, riêng Sư lấy thau múc nước gội đầu đến quỳ trước Thạch Đầu. Thạch Đầu cười rồi xuống tóc cho Sư. Xong, Thạch Đầu thuyết giới, Sư bịt tai đi ra. Sư về lại Gianh Tây yết kiến Mã tổ, chưa gặp chào hỏi gì, Sư vào thẳng Tăng đường leo lên cổ tượng Thánh tăng ngồi. Mã tổ thấy vậy, nói: "Con ta, Thiên Nhiên!" Sư lạy Mã tổ vì đã ban cho pháp hiệu. Nhân đó Sư có hiệu là Thiên Nhiên. Ngày nay Tăng đường gọi là Tuyển Phật trường vốn khởi nguyên từ đây. Sư nối pháp của Thạch Đầu.

* ***Bồ-tát Quán Thế Âm hiện Thánh tượng:*** Đế thích ăn sò, quan lại vùng biển trước đây từng hiến dâng, nên dân cũng bớt nhọc. Lúc này, năm Thái Hòa năm thứ năm, ngày nọ, trong bữa ngự thiện có một con sò không tách ra. Đế nghe tin liền đốt hương khấn. Con sò tách ra, bên trong hiện hình tướng Bồ-tát uy nghiêm, đức tướng. Đế cất vào hộp Kim túc đàn hương, ban cho chùa Hưng Thiện để mọi người chiêm bái. Đế hỏi quần thần:

- Đây là điềm gì?

Có quan tâu trên núi Thái ất có Thiền sư Duy Chính là người học rộng nghe nhiều, thấu tỏ Phật pháp, xin triệu đến hỏi. Đế liền hạ chiếu thỉnh ngài đến. Đế hỏi việc ấy, ngài đáp:

- Vật không ứng suông, đó là điềm mở lòng tin cho bệ hạ.

Khế Kinh ghi: "Đáng dùng thân này độ người thì liền hiện thân này thuyết pháp cho họ".

Đế hỏi:

- Thân Bồ-tát thì hiện rồi, còn nói pháp thì chưa được nghe?

Ngài đáp:

Bệ hạ thấy việc này bình thường hay kỳ lạ, tin hay không tin?

Đế đáp:

Đây là việc hiếm có. Trẫm rất tin.

Ngài nói: Tâm của bệ hạ đã tin, tức là nói pháp rồi còn gì!

Đế vui mừng khôn xiết, liền hạ chiếu khắp tự viện trong nước mỗi nơi đều phải dựng tượng Quán Thế Âm để đáp lại tin lành này. Đế giữ ngài lại trong nội đạo tràng, ngài nhiều lần từ chối xin về núi. Đế mời ngài trụ ở chùa Thánh Thọ. Ngài họ Châu, người Bình Nguyên, thọ học với Pháp sư Thuyền Trừng chùa Diên Hòa trong châu này, đắc pháp với Thiền sư Phổ Tịch ở Tung Sơn, ẩn cư trên núi Thái Ất Học giả quy tụ rất đông. Đầu đời Vũ Tông, Sư vào trong núi Chung nam. Sư thị tịch, môn nhân trà-tỳ thâu bốn mươi chín hạt xá-lợi và dựng tháp. Phổ Tịch nối pháp của Bắc Tông Thần Tú.

- Quý Sửu: Thái Hòa năm thứ bảy, tháng mười, nhân ngày sinh nhật mình, Đế triệu Pháp sư Tri Huyền và Đạo sĩ vào điện Lân đức cùng luận đạo.

* ***Thiền sư Nam Tuyền ở Trì châu:*** Sư họ Vương, húy Phổ Nguyện, người Tân Trịnh, Trịnh châu. Từ nhỏ, Sư đã mến mộ Không tông. Túc Tông năm Chí Đức năm thứ hai, Sư xuất gia với Thiền sư Đại Tuệ ở núi Đại Ngỗi, đến thọ Cụ túc giới ở Nam Nhạc. Ban đầu, Sư học Cựu Chương của Tướng bộ, nghiên cứu các thiên, tụ của giới luật, đến các pháp hội nghe giảng Lăng-già, Hoa Nghiêm, thể nhập Bách Môn Quán, tinh thông huyền nghĩa. Sau, Sư đến đạo tràng của Mã tổ, đốn quên kiến giải, tỏ ngộ tâm địa. Đức Tông, năm Trinh Nguyên năm thứ mười một, Sư ẩn cư ở Trì Dương, hơn ba mươi năm chưa từng xuống khỏi Nam Tuyền. Đến lúc này, đầu năm Thái Hòa, Tuyên Thành Liêm Lục Tuyên Đại Phu thỉnh Sư xuống núi, lấy lễ đệ tử thỉnh Sư nêu cao tông huyền, diễn nói pháp yếu. Tháng mười hai năm Thái Hòa năm thứ tám, Sư có chút bệnh, dặn môn nhân: "Sao che đèn huyễn cũng đã lâu rồi, chớ bảo ta có đến đi". Nói xong, Sư quy tịch. Sư nối pháp của Mã Tổ.

* ***Thiền sư Đạo Ngộ ở Đàm Châu:*** Sư họ Trương, húy Tông Trí, người Hải Hôn, Long Hưng. Từ nhỏ, Sư đã theo học với Hòa thượng Bàn, thọ cụ túc giới, tham vấn Dược Sơn, mật khế tâm yếu. Sư đến Trấn Giang, Hạc Lâm giới thiệu Giáp Sơn đến gặp Thiền sư Thuyền Tử Đức Thành ở Hoa Đình. Đến lúc này, Thái Hòa năm thứ chín, ngày bảy tháng chín, Sư quy tịch. Môn nhân trà-tỳ được mấy miếng linh cốt xá-lợi và dựng tháp ở núi Đạo Ngô, thọ sáu mươi mốt tuổi. Đế ban thụy Tu Nhất Đại Sư, tháp hiệu Thật Tướng. Về sau, sấm sét dời tháp này về phía Bắc núi Thạch Sương. Sư nối pháp của Dược Sơn Duy Nghiễm, Nghiễm nối pháp của Thạch Đầu Hy Thiên.

* ***Hòa thượng Thuyền Tử ở Chu Kinh, Hoa Đình:*** Ngài húy là

Đức Thành, người phủ Toại Ninh, đắc pháp với Dược Sơn, đến Hoa Đình chèo một chiếc thuyền nhỏ, tùy duyên độ nhật. Không ai biết ngài là người có hạnh cao, nhân đó gọi ngài là Hòa thượng Thuyền Tử. Ngài trứ tác rất nhiều thi kệ. Sau, nhân Đạo Ngô giới thiệu Thiền sư Giáp Sơn Thiện Hội đến tham vấn, sau khi tỏ ngộ, Giáp Sơn từ biệt ngài ra đi, nhưng cứ ngoái đầu lại nhìn. Ngài liền gọi: "Xà lê!". Giáp Sơn quay đầu lại, ngài dựng đứng mái chèo nói: "Ông sẽ bảo là có cái khác nữa chăng!" Ngài lật úp thuyền và thị tịch. Ngài nối pháp của Dược Sơn.

Bính Thìn: Khai Thành năm đầu.

* ***Thiền sư Tử Hồ ở Cù châu:*** Sư họ Châu, húy Lợi Tung, người Thiền châu. Sư xuất gia ở chùa Khai Nguyên. U Châu, thọ Cụ túc khi đủ tuổi, tham vấn Nam Tuyền, vào ở núi Mã Đế, Cù Châu. Lúc này, Khai Thành năm thứ hai, người trong ấp là ông Thiên Quý cúng miếng đất Tử Hồ dưới núi, lập viện thỉnh Sư ở. Ngay dưới cửa, Sư lập tấm bia ghi: "Tử Hồ có một con chó, trên ăn đầu người, giữa thì ăn tim người, dưới thì ăn chân người, hễ suy nghĩ thì liền tan thân mất mạng".

Hai vị Tăng trong pháp hội của Lâm Tế đến tham vấn, vừa giở rèm, Sư đã hét: "Coi chừng chó!" Tăng quay đầu nhìn, Sư bảo về phương trượng. Hy Tông, Quảng Minh năm đầu, Sư quy tịch, môn nhân dựng tháp ngay núi này. Sư nối pháp Nam Tuyền Phổ Nguyện.

- Mậu Ngọ: Khai Thành năm thứ ba, tháng ba, Quốc sư Thanh Lương Trừng Quán quy tịch, thọ một trăm lẻ hai tuổi, tăng lạp tám mươi ba hạ. Đế gia phong Đại Thống Quốc Sư. Đế cho rằng, ngài được Tổ, Thánh tôn ngưỡng, nên đặc biệt không thiết triều ba ngày. Trọng thần mặc đồ tang dựng thân toàn thân ngài ở núi Chung Nam. Không bao lâu, có vị Tăng người Ấn vào triều tâu; rằng thấy hai sứ giả cỡi mây ngang Thông lãnh, hỏi đi đâu thì họ đáp: "Tôi là thần ở viện Văn-thù bên Bắc Ấn, về Đông lấy chiếc răng cấm của Bồ-tát Hoa Nghiêm về nước cúng dường". Đế có lệnh mở tháp, quả nhiên mất một cái răng. Đế liền cho trà-tỳ, lưỡi ngài không cháy, tươi như sen hồng, xá-lợi sáng rỡ. Đế dựng tháp lấy hiệu là Diệu Giác. Tướng quốc Bùi Hưu phụng chiếu soạn văn bia, lệnh vẽ hình ngài an trí trong Đại Hưng Đường Tự. Thời Tống Thái Tông, Tăng Tống Tán Ninh soạn Đại Thống Cao Tăng Truyện có ghi: "Quốc sư thị tịch năm Nguyên Hòa đời Hiến Tông, thọ hơn bảy mươi tuổi". Hai thuyết này không đồng, hiện nay vẫn còn. Đường, Cựu Sử ghi: "Đức Tông Trinh Nguyên năm thứ mười lăm, tháng tư, ngày sinh của Đế, Đế sai Hữu Ty sắm đủ nghi vệ, xe cộ, đón giáo thọ Hòa thượng Trừng Quán vào nội điện xiển dương tông chỉ Hoa Nghiêm. Ngài lên

tòa cao và nói: "Lớn thay chân giới, cội nguồn của vạn pháp, bao hàm có, không, nhưng tuyệt tướng, thể nhập ngôn từ nhưng không vết. Có một cách mầu nhiệm nhưng chẳng có, không một cách chân thật nhưng chẳng không, Phật ta chứng đắc, khéo lên chân giác, sạch hết nghiệp trần, vắng lặng ngay trong muôn hóa động dụng ngay trong một không, dung hòa thân cõi để hợp tướng, vận dụng thanh quang để chiếu xa thì vua ta chứng đắc. Linh diệu bao la, bảo hợp nhu hòa, Thánh văn vượt xa trăm vương, thuần phong thổi tràn muôn nước. Nêu huyền hóa để tỉnh mộng, buông thiên chân chuyển tính tình. Phải biết, giáo chỉ Hoa Nghiêm vắng lặng sâu xa, không thể nghĩ bàn được. Đánh mất ý chỉ thì tu nhân suông trong muôn kiếp, thể nhập cửa này thì ngang bằng chư Phật ngay một sớm".

Đế quay lại nói với quần thần: "Thầy của Trẫm nói năng khiêm nhã, giản dị nhưng từ chương phong phú, hay đem Thánh pháp dội mát lòng Trẫm, nên lấy hiệu Thanh Lương ban cho ngài. Trẫm nghĩ mình từ trước đến nay chấp thân tâm ngã nhân và định tướng của các pháp, nay rủ sạch rồi!" Quần thần lạy hai lạy, cúi đầu nhận lời vua dạy. Từ đó các cận thần trong triều ngoài triều đều thọ tám giới, lạy ngài làm thầy.

- Canh Thân: Khai Thành năm thứ năm, mùa xuân tháng giêng, Đế mất. Em Đế là Vũ Tông lên ngôi. Tháng chín, Vũ Tông hạ chiếu triệu bọn Đạo sĩ Triệu Quy Chân vào trong cung tu Kim Lục đạo tràng. Tháng mười, Vũ Tông lên Huyền Đàn đích thân nhận Pháp Lục. Tả Thập Di Vương Triết can "Vương nghiệp mới dựng, đừng nên sùng tín thái quá!"

* **Vũ Tông:** Tên là Viêm, con năm thứ năm của Mục Tông, ban đầu được phong Dĩnh Vương. Trước kia, Thái tử Vĩnh của Văn Tông chết, Thái tử không có con, mới lập con của Kính Tông là Trần Vương Thành Mỹ làm hoàng Thái tử. Đến khi Văn Tông mất, bọn trung úy Cừu Sỹ Lương sửa di chiếu phế Thái tử, lập Dĩnh Vương làm hoàng thái đệ rồi đưa lên ngôi. Vũ Tông ở ngôi sáu năm, thọ ba mươi hai tuổi. Niên hiệu Hội Xương sáu năm.

- Tân Dậu: Hội Xương năm đầu, tháng sáu, Đế cho Hoành sơn Đạo sĩ Lưu Huyền Tĩnh làm Quang lộc đại phu, sung vào chức Sùng Huyền quán học sĩ. Thiền sư Khuê Phong Tông Mật đời năm thứ năm tính từ Lục Tổ trở xuống thị tịch năm này.

* ***Thiền sư Vân Nham Đàm Thạch ở Đàm châu:*** Sư họ Vương, húy Đàm Thạch, người Kiến Xương, Chung Lăng. Từ nhỏ Sư xuất gia với Thạch Đầu, tham vấn Bá Trượng, nhưng nhân duyên không khế

hợp. Sau, Sư đến Dược Sơn. Dược Sơn hỏi:

Bá Trượng nói pháp gì?

Sư đáp:

Một hôm thầy thượng đường, đại chúng đứng im, thầy cầm gậy đuổi tan hết, lại gọi "Đại chúng!". Đại chúng quay đầu lại, thầy hỏi "Là cái gì?"

Dược Sơn nói:

Hôm nay nhờ ông mà ta gặp được Hải huynh!

Ngay câu nói này, Sư đốn ngộ liền lễ bái.

Lúc này, Hội Xương năm đầu, ngày hai mươi sáu tháng mười hai, Sư gọi Chủ Sự sai "Chuẩn bị cơm nước, ngày mai có Thượng tòa đi!" Đêm hai mươi bảy, Sư quy tịch. Đồ chúng trà-tỳ thâu hơn ngàn hột xá-lợi, an trí trong thạch thất. Đế ban thụy Vô Trụ Đại Sư, tháp hiệu Tịnh Thắng. Sư nối pháp của Dược Sơn Duy Nghiễm. Sư tiếp nhận đệ tử là Động Sơn Lương Giới. Tông Tào Động Khởi nguyên từ Sư.

* ***Chín ngọn núi:*** Quý Hợi, Hội Xương năm thứ ba. Đại Sư Chánh Giác, húy Trí Quảng, người Tiên Du, Hưng Hóa. Ngài sinh năm Nguyên Hòa năm thứ hai, đời Hiến Tông. Ban đầu, ngài tham vấn Quốc Sư An ở Diêm Quan và Thiền sư Vô Đẳng ở Ngạc châu mà tỉnh ngộ, liền về Nam, cư ngụ ở Tuyền châu, thường ôm bát bằng sắt và dẫn con chó trắng theo sau. Lúc này, Vũ Tông sắp phế diệt Phật giáo, ngài trốn trong hang núi. Khi Tuyên Tông khôi phục lại Phật giáo, ngài ra ở tại Nam Sơn. Hiến Tông năm Hàm Thông năm thứ sáu, ngài đến Cửu Sơn, gặp con mãng xà to muốn nhảy đến cắn mình, ngài ném cây tích đang cầm chống trong miệng mãng xà, rồi vào miệng mãng xà khoanh chân ngồi. Đến khi ngài xuất định, con rắn biến thành đá rồi. Sau đó, mưa sấm đẩy cát, làm thành nền viện, thần núi dời núi quanh tám hướng, viện này ở giữa thành ra chín ngọn núi. Ngài quy tịch năm Càn Phù năm thứ ba, đời Hy Tông. Chiêu Tông, Càn Ninh năm thứ hai, Đế ban ngài thụy Chánh Giác Đại Sư.

- Giáp Tý: Hội Xương năm thứ tư, tháng ba, Đế cho Đạo Sĩ Triệu Quy Chân giữ chức Tả hữu nhai đạo môn giáo thọ tiên sinh. Đế quyết lòng cầu tiên, Quy Chân được sủng ái, thường bài xích Phật giáo. Đế nghe theo Chân lại xin cùng biện luận với Sa-môn. Đế có chỉ cho Tăng, Đạo cùng biện luận trong điện Lân Đức. Pháp sư Tri Huyền thăng tòa nghị biện, lời lẽ thẳng tắt, khúc chiết, Đạo sĩ không đáp được. Nhân đó, Tri Huyền tâu với Đế: "Quân vương cốt chuộng lễ nhạc, hiến pháp, còn ăn uống vật thực là việc của kẻ thất phu nơi núi rừng ưa làm, mong

bệ hạ để tâm đôi chút". Đế bất bình, thị thần khích bảo Tri Huyền làm thơ phú bay tỏ. Huyền liền dâng năm thiên, trong đó có câu: "Lưng hạc nghiêng ngả lưng rồng trơn, quân vương cũng trụ một ngàn năm". Đế biết Tri Huyền châm chích mình.

- Ất Sửu: Hội Xương năm thứ năm, Triệu Quy Chân tiến cử Đặng Nguyên Siêu cấu kết với Lưu Huyền Tĩnh ra sức phỉ báng nhà Phật. Tháng 5, Đế lệnh dẹp bỏ bớt chùa và sa thải Tăng ni. Thiền sư Tuệ Trung Trí Chân ở Phước châu Quy Dương làm mười bài kệ, nay chép ra ba bài:

Trăng sáng chia hình nơi nơi mới
Bạch y há thuộc hạng hiểu không
Ai bảo người đời ngăn tu đạo
Duy-ma từng làm Trưởng giả thân
Lúc Nhẫn tiên ngồi thiền dưới cây
Từng bị Ca Vương chặt chân tay
Huống Thánh triều ta không việc ấy
Chỉ cho bãi đạo chẳng vui thay!
Hình dung tuy khác, đạo vẫn còn
Hòa với dòng đời chẳng ngu mê
Thử tụng Thiện Tài tham lễ kệ
Hồi ấy nào ai bảo Sa-môn.

Sư họ Liễu, người Dương châu, nối pháp của Thảo Đường Nghĩa. Nghĩa nối pháp của Tào Sơn Bảo Tịch, Tịch nối pháp của Động Sơn Lương Giới.

- Bính Dần: Hội Xương năm thứ sáu, Đế uống Kim Đan của bọn phương sĩ, lưng nổi ung nhọt, mười ngày sau thì cấm khẩu. Tháng ba, Đế mất. Tuyên Tông lên ngôi. Ngày mồng một, Tân Mùi, tháng tư, mùa hạ, Tuyên Tông bắt đầu nắm quyền chánh.

* **Tuyên Tông:** Tên là Trầm, con năm thứ mười ba của Hiến Tông, được phong làm Quang Vương. Tính ông nghiêm nghị, ít nói, trong cung đều cho ông là kẻ bất tài, Vũ Tông không thích. Trung úy Mã Nguyên Chấp lập ông làm hoàng Thái thúc rồi lên ngôi. Ông ở ngôi mười ba năm, thọ năm mươi tuổi. Ông khôi phục lại Phật giáo, cho hữu thường thị Lý Cảnh Nhượng làm Chiết Tây quán sát sứ. Hồi ấy, mẹ Cảnh Nhượng là Trịnh thị, tính tình rất nghiêm khắc, chồng mất sớm, gia cảnh nghèo túng phải dời về Lạc Dương. Các con bà đều nhỏ dại, bà tự nuôi dạy. Ngày nọ, bức tường cũ sau nhà bị mưa làm sập, dưới tường có một ghe đầy tiền, nô tỳ vui mừng báo cho bà hay, bà đến đốt hương

và khấn rằng: "Tôi nghe, không lao nhọc mà được của cải là họa của thân, trời ắt thương chồng tôi là người tốt, xót gia cảnh tôi nghèo nên đem cho, tôi chỉ nguyện những đứa con mồ côi cha của tôi ngày sau học hành đỗ đạt, đó mới là chí nguyện của tôi, còn số tiền này tôi không dám lấy". Bà sai người lấp lại rồi xây lên. Ba người con của bà là Cảnh Nhượng, Cảnh Ôn, Cảnh Trang đều đỗ tiến sĩ. Cảnh Nhượng đỗ đạt khi tóc đã đốm bạc, từ nhỏ ông nghịch ngợm nên không tránh khỏi mẹ cho roi vọt. Niên hiệu Đại Trung mười ba năm.

- Đinh Mão: Đại Trung năm đầu, tháng hai, nhuần, Đế hạ chiếu: "Cuối năm Hội Xương có dẹp bớt chùa viện, tuy nói là giáo pháp của phương khác, nhưng vốn có ngọn nguồn hợp đạo lý, người Trung Quốc từ lâu đã theo đạo này. Sửa đổi quá đáng, việc thật sai lầm. Những chùa viện chẳng khác Thánh cảnh ở Linh Sơn bị đập phá trong năm Hội Xương năm thứ năm, những vị tôn túc cũ hãy trùng tu và trụ trì lại, quan Hữu Ty không được ngăn cản.

* ***Vẽ tượng Di-đà:*** Năm này Thái tử Thiếu phó Bạch Cư Dị mất, thọ bảy mươi lăm tuổi. Đế tặng ông chức Thượng thư Tả bộc xạ. Ông và em ông rất giản dị, mẫn tiệp, được bạn bè yêu mến. Ông ở làng Lý Đạo, Lạc Dương, đào hồ, trồng cây, bắt cầu đá, đục thác Bát Tiết ở Hương Sơn. Ông tự lấy hiệu là Tuý Ngâm tiên sinh và Hương sơn Cư sĩ, cùng Hồ Cảnh v.v.. cả thảy chín người thường ngâm ca, đàm đạo. Họ đều là người tuổi cao, không ra làm quan. Người mến mộ thêu bức họa Cửu Lão. Ông mất xong, nơi ông ở được cúng làm chùa. Ông từng vẽ tượng Phật Di-đà để thờ tự, lễ bái và tự viết bài ký, đại loại ghi: "Đức Phật Bổn Sư Thích-ca Như Lai ta có nói "Phương Tây có thế giới tên là Cực lạc, vì không có tám khổ, bốn đường ác. Quốc độ ấy tên là Tịnh độ, vì không có ba độc, năm trược. Phật ấy hiệu là A-di-đà, vì thọ mạng, sở nguyện, công đức, tướng tốt, quang minh của ngài vô lượng". Xem kỹ Ta-bà này, chúng sinh dù hiền ngu, sang hèn, già trẻ hễ khởi tâm quy hướng Phật, đưa tay, chắp tay đều hướng về phương Tây, lúc hoảng sợ khổ não, mở miệng tất trước tiên niệm A-di-đà, cho đến dùng khuôn vàng, đất, khắc đá, thêu thùa, đắp bùn, đắp cát, như trẻ con đùa nhưng đều tạo Phật A-di-đà trước hết. Chẳng biết vì sao như vậy. Nên từ đó mà xét rõ ràng Như Lai ấy có đại thệ nguyện với chúng sinh này, chúng sinh có đại nhân duyên với Phật ấy. Nếu không, tại sao Phật ở quá khứ, hiện tại, vị lai ở phương Nam, Bắc, Đông, rất nhiều, sao chỉ học đắp xứng niệm một Phật này! Đường, Trung đại phu Thái tử thiếu phó Bạch Cư Dị tuổi tác đã cao, trúng phải phong bệnh, mới đem tiền lương ba

mươi vạn, thuê thợ vẽ bức Tây phương thế giới, Phật Di-đà ngồi chính giữa, Quan Âm, Thế Chí hầu hai bên, trời người chiêm ngưỡng, công đức thành tựu. Đệ tử Cư Dị cuối đầu quỳ trước Phật, nguyện đem công đức này hồi thí cho chúng sinh, chúng sinh nào già yếu như tôi, bệnh tật như tôi, mong họ lìa khổ được vui, bỏ ác tu thiện, chẳng rời Nam Thiệm liền thấy Tây phương. Sen xanh Thượng phẩm, tuý nguyện vãng sinh, đời này đời sau thường được gần gũi. Nay muốn tuyên lại nghĩa này mà viết bài tán rằng:

Thế giới Cực lạc cõi thanh tịnh
Không có đường ác và các khổ
Nguyện những người già, bệnh như con
Đều về cõi Phật Vô Lượng Thọ.

- Mậu Thìn: Đại Trung năm thứ hai, quán sát sứ Bùi Hưu giữ Tuyên Thành thường cùng danh tăng đàm đạo. Môn nhân từng hỏi ông rằng:

- Dám hỏi, thuyết ba cõi chưa lập, người ta không biết tu hành; không thấy nhân quả, người làm phước lớn cũng đâu phải là ít. Đến khi Phật giáo truyền vào Trung Quốc, người ngu sợ tội nên bỏ ác, người hiền mong phước càng làm lành. Cứ làm mãi thì đến nay phải toàn thiện hết rồi, cứ bỏ mãi thì đến nay sẽ không còn ác. Vậy tại sao ngu mê bạo ngược vẫn không giảm trong thời Tiền Tần, Tiền Hán; phước tuệ thông minh vẫn không tăng trong thời Hậu Ngụy, Hậu Tần? Người quy hướng thì khắp nơi đổ về, người dựng lập thì muôn pháp như mây đùn, vậy phải khiến chúng ta đều phải lên đường giác, chứ đâu có ngu si thấp kém thế này! Từ xưa đến nay, vẫn mê như vậy, từ đó mà thấy, tác dụng của đạo Phật chẳng phải là quá kém đó sao!

Ông cười đáp:

Ánh sáng lớn tỏa ra, pháp chẳng chu viên, Thánh nhân ra đời, thay trời lập công, thay đổi nào là kết lưới, họa Bát quái, văn chương chữ nghĩa. Một Thánh ra đời thì một pháp sinh, đạo trời việc người rõ như vậy. Phàm Toại Nhân thị chưa có lửa, thì trời không có sao hỏa, con người không có lửa nấu ăn, bói quẻ không có điềm lửa, muôn vật không bị hỏa hoạn. Thiếu Hạo thị chưa luyện được vàng, thì tất nhiên trời không có sao Kim, người không có vàng để dùng, bói quẻ không có điềm vàng, muôn vật không bị tai họa vàng. Đến khi Thánh nhân xát cây ra lửa, luyện đá lấy vàng, lúc bấy giờ bản chất tinh thô có khắp trên dưới. Đủ thấy pháp đời, việc đời tùy thuộc Thánh nhân. Khảo xét tận nguồn tinh thần, tận cùng hình thể tánh mệnh, lập phương tiện lớn

bảo hộ muôn loài. Muôn loài nhận mà chẳng biết, giống như đạo trời mà vận hành thì vạn vật sinh sôi nảy nở, ngay cả bản thân mình ai biết tại sao nó như vậy!

Nghe vậy, người hỏi bỗng nhiên hiểu ra, nhận được pháp vị. Khi Đế hạ chiếu cho dựng chùa, quan dân ở Tuyên thành có cả vạn người hưởng ứng, trước tiên xin dựng ở ngoài Tuyên thành, trùng tu chùa Tân hưng, Bùi Hưu thỉnh Thiền sư Hoàng Bá Hy Vận đến quận, cư ngụ tại chùa Khai Nguyên, sớm tối thọ pháp.

- Kỷ Tỵ: Đại Trung năm thứ ba, Hồ Nam quán sát sứ Bùi Hưu yết kiến Thiền sư Hoa Lâm Thiện Giác và hỏi:

- Thầy có thị giả không?

Sư đáp:

Có một, hai đứa.

- Họ ở đâu?

Sư gọi:

Đại Không! Tiểu Không!

Bỗng có hai con cọp ở sau am đi ra, Bùi Hưu thất kinh.

Thiện Giác quê ở Đàm châu, nối pháp của Mã tổ Đạo Nhất.

* ***Thiền sư Hoàng Bá Hy Vận ở Hồng châu:*** Sư người đất Mân, từ nhỏ xuất gia ở núi Hoàng bá, Phước châu, thọ cụ túc giới, vân du đến Kinh đô. Sau Sư qua Gianh Tây tham vấn Thiền sư Bá Trượng Hoài Hải và khế ngộ tâm ấn. Tướng quốc Bùi Hưu trấn giữ Uyển Lăng, dựng Đại Thiền Uyển, thỉnh Sư thuyết pháp. Sau, đổi tên nơi này thành chùa Hoàng Bá. Sau khi khế tâm yếu, Bùi Hư gom tập những pháp ngữ của Sư thành sách, lấy tên là Hoàng Bá Tâm Yếu, nhập Đại tạng và lưu hành. Đến lúc này, tháng tám năm Đại Trung năm thứ tư, Sư quy tịch. Đế ban thụy Đạo Tế Thiền Sư, tháp hiệu Quảng Từ. Sư nối pháp Bá Trượng Hoài Hải, Hải nối pháp Mã Tổ Đạo Nhất.

- Tân Mùi: Đại Trung năm thứ năm, tháng giêng, Đế triệu Thiền sư Hoằng Biện ở chùa Tiến Phước vào cung. Đế hỏi:

- Thiền tông tại sao lại có Nam Bắc?

Sư đáp:

Cửa thiền vốn không Nam Bắc. Từ chư Tổ xuống đến Đại sư Hoằng Nhẫn, Nhẫn có hai đệ tử, một là Tuệ Năng thọ nhận y pháp cư ngụ ở Lãnh Nam, một là Thần Tú hoằng hóa ở phía Bắc. Đắc pháp chỉ có một nhưng khai thị tỏ ngộ có sự khác nhau giữa đốn và tiệm, nên gọi Nam đốn, Bắc tiệm, chứ không phải Thiền tông có Nam, Bắc.

Đế hỏi: Sao gọi là giới, định, tuệ?

Sư đáp: Ngăn quấy cấm ác gọi là giới. Sáu căn gặp cảnh, tâm chẳng theo duyên gọi là định. Tâm cảnh đều không, chiếu thấy không lầm, gọi là tuệ.

- Sao gọi là phương tiện?

- Giấu thật che tướng là cửa ngõ quyền xảo. Tiếp hàng trung hạ, khéo bày lời dẫn dắt thì gọi là phương tiện. Đối với thượng căn, bảo bỏ phương tiện chỉ nói đạo Vô thượng, đó cũng là nói phương tiện. Cho đến Tổ sư bảo "lời quên công diệt" cũng không ngoài lối phương tiện.

- Cái gì là Phật tâm?

- Phật là tiếng Tây Thiên, Đường dịch là Giác, nghĩa là người có trí tuệ giác chiếu thì gọi là Phật tâm. Tâm là tên gọi khác của Phật, có trăm ngàn tên gọi khác nhau, nhưng bản chất chỉ có một. Như bệ hạ ngày giải quyết muôn việc, đó là Phật tâm của bệ hạ.

- Có người niệm Phật là tại sao vậy?

- Như Lai xuất thế tùy căn khí mà nói pháp. Vì hàng thượng căn, Phật khai mở chí lý đốn ngộ Tối Thượng thừa. Còn trung căn hạ căn chưa thể sáng tỏ ngay, nên Phật mở ra quán môn khiến họ niệm Phật sinh Cực lạc.

- Có người trì kinh chú cầu Phật là thế nào?

- Như Lai nói vô lượng pháp đều vì Nhất thừa, như trăm ngàn dòng chảy đều nhắm chảy vào biển. Bởi vậy, các duyên sai biệt đều quy về biển trí.

- Tổ Sư đã truyền tâm ấn, kinh Kim Cang ghi "Không có pháp để chứng đắc" là thế nào?

- Phật giáo hóa một đời, thật ra chẳng có một pháp cho người, chỉ mở bày mỗi mỗi tự tánh đồng một pháp tạng. Khi ấy Nhiên Đăng Như Lai chỉ ấn chứng pháp này cho Thích-ca, nhưng chẳng có gì chứng đắc mới khế hợp bản ý của Nhiên Đăng.

- Thiền sư đã lãnh hội ý Tổ, có còn lạy Phật xem kinh không?

- Sa-môn lạy Phật tụng kinh, bởi nắm giữ thường pháp có bốn loại: Theo giới của Phật mà tu thân, tham vấn các Thiện tri thức, thường tu hạnh thanh tịnh, đi trên dấu vết Như Lai từng đi.

- Thế nào là đốn kiến, thế nào là tiệm tu?

- Tỏ ngay tự tánh cùng Phật không hai, nhưng có những tập khí từ vô thỉ nên phải mượn tiệm tu mà đối trị, để thuận tánh khởi dụng, như người ăn cơm chẳng phải một miếng là no ngay.

Hôm đó Sư và Đế đối đáp đến gần canh giờ. Đế rất hài lòng, ban Sư hiệu Viên Trí Thiền Sư. Kế đó Đế hạ chiếu cho trùng tu tháp các Tổ

trong cả nước. Những vị nào chưa được ban thụy, quan sở tại phải tâu lên, thái thường khảo lại hành trạng rồi ban thụy.

Hoằng Biện người Kinh Triệu, nối pháp Thiền sư Hoài Huy ở chùa Chương Kính. Hoài Huy họ Tạ, người Tuyền châu, thị tịch năm Nguyên Hòa năm thứ mười ba, đời Hiến Tông, Đế ban thụy Đại Giác Thiền Sư, nối pháp của Mã tổ.

- Nhâm Thân: Đại Trung năm thứ sáu, Đế trùng tu chùa Đông Lâm ở Lô Sơn, Giang châu. Thứ sử Thôi Ảm soạn văn bia. Đế gia phong thụy của Tuệ Viễn Pháp Sư thêm hai chữ Biện Giác.

* ***Tông Quy Ngưỡng:*** Thiền sư Quy Sơn ở Đàm châu, húy Linh Hựu, họ Triệu, người Trường cốc, Phước châu. Năm mười lăm tuổi, Sư xuất gia, theo Luật sư Pháp Thường chùa Kiến thiện quận này thế phát thọ giới ở chùa Long Hưng, Hàng châu, nghiên cứu giáo pháp. Đại thừa, Tiểu thừa. Năm hai mươi ba tuổi, Sư vân du đến Gianh Tây, tham vấn Thiền sư Bá Trượng, tỏ ngộ tâm pháp. Có Tư mã Đầu-đà từ Hồ nam đến nói với Bá Trượng: "Quy Sơn là nơi ở của một ngàn năm trăm Thiện tri thức". Sư là người trong pháp hội, được Bá Trượng sai qua trụ trì. Sư đến Quy Sơn, dựng lập chùa viện. Lúc Vũ Tông hủy diệt Phật pháp. Sư trùm đầu trà trộn trong dân. Đại Trung năm đầu, quán sát sứ Bùi Hưu thỉnh Sư về ở lại. Liên súy Lý Cảnh Nhượng tâu xin, Đế sắc tứ nơi này là chùa Đồng Khánh. Pháp hội thiền rất thịnh, Tăng chúng quy tụ rất đông. Sư hoằng dương tông Thiền suốt hơn bốn mươi năm. Người tỏ ngộ đông không kể xiết. Đệ tử vào thất có bốn mươi mốt người. Đến lúc này, Đại Trung năm thứ bảy, mồng chín tháng giêng, Sư rửa mặt súc miệng, ngồi kiết già, an nhiên thị tịch, thọ tám mươi ba tuổi, tăng lạp sáu mươi bốn hạ. Môn nhân dựng tháp Sư ở núi này. Đế ban Sư thụy Đại Viên Thiền sư, tháp hiệu Thanh Tịnh. Tướng Quốc Trịnh Ngu soạn văn bia. Sư nối pháp của Bá Trượng, Bá Trượng nối pháp của Mã Tổ.

* ***Thiền Sư Ngưỡng Sơn ở Viên châu, Gianh Tây:*** Sư họ Diệp, húy Tuệ Tịch, người Hoài Hóa, Thiều châu. Năm chín tuổi, Sư theo Thiền sư Thông chùa Hoài an, Quảng châu xuất gia, mười bốn tuổi thế phát nhưng chưa thọ giới cụ túc liền đi du phương. Đầu tiên, Sư đến yết kiến Đam Nguyên. Thị giả của Quốc sư Đam Trung là Ứng Chân vốn đã tỏ ngộ huyền chỉ. Đam Nguyên bảo: "Quốc Sư đương thời được truyền chín mươi bảy viên tướng (hình tròn), đó là vật do Tổ sư sáu đời để lại, Quốc Sư trao cho lão tăng và dặn: "Sau khi ta mất ba mươi năm, có ông Sa-di từ phương Nam đến, làm đại hưng giáo này. Ông phải tiếp tục trao truyền chớ để dứt mất. Nay ông đến quả là phù hợp, ông chớ để đoạn

mất". Sư lãnh huyền chỉ. Sau Sư, tham vấn Quy Sơn, tỏ ngộ tâm yếu. Sư nằm mộng thấy mình vào Di-lặc nội viện ở Thiên Cung, ngồi ở tòa năm thứ hai. Có một Tôn giả đến bạch kiến thùy xướng: "Nay tòa năm thứ hai nói pháp!" Sư đứng dậy bạch thùy xướng: "Pháp Đại thừa lìa bốn câu, bặt trăm lỗi, lắng nghe! Lắng nghe!" Đại chúng đều giải tán.

Ngày nọ, có vị Tăng Ấn Độ từ hư không đáp xuống, Sư hỏi:

- Ông từ đâu đến đây?
- Tây Thiên.
- Đi từ lúc nào?
- Sáng sớm nay!
- Sao chậm thế?
- Vì con du sơn ngoạn thủy!
- Thần thông du hý đều là Xà-lê!

Tăng nói:

Định sang Đông độ lễ Văn-thù, không ngờ gặp Tiểu Thích-ca!

Nói xong vị Tăng trao cho Sư mấy mươi tờ kinh tiếng Phạm, lạy chào rồi bay lên không đi mất. Từ đó người ta gọi Sư là Tiểu Thích-ca.

Năm Bính Tý, Trinh Minh năm thứ hai, nhà Lương, Sư lại dời về Đông Bình, nói bài kệ:

Đủ bảy mươi bảy tuổi
Vô thường chính hôm nay
Mặt trời vừa đúng ngọ
Hai tay bó gối ngồi.

Nói xong, Sư đưa hai tay bó gối và quy tịch. Năm sau, đệ tử nối pháp là Thiền sư Nam Tháp Quang Dũng dời linh cốt về núi Quy ngưỡng, dựng tháp dưới ngọn Tập Vân. Đế ban Sư thụy Trí Thông Thiền sư, tháp hiệu Diệu Quang. Sư nối pháp Thiền sư Quy Sơn Linh Hựu, đạo pháp rất thịnh, người người theo về, gọi đây là Tông Quy Ngưỡng. Ban đầu, Sư trụ ở núi Vương Mãng, Hy Tông năm Càn Phù năm thứ sáu, Thần núi thỉnh Sư rằng: "Đông nam có núi Đại Ngưỡng, vốn là phước địa". Sư liền dời về.

- Giáp Tuất: Đại Trung năm thứ tám, núi Chung Nam mới có một vị Tăng dựng am tu định. Một hôm có một con khỉ lấy trộm y Tăng-già-lê của ngài quấn lên mình ngồi nhập định, thế là cả bầy khỉ cũng bắt chước ngồi như vậy. Có con qua đời, ngày nay còn tháp của năm con khỉ. Lúc này, Tuyên Tông ngự bút viết bài tán:

Ôi! Khỉ vượn kia hay nhập định
Tâm vượn chẳng động mấy ngàn xuân

Hết vin cành hồng, ba đông quả
Hết giỡn đầm biếc, trôm trăng côi.
Hai mắt thôi không dõi núi biếc
Hai mi vẫn dõi trăm hoa khoe
Từ đây ngồi mất Chung Nam ấy
Ngộ được phù sinh có mấy người.

* ***Thọ giới cấp điệp:*** Bính Tý, Đại Trung thứ mười, Đế sắc phong Pháp sư Biện Chương làm Tam giáo Thủ tòa, bắt đầu buộc Tăng ni thọ giới cấp điệp.

- Mậu Dần: Đại Trung năm thứ mười hai, mùa Đông tháng mười, tư không môn hạ thị lang, cùng Bình Chương sự lệnh là Cô Đào tiến cử Lý Viễn làm Hàng châu thứ sứ. Đế nói, ta nghe thơ của Viễn cả ngày chỉ tiêu được bốn khổ, thì làm sao trị người được!" Đào đáp: "Thi nhân nhờ đó làm cao hứng mà thôi, chưa hẳn đúng như vậy!" Đế nói: "Vậy hãy bảo ông ta đến để ta xem thử!"

* ***Ba đời đồng cư:*** Vạn Kính Nhụ người Lô Quảng, ba đời đồng cư là khu mộ táng người thân họ Lô. Nhụ cắt tay lấy máu chép kinh Phật, quận thú đổi tên làng ông đang ở là làng Thành Hiếu, xóm Quảng Hiếu. Đến lúc này, Đại Trung năm thứ mười hai, Hữu Ty tâu lên Đế, Đế biểu dương cả nhà ông.

* ***Tôn giả Đằng La:*** Tăng là Vô Dịch ở Thiền viện bản tịch, Thụy An, Ôn châu, nhân Vũ Tông sa thải Tăng ni trong năm Hội Xương mới ẩn trong hang đông bắc, lập am tu thiền suốt mười năm, dây leo quấn quanh thân ngài, nhưng ngài vẫn an nhiên chẳng động, vì thế người ta gọi ngài là Đằng La Tôn giả. Sau người ta lập nơi tế tự, đến nay vẫn còn cúng tế ngài.

- Kỷ Mão: Đại Trung năm thứ mười ba, tháng tám, Đế mất. Tuyên Tông là ông vua thông tuệ, trầm tĩnh, quyết đoán, dùng phép vô tư, người ta thi nhau đến can gián, ông mến tiếc và thưởng cho quan, bản thân rất cẩn thận, tiết kiệm, thương yêu muôn dân. Chính sách trong những năm Đại Trung bị chấm dứt khi nhà Đường diệt vong. Người ta nhớ ơn ông, thường ca tụng, tôn xưng ông là Tiểu Thái Tông.

* **Ý Tông:** Húy là Tồi, con trưởng của Tuyên Tông, ban đầu được phong Vận Vương, ở ngôi mười bốn năm, thọ ba mươi mốt tuổi. Niên hiệu Hàm Thông mười bốn năm.

- Canh Thìn: Hàm Thông năm đầu.

* ***Hòa thượng Phổ Hóa ở Trấn châu:*** Không ai biết quê quán ngài ở đâu, ngài thờ Bàn Sơn Mật thọ nhận Chân quyết, ngài thường cầm cái

chuông lắc, giả điên đi khắp phố chợ, hoặc ở nơi gò mả. Đến lúc này, Hàm Thông năm đầu, ngài cầm chuông lắc bay lên không ẩn mình thị tịch, chẳng ai lường nổi nguyên do. Ngài nối pháp Thiền sư Bàn Sơn Tích, Tích nối pháp Mã tổ.

- Nhâm Ngọ: Hàm Thông năm thứ ba, tháng hai, Thiền sư Hoàn Trung ở núi Đại Từ, Hàng châu quy tịch, thọ tám mươi ba tuổi. Đế ban ngài thụy Tách Không Thiền sư. Ngài họ Lô, người Bồ Phản, nối pháp của bá trượng Hoài Hải. Mùa hạ, tháng tư, Đế lệnh cho bốn chùa ở Lưỡng nhai mỗi nơi lập giới đàn, thế phát độ tăng suốt mười bốn ngày.

* ***Thủy Sám:*** Đại Đức Khuông Tông. Họ Trần, húy Tri Huyền. Vào năm Hàm Thông năm thứ tư, ngài được Đế ban hiệu Ngộ Đạt Quốc sư, tổng quản hết việc giáo môn. Tháng năm thứ mười hai, Đế xa giá đến chùa An Quốc, ban cho ngài bảo tòa bằng trầm hương rất đẹp, cao hơn hai trượng, cực kỳ trang nghiêm. Hy Tông năm Trung Hòa năm thứ hai, Đế xa giá đến đất Thục tránh loạn Hoàng Sào đến Thành đô, sai ngự sử Quách Tuân đem thư có dấu ngọc tỷ triệu ngài đến hành dinh. Năm sau, từ hành dinh ở Thành đô, ngài cáo từ trở về núi Cửu Lũng. Trên đùi trái của ngài nổi lên một hạt châu, đau đớn vô cùng, đó là cái mụt mặt người. Ngài gặp được Dị tăng dẫn đến suối nước để rửa mụt, mới biết đó là oan trái của Triều Thố và Viên Áng. Bộ Thủy Sám ba quyển ngày nay duyên khởi phát xuất từ ngài. Ngài cũng biết trước giờ mất, nằm nghiêng bên phải an nhiên quy tịch. Ngài thông suốt tam học, nổi tiếng một thời. Người đời tôn xưng ngài là Bồ-tát.

* ***Thiền sư Đức Sơn ở Lãng châu:*** Sư họ Châu, húy Tuyên Giám, người Giản châu. Sư xuất gia từ nhỏ, đủ tuổi thì thọ Cụ túc, nghiên cứu Luật tạng ở chùa Tánh Không, thông đạt chỉ thú các kinh, thường giảng Kim Cang Bát-nhã. Người đương thời gọi Sư là Châu Kim Cang. Ngài không tin Thiền pháp của phương Nam và nói: "Người xuất gia, ngàn kiếp học oai nghi Phật, vạn kiếp học tế hạnh Phật còn chẳng thành Phật. Bọn ma ở phương nam dám cho rằng chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật, ta sẽ đập phá hang ổ bọn này, diệt sạch giống loài này để báo ân Phật". Thế rồi Sư gánh bộ Thanh Long Sớ Sao rời đất Thục thẳng đến Lễ Dương. Giữa đường, Sư gặp bà lão bán bánh điểm tâm, bà lão chỉ cái gánh của Sư và hỏi: "Đây là cái gì?"

Sư đáp: Thanh Long Sớ Sao!

- Thầy giảng kinh gì?

- Kinh Kim Cang.

- Tôi có một câu hỏi, nếu đáp được tôi sẽ cúng bánh cho Thượng

tọa, bằng đáp không được thì tôi không cho. Bà lão hỏi:

- Trong kinh ghi: "Tâm quá khứ bất khả đắc, tâm vị lai bất khả đắc, tâm hiện tại bất khả đắc", chẳng hay Thượng tọa điểm cái tâm nào!

Sư đáp không được đành phải nhịn đói ra đi. Đến chùa Long Đàm ở Lễ Dương, Sư lên thẳng pháp đường nói: "Từ lâu nghe tiếng, nay đến đây nhưng đầm thì chẳng thấy (Đàm), mà Rồng (Long) cũng chẳng hiện". Long Đàm không lộ mặt nói: "Ông đến Long Đàm rồi đó!" Sư đáp không được và xin nghỉ lại.

Đêm nọ, Sư đứng hầu, Đàm bảo: "Khuya rồi sao ông không xuống!" Sư liền đi ra, lại quay vào thưa: "Bên ngoài trời tối đen!" Đàm đốt đưa cho Sư bó giấy, Sư định lấy thì Đàm liền thổi tắt. Ngay đó, Sư đại ngộ, làm lễ. Đàm hỏi: "Ông thấy cái gì?"

Sư thưa: Từ đây về sau con không còn nghi lời nói của lão Hòa thượng trong thiên hạ.

Hôm sau, Sư mang hết Sớ sao mang theo đốt trước pháp đường. Lúc châm lửa Sư nói: "Cùng tột các huyền biện giống như bỏ một sợi lông trong hư không, rốt cùng các mấu chốt ở đời chẳng khác nhỏ một giọt nước vào hồ lớn". Sư từ biệt Long Đàm đến Quy Sơn, lại quay về trụ ở Lễ Dương suốt ba mươi năm. Khi Vũ Tông phế diệt Phật giáo, Sư ở ẩn trong hang đá trên núi Độc Phù. Tuyên Tông, Đại Trung năm đầu, Thứ sử Vũ Lăng Tiết Đình Vọng trùng tu lại tinh xá Đức Sơn lấy tên là Cổ Đức Thiền viện và thỉnh Sư trụ trì nhưng Sư không chịu xuống núi. Đình Vọng đành lập gian kế, lấy trà muối bỏ trong thất rồi vu cáo Sư phạm pháp và đưa Sư về châu quận, lễ kính cầu thỉnh. Về sau, Sư ở đây và xiển dương đạo pháp. Đến lúc này, Hàm Thông năm thứ sáu, ngày ba tháng mười hai, Sư nói với đại chúng: "Nắm hư không đuổi tiếng vang, lao nhọc tâm thần các ông, tỉnh mộng biết là chẳng phải, đâu còn việc gì nữa!" Nói xong, Sư ngồi yên mà tịch. Đế ban Sư thụy Kiến Tánh Thiền sư. Sư nối pháp của Long Đàm Sùng Tín. (Vũ Lăng là Lãng Châu của nhà Đường, nay là Thường Đức lộ, Kinh châu)

* ***Tông Lâm Tế:*** Thiền sư Lâm Tế ở Chân Định lộ, Trấn châu: Sư họ Hình, húy Nghĩa Huyền, quê ở Nam Hoa, Tào châu, xuất gia thế phát từ nhỏ. Đầu tiên, Sư đến Hoàng Bá, lúc ấy Mục Châu Trần Tôn Túc làm thủ tòa hỏi Sư:

- Thầy ở đây bao lâu rồi?

Sư đáp:

Ba năm!

Mục Châu chỉ Sư đến hỏi Hoàng Bá về đại ý Phật pháp. Hoàng Bá liền đánh. Ba lần hỏi, ba lần bị đánh. Sư bèn cáo từ Mục Châu nói:

"Hận mình chướng duyên, chẳng lãnh hội được diệu chỉ, nay từ giã ra đi!"

Châu nói:

Hãy từ biệt Hòa thượng rồi hẳn đi!

Mục Châu đến nói với Hoàng Bá:

"Thượng tọa ấy nếu có đến từ biệt Hòa thượng dùng phương tiện tiếp y, về sau ông ấy làm một gốc đại thọ tàn mát che khắp kẻ đi người ở trong thiên hạ!"

Sư từ biệt Hoàng Bá, Bá bảo:

"Hãy đến Cao An tham vấn Đại Ngu đi!". Sư đến Cao An, Đại Ngu hỏi:

- Ông từ đâu đến?

Sư đáp:

Chỗ Hoàng Bá đến.

- Hoàng Bá có dạy lời gì không?

- Con ba lần hỏi đại ý Phật pháp, ba lần bị đánh, chẳng biết có lỗi hay không lỗi!

Đại Ngu nói:

Hoàng Bá đã lao tâm khổ tứ với ông đến thế ư!

Ngay đó Sư đại ngộ, nói

"Té ra Phật pháp của Hoàng Bá không nhiều!" Đại Ngu liền nắm đứng hỏi:

- Con quỷ đái dưới sàng, vừa nói có lỗi không lỗi, nay lại nói Phật pháp không nhiều, ông thấy đạo lý gì, nói! Nói mau!

Sư liền thoi vào hông Đại Ngu ba thoi. Đại Ngu thả Sư ra, nói: Thầy ông là Hoàng Bá, không can hệ gì đến ta!

Sư quay về Hoàng Bá, Bá hỏi:

- Ông cứ đến đến đi đi, biết bao giờ mới tỏ ngộ.

Sư đáp:

Chỉ vì thầy đã lao tâm khổ tứ, nên đã xong việc rồi!

Sư đứng hầu, Hoàng Bá hỏi:

- Đại Ngu dạy những gì?

Sư thuật lại việc hôm trước, Hoàng Bá nói:

- Lão Đại Ngu này thật lắm lời! Đợi gã đến đây ta đánh cho một trận.

Sư thưa:

Cần gì đợi đến, ngay bây giờ đánh luôn!

Nói xong, Sư đến tát Hoàng Bá một cái. Bá nói:

- Gã điên cuồng này lại đến đây vuốt râu hùm!

Sư liền hét. Bá gọi:

Thị giả! Dẫn gã này vào nhà thiền đi!

Về sau, Sư trụ ở Lâm Tế, Trấn châu, người học đông vô kể. Sư nói: "Phàm xiển dương tông thừa, trong một câu phải có đủ ba huyền môn, một huyền môn phải đủ ba trọng yếu, có quyền có thật, có chiếu, có dụng. Các ông làm sao hiểu!" Sau Sư ở lại Đông đường chùa Hưng Hòa, Phủ Đại Danh. Đến lúc này, Hàm Thông năm thứ tám, mồng mười tháng tư, Sư nói bài kệ:

Theo dòng chẳng cấm hỏi thế nào
Chân chiếu không ngằn nói giống ai
Lìa tướng lìa danh người chẳng nhận
Gươm bén dùng xong phải gấp mài.

Sư ngồi thẳng quy tịch. Môn nhân dựng tháp an táng chân thân Sư ở tây bắc phủ này. Đế ban Sư thụy Tuệ Chiếu Thiền sư, tháp hiệu Trừng Linh. Sư nối pháp Hoàng Bá Hy Vận, Vận nối pháp Bá Trượng Hoài Hải. Thiền lâm tôn kính Sư, gọi đây là Tông Lâm Tế.

Mậu Tý: Hàm Thông năm thứ chín, Đế lệnh cho Khang Thừa Huấn đánh bọn Bàng Huân ở Từ châu. Thừa Huấn tâu xin cho Chu Da Xích Tâm thống lĩnh ba bộ lạc Sa Đà theo mình. Huấn đánh bại Huân ở Từ Châu, Huân chết. Đế thưởng công cho Chu Da Xích Tâm, đặt chức đại đồng quân ở Vân châu, cho Xích Tâm là Tiết độ sứ, ban cho họ Lý, tên Quốc Xương. Con Quốc Xương là Khắc Dụng, con Khắc Dụng là Tồn Úc, đó là Trang Tông của Hậu Đường. Hồi ấy, trong năm Trinh Quán, Thái Tông phá bọn Đột Quyết ở phương Tây, đặt mười ba châu, quận, đốc, phủ, nhưng chưa từng có phủ Sa Đà, chỉ có các bộ lạc như Xử Thân, Xử Mật nhưng chỉ là bộ lạc nhỏ. Chu Da là tên khác của bộ lạc Xử Thân. Đến thời Hiến Tông mới có Chu Da. Dòng họ này rất trung thành, đến khi Chấp Nghi xuất hiện ở Trung Quốc tự lấy hiệu Sa Đà, lấy Chu Da làm họ. (Sa Đà có nghĩa là bãi Sa mạc mênh mông). Từ Xử Thân đến nay, đời đời họ ở nơi Sa mạc này, nên lấy hiệu Sa Đà. Con cháu dòng Đột Quyết rất tận trung, được Đế ban cho họ Lý. Họ Lý lớn mạnh trở lại, và Di Địch liền lấy Sa Đà là dòng tôn quý.

* ***Tông Tào Động:*** Thiền sư Động Sơn ở Thụy châu, Gianh Tây. Sư họ Du, húy Lương Giới, người Cối Kê, Việt châu. Sư xuất gia từ nhỏ, theo thầy tụng kinh Bát-nhã, đến câu "Không mắt tai mũi lưỡi thân ý",

Sư lấy tay sờ mặt mình và hỏi thầy: "Con có mắt tai mũi lưỡi, sao lại bảo là không?" Thầy Sư thất kinh nói: "Ta không phải là thầy của ông!" Và chỉ sư đến lạy Thiền sư Linh Mặc ở núi Ngũ Tiết thế phát. Năm hai mươi mốt tuổi, Sư đến Tung Sơn thọ Cụ túc, du phương. Đầu tiên, Sư yết kiến Nam Tuyền, kế đó tham vấn Quy Sơn. Quy Sơn chỉ Sư và nói: "Trong các thất đá nối dài ở huyện Du, Phong Lăng gần đây, có đạo nhân Vân Nham, nếu hay vạch cỏ xem gío, ắt được ông kính trọng.

Thế là Sư thẳng đến Vân Nham, hỏi:

- Vô tình thuyết pháp người nào được nghe?

Vân Nham đáp:

Vô tình được nghe!

- Hòa thượng nghe không?

- Nếu ta nghe, ông đâu thể nghe ta nói pháp.

- Tại sao con chẳng nghe?

Vân Nham dựng đứng phất tử hỏi:

Có nghe không?

Sư đáp:

Chẳng nghe!

- Ta nói pháp mà ông còn chẳng nghe được huống gì là vô tình nói pháp!

- Vô tình nói pháp gồm kinh điển nào?

- Ông đâu không thấy kinh Di-đà ghi: "Nước, chim, cây, rừng đều niệm Phật, niệm Pháp!

Ngay đây Sư tỉnh ngộ, liền làm bài kệ:

Kỳ lạ thay! Kỳ lạ thay!
Vô tình nói pháp chẳng nghĩ bàn
Nếu lấy tai nghe trọn khó hiểu
Phải lấy mắt nghe mới biết, hay.

Sư từ giã Vân Nham ra đi. Cuối năm Đại Trung, đời Tuyên Tông, tại núi Tân Phong, Sư tiếp nhận dạy dỗ học chúng, hoằng hóa mạnh ở Động Sơn, Cao An, Dự Chương, quyền mở năm vị, khéo tiếp ba căn, một âm mở ra, bao la muôn loại, rút ngang kiếm báu chặt hết rừng rậm tà kiến, khéo khai mở giáo pháp cắt đứt vạn mối, lại lãnh hội được ý chỉ thâm sâu của Tào Sơn, khéo diễn lý mầu, đạo hợp vua tôi, dung nhiếp thiên chánh. Bởi vậy tông phong của Động Thượng (từ ngài trở về trước) bủa khắp thiên hạ, nên các bậc tông tượng khắp nơi suy tôn đây là tông Tào Động. Đến lúc này, Hàm Thông thứ mười, tháng hai, Sư quy tịch, thọ sáu mươi ba tuổi, tăng lạp bốn mươi hai hạ. Đế ban cho

Sư thụy Ngộ Bản Thiền sư, tháp hiệu Tuệ Giác.

* ***Thiền sư Tào Sơn ở phủ Châu lộ, Gianh Tây:*** Sư họ Hoàng, húy Bản Tịch, người Bổ Điền, Tuyền Châu. Từ nhỏ Sư theo nghiệp Nho, mười chín tuổi xuất gia ở Linh Thạch, Phước Châu. Năm hai mươi lăm tuổi, Sư thọ Cụ túc, yết kiến Động Sơn. Động Sơn hỏi:

- Xà-lê tên gì?

Sư đáp:

Bản Tịch!

- Cái gì?

- Không phải tên Bản Tịch.

Động Sơn rất hứa khả, từ đó Sư vào thất. Sư hầu hạ Động Sơn vài năm rồi từ giã ra đi. Động Sơn liền ngầm trao tông chỉ của Động thượng. Sư đến thẳng Tào Khê lễ tháp Lục tổ rồi quay về Cát Thủy. Học chúng nghe danh, thỉnh Sư khai pháp. Sư mến mộ Lục tổ Tào Khê nên gọi núi mình ở là Tào sơn. Sau, gặp phải giặc loạn, Sư đến Nghi Hoàng. Tại đó có Tín sĩ Vương Nhược Nhất cúng Hà Vương quán thỉnh Sư trụ trì. Sư đổi Hà Vương thành Hà Ngọc. Từ đó pháp tịch rất thịnh, người học đổ về, tông Động Sơn đến đời Sư rất thịnh. Chiêu Tông, niên hiệu Thiên Phục năm đầu, ngày rằm tháng sáu, Sư nói với môn nhân: "Giờ Thìn ngày mai Tào Sơn đi hành cước!" Đúng ngày giờ đó, Sư đốt hương, ngồi ngay thẳng mà tịch, thọ sáu mươi hai tuổi, tăng lạp ba mươi bảy hạ. Đồ chúng an táng chân thân Sư ở gò tây của núi này. Đế ban Sư thụy Nguyên Chứng Thiền sư, tháp hiệu Phước Viên. Sư nối pháp của Động Sơn Lương Giới, Giới nối pháp Vân Nham Đàm Thạnh, Thạnh nối pháp Dược Sơn Duy Nghiễm, Nghiễm nối pháp Thạch Đầu Hy Thiên, Thiên nối pháp Thanh Nguyên Hành Tư, Hành Tư nối pháp của Lục Tổ Đại Giám.

Canh Dần: Hàm Thông năm thứ mười một, tháng mười một, ngày sinh của Đế, Đế triệu Đại đức tăng của Lưỡng Nhai vào cung giảng đạo. Đế hài lòng, ban y tía cho Đàm Hiển v.v.. cả thảy mười người, ban cho Luật Sư Đạo Tuyên ở Chung Nam, Vĩnh Hưng hiệu là Trừng Chiếu Luật Sư.

* ***Tướng quốc Bùi Hưu:*** Ông mất năm Canh Dần, niên hiệu Hàm Thông thọ bảy mươi bốn tuổi. Ông lấy lễ đệ tử, lạy thờ Thiền sư Hoàng Bá Hy Vận, tỏ ngộ tâm yếu. Ông húy là Hưu, tự Công Mỹ, người Gian Hỷ, Mạnh Châu, hà Đông. Thuở nhỏ, ông và anh em cùng ở ẩn, ngày giảng kinh đêm viết sách. Lúc có thịt nai, ông không ăn và nói: "Ăn rau còn chưa đủ, nay được một lần ăn thịt, ngày sau biết lấy đâu ăn

tiếp!" Đến khi đỗ tiến sĩ, nhiều lần được thăng chức. Ngày ông nhậm chức Thứ sử Hồng châu, ông vào chùa Long Hưng nhìn bức họa trên vách và than: "Nghi dung còn đây, Cao tăng ở đâu!" Chúng không ai đáp được. Ông nói: "Ở đây có Thiền tăng không?" Lúc ấy Thiền sư Hy Vận bỏ học chúng ở núi Hoàng Bá, Lãnh Nam đến tinh xá Đại An giấu mình, làm người chấp lao phục dịch, không ai hay biết. Khi ông hỏi, có người đáp: "Có một Thiền giả!" Ông cho mời đến, cũng hỏi như trước, Hy Vận lớn tiếng gọi: "Bùi Hưu!" Ông ứng thanh dạ. Vận hỏi: "Ở chỗ nào?" Ông hoát nhiên khế ngộ, liền thỉnh Hy Vận vào phủ, sớm tối hỏi đạo. Ông được chuyển đến trấn giữ Uyển Lăng, thỉnh Hy Vận cùng đi. Ông làm quan dưới thời Tuyên Tông.

* ***Thiền sư Vân Cư:*** Sư họ Vương, húy Đạo Ưng, người Ngọc Điền, U châu. Thuở nhỏ, Sư xuất gia ở chùa Diên Thọ, Trác châu. Năm hai mươi lăm tuổi, Sư thọ đại giới. Thầy Sư bắt Sư học giới luật Thanh văn, không phải điều mình ưa, nên Sư bỏ không học mà du phương đến Thúy Vi. Nghe pháp tịch của Động Sơn hưng thịnh Sư đi đến và khế ngộ tông chỉ, dựng am trên núi Tam Phong, qua mười ngày chẳng xuống trai đường. Thiền sư Động Sơn dò xem thấy mỗi ngày có một Thiên thần đến cúng thức ăn. Động Sơn nói với Sư: "Không ngờ ông lại là người còn những thứ kiến giải này". Động Sơn lớn tiếng gọi: "Ưng am chủ!" Sư liền dạ. Sơn hỏi: "Chẳng nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác là cái gì?" Sư tỉnh ngộ, trở về am nhập định, Thiên thần tìm mãi chẳng thấy, ba ngày sau thôi cúng thức ăn. Động Sơn khuyên Sư nên tùy nơi tiếp người, Sư liền đốt am này đến Hải Hôn, lên đồi ở Tây Bắc Lô Sơn, Âu Phụ, vốn là nơi cao ngất trong các núi. Sư dựng am ở, lấy hiệu là Vân Cư. Học chúng cũng tìm kiếm đến, ở dưới tán cây khắp trên núi, lâu ngày trở thành tòng lâm. Lúc này, Hàm Thông năm thứ mười ba, nơi đây trở thành pháp tịch, học chúng lên đến một ngàn năm trăm người. Sư xiển dương tông chỉ Động Sơn suốt ba mươi năm, tông phong lan khắp thiên hạ. Nam Xương Vương Chung Phó Sư rất tôn kính Sư. Ngày hai mươi tám tháng mười hai, niên hiệu Thiên Phục năm đầu, đời Chiêu Tông, Sư khai thị cho chúng phương tiện sau cùng nêu bày ngọn nguồn xuất thế. Mồng ba tháng giêng năm sau, Sư ngồi ngay thẳng quy tịch. Đế ban Sư thụy Hoằng Giác Thiền Sư, tháp hiệu Viên Tịch.

Đế ở trong cung mỗi tháng cúng dường cả vạn tăng, tự tay soạn bài tán tụng.

Quý Tỵ: Hàm Thông năm thứ mười bốn, tháng ba, Đế nghinh đón xá-lợi Phật từ chùa Pháp Môn ở Phụng Tường, mồng tám tháng tư, đoàn

người về đến Kinh đô, Đế ngự ở cửa lầu An Phước nghinh bái, dẫn vào đạo tràng trong cung cúng dường ba ngày, nghinh đến các chùa trong kinh thành. Tháng bảy Đế mất, Thái tử lên ngôi. Tháng tư năm sau, Đế hạ chiếu nghinh xá-lợi về lại Phụng Tường. Già trẻ trong Kinh đô đều khóc tiễn.

* **Hy Tông:** Tên là Hoàn, con năm thứ năm của Ý Tông, ban đầu được phong Tấn Vương. Y Tông bệnh, lập ông làm Hoàng Thái tử, ông ở ngôi mười lăm năm, thọ hai mươi bảy tuổi. Niên hiệu Càn Phù sáu năm, Quảng Minh một năm, Trung Hòa bốn năm, Quang Khải ba năm, Văn Đức một năm.

- Giáp Ngọ: Càn Phù năm đầu. Lúc này Vương Tiên Chi, người Bộc châu, Đông Xương lộ, bắt đầu quy tụ mấy ngàn người nổi lên ở Trường Viên. Năm Càn Phù năm thứ hai, Hoàng Sào cũng tụ tập hơn ngàn người hưởng ứng với Vương Tiên Chi. Thuở nhỏ, Sào và Tiên Chi vốn làm nghề buôn muối. Sào giỏi cỡi ngựa bắn cung, thích sách truyện kiếm khách giang hồ, nhiều lần thi tiến sĩ nhưng không đỗ, bèn làm đạo tặc, cùng Tiên Chi cướp phá châu huyện, hoành hành ở Sơn Đông. Dân khốn khó được thu nạp, trọng dụng nên họ đua nhau về với Sào, Chi. Chỉ trong mấy tháng, quân số này đã lên mấy vạn. Càn Phù năm thứ năm, chiêu thảo sứ Tăng Nguyên Dụ đại phá Tiên Chi ở Hoàng Mai, đuổi chém được Tiên Chi. Hoàng Sào cũng vừa đánh Hào châu, dư đảng của Tiên Chi là Thượng Nhượng dẫn tàn quân về với Sào, tôn Sào làm chủ, lấy hiệu Xung Thiên Đại Tướng Quân, lấy năm Vương Bá năm đầu, đặt các quan, vây hãm Phúc Kiến. Càn Phù năm thứ sáu, mùa Đông, Sào đến Tương Dương. Tháng mười một, Sơn Đông đạo Tiết độ sứ và Giang Tây chiêu thảo sứ Tào Toàn Thánh hợp binh đóng tại Kinh Môn để chống trả. Sào thua to, chạy về bắc lên Giang Lăng. Quân bị bắt sống bị chém hết bảy, tám phần. Sào cùng Thượng Nhượng nhặt lấy tàn quân chạy qua Giang Đông. Uy thế của Sào lớn mạnh lại. Sào liên tục cướp phá các châu: Nhiêu, Tín, Trì Tuyên, Hấp, Hàng v.v.. cả thảy mười lăm châu, quân số lên đến hai mươi vạn. Tháng mười một, Quảng Minh năm đầu, Sào vây hãm Đông Đô. Tháng mười hai, Nhâm Ngọ, quân Sào đánh phá Đồng Quan. Quân ở Quan thượng tan vỡ. Trung quan Điền Lệnh Tư đưa Đế ra khỏi Kim Quang, chỉ có bốn vương là Phước, Mục, Đàm, Thọ và mấy phi tần đi theo, trăm quan chẳng ai hay biết. Sào vào Trường An, Đế đến Hưng Nguyên rồi vào đất Thục. Canh Dần, Sào giết Tông thất nhà Đường ở Trường An. Nhâm Thìn, Sào lên ngôi Hoàng Đế, lấy quốc hiệu Đại Tề, xưng Kim Thống năm đầu. Năm Trung Hòa

năm thứ hai, Đồng châu phòng ngự sứ Chu Ôn là tướng của Sào nhiều lần xin Sào cho viện binh để trấn giữ Hà Trung nhưng Sào không cho. Ôn thấy quân Sào ngày càng suy yếu, biết mình sắp chết. Thân tướng của ông là Hồ Chân, Tạ Đồng khuyên Ôn về nước. Tháng chín, Ôn giết Giám Quân của mình là Nghiêm Thật và đem châu ra hàng. Chư Đạo Hành Dinh Đô Thống Vương Đạc thừa lệnh Đế cho Ôn làm Đồng hoa Tiết độ sứ. Không bao lâu, lại ban Ôn tên Toàn Trung. Hà trung lưu hậu Vương Trọng Vinh, Hành dinh đô giám Dương Phục Quang, Đông diện tuyên úy Sứ Vương Huy, chư đạo hành dinh đô thống Vương Đạc cùng bàn kế đánh giặc. Phục Quang nói: "Lý bộc xạ ở Nhạn môn (chỉ Khắc Dụng) là người dũng mãnh lại có binh mạnh, triệu ông ấy đến thì giặc lo gì không phá được!" Lúc này Vương Đạc ở Hà Trung mới viết chiếu cho triệu Khắc Dụng. Tháng mười một, Khắc Dụng dẫn một vạn bảy ngàn quân Sa Đà đến thẳng Hà Trung. Tháng ba, năm Trung Hòa năm thứ ba, Khắc Dụng tiến quân đến Vị Kiều đánh nhau với Sào ở Vị Nam. Quân giặc thua to bỏ chạy. Tháng tư, Khắc Dụng từ Quang Thái Môn vào Kinh Sư. Quân Sào liệu đánh không thắng nên đốt cung thất rồi trốn đi. Lúc này Khắc Dụng mới hai mươi tám tuổi. Phá giặc Sào, khôi phục Trường An, công của Dụng đứng đầu. Đế hạ chiếu cho Khắc Dụng làm Hà Đông Tiết độ sứ. Mùa Xuân tháng hai, Trung Hòa năm thứ tư, Sào chạy đến vây Trần châu. Lý Khắc Dụng dẫn binh của các châu Biện, Từ, Cổn đến ứng cứu. Tháng năm, Sào dẫn quân lên đông bắc nhắm Biện Châu. Khắc Dụng đuổi quân Sào đến Trung Mâu đại phá quân giặc. Tướng của Sào là Thượng Nhượng dẫn quân ra hàng Khắc Dụng. Khắc Dụng đuổi đến Oan Cú (nơi Sào ở), lương hết đành quay về Biện Châu, dựng doanh ở ngoài thành. Chu Toàn Trung cố mời ông vào thành, cho ở tại trạm dịch Thượng Nguyên. Toàn Trung đặt tiệc rượu, Khắc Dụng mượn rượu nói năng hơi xấc xược, Toàn Trung bất bình, kéo quân vây trạm dịch đánh Khắc Dụng. Khắc Dụng leo lên thành mới thoát ra ngoài. Tháng sáu, tướng ở Vũ Ninh là Lý Sư Duyệt đuổi đánh Sào đến Hà Khâu. Sào thua, quân sĩ đều chạy hết đến hang Lang Hổ. Cháu ngoại của Sào là Lâm Ngôn chém đầu của Sào, anh em vợ con hắn đem ra hàng. Quân Sào khởi binh năm Càn Phù năm thứ hai, đến tháng bảy Trung Hòa năm thứ tư bị diệt vong.

* ***Mục Châu Trần Tôn Túc:*** Sư là con cháu họ Trần, húy Đạo Minh, người Giang Nam, từ nhỏ xuất gia tại chùa Khai Nguyên, trì giới tinh nghiêm, học thông Tam tạng. Sư du phương, đến Hoàng Bá, khế ngộ yếu chỉ, được làm Thủ tòa. Đại chúng thỉnh Sư trụ ở viện Quán Âm,

chúng đến hơn trăm người. Sư ở đây mấy mươi năm, khắp nơi mến mộ quy tụ, đều gọi Sư là Tôn Túc. Sau, Sư về Khai Nguyên ở tăng phòng, bện giày cỏ Bồ bán nuôi mẹ, nên có người gọi Sư là Trần Bồ Hài. Thiên sứ đến hỏi Sư:

- Ba cửa đều mở, theo cửa nào vào?

Sư gọi:

Thượng thư!

Sứ ứng thanh dạ. Sư nói:

Từ cửa tín mà vào.

Sư đang xem kinh, Thượng thư Trần Tháo đến hỏi:

- Hòa thượng xem kinh gì vậy?

- Kinh Kim Cang.

- Sáu triều phiên dịch, đây là bản thứ mấy?

Sư đưa cuốn kinh lên nói:

"Tất cả pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng!"

Đến lúc này, Càn Phù năm thứ tư, Sư nói với môn nhân: "Ở đây duyên hết, ta phải đi!" Nói rồi, Sư kiết già thị tịch. Người trong quận lấy củi thơm hỏa táng, xá-lợi như mưa, họ thâu linh cốt, đúc tượng Sư trong chùa. Sư thọ chín mươi tám tuổi, tăng lạp bảy mươi sáu hạ. Sư nối pháp của Hoàng Bá Hy Vận, Vận nối pháp của Bá Trượng Hoài Hải.

- Kỷ Hợi: Càn Phù năm thứ sáu, Canh Tý: Quảng Minh năm đầu. Tân Sửu Trung Hòa năm đầu.

* ***Thiền sư Nguyên An, núi Lạc Bồ, Lễ Dương:*** Sư quê ở Lân Du, Phụng Tường, xuất gia từ nhỏ, thọ Cụ túc giới trì Luật nghiêm mật, thông tỏ Kinh Luận. Năm này, Sư tham vấn Lâm Tế Nghĩa Huyền và được làm thị giả. Sau, Sư qua Giáp Sơn dựng am ở. Tháng tám, Chiêu Tông, Quang Hóa năm đầu, Sư dặn môn nhân: "Phép tắc xuất gia, chẳng giữ vật lớn, huống những thứ khác, khẩn thiết trong niệm, thời gian qua mau, đạo lớn sâu mầu, nếu chểnh mảng lơ là thì dựa vào đâu mà ngộ thể!" Đến mồng một tháng mười hai, Sư ngồi yên thị tịch. Sư nối pháp của Giáp Sơn Thiện Hội.

* ***Thiền sư Giáp Sơn ở Lễ châu:*** Sư họ Liêu, húy Thiện Hội, người Quảng châu, từ nhỏ xuất gia, đủ tuổi thì thọ giới, nghe học Kinh Luận, thông tỏ Tam học, xuất chúng đến ở Hạc Lâm, Nhuận Châu. Nhờ Đạo Ngô chỉ bảo, Sư đến tham vấn Thiền sư Thuyền Tử Đức Thành ở Hoa Đình và khế ngộ tâm yếu, kính nhận di mệnh, quên đời quên duyên. Trong năm Hàm Thông đời Ý Tông, Sư trụ ở Phong châu, người học theo về, chọn Giáp Sơn làm đạo tràng, nơi đây thành chùa viện. Đến

lúc này, Trung Hòa năm đầu, mồng bảy tháng mười một, Sư quy tịch. Môn nhân an táng Sư ở núi này. Đế ban Sư thụy Truyền Minh Đại Sư. Sư nối pháp của Thuyền Tử Đức Thành.

- Nhâm Dần: Trung Hòa năm thứ hai, Chung Phó chiếm Gianh Tây.

- Quý Mão: Trung Hòa năm thứ ba, Lý Khắc Dụng thu lại Kinh sư. Thác Bạt Tư Cung đem binh đến cứu quốc nạn, đó là loạn Hoàng Sào. Triều đình cho Tư Cung nắm quyền Hạ Tuy Tiết độ sứ, ban cho họ Lý.

- Giáp Thìn: Trung Hòa năm thứ tư, Hoàng Sào đã diệt vong. Mùa thu tháng bảy, Lý Khắc Dụng đến Tấn Dương, sai sứ vào kinh dâng biểu, nói Chu Toàn Trung ganh công, ghét người tài, về sau là mối họa của đất nước. Khắc Dụng dâng tám điều, xin được giết Toàn Trung. Đế bảo: "Việc loạn vừa xong, hãy giữ việc lớn!" Đế hạ chiếu khen thưởng Khắc Dụng để giải hòa. Lúc này, Chiết Đông xảy ra bệnh dịch, nạn đói. Thiền sư Ấu Chương ở Phổ Hiền sám viện thuộc Minh châu đã đi nhặt và chôn cất đến mấy ngàn thi thể của người chết do đói khát, bệnh dịch của ba quận Thai, Ôn, Minh. Người đương thời gọi Sư là Tăng Bi Bồ-tát.

- Ất Tỵ: Quang Khải năm đầu, tháng hai, Đế về đến Kinh Sư, đổi niên hiệu. Trung Quan Điền Lệnh Tư càng chuyên quyền. Hà Trung Tiết độ sứ Vương Trọng Vinh nhiều lần dâng biểu vạch tội ác của Tư. Trọng Vinh báo với Lý Khắc Dụng dẫn binh vào bắt. Tháng mười hai, Khắc Dụng đem binh vây kinh thành, đang đêm Điền Lệnh Tư đưa Đế ra cửa Khai Viễn chạy đến Phụng Tường. Tháng giêng mùa xuân năm Quang Khải năm thứ hai, Điền Lệnh Tư xin Đế xa giá đến Hưng Nguyên, Đế không đi. Đêm ấy, Lệnh Tư dẫn quân vào cướp Đế đưa đến Bảo Kê. Tể tướng triều thần chẳng hay biết. Khi đến Bảo Kê, để Dương Thành giữ Tán Quan rồi mới đưa Đế vào. Vừa vào Tán Quan, Bân Ninh Tiết độ sứ Chu Mai đã vây Bảo Kê rồi. Tương Vương Ôn là huyền tôn của Túc Tông quá gấp theo Đế nên không kịp để tin lại các trạm dịch dọc đường, đã bị Chu Mai lấy hết rồi đưa luôn về Phụng Tường. Tháng ba, Mai đưa Tương Vương đến Hưng Nguyên, ép các quan phải phụng Tương Vương Ôn lên nắm hết việc quân việc nước. Trăm quan ở Trường An, Thái tử Thái phó Bùi Cừ v.v..khuyến tán Tương Vương Ôn nắm việc rồi lên ngôi Hoàng Đế, đổi niên hiệu Kiến Trinh, xa tôn Đế làm Thái Thượng Nguyên Hoàng Đế. Quán Quân Dung Sứ Dương Phục Cung truyền hịch đến Quan Trung, rằng ai chém đầu Chu Mai sẽ thưởng chức Tĩnh Nan Tiết độ sứ. Tướng của Mai là Vương (Hành Du

bắt Mai chém, Tương Vương chạy đến Hà Trung, Vương Trọng Vinh...) Trọng Vinh giả đi nghinh mới bắt Ôn đem giết. Đế hạ chiếu cho Hành Du làm Tĩnh Nan Quân Tiết độ sứ.

* ***Thiền sư Linh Vân:*** Húy Chí Cần, người Trường khê, Phước Châu. Sư nối pháp Trường Khánh An, An nối pháp Bá Trượng. Sư ở Quy Sơn, nhân thấy hoa đào nở mà ngộ đạo, sau về lại Phước Châu, ngụ ở Linh Vân.

- Năm này, Tiền Lưu (Ngô Việt Vương) có công đánh Đổng Xương, được giữ chức Hàng châu Thứ sử.

* ***Thiền sư Nham Đầu ở Ngạc châu:*** Sư họ Kha, húy Toàn Khoát, người Tuyền Châu, từ nhỏ lạy Thanh Nguyên Nghị Công thế phát, thọ giới tại chùa Bảo Thọ, Trường An, học Kinh Luận của các bộ, nhàn hạ trong vườn Thiền. Sau, Sư tham vấn Đức Sơn, khế ngộ huyền chỉ, trụ ở Nham Đầu. Gặp lúc Vũ Tông phế diệt Phật giáo, Sư sống ẩn bên hồ làm người chèo đò. Sau đó, Sư dựng am ở núi Ngoạ Long, Động Đình, người học đổ về. Lúc này, Quang Khải năm thứ ba, mồng tám tháng Sư quy tịch. Môn nhân trà-tỳ thâu bốn mươi chín hạt xá-lợi, dựng tháp cúng dường. Đế ban Sư thụy Thanh Nham Thiền Sư, Sư nối pháp của Đức Sơn Tuyên Giám, Giám nối pháp Long Đàm Sùng Tín.

* ***Thiền sư Thạch Sương ở Đàm châu:*** Sư họ Trần, húy Khánh Chư, người Tân Phủ, Kiết Châu, Gianh Tây, theo Thiền sư Thiệu Loan ở Tây Sơn, Hồng Tỉnh thế phát, đến Lạc Hạ học giới luật, đến Quy Sơn giữ chức tri khố. Một hôm, Quy Sơn nhặt một hạt thóc, nói với Sư: "Chớ coi thường hạt này, trăm ngàn hạt khác từ hạt này sinh". Sư thưa: "Trăm ngàn hạt khác từ hạt này sinh, chưa rõ hạt này từ đâu sinh!" Quy Sơn cười ha hả rồi quay về phương trượng. Đến tối, Quy Sơn thượng đường nói: "Trong hạt thóc có trùng, các ông xem kỹ". Sau, Sư tham Đạo Ngô Trí Thiền Sư, ngầm khế tâm yếu. Nhân tránh loạn, Sư trà trộn trong dân, sống ở phường đồ gốm ở Lưu Dương, Trường Sa, chẳng ai hay biết. Nhân có vị Tăng nhắc chuyện ngày giải hạ Động Sơn thượng đường nói: "Cuối hạ đầu thu, huynh đệ đi đông đi tây, phải chỗ muôn dặm không tấc cỏ mà đi". Sư đáp: "Ra khỏi cửa đã là cỏ rồi!" Động Sơn nghe được nói: "Đó là lời bậc Thiện tri thức của một ngàn năm trăm người!" Từ đó tiếng tăm Sư lan khắp. Đế nghe đạo hạnh của Sư, khen và ban cho y tía. Sư chối từ không nhận. Đến lúc này, Quang Khải năm thứ ba, Sư quy tịch, môn nhân an táng ở Tây bắc viện. Đế ban Sư thụy Phổ Hội Đại Sư. Sư nối pháp Đạo Ngô Tông Trí, Trí nối pháp Dược Sơn Duy Nghiễm, Nghiễm nối pháp Thạch Đầu Hy Thiên, Thiên nối pháp

Thanh Nguyên Hành Tư.

- Mậu Thân: Văn Đức năm đầu, tháng hai, Đế từ Phụng Tường về kinh, tháng ba, nhuốm bệnh, Nhâm Dần bệnh nặng. Hoàng đệ Cát Vương Bảo lớn và tài giỏi, quần thần rất hy vọng. Thập quân quán quân dung sứ Dương Phục Cung xin lập em ông là Thọ Vương Kiệt làm Hoàng thái đệ. Quý Mão, Đế mất, di chiếu cho Thái đệ Kiệt, đổi tên là Mẫn lên ngôi Hoàng Đế. Vương Kiến chiếm Tây Xuyên.

* **Chiêu Tông:** Con năm thứ bảy của Ý Tông, ban đầu được phong Thọ Vương. Ông tên Kiệt, lại đổi tên Mẫn. Long Kỹ năm đầu đổi tên là Hoa, ở ngôi mười sáu năm, thọ ba mươi tám tuổi. Niên hiệu Long Kỹ một năm, Đại Thuận hai năm, Cảnh Phước hai năm, Càn Ninh bốn năm, Quang Hóa ba năm, Thiên Phục bốn năm.

- Kỷ Dậu: Long Kỷ năm đầu, tháng mười một, Đế đổi tên Hoa. Đế sắp đi tế tự ở Viên Khâu, Trung úy khu mật đều mặc áo tế theo hầu giống như trước đây. Trong đời Hy Tông, đã chế đủ đai, hốt. Đến lúc này, Đế sai Hữu Ty chế pháp phục. Khổng Vỹ và các gián quan đều bàn không nên. Đế đến ngự lễ và nói: "Điều các khanh bàn là việc xác đáng thì phải làm theo, chớ chấp tiểu tiết mà ngăn ngại đến đại thể". Từ đó hoạn quan bắt đầu đeo kiếm đứng hầu tế tự.

- Canh Tuất: Đại Thuận năm đầu. Tân Hợi: Đại Thuận năm thứ hai, Dương Hành Mật chiếm Dương châu.

* ***Thiền sư Thiên Khoảnh ở Hàng châu:*** Sư họ Trương, húy Sở Nam, người Phước châu, đắc yếu chỉ từ Hoàng Bá. Đầu tiên Sư đến chùa Báo Ẩn Cô Tô tinh tu Thiền định hơn hai mươi năm, chưa từng đặt chân vào xóm. Sau, Sư trụ ở Từ Vân, núi Chi Hình, Tiền Đường. Tuy ứng duyên không mỏi mệt, nhưng thường trụ trong định khi cả tháng, lúc cả tuần. Hy Tông, trong năm Quang Khải, Thứ sử Tiền Lưu thỉnh Sư xuống núi cúng dường. Hy Tông nghe đạo hạnh Sư liền ban cho y tía. Hy Tông, Văn Đức năm đầu, tháng năm Sư quy tịch, thọ bảy mươi sáu tuổi, tháp ở phía Tây viện. Sư soạn Phá Tà Luận lưu hành ở đời. Sư nối pháp Hoàng Bá Hy Vận. Lúc này, Đại Thuận năm thứ hai, Tôn Nho ở Tuyên châu cướp phá Tiền Đường đến mở tháp nhìn Sư, thấy toàn thân Sư không hoại; tóc, móng, dài thêm, liền bái tạ sửa tháp rồi đi.

- Nhâm Tý: Cảnh Phước năm đầu, tháng tám, cho Dương Hành Mật làm Hoài Nam Tiết độ sứ. Lịch Tuyên Minh sai sót, Thái tử Thiếu Chiêm Sự Biên Cang soạn xong lịch mới. Tháng mười hai, Đế sai ông đặt tên là lịch Cảnh Phước Cảnh Huyền.

- Quý Sửu: Cảnh Phước năm thứ hai, cho Du châu Thứ sử Liễu Tỳ

làm Lự châu Thứ sử. Họ Liễu từ Công Xước đến nay, đời đời sống trong hiếu để, lễ phép nên được sĩ đại phu kính ngưỡng. Tỳ làm ngự sử đại phu, Đế muốn cho ông làm Thừa Tướng, bọn hoạn quan ghét ông nên gièm pha ông ngoài triều. Tỳ từng dạy con, em mình rằng: "Phàm đất và cửa cao là chỗ đáng sợ chứ không phải đáng tựa. Lập thân vinh hiển, nếu một việc lỗi lầm thì đắc tội nặng với người khác, chết đi không còn mặt mũi nào nhìn tiền nhân nơi chín suối. Đó mới là điều đáng sợ. Cửa cao thì kiêu mạn dễ sinh, tộc thịnh thì bị người ghen ghét. Việc làm tốt, tài năng thật người ta khó tin, nhưng có lỗi lầm nhỏ thì họ vạch ra liền. Đó là lý do không thể tựa. Thế nên những con em đã vinh hiển, học phải cần mẫn thêm, hành phải siêng năng nữa, chỉ được so lỗi với người khác".

- Vương Triêu chiếm Phước châu xưng Lưu Hậu. Vương Dungcát cứ Trấn Định, xưng Triệu Vương. Lưu Nhân Cung lúc này đang làm U Châu Lô Long Tiết độ sứ đã xưng Yên Vương.

- Giáp Dần: Càn Ninh năm đầu, Sa-môn Quán Hưu vào đất Thục, làm thơ dâng Thục Vương rằng: "Một bình một bát già sắp đến, muôn sông muôn núi một mình đi". Thục Vương tiếp đãi ngài rất trân trọng, còn cho quan tước, bổng lộc. Thiền Nguyệt Đại Sư là hiệu mà Thục Vương ban cho ngài. Đến Hậu Đường Trang Tông năm Đồng Quang năm thứ ba, ngài quy tịch.

+ Cao Tăng Tề Tỵ người đất Thục, từ nhỏ theo Quy Sơn Linh Hựu xuất gia, lúc này Thiền sư Tuệ Tịch trụ ở Viện Quán Âm, Dự Chương, Tỵ tổng quản mọi việc. Ngài có bài "Cháo rau" rằng: "Cháo là thuốc hay, Phật thường khen ngợi, nghĩa vượt ba đàn, công hơn mười lợi, ai cầu anh triết, liền toại tâm nguyện, đủ đầy thanh thản, trọn bồi tịnh nghiệp". Về sau, Sư thị tịch ở Kim Cổ, Tây Sơn, tháp hiện vẫn còn. Long Bàn chính là Thư đường của ngài.

- Ất Mão: Càn Ninh năm thứ hai. Năm sau, Mã Ân chiếm Hồ Nam, Hàng châu. Tiền Liêu trấn luôn Chiết Tây, Chiết Đông. Lý Mậu Trinh xua quân vào Kinh sư, Đế chạy đến Hoa châu. Mậu Trinh vào Trường An đốt trụi cung thất, phố xá.

- Bính Thìn: Càn Ninh năm thứ ba, tháng giêng, Thiền sư Cửu Phong Huyền dạy chúng: "Chớ để thời gian qua vô ích, chớ để tiêu của tín thí vô ích, đã là người xuất gia đạt đạo mới xứng là Đại trượng phu". Nói xong, Sư lặng lẽ nhập định, đến ngày hai mươi tháng ba, Sư quy tịch.

- Đinh Tỵ: Càn Ninh năm thứ tư, Mân Súy Vương Triêu chết, em

là Thẩm Tri lên thay, cát cứ đất này.

* ***Thiền sư Triệu Châu:*** Sư họ Hác, húy Tùng Thẩm, quê ở làng Hác, Tào Châu. Từ nhỏ, Sư theo thầy ở viện Hỗ Thông trong châu này thế phát. Chưa thọ giới, Sư đã đến Trì Dương tham vấn Thiền sư Nam Tuyền Phổ Nguyện. Tuyền rất hứa khả. Một hôm Sư hỏi:

- Thế nào là đạo?

Tuyền đáp:

Tâm bình thường là đạo.

- Có thể nhắm tới không?

- Vừa nhắm tới đã trái.

- Không nhắm tới làm sao biết được là đạo?

- Đạo không thuộc biết hay chẳng biết, biết là vọng giác, không biết là vô ký. Nếu quả thật đạt được cái đạo không nghi thì giống như hư không rỗng rang, mênh mông, lẽ đâu gượng lập đúng sai chăng!

Ngay đây, Sư ngộ lý, liền qua giới đàn Lưu Ly ở Tung Nhạc thọ giới, rồi về lại Nam Tuyền. Qua một thời gian, đại chúng thỉnh Sư trụ ở viện Quán Âm, Triệu châu, đạo pháp hưng thịnh một thời. Sư có làm bài ca mười hai thời, kệ tụng, cơ duyên, ngữ lục đều lưu hành ở đời. Có vị Tăng mới đến, Sư hỏi:

- Từng đến đây chưa?

- Chưa từng đến.

Sư bảo: Uống trà đi!

Lại hỏi vị Tăng khác:

Từng đến đây chưa?

Tăng đáp:

Từng đến rồi!

Sư bảo:

Uống trà đi!

Viện chủ thấy vậy hỏi:

Vì sao người từng đến thầy cũng bảo uống trà đi, người chưa từng đến thầy cũng bảo uống trà?

Sư gọi:

Viện chủ!

Viện chủ ứng thanh dạ, Sư bảo:

Uống trà đi!

Lúc này, Chân Định súy Vương Dung xưng Triệu Vương, Lô Vương Tiết độ sứ Lưu Nhân Cung xưng Yên Vương, hai Vương đều rất kính lễ Sư. Đến lúc này, Càn Ninh năm thứ tư, mồng hai tháng mười

một, Sư nằm nghiêng bên phải, an nhiên quy tịch, thọ một trăm hai mươi tuổi. Đế ban Sư thụy Chân Tế Đại Sư. Sư nối pháp Nam Tuyền Phổ Nguyện. Phổ Nguyện nối pháp của Mã Tổ.

- Mậu Ngọ: Quang Hóa năm đầu, đế xá tội Lý Mậu Trinh. Tháng tám, Đế xa giá từ Hoa châu về Kinh sư.

- Kỷ Mùi: Quang Hóa năm thứ hai, Thiền sư Huyền Vỹ ở Hoa Nhạc biên tập cơ duyên Thiền Tông của các Thiền sư từ Đức Tông năm Trinh Quán đến nay, lấy tên là Thánh Trụ tập.

* ***Thiền sư Vô Trước ở Hàng châu:*** Sư họ Chu, húy Văn Hỷ, người Gia Hưng. Năm bảy tuổi, Sư theo ngài Quốc Thanh chùa Thường Lạc trong ấp này xuất gia, thế phát, học luật nghe giảng. Khi Vũ Tông hủy diệt Phật giáo, Sư mặc đồ thường dân mai danh ẩn tích. Trong năm đầu đời Tuyên Tông, Sư tu lại ở chùa Tề Phong, Diêm Quan. Sư đến Ngũ Đài lễ Văn-thù, giữa đường gặp ông lão dắt trâu đi, ông mời Sư vào chùa. Ông thả trâu rồi dẫn Sư vào nhà. Ông ngồi xếp bằng trên đơn, chỉ một cái đôn thêu bảo Sư ngồi. Ông già hỏi:

- Thầy từ đâu đến?

Sư đáp:

Phương Nam!

- Phương Nam Phật pháp thế nào?

- Thời mạt pháp Tỳ-kheo ít giữ giới luật.

- Bao nhiêu chúng?

- Hoặc ba trăm, hoặc năm trăm.

Sư hỏi lại:

Ở đây Phật pháp thế nào?

Ông già đáp:

Rồng rắn lẫn lộn, phàm thánh ở chung.

- Bao nhiêu chúng?

- Trước ba ba, sau ba ba.

Ông già gọi Đồng tử Quân Đề dâng trà, rồi dâng tô lạc. Ông cầm cái chén lưu ly lên và hỏi:

- Phương Nam có cái này không?

Sư đáp:

Không.

- Hằng ngày uống trà bằng cái gì?

Sư không đáp, xin cáo từ. Ông già sai Đồng tử tiễn Sư. Sư hỏi Đồng tử:

- Trước ba ba, sau ba ba là bao nhiêu?

Đồng tử gọi "Đại đức!" Sư ứng thanh dạ. Đồng tử hỏi: "Là bao nhiêu?"

Sư hỏi:

Đây là nơi nào?

Đồng tử đáp:

Đây là chùa Bát-nhã trong hang Kim Cang. Sư vỡ lẽ ông già kia chính là Văn-thù. Sư cúi lạy đồng tử xin một lời chia tay. Đồng tử nói bài kệ:

Mặt không sân là vật cúng dường
Miệng không sân nhả các diệu hương
Tâm không sân là kho báu lớn
Không dơ không nhiễm thể chân thường.

Nói xong, Quân Đề và chùa ẩn mất. Ý Tông năm Hàm Thông năm thứ ba, Sư đến viện Quán Âm ở Hồng châu tham vấn Thiền sư Ngưỡng Sơn Tuệ Tịch, đốn ngộ tâm pháp. Sau, Sư về Chiết Tây trụ ở chùa Long Tuyền. Tiền Vương Phụng ban cho Sư y tía và hiệu Vô Trước Thiền sư. Đến lúc này, Quang Hóa năm thứ ba, mồng ba tháng mười, Sư nói với chúng "Tâm ba cõi dứt chính là Niết-bàn". Nói xong Sư kiết già quy tịch, thọ tám mươi tuổi, môn nhân dựng tháp ở đồi Tây chùa Linh Ẩn Thứu Phong. Ai Đế năm Thiên Hựu năm thứ hai, bọn giặc phản mở tháp Sư thấy nhục thân không hoại, tóc móng dài thêm. Tiền Vương Mậu hay tin liền sai tỳ tướng Thiệu Chí trùng tu lại tháp. Tống Hiến Tông năm Gia Định năm thứ mười ba, môn nhân dời nhục thân Sư về an táng bên trái tháp Thiền sư Trí Giác Diên Thọ trên núi Tịnh Từ. Sư nối pháp Ngưỡng Sơn Tuệ Tịch. Tịch nối pháp Quy Sơn Linh Hựu.

- Canh Thân: Quang Hóa năm thứ mười ba, đầu năm, Thôi Dận và hoàng thượng ngầm bàn mưu giết hoạn quan. Bọn khu mật sứ Tống Đạo Bật, Cảnh Vụ Tu đều phải tự sát, hoạn quan càng khiếp sợ. Bọn trung úy Lưu Quý Thuật, Vương Trọng Tiên, khu mật sứ Vương Ngạn Phạm, Tiết Tề Ốc ngầm bàn mưu phế lập. Đế đi săn trong vườn đến tối quay về. Quý Thuật dìu Đế và Hoàng hậu cùng lên xe, phi tần theo hầu chỉ hơn mười người. Vừa đến viện Thiếu Dương, Thuật khóa chặt cửa, sửa chiếu cho Thái tử Dụ nắm việc quân nước rồi lên ngôi Hoàng Đế, cho Đế làm thái Thượng hoàng. Quý Thuật sai con nuôi là Hy Độ đến Chu Toàn Trung hứa sẽ giao xã tắc nhà Đường cho ông. Thiên Bình Tiết độ sứ Lý Chấn khuyên Toàn Trung nên giết Quý Thuật. Toàn Trung bắt giam Hy Độ, sai Chấn về Kinh Sư. Thôi Dận ngầm sai người báo cho Thần Sách chỉ húy sứ Tôn Đức Chiêu giết bọn Quý Thuật. Lúc này là

tháng mười hai.

- Tân Dậu: Thiên Phục năm đầu, mồng một tháng giêng, Vương Trọng Ni vào triều, Tôn Đức Chiêu liền bắt đem chém. Thôi Dận đón Đế ngự ở cửa lầu Trường Lạc, dẫn bá quan đến chúc mừng. Châu Thừa Hối bắt Lưu Quý Thuật, Vương Ngạn Phạm cũng vừa đem tới, bọn họ mới trách mình bị Dận đưa vào chỗ chết. Tiết Tề Ốc nhảy xuống giếng tự sát cũng bị lôi lên chém, diệt dòng họ của bốn người này. Lúc này Chu Toàn Trung, Lý Mậu Trinh ai nấy đều có ý ép Thiên Tử, sai chư hầu. Toàn Trung muốn Đế đến Lạc Dương, Mậu Trinh muốn Đế đến Phụng Tường. Chu Toàn Trung đến Hà Trung dâng biểu xin xa giá đi Đông Đô. Tháng mười một, trung úy Hàn Toàn Hối ép Đế đến Phụng Tường bèn đốt hết cung thất.

- Nhâm Tuất: Thiên Phục năm thứ hai, tháng mười một, Chu Toàn Trung đem quân đánh Phụng Tường. Tiền Liêu được phong tước Việt Vương.

- Quý Hợi: Thiên Phục năm thứ ba, mùa Xuân tháng giêng, Lý Mậu Trinh xin Đế giết bọn Hàn Toàn Hối để giảng hòa với Chu Toàn Trung, sai sứ gói đầu bọn Toàn Hối đưa cho Toàn Trung xem. Giáp Tý, Đế xa giá đến Phụng Tường, ghé dinh của Toàn Trung. Năm Kỷ Tỵ, Đế vào Trường An.

- Giáp Tý: Thiên Hựu năm đầu, mùa Xuân tháng giêng, Chu Toàn Trung xin Đế dời đô về Lạc Dương. Nhâm Dần, Đế đến Trường An, Giáp Tý đến Hoa Châu. Chu Toàn Trung nhiều lần dâng tấu chương thúc Đế, nên Đế đến Lạc Dương (Cải nguyên Thiên Hựu, Chu Toàn Trung sai Lý trấn đến Lạc Dương) cùng bọn Tưởng Huyền Huy vào tháng tám giết Đế, lập Huy Vương làm hoàng Thái tử, cho lên ngôi trước linh cửu, lúc này Huy Vương mới mười ba tuổi, đó là Ai Đế. Tiền Liêu được gia phong tước Ngô Vương.

* **Ai Đế:** Tên là Chúc, con năm thứ chín của Chiêu Tông, ở ngôi bốn năm, nhường ngôi cho Lương. Lương phong Đế làm Tế Âm Vương dời về Tào châu. Năm Mậu Thìn chuốc độc giết Tế Âm Vương ở Tào Châu, truy thụy là Đường Ai Hoàng Đế, hiệu Cảnh Tông. Có một thuyết khác cho rằng, Chu Toàn Trung giết Chiêu Tông lập Ai Đế. Được bốn năm, Trung sai Lưu Bá chuốc thuốc độc Ai Đế, táng ở Ôn Lăng, lập Thiếu Đế Bộc Vương Tuân, còn có tên là Kế, vốn con của Chiêu Tông lấy niên hiệu Thiên Thọ. Chu Toàn Trung lại chuốc độc giết Thiếu Đế, bàn nhau nhường ngôi cho nhà Lương vào năm Thiên Hựu năm thứ tư. Bản Kỷ không chép việc trong một năm của Bộc Vương. Niên hiệu

Thiên Hựu bốn năm.

- Ất Sửu: Thiên Hựu năm thứ hai, Hoài Nam Dương Hành Mật chết, con là Ác lên kế vị.

- Bính Dần: Thiên Hựu năm thứ ba, Nam Bình Chung Phó chết, con là Khuông Thời kế vị, về sau bị Tần cướp ngôi, kinh Nam tiết độ Cao Quý Xương chiếm Kinh Nam. Mân Vương gặp hai Thiền sư Tuyết Phong và Huyền Sa mới hỏi:

- Lấy gì làm đạo? Tu hạnh gì để thấy tánh thành Phật?

Tuyết Phong đáp:

Trước phải sám hối tẩy trừ nghiệp chướng nhờ đó mà thấy tâm rõ tánh. Tất cả biển nghiệp chướng đều do vọng tưởng sinh. Nếu muốn sám hối, phải ngồi ngay thẳng niệm Thật tướng. Mong Đại Vương biết cách nhận thật tướng, tự nhiên thành Phật."

- Đinh Mão: Thiên Hựu năm thứ tư, tháng ba, Đế nhường ngôi cho Lương Vương. Lương nhận ngôi, đổi niên hiệu Khai Bình năm đầu.

Nhà Đường gồm hai mươi mốt chủ, trị vì tổng cộng hai trăm tám mươi tám năm, nhường ngôi cho nhà Lương.

* Ngũ Đại:

* Lương: Nhận ngôi nhà Đường, đóng đô ở Biện Châu, năm Khai Bình năm thứ hai, dời đô về Lạc Dương. Các Vương đóng đô ở Đại Lương, gồm Thái Tông, Mạt Đế, hai chủ trị vì mười sáu năm rồi nhường ngôi cho Hậu Đường.

* **Thái tổ:** Họ Chu, vốn tên là Ôn, người Tống Châu. Thời Đường Hy Tông, ông từng theo Hoàng Sào làm loạn, Sào đặt ông chức Đồng Châu Phòng Ngự Sứ. Ôn phản Sào về Đường, Thiên Tử ban cho tên Toàn Trung, bái phong chức Tuyên Vũ Quân Tiết độ sứ. Chiêu Tông năm Quang Hóa năm thứ ba, ông được tấn phong Lương Vương. Ai Đế, năm Thiên Hựu năm thứ tư, tháng ba, ông nhận ngôi nhà Đường, đổi tên là Quang, đội mũ miện lên ngôi Hoàng Đế, đổi quốc hiệu là Lương, ở ngôi sáu năm, thọ sáu mươi mốt tuổi, đổi Biện Châu thành phủ Khai Phong, gọi đây là Đông Đô, còn Đông Đô trước đây đổi thành Tây đô. Lúc này chỉ còn Hà Đông, Phụng Tường, Hoài Nam xưng niên hiệu Thiên Hựu. Tây Thục xưng Thiên Phục, sau cũng tự lập, đổi niên hiệu Vũ Thành. Những nơi còn lại đều nhận Chánh Sóc nhà Lương, xưng thần triều cống. Niên hiệu Khai Bình bốn năm, Càn Hóa hai năm.

- Đinh Mão: Khai Bình năm đầu, tháng tư đổi niên hiệu, phong Hà Nam Doãn Kiêm Hà Nam Tiết độ sứ Trương Toàn Mỹ làm Ngụy Vương; Trấn Hải Trấn Đông Tiết độ sứ Ngô Vương Tiền Liêu làm Ngô

Việt Vương, gia phong Thanh Hải Tiết độ sứ Lưu Ẩn, Uy Vũ Tiết độ sứ Vương Thẩm Tri kiêm chức Thị trung, vẫn để Lưu Ẩn làm đại bình vương, cho Quyền Tri Kinh Nam Lưu Hậu Cao Quý Xương làm Tiếtđộ sứ.

Triệu Vương: Vương Dung	*Yên Vương: Lưu Nhân Cung*	*Tấn Vương: Lý Khắc Dụng*	*Kỳ Vương: Lý Mậu Trinh*	*Ngô Việt Vương: Tiền Liêu*	*Sở: Mã Ân*
KinhNam: Cao Quý Xương	*Hoài Nam Ngô Dương Ác*	*Mân Vương: Vương Thẩm Tri*	*Thục lên ngôi Hoàng Đế, Vương Kiến*	*NamBình: Lưu Ẩn*	

* Vương Dung cai quản Chân Định Trấn châu xưng Triệu Vương. Lưu Nhân Cung làm U châu Lô Năng Tiết độ sứ xưng Yên Vương. Tấn Vương Lý Khắc Dụng xưng niên hiệu Thiên Hựu. Khắc Dụng vốn người Sa Đà (xem ở Đường Ý Tông, Hàm Thông năm thứ 9).

* ***Kỳ Vương ở Phụng Tường:*** Họ Tống, tên Văn Thông, được đổi thành Lý Mậu Trinh, người Bác Dã, Thâm Châu, vốn là binh lính ở Bác Dã. Khi Hoàng Sào xua quân vào Kinh Sư, Mậu Trinh có công được bổ làm Hỗ Tất đô đầu. Hy Tông ban cho họ Lý, tên Mậu Trinh, bái phong làm Phụng Tường lũng hữu Tiết độ sứ. Thời Chiêu Tông, ông được phong Kỳ Vương vào năm Thiên Hựu năm thứ tư.

* ***Ngô Việt Vương Tiền Liêu:*** Tự là Cụ Mỹ, người Lâm An, Hàng châu. Thời Đường Hy Tông, ông làm tỳ tướng cho Đổng Xương, đánh lui được quân Hoàng Sào, Xương cho ông làm đô chỉ huy. Đổng Xương về sau cũng phản. Chiêu Tông cho ông làm Chiết Đông Chiêu thảo sứ bình được đám loạn của Xương, được tấn phong thiên hạ binh mã đô nguyên soái, sau phong Vương. Đến lúc này, Lương Khai Bình năm đầu, ông được phong Ngô Việt Vương. Hậu Đường Trang Tông ban cho ngọc sách, kim ấn. Liêu ở Hàng châu hai mươi mốt năm, thọ tám mươi mốt tuổi.

* ***Sở Vương:*** Mã Ân, tự Bá Đồ, người Yên Lăng, Hứa Châu. Đường Chiêu Tông trong năm Càn Ninh, ông được bái phong Vũ an quân Tiết độ sứ trấn giữ Đàm châu, cai quản hết vùng Hồ Nam. Lương

Thái Tổ, Khai Bình năm thứ hai, ông ở Hồ Nam cho dân tự hái trà bán cho khách phương Bắc, thâu thuế để củng cố quân đội. Tháng 7, Ân tâu: "Biện Kinh, Tương, Đường, Dĩnh, Phục Châu, nên đặt chức hồi đồ lo việc vận chuyển trà đến Hà Nam, Hà Bắc bán đổi tơ lụa, mua thêm chiến mã". Đế ưng chuẩn. Từ đó Hồ Nam giàu có. Lương phong ông làm Sở Vương.

+ Kinh nam Tiết độ sứ Cao Quý Xương: tự Lộ Tôn người Thiểm Châu. Đầu đời Lương, ông trấn giữ hơn mười châu, làm Kinh Nam Tiết độ sứ, sau các nơi xâm chiếm, Quý Xương chỉ còn một thành ở Giang Lăng mà thôi. Đến thời Hậu Đường Trang Tông ông được phong Nam BìnhVương.

+ Hoài Nam: Dương Ác xưng Thiên Hựu năm thứ tư. Cha Ác là Hành Mật, tự Hóa Nguyên, người Hợp Phì, Lô Châu, gia cảnh rất nghèo, nhờ có sức mạnh nhất cả ngàn cân, ngày đi ba trăm dặm, người giỏi nhất châu này, có công phá Hoàng Sào nên tháng tám Đại Đường Chiêu Tông, Cảnh Phước năm đầu ông được làm Hoài Nam Tiết độ sứ, Hoài Nam Vương rồi tấn phong Sở Vương. Đường Ai Đế, Thiên Hựu năm thứ hai, Hành Mật chết, thọ năm mươi bốn tuổi. Ông chiếm Lô Châu suốt mười hai năm, con là Ác lên kế vị. Lương Thái Tổ phong ông làm Ngô Vương.

* ***Mân Vương:*** Vương Thẩm Tri, tự Tín Thông, người Cố Thủy, Quang Châu. Thời Đường Hy Tông, Hoàng Sào làm loạn, nhân đó ông có vùng đất năm châu ở Mân Lĩnh. Lương, Khai Bình năm đầu, Đế phong ông làm Uy vũ Tiết độ sứ kiêm chức thị trung. Từ Đường Chiêu Tông, Thẩm Tri đã được thụ phong Mân Vương rồi. Đến đời con ông là Diên Quân, vào Hậu Đường Minh Tông năm Trường Hưng năm thứ tư, Quân đổi tên là Lân và lên ngôi Hoàng Đế, lấy niên hiệu Long Khải, lấy Quốc hiệu Đại Mân.

* ***Thục Vương:*** Vương Kiến, tự Quang Đồ, người Vũ Dương, Hứa châu. Đầu đời Đường Hy Tông, Trần Khâm Tuyên tiết chế, Tây Xuyên trung úy Nhật cho Tư làm giám quân, muốn cho Kiến làm chỉ huy, Khâm Tuyên nghi ngờ cấm cản. Kiến nổi giận đem quân đánh thành đô giết bọn Khâm Tuyên. Chiêu Tông cho ông giữ chức Tây Xuyên Tiết độ sứ. Lương nhận ngôi nhà Đường, Khai Bình năm đầu, tháng chín, Vương Kiến lên ngôi Hoàng Đế, lấy quốc hiệu Đại Thục, năm sau đổi niên hiệu Vũ Thành.

* ***Nam Bình:*** Lưu Ẩn người Thượng Sái, nay là Nhữ Ninh, Cổ Sái Châu. Ông nội Ẩn là An Nhân dời về sống ở Mân Trung, buôn bán

ở Nam Hải và lập nghiệp ở đây. Cha Ẩn là Khiêm làm nha tướng ở Quảng châu, có công phá giặc Hoàng Sào nên được làm Phong Châu Thứ sử. Khiêm chết, người trong châu tiến cử Ẩn lên thay. Ông nhiều lần lập công hiển hách. Đường Chiêu Tông phong ông làm Nam Hải Vương, Ai Đế, Thiên Hựu năm thứ hai, ông được tấn phong An nam đô hộ Thanh Hải Tiết độ sứ, năm sau được phong Nam Bình Vương. Nhà Lương gia phong ông làm thị trung văn, phong tước Nam Hải Vương, sau cho Ẩn làm Đại Bành Vương. Càn Hóa năm đầu, ông mất, thọ ba mươi tám tuổi. Em là Nghiễm lên kế vị, chiếm hết phía Bắc Lĩnh Biểu. Nghiễm đổi tên là Nghiễm (bộ Long). Lương, Mạt Đế, Trinh Minh năm thứ ba, ông lên ngôi Hoàng Đế, lấy quốc hiệu là Hán, niên hiệu là Càn Hanh. Ông ở ngôi hai mươi lăm năm, thọ năm mươi bốn tuổi.

- Mậu Thìn: Khai Bình năm thứ ba, tháng giêng, Tấn Vương Lý Khắc Dụng mất, con là Tồn Úc lên ngôi vào tháng mười một. Lương dời đô về Lạc Dương chuốc độc giết Tế Âm Vương ở Tào châu, truy thụy là Đường Ai Hoàng Đế.

Triệu Vương: Vương Dung	*Yên: Lưu Nhân Cung*	*Tấn: Tồn Úc, Thiên Hựu năm thứ 5*	*Kỳ Vương: Lý Mậu Trinh*	*Ngô Việt: Tiền Liêu*	*Sở: Mã Ân*
KinhNam: Cao Quý Xương	*Hoài Nam Ngô: Dương Ác*	*Mân: Vương Thẩm Tri*	*Thục Vương Kiến, Vũ Thành năm đầu*	*Nam Bình Lưu Ẩn*	

* ***Thiền sư Tuyết Phong ở Phước châu:*** Sư họ Tăng, húy Nghĩa Tồn, người Nam An, Tuyền Châu. Năm mười hai tuổi, Sư theo Luật Sư Khánh Huyền chùa Ngọc Nhàn, Bồ Điền xuất gia, mười bảy tuổi thế phát, thọ giới tại chùa Bảo sát ở U châu. Sư tham vấn khắp pháp hội Thiền, ba lần lên Đầu Tử, chín lần đến Động Sơn. Sau, cơ duyên khế ngộ với Đức Sơn. Đường Ý Tông trong năm Hàm Thông, Sư về đất Mân lập viện Tuyết Phong, học chúng đổ về. Hy Tông ban Sư hiệu Chân Giác Thiền sư và y tía. Pháp tịch của Sư thường đến một ngàn năm trăm người. Đến lúc này, Khai Bình năm thứ hai, tháng ba, Sư có chút bệnh, Mân Soái cho thầy thuốc đến chữa, Sư nói: "Ta chẳng có bệnh". Viết

kệ phó pháp xong, mồng hai tháng năm, Sư đi thăm ruộng đến chiều tối mới về, tắm rửa và nửa đêm quy tịch, thọ tám mươi bảy tuổi. Sư nối pháp Đức Sơn Tuyên Giám, Giám nối pháp Long Đàm Sùng Tín.

* ***Thiền sư Huyền Sa Tông Nhất ở Phước châu:*** Sư họ Tạ, húy Sư Bị, người Mân Châu. Thuở nhỏ, Sư hay chèo thuyền nhỏ trên sông Nam Đài đùa với những người đánh cá. Năm ba mươi tuổi, Sư bỗng phát tâm xuất gia, theo Thiền sư Phù Dung Huấn thế phát, đến thọ giới ở chùa Khai Nguyên, Dự Chương, mặc áo vải mang giày cỏ, hít khí trời, cả ngày tĩnh tọa. Tuyết Phong thấy Sư khổ hạnh như vậy, gọi Sư là Đầu-đà. Một hôm Tuyết Phong gọi Sư đến và nói: "Sao ông không đi tham vấn các nơi!" Sư đáp: "Đạt-ma chẳng đến Đông độ, Nhị tổ chẳng qua Tây Thiên". Phong hứa khả. Sau khi an trụ, Sư xiển dương Tông phong, xa gần kính ngưỡng. Mân chủ đãi Sư rất hậu, học chúng hơn tám trăm người. Đời Lương Thái Tổ, Khai Bình năm thứ hai, tháng mười một, Sư quy tịch, thọ bảy mươi lăm tuổi. Mân chủ dựng tháp cho Sư. Sư nối pháp Thiền sư Tuyết Phong Nghĩa Tồn.

- Kỷ Tỵ: Khai Bình năm thứ ba, tháng mười, Thục châu Thứ sử Vương Tông Biện cáo bệnh không vào triều, Thục chủ nghi ông kiêu căng công lao, oán hận, Thục chủ gia phong thêm ông chức Kiểm Hiệu Thái Bảo nhưng ông không nhận. Ông nói với người khác "Người liêm khiết biết đủ không phải lo, người nghèo thì lo mà chẳng đủ. Ta là kẻ tiểu nhân, được chức vị thế này là đủ lắm rồi, há cứ cầu tiến mãi ư!" Thục Chủ khen chí của ông.

Triệu	*Yên*	*Tấn Vương: Thiên Hựu năm thứ 6*	*Kỳ Vương: Thiên Hựu năm thứ 6*	*Ngô Việt*	*Sở*
Kinh Nam	*Ngô Hoài Nam*	*Mân*	*Thục Vương Kiến, Uy Thành năm thứ 2*	*Nam Bình*	

Canh Ngọ: Khai Bình năm thứ tư.

* Tục Bảo Lâm Truyện: Nam Nhạc Duy Kính Đầu-đà gom tập cơ duyên của Tông Sư từ Đường Chiêu Tông năm Quang Hóa đến nay

thành Tục Bảo Lâm Truyện bốn quyển.

Triệu	*Yên*	*Tấn Vương: Thiên Hựu năm thứ 7*	*Kỳ Vương: Thiên Hựu năm thứ 7*	*Ngô Việt*	*Sở*
Kinh Nam	*Hoài Nam Ngô: Thiên Hựu năm thứ 7*	*Mân*	*Thục: Uy Thành năm thứ 2*	*Nam Bình*	

- Tân Mùi: Càn Hóa năm đầu.

Triệu: Vương Dung	*Yên lên ngôi Đế, Ứng Thiên năm đầu*	*Tấn Vương: Thiên Hựu năm thứ 8*	*Kỳ Vương: Thiên Hựu năm thứ 8*	*Ngô Việt Vương*	*Sở*
Kinh Nam	*Hoài Nam Ngô*	*Mân*	*Thục Vương Kiến, Uy Thành năm thứ 2*	*Nam Bình: Lưu Nghiễm*	

Tháng ba, Tĩnh Hải Tiết độ sứ Nam Bình Tương Vương Lưu Ẩn mất, em ông là Nghiễm tập phong, sau đổi tên Cung lại đổi tên Nghiễm (bộ Long). Tháng tám con của Yên Vương Lưu Nhân Cung là Lưu Thủy Quang lên ngôi Hoàng Đế, lấy quốc hiệu Đại Yên, lấy niên hiệu Ứng Thiên.

- Nhâm Thân: Ứng Thiên năm thứ hai, tháng hai, Thiền sư Như Nột ở núi Đạo Tràng, Hồ châu dựng am ở núi này, cỡi cọp du hành. Sư người Hồ châu, nối pháp của Thúy Vi Vô Học. Học nối pháp Đan Hà Thiên Nhiên, Nhiên nối pháp Thạch Đầu Hy Thiên.

Triệu	*Yên: Ứng Thiên năm thứ 2*	*Tấn Vương: Thiên Hựu năm thứ 9*	*Kỳ Vương: Thiên Hựu năm thứ 9*	*Ngô Việt Vương*	*Sở*
Kinh Nam	*Hoài Nam Ngô*	*Mân*	*Thục: Vĩnh Bình năm thứ 2*	*Nam Bình*	

Tháng hai, Đế bệnh càng nặng, giết người bừa bãi, lại bàn xuất chinh, các quan tùy tùng đều khiếp sợ. Con trưởng của Đế là Lâm Vương Hữu Dụ mất sớm, con nuôi là Bắc Vương Hữu Văn là người Đế rất yêu mến. Trình Vương Hữu Khuê lòng không phục, Đế cho Hữu Khuê ra làm Lai châu Thứ sử. Hữu Khuê lén vào quân của Tả Long Hổ, gặp thống quân Hàn Kình kể hết sự tình. Kình đem năm trăm tinh binh đi theo Hữu Khuê, dẫn càn bọn hạc sĩ vào núp trong cấm cung. Nửa đêm hôm đó, họ phá cửa xông đến tẩm điện. Bộc phu của Hữu Khuê là Phùng Đình Ngạc giết Đế, giấu không phát tang, sửa chiếu rằng: "Trẫm bệnh nặng nên để hữu khuê nắm quyền chánh". Khuê phát tang, lên ngôi Hoàng Đế. Càn Hóa năm thứ ba, tháng giêng, đổi niên hiệu Phụng Lịch. Lúc này Quân Vương Hữu Trinh đang ở Đại Lương đem quân đánh Hữu Khuê. Hữu Khuê lượng sức không thắng nổi, mới lệnh cho Phùng Đình Ngạc trước giết vợ mình là Trương thị, sau đó giết mình, Ngạc cũng tự đâm cổ chết. Quân vương lên ngôi Hoàng Đế, ở Đại Lương, xưng niên hiệu Càn Hóa năm thứ ba.

* **Quân Vương:** Con năm thứ ba của Thái Tổ, ban đầu tên là Hữu Trinh được phong Quân Vương, trấn giữ Đại Lương (tức Biện Châu). Tháng giêng năm Càn Hóa năm thứ ba, ông giết kẻ đại nghịch Hữu Khuê rồi lên ngôi Hoàng Đế, ở Đại Lương rồi đóng đô ở đây, truy phế Hữu Khuê xuống làm thứ dân. Tháng ba, Đế đổi tên là Hoàng, thời gian sau lại đổi tên Chấn, ở ngôi mười một năm, thọ ba mươi sáu tuổi, thụy là Mạt Đế. Niên hiệu Càn Hóa thêm hai năm, Trinh Minh sáu năm, Long Đức ba năm.

- Quý Dậu: Càn Hóa năm thứ ba.

* ***Đạo tràng Kim Quang Minh:*** Thiền sư Ấu Chương ở Thụy Ứng, Hàng châu xin Ngô Việt Vương mỗi năm lập đạo tràng Kim Quang Minh ở núi Thiên Thai. Các quận vào ngày rằm, mồng một, đều nhóm họp lại, hết tháng thì bãi hội. Đại hội Quang Minh khởi nguyên từ ngài.

- Giáp Tuất: Cán Hòa năm thứ tư, tháng giêng, Tấn Chủ đã diệt

nước Yên, lấy dải lụa trói Lưu Nhân Cung và Lưu Thủ Quang, ca khúc khải hoàn vào Tấn Dương, dâng họ ở Thái miếu rồi chém đầu Thủ Quang, gông cùm Nhân Cung đưa về Đại châu tế trước mộ Tiên vương rồi chém Cung.

Triệu	*Yên: Ứng Thiên năm thứ 3*	*Tấn Vương: Thiên Hựu năm thứ 10*	*Kỳ Vương: Thiên Hựu năm thứ 10*	*Ngô Việt Vương*	*Sở*
Kinh Nam	*Hoài Nam Ngô: Thiên Hựu năm thứ 10*	*Mân Vương*	*Thục: Vĩnh Bình năm thứ 3*	*Nam Bình*	
Triệu	*Yên bị Tấn tiêu diệt*	*Tấn: Thiên Hựu năm thứ 11*	*Kỳ Vương: Thiên Hựu năm thứ 11*	*Ngô Việt Vương*	*Sở*
Kinh Nam	*Hoài Nam Ngô: Thiên Hựu năm thứ 11*	*Mân Vương*	*Thục: Vĩnh Bình năm thứ 4*	*Nam Bình*	

* ***Thiền sư Đầu Tử Sơn ở Thư châu:*** Sư họ Lưu, húy Đại Đồng, người Hoài Ninh, châu này. Từ nhỏ Sư theo Thiền sư Mãn chùa Bảo Đường ở Lạc Hạ xuất gia. Ban đầu Sư tập An Ban Quán (Sổ tức quán). Kế đó, nhân xem Hoa Nghiêm phát minh tâm địa, yết kiến Thiền sư Thúy Vi Vô Học, đốn ngộ tông chỉ. Từ đó Sư vãn du khắp nơi, sau về lại làng cũ ở ẩn trên núi Đầu Tử, kết am tranh ở. Đến lúc này, Càn Hóa năm thứ tư, mồng sáu tháng tư, Sư quy tịch. Đế ban Sư thụy Từ Tế Đại Sư. Sư nối pháp Thiền sư Thúy Vi Vô Học.

- Ất Hợi: Trinh Minh năm đầu.

Triệu		*Tấn Vương: Thiên Hựu năm thứ 12*	*Kỳ Vương: Thiên Hựu năm thứ 12*	*Ngô Việt Vương*	*Sở*
Kinh Nam	*Hoài Nam Ngô: Thiên Hựu năm thứ 12*	*Mân*	*Thục: Vĩnh Bình năm thứ 5*	*Nam Bình*	
Triệu		*Tấn: Thiên Hựu năm thứ 13*	*Kỳ Vương: Thiên Hựu năm thứ 13*	*Ngô Việt Vương*	*Sở*
Kinh Nam	*Hoài Nam Ngô: Thiên Hựu năm thứ 13*	*Mân Vương*	*Thục: Thông Chánh năm đầu*	*Nam Bình*	

- Bính Tý: Trinh Minh năm thứ hai, Khiết Đan Thái Tổ A Bảo Cơ, Thần Sách năm đầu.

* ***Khiết Đan:*** Là hậu duệ của một giống bộ lạc còn sống sót ở núi Tiên ty, Cao Tông đánh Quỷ Phương chính là đánh bộ tộc này. Từ Lương Mạt Đế, Trinh Minh năm thứ hai, Thái tổ A Bảo Cơ xưng đế, lập quốc, lấy niên hiệu, nối truyền chín chủ, trị vì tổng cộng hai trăm mươi lăm năm, thật ra chỉ trị vì hai trăm lẻ chín năm. Thái tổ Hoàng đế húy Ức Phiên, tên A Bảo Cơ, là con út của Quản Lý. Cha Quản Lý làm chức Di Ly Cân, giống như Thứ sử của Trung Quốc. Trước đây bộ lạc Khiết Đan chia thành tám bộ lạc, mỗi bộ lạc có đại nhân nối nhau, suy tôn một người làm Vương trong thời hạn nào đó, họ dựng cờ lập trống để hiệu lệnh các bộ tộc. Cứ mỗi ba năm thì theo năm thứ tự thay Vương. Đến A Bảo Cơ làm Vương, bộ tộc lớn mạnh, ông cậy thế mạnh cương quyết không chịu thay ngôi. Năm họ Hề và bảy họ Thất Vi đều khâm phục theo ông. Ông đánh Hoàng Đầu Thất Vi lại bị bảy bộ cướp mất ở Cảnh Thượng, xin giao ước như trước. A Bảo Cơ nói: “Ta làm vương chín

năm, được người Hán nhiều lần xin quân, gây bộ lạc ở Cổ Hán thành, ta cùng người Hán giữ nơi đó lập riêng một bộ". Bảy bộ đồng ý. Cổ Hán thành chính là huyện Hoạt Diêm của Thát Bạt Ngụy. Đất ấy thích hợp ngũ cốc, có lợi về ao muối. Về sau, A Bảo Cơ đánh diệt bảy bộ thống nhất thành một nước. Ông lại đánh Thất Vi Nữ Chân phía Bắc, chiếm đất cũ của Đột Quyết phía tây, đánh diệt họ Hề, lại lập Hề Vương, sai Khiết Đan làm giám sát quân binh. Các tộc Di ở phía Đông, bắc đều khiếp sợ, thần phục ông. Hồi ấy, cuối năm Hàm Thông đời Đường Ý Tông có Tập Nhĩ làm Vương, đất đai thành quách bắt đầu rộng lớn. Sau đó, Khâm Đức làm Vương. Nhân lúc Trung Nguyên có nhiều biến cố, ai nấy lúc bấy giờ cũng xâm lấn biên cương, Yên Đế Lưu Thủ Quang trong những năm cuối càng khốn đốn mới sai tham quân Hàn Diên Huy cầu viện với Khiết Đan. Khiết Đan nổi giận vì Huy không bái lạy, mới giữ Huy lại một thời gian. Huy làm đúng lễ, Khiết Đan mới tin dùng. Diên Huy bắt đầu dạy Khiết Đan lập tinh binh, mở phủ, xây thành quách, lập thôn làng để tiếp người Hán, khiến người người gieo giống, khai phá ruộng hoang. Từ đó, Khiết Đan giàu có, đất đai rộng lớn. Đến lúc này, Trinh Minh năm thứ hai, A Bảo Cơ mới tự xưng Hoàng Đế, lấy quốc hiệu Đại Khiết Đan, lấy niên hiệu Thần Sách. Người trong nước gọi ông là Thiên Hoàng Vương, họ Da Luật, lấy vợ họ Thuật Luật làm Hoàng hậu, đặt ra bá quan, ông trị quốc mười một năm, mất ở Phu Dư Thành, thụy là Thái Tổ.

* ***Bố Đại Hòa Thượng:*** Ngài húy là Khế Thử, thị hiện dấu tích ở huyện Phụng Hóa, Minh châu, thường lấy gậy quảy một túi vải, kéo theo chiếc chiếu rách. Phàm vật dụng tùy thân, ngài đều cất hết trong túi vải. Ngài vào chợ, thấy gì cũng xin, có khi là rượu thịt, cá mắm, trước khi ăn thường bớt phần nhỏ bỏ trong túi vải. Người đương thời gọi ngài là Trường Đinh Tử. Đến lúc này, Trinh Minh năm thứ hai, mồng ba tháng ba, ngài ngồi dưới hiên chùa Nhạc lâm nói bài kệ:

Di-lặc thật Di-lặc
Phân trăm ngàn ức thân
Thường thường dạy người đời
Người đời chẳng hay biết.

Nói kệ xong, ngài an nhiên quy tịch. Về sau, ở châu khác, người ta cũng gặp ngài quảy túi vải đi. Từ đó người người vẽ hình ngài thờ cúng.

- Đinh Sửu: Trinh Minh năm thứ ba: Khiết Đan năm Thần Sách năm thứ hai, Nam Bình Lưu Nghiễm lên ngôi Hoàng Đế ở Phiên Ngung,

lấy quốc hiệu Đại Việt, đổi niên hiệu Càn Hanh. Mùa đông tháng mười một năm sau, ông tế Giao tế thiên, đổi quốc hiệu là Hán.

Triệu		*Tấn Vương: Thiên Hựu năm thứ 14*	*Kỳ Vương: Thiên Hựu năm thứ 14*	*Ngô Việt Vương*	*Sở*
Kinh Nam	*Hoài Nam Ngô: Thiên Hựu năm thứ 14*	*Mân*	*Thục đế: Thiên Hán năm đầu*	*Hán lên ngôi Đế, Càn Hanh năm đầu*	

Mậu Dần: Trinh Minh năm thứ tư, Khiết Đan A Bảo Cơ, Thần Sách năm thứ ba.

Triệu		*Tấn Vương: Thiên Hựu năm thứ 15*	*Kỳ Vương: Thiên Hựu năm thứ 15*	*Ngô Việt Vương*	*Sở*
Kinh Nam	*Hoài Nam Ngô: Thiên Hựu năm thứ 15*	*Mân*	*Thục đế: Quang Thái năm đầu*	*Hán: Càn Hanh năm thứ 2*	

Thái tử Diễn của Thục Đế lên ngôi. Tháng ba Ngô Việt Vương Tiền Liêu bắt đầu lập phủ Nguyên soái đặt quan trực thuộc. Hoài Nam Ngô cho Từ Tri Cáo làm Hoài Nam tiết độ hành quân phó sứ. Tri Cáo thờ Ngô Chủ rất hiếu kính, Cáo cho Tống Tề Khâu làm mưu chủ.

* ***Thiền sư Long Hồ ở Thiệu Vũ:*** Sư húy Phổ Văn, là con năm thứ hai của Đường Hy Tông. Từ nhỏ, Sư đã không ăn mặn, lớn lên không có ý kinh bang tế thế. Hy Tông rất yêu mến Sư. Hy Tông, Trung Hòa năm đầu, Hoàng Sào nổi loạn, Đế đến đất Thục, thân vương tông thất đều bỏ trốn hoặc chết, Sư thế phát vân du, đến yết kiến Thiền sư Thạch

Sương Khánh Chư và hỏi:

- Thế nào là giáo ngoại biệt truyền?

Chư đáp:

Đợi khi nào ông đè núi còn một chấm, ta nói ông nghe.

Nhân đó Sư tỉnh ngộ, ở lại đây mấy năm rồi xin lên núi. Khánh Chư dặn: "Gặp Càn thì dừng, gặp Trần thì ở". Sư từ biệt Khánh Chư, ngang qua Thiệu Vũ đến Đại Càn. Từ xa nhìn thấy đỉnh núi âm u, xanh tốt, Sư hỏi các bậc phụ lão:

- Trên kia có ai ở không?

Phụ lão đáp:

Có một người là Trần Tự ở ẩn trong đó lâu rồi.

Sư đến, Tự liền chia chỗ cho Sư ở. Sư dựng am tranh ngay miệng hang, Trần liền phá đi, nền am vẫn còn. Bảo Thừa Thiền viện chính là nền am của Sư. Hy Tông, Văn Đức năm đầu, tháng ba, Sư ném tích trượng vào núi, dựng đạo tràng ngay nơi tích trượng cắm xuống. Tăng tục quy hướng liền thành chùa lớn. Một hôm có ông già đến trước mặt Sư nói:

"Tôi là rồng, nhà ngay núi này, do làm mưa không đúng chức phận nên sắp bị trời phạt, mong Sư hãy che chở".

Sư bảo:

Ông có thể thay hình rồi đến đây.

Lát sau có một con rắn nhỏ bò đến chỗ Sư ngồi, Sư lùa nó vào trong Tịnh bình.

Chẳng bao lâu, gió mưa hãi hùng, núi non chấn động. Sau khi gió tan mưa tạnh, con rắn bò ra khỏi bình. Ông già lúc nãy đến tạ ơn nói: "Chẳng nhờ pháp lực của thầy thì tôi đã tan thây ở đây rồi. Xem ra đạo tràng của thầy thiếu nước, tôi sẽ báo ân đức cho thầy!"

Ông già liền xoi đất thành hang, suối tuôn ào ào và thành cái hồ, nằm lưng chừng núi ngày nay vốn là Long Hồ này. Đến lúc này, Trinh Minh năm thứ tư, một hôm, Sư nhóm chúng Tăng lại và nói: "Ta sắp đi nơi khác". Sư giao phó công việc tự viện cho hai Thiền giả Thông và Giáo, rồi nói bài kệ:

Ta trốn nạn đời đến xuất gia
Tông sư chỉ cho nơi dừng nghỉ
Ở núi lãnh chúng ba mươi năm
Với người chẳng muốn giao phó bừa
Hôm nay rõ ràng nói cho ông
Lúc ta nhắm mắt cùng nghe nhận.

Sau đó Sư cỡi cọp đi trong sương, sớm đến chùa Khai Nguyên ở Tín châu, Tăng ở Long Hồ đuổi theo. Sư nói: "Trong núi đã có Thiền sư Thông, ta không trở về nữa". Bởi vậy, ở Long Hồ không có tháp tổ khai sơn, mà chỉ có nền am Khóa Hổ. Đó là dấu tích minh chứng từ xưa đến nay. Đế ban Sư thụy Viên Giác Thiền sư. Trong Ngũ Đăng Hội Nguyên ghi: Sư thị tịch ở Long Hồ là sai. Sư nối pháp Thạch Sương Khánh Chư, Chư nối pháp Đạo Ngô Tông Trí, Trí nối pháp Dược Sơn Duy Nghiễm. Khánh Chư họ Trần, người Kiết Châu.

- Kỹ Mão: Trinh Minh năm thứ năm. Khiết Đan, Thần Sách năm thứ tư.

Triệu		*Tấn Vương: Thiên Hựu năm thứ 16*	*Kỳ Vương: Thiên Hựu năm thứ 16*	*Ngô Việt Vương*	*Sở*
Kinh Nam	*Hoài Nam Ngô:Vũ Nghĩa năm đầu*	*Mân*	*Thục: Diễn. Càn Đức năm đầu*	*Hán: Càn Hanh năm thứ 3*	

Mùa hạ, tháng tư, Hoài Nam họ Dương lên ngôi Ngô quốc vương, đổi niên hiệu Vũ Nghĩa, lập tông miếu xã tắc, đặt bá quan, cung điện Văn vật đều dùng lễ nhạc Thiên tử.

- Canh Thìn: Trinh Minh năm thứ sáu. Khiết Đan, Thần Sách năm thứ năm.

Triệu		*Tấn Vương: Thiên Hựu năm thứ 17*	*Kỳ Vương: Thiên Hựu năm thứ 17*	*Ngô Việt Vương*	*Sở*
Kinh Nam	*Ngô:Phổ lên ngôi*	*Mân*	*Thục: Càn Đức năm thứ 2*	*Hán: Càn Hanh năm thứ 4*	

- Tân Tỵ: Long Đức năm đầu. Khiết Đan, Thiên Tán năm đầu.

Triệu		*Tấn Vương: Thiên Hựu năm thứ 18*	*Kỳ Vương:*	*Ngô Việt Vương*	*Sở*
Kinh Nam	*Ngô: Thuận Nghĩa năm đầu*	*Mân*	*Thục: Càn Đức năm thứ 3*	*Hán: Càn Hanh năm thứ 5*	

- Nhâm Ngọ: Long Đức năm thứ hai. Khiết Đan, Thiên Tán năm thứ hai.

Triệu		*Tấn Vương:*	*Kỳ Vương:*	*Ngô Việt Vương*	*Sở*
Kinh Nam	*Ngô: Thuận Nghĩa năm thứ 2*	*Mân*	*Thục: Càn Đức năm thứ 4*	*Hán: Càn Hanh năm thứ 6*	

* ***Thiền sư Cảnh Thanh Thuận Đức Phó ở Việt châu:*** Ngài đắc pháp với Tuyết Phong. Ngô Việt Tiền Vương tôn kính đạo đức của ngài, thỉnh ngài ở chùa Thiên Long. Ông lại lập chùa Long Cách thỉnh ngài trụ trì. Học chúng theo về rất đông, nhờ vậy Huyền học ở Ngô Việt rất thịnh. Tấn Cao Tổ, Thiên Phước năm thứ hai, tháng tám, ngài quy tịch, thọ bảy mươi bốn tuổi.

- Quý Mùi: Long Đức năm thứ ba. Đồng Quang năm đầu. Khiết Đan, Thiên Tán năm thứ ba.

Triệu		*Đương lên ngôi Đế, Đồng Quang năm đầu*	*Kỳ Vương:*	*Ngô Việt Vương*	*Sở*

Kinh Nam	*Ngô: Thuận Nghĩa năm thứ 3*	*Mân*	*Thục: Càn Đức năm thứ 5*	*Hán: Càn Hanh năm thứ 7*	

Mùa Xuân, tháng hai, Lương Đế sai sứ đem sách mệnh phong Ngô Việt Vương Tiền Liêu làm Ngô Việt quốc vương. Mùa hạ, tháng tư Kỷ Tỵ, Tấn Vương Lý Tồn Úc lên ngôi Hoàng Đế ở phía nam Nha Thành, Ngụy châu, lấy quốc hiệu Đại Đường, niên hiệu Đồng Quang. Đường có cả thảy mười ba tiết độ, năm mươi Châu, thống lãnh ba quân chiếm nước Lương. Lương Đế nói với Hoàng Phủ Lân: "Họ Lý là kẻ thù của đời ta, khó mà quy hàng, đầu ta không thể để đao nó chặt. Ta không thể chặt đầu mình được, khanh hãy chặt đầu ta đi!" Lân khóc lạy rồi chặt đầu Lương Đế, Lân cũng tự sát. Tháng mười, Đường Đế vào Đại Lương.

Nhà Lương gồm hai chủ, trị vì mười sáu năm, vận nước về nhà Đường.

* ***Nhà Đường:*** Họ Lý, Thổ Đức Vương, đóng đô đất Nghiệp, nay là Chương Đức lộ, xưa là Tương châu, sau dời đô về Lạc Dương. Gồm: Trang Tông, Minh Tông, Mẫn Đề, Lộ Vương.

* **Trang Tông:** Húy Tồn Úc, vốn người Sa Đà. Đường Ý Tông, Hàm Thông năm thứ chín, Đế ban ông nội ông họ Lý, tên Quốc Xương. Cha ông tên Khắc Dụng, phá Hoàng Sào khôi phục Kinh sư có công đứng đầu, được bái phong Hà Đông Tiết độ sứ, rồi phong Tấn Vương. Dụng chết, con là Tồn Úc kế Vương vị. Ông diệt nhà Lương, lập quốc lấy hiệu là Đường, truy tôn cha là Khắc Dụng làm Vũ Hoàng Đế. Ông ở ngôi ba năm, thọ ba mươi lăm tuổi. Niên hiệu Đồng Quang ba năm.

- Quý Mùi: Đồng Quang năm đầu, tháng mười, ông diệt nhà Lương, đổi niên hiệu, tháng mười một, dời đô về Lạc Dương.

Giáp Thân: Đồng Quang năm thứ hai. Khiết Đan, Thiên Tán năm thứ tư.

Triệu			*Tấn Vương: Mậu Trinh mất*	*Ngô Việt Vương*	*Sở*

Kinh Nam	*Ngô: Thuận Nghĩa năm thứ 4*	*Mân*	*Thục: Càn Đức năm thứ 6*	*Hán: Càn Hanh năm thứ 8*	

Tháng giêng, Kỳ Vương Lý Mậu Trinh sai con là Kế Nghiễm dâng biểu triều cống xưng thần. Đế dùng lễ đáp, cải phong ông làm Tần Vương. Tháng tư Tần Trung Kính Vương Mậu Trinh mất, con là Kế Nghiễm lên nắm hết việc quân việc phủ của Phụng Tường. Ngụy Phủ nay là Đại Danh lộ.

* ***Thiền Sư Hưng Hóa:*** Sư húy Tồn Tưởng, người phủ này. Đế triệu Sư vào cung, giữ lễ đệ tử tiếp đãi Sư. Một hôm Đế nói:

- Trẫm thu phục Trung Nguyên được một viên Minh châu chưa có người trả giá!

Sư nói:

Xin bệ hạ cho xem châu!

Đế lấy tay vuốt từ đầu đến chân. Sư nói:

- Minh châu của quân vương ai dám trả giá.

Đế hài lòng ban cho Sư y tía và hiệu, Sư đều không nhận. Đế ban Sư con ngựa. Sư cỡi bị té gãy chân. Đế lại cho thuốc thang. Sư gọi: "Viện chủ! Hãy đẽo cho ta cây nạng gỗ!" Sư chống nạng đi nhiễu quanh viện, hỏi Tăng:

- Các ông biết lão tăng chăng?

Chúng đáp:

Ai mà không biết Hòa thượng!

Sư nói:

Pháp sư què, nói được đi chẳng được.

Sư đến pháp đường, sai Duy Na đánh chuông nhóm chúng, hỏi:

- Các ông biết lão tăng chăng?

Chúng không đáp. Sư quăng nạng gỗ, ngồi thẳng thị tịch. Đế ban Sư thụy Quảng Tế Thiền sư. Sư nối pháp Lâm Tế Nghĩa Huyền.

* ***Thiền sư Nam Viện Bảo Ứng Nhữ Châu:*** Sư húy Tuệ Ngung, người Hà Bắc, nối pháp Hưng Hóa Tồn Tưởng.

- Ất Dậu: Đồng Quang năm thứ ba. Khiết Đan, Thiên Tán năm thứ năm. Hoài Nam Ngô Phổ dựng chùa Thanh Lương ở thành Thạch Đầu, lạy thỉnh Ngộ Tông trụ trì.

Triệu			*Tần*	*Ngô Việt Vương*	*Sở*
Kinh Nam	*Hoài Nam Ngô: Thuận Nghĩa năm thứ 5*	*Mân: Diên Hàn nối ngôi.*	*Thục Vương: Diễn hàng nhà Đường, trao chức cho Mạnh Tri Tường*	*Hán: Bạch Long năm đầu.*	

Tháng chín, Đế cho con là Ngụy Vương Kế Ngập, khu mật sứ Quách Sùng Thao đánh Thục. Thục chủ Vương Diễn chở quan tài, ngọc bích ra quy hàng. Mạnh Tri Tường, tự Bảo Thạnh người Long Cương, Hình châu, khu mật sứ Quách Sùng Thao đối với Tri Tường có ân cũ dẫn tiến. Lúc sắp đi ông nói với Đế: "Mạnh Tri Tường là người trung tín, mưu cao, chuyến đi lần này lấy được Tứ Xuyên tìm người trông coi thì không ai hơn người này!" Đế ưng chuẩn, Đại quân liền kéo về Tây, vào Tán Quan mở đường tiến đánh. Thục ra hàng. Sùng Thao mới cho Tri Tường làm Tây Xuyên Tiết độ sứ trấn giữ Thành Đô. Minh Tông, năm Trường Hưng năm thứ tư, ông được phong Thục Vương. Lộ Vương, Thanh Thái năm đầu, ông lên ngôi Hoàng Đế và mất, con là Sưởng lên kế ngôi, lấy Quốc hiệu Thục, niên hiệu Minh Đức. Đến Tống Thái Tổ, Càn Đức năm thứ ba, Thục quy hàng Tống. Thục tồn tại bốn mươi mốt năm thì diệt vong.

Hán có rồng trắng xuất hiện ở cung Hán. Hán chủ đổi niên hiệu Bạch Long, đổi tên là Cung.

* **Minh Tông:** Húy là Đảm, vốn tên Tự Nguyên, người Bắc Địch, Trang Tông nuôi nấng coi như con mình. Ông theo Trang Tông chinh phạt, nhiều lần lập công to. Tháng giêng năm Bính Tuất, Triệu Tại Lễ làm phản ở đất Nghiệp, Trang Tông sai Lý Tự Nguyên thảo phạt. Tháng ba, Tự Nguyên đến Nghiệp đô, tùng mã trực quân sĩ Trương Phá Bại làm phản, binh vây Trung quân Tự Nguyên nạt hỏi, Trương đáp: "Chúa thượng bỏ ân chuộng uy nói rằng, sau khi diệt thành sẽ chôn hết quân của Ngụy. Bọn tôi sợ chết, nay mọi người đều bàn chúa thượng làm đế ở Hà Nam, còn ông làm Đế ở Hà Bắc". Tự Nguyên khóc khuyên họ nhưng ba quân vẫn không theo. Con rễ Tự Nguyên là Thạch Kính

Đường nói: "Phàm việc thành là ở nơi quả quyết, bại là bởi do dự!" Tự Nguyên liền sai An Trọng Hối truyền hịch nhóm quân. Thế quân rất mạnh. Lý Thiệu Vinh thỉnh Trang Tông đến Quan Đông phủ dụ họ. Xa giá đến Vạn Thắng trấn, nghe tin Tự Nguyên đã chiếm Đại Lương, các đạo quân đều tan rã. Đế liền cho quân quay về vào Lạc Dương. Tháng tư tùng mã trực chỉ huy sứ Quách Tùng Khiêm không biết Lục Vương Tồn Nghĩa đã chết nên muốn theo ông làm phản, thống lãnh binh của bộ tộc đánh phá Hưng Giáo Môn, men thành mà vào. Cận thần cựu tướng đều cởi giáp bỏ trốn, chỉ còn bọn Lý Ngạn Khanh, Hà Phước Tiến, Vương Toàn Bân mười mấy người ra sức đánh. Trang Tông bị trúng tên, người ở Tiến phường là Thiện Hữu đỡ Trang Tông từ cửa lầu xuống đến hiên điện Giáng Tiêu rút mũi tên ra. Trang Tông kêu khát, uống nước xong thì chết. Bọn Lý Ngạn Khanh khóc gào rồi bỏ đi. Tả hữu cũng phân tán. Thiện Hữu đốt xác Đế. Kỷ Sửu, Tự Nguyên vào Lạc Dương ngụ ở phủ đệ của mình, nhặt xương Trang Tông trong đám tro tàn rồi an táng. Bá quan nhiều lần dâng tấu chương xin Tự Nguyên làm giám quốc. Nguyên đồng ý. Quan Hữu Ty bàn lễ lên ngôi. Lý Thiệu Chân, Khổng Tuần cho rằng vận Đường đã hết nên tự lập quốc hiệu. Giám quốc không theo. Lại bộ Thượng thư Lý Kỳ nói: "Nếu đổi Quốc hiệu thì Tiên đế thành người dưng, cổ quan Thiên Tử làm sao chôn được! Đời trước, cho khác dòng khác họ nối ngôi cũng nhiều, nên dùng lễ con nối nghiệp lên ngôi trước linh cửu đi!". Mọi người đồng ý. Giám Quốc bèn lên ngôi Hoàng Đế trước linh cửu, năm ấy ông đã sáu mươi tuổi, đổi niên hiệu Thiên Thành, mỗi đêm đều đốt hương trong cung cáo trời, nguyện sớm sinh Thánh nhân làm chủ muôn dân. Thiên Thành năm thứ hai, mùa Xuân, tháng giêng, ông lại đổi tên Đản, ở ngôi tám năm, thọ sáu mươi bảy tuổi. Niên hiệu Thiên Thành bốn năm, Trường Hưng bốn năm.

- Bính Tuất: Thiên Thành năm đầu. Khiết Đan, Thiên Tán năm thứ 6. thục, Đại sư Thiền Nguyệt Quán Hưu tịch trong năm này.

Triệu			*Phụng Tường: Kế Nghiễm*	*Ngô Việt lập quốc: Bảo Chánh năm đầu*	*Sở*

Kinh Nam	*Ngô: Thuận Nghĩa năm thứ 6*	*Mân: Diên Quân, Thiên Bảo năm đầu*	*Thục: Tiết Độ Mạnh Tri Tường*	*Hán: Bạch Long năm thứ 2.*	

Chiêu Vũ Tiết Độ Vương Diên Hàn tự xưng Đại Mân quốc vương, dựng cung điện, đặt bá quan, lễ nghi văn vật đều bắt chước pháp chế Thiên Tử. Truy tôn cha Vương Thẩm Tri là Chiêu Vũ Vương. Năm này con nuôi của Thẩm Tri là Diên Bẩm giết Diên Hàn, dân chúng suy tôn em của Hàn là Diên Quân làm Lưu Hậu.

- Đinh Hợi: Thiên Thành năm thứ hai. Khiết Đan Thái Tổ A Bảo Cơ mất. Đức Quang, Thiên Hiển năm đầu.

Triệu			*Phụng Tường*	*Ngô Việt: Bảo Chánh năm thứ 2*	*Sở lập quốc*
Kinh Nam	*Ngô lên ngôi Đế, Càn Trinh năm đầu*	*Mân: Thiên Bảo năm thứ 2*	*Thục*	*Hán: Bạch Long năm thứ 3*	

- ***Khiết Đan:*** Thái tổ mất vào mùa Thu tháng bảy, Thiên Tán năm thứ sáu, ở ngôi mười một năm, Thái Tông lên ngôi. Ông húy Đức Quang, con năm thứ hai của Thái Tổ, mẹ họ Thuật Luật. Ông ở ngôi hai mươi hai năm, lập nhà Tấn diệt nhà Đường đổi Khiết Đan thành Đại Liêu. Ông từng dựng chùa Thiên Hùng trong bộ lạc của mình để thờ Phật. Trong chùa có tượng Thái Tổ Khiết Đan A Bảo Cơ.

Mùa thu tháng tám, Sở Vương Mã Ân bắt đầu lập quốc, xây cung điện, đặt bá quan giống như Thiên tử, hoặc có thay đổi chút ít, như Hàn lâm học sĩ là Văn uyển học sĩ, Tri chế cáo là Tri từ cáo,Khu mật viện là Tả hữu cơ yếu ty, bệ hạ xưng là điện hạ, lệnh thì đổi thành giáo.

Tháng mười một, Hoài Nam Ngô Vương họ Dương lên ngôi Hoàng Đế. Ngô Thừa Tướng Từ Ôn mất. Ngô chủ cho con ông là Tri Cáo làm Đô đốc trung ngoại chư quân sự. Tri Cáo vốn mang họ Lý, Đường Chiêu Tông Càn Ninh năm thứ hai, Dương Hành Mật đánh Hào Châu, Quân sĩ cướp phá Từ châu và bắt được ông, lúc đó ông mới tám tuổi. Hành

Mật nuôi ông coi như con mình. Con trưởng của Hành Mật tên là Ác rất ghét ông. Hành Mật nói với tỳ tướng Từ Ôn: "Đứa bé này tư chất diện mạo kỳ vĩ, hiểu biết hơn người, ta mất, thằng Ác ắt không dung tha nó, nay ta cho nó làm con nuôi của ông". Ông nhận đặt tên là Tri Cáo. Tri Cáo hầu hạ Ôn rất hiếu kính, hơn cả các người con khác, vì vậy Ôn yêu mến và cho ông quản lý mọi việc. Trưởng thành Tri Cáo thích đọc sách, giỏi bắn cung, học vấn, đức độ, tính nết đều vượt bậc. Hành Mật nói với Ôn: "Tri Cáo là người tuấn kiệt, các tướng và các con ta đều không bằng". Đến Tấn Cao Tổ, Thiên Phúc năm thứ hai, ông nhận ngôi của nước Ngô.

Mậu Tý: Thiên Thành năm thứ ba. Khiết Đan, Thiên Hiển năm thứ hai.

Triệu			*Phụng Tường*	*Ngô Việt: Bảo Chánh năm thứ 3*	*Sở*
Kinh Nam: Cao Quý Hưng mất.	*Ngô: Càn Trinh năm thứ 3*	*Mân:Diên Quân*	*Thục: họ Mạnh*	*Hán: Đại Hữu năm đầu*	

Mân Chủ Diên Quân độ hai vạn dân làm Tăng, từ đó Mân Trung có rất nhiều Tăng. Tháng mười hai năm này, Kinh Nam Tiết độ sứ Cao Quý Hưng mất, Đế cho con ông là Tùng Hối lên nắm việc quân phủ. Tùng Hối dâng biểu xin được làm quan trong triều, Đế hạ chiếu cho ông làm KinhNam Tiết độ sứ.

* ***Thiền Sư Quế Sâm ở La-hán viện, Chương châu:*** Sư họ Lý, quê ở Thường Sơn, theo Đại Sư Vô Tướng chùa Vạn Tuế trong phủ này thế phát, thọ giới đắc pháp với Huyền Sa Sư Bị. Sư ngầm trung hưng đạo pháp, thống thiết ẩn mình. Chương châu mục Vương Công thỉnh Sư trụ tại viện Địa Tạng, Thạch Sơn, Thành Tây hơn mười năm. Sau, Sư về ở viện La-hán, tường đổ chõng hư nhưng Sư vẫn điềm nhiên an trụ, xiển dương Tông phong mỗi ngày một thịnh. Đến lúc này, Thiên Thành năm thứ ba, Sư quy tịch, thọ sáu mươi hai tuổi. Môn nhân trà-tỳ thâu xá-lợi dựng tháp ở phía tây viện. Đế ban Sư thụy Chân Ứng Thiền sư.

Kỷ Sửu: Thiên Thành năm thứ tư. Khiết Đan, Thiên Hiển năm

thứ ba.

Triệu			*Phụng Tường*	*Ngô Việt: Bảo Chánh năm thứ 4*	*Sở*
Kinh Nam	*Ngô: Thái Hòa năm đầu*	*Mân*	*Thục*	*Hán: Đại Hữu năm thứ 2*	

Tháng chín, Đế cùng Bình Chương Sự Phùng Đạo thong dong bàn thóc lúa hàng năm được mùa, bốn phương thái bình. Đạo nói: "Thần thường nhớ, lúc Tiên hoàng còn ở phủ trướng, thần phụng mệnh đi Sứ, từ Trung Sơn qua đến nơi hiểm trở núi Tinh Kính, Thần sợ ngựa ngã nên nắm cương rất cẩn thận. Thật may không mắc phải lỗi lầm, đi đến Trạch Lộ, Thần thả cương ngựa tự đi, ngay đó liền rơi xuống hố. Phàm người vì thiên hạ cũng giống như vậy". Đế cho là rất đúng. Đế hỏi: "Năm nay giàu có, bá tánh được no đủ không?" Đạo đáp: "Nhà nông gặp phải năm mất mùa thì chết vì lưu lạc, đói khổ, gặp phải năm được mùa thì bị thương vì thóc rẻ. Được mùa hay mất mùa, đằng nào nhà nông cũng phải chịu như vậy. Thần nhớ, trong bài thơ của tiến sĩ Nhiếp Di có câu: "Tháng hai bán tơ mới, tháng năm mua thóc mới, chữa được bệnh trước mắt, lại khoét thịt tâm đầu". Ngôn từ tuy quê mùa nhưng đã lột tả hết uẩn khúc của nhà nông. Trong bốn hạng người (sĩ, công, nông, thương) nông dân là kẻ cần khổ nhất, nhân chủ không thể không biết". Đế vui vẻ sai Tả hữu chép lại bài thơ này, thường ngâm đọc. Đậu Vũ Quân ở Uyển Bích, U Châu làm quan đến chức Tả gián nghị đại phu rồi từ quan, ông sinh năm người con đều làm quan, hiển đạt. Thị trung Phùng Đạo tặng ông bài thơ: "Đậu Thập Lang núi Yên, dạy con đầy nhân nghĩa, cọc linh một cội già, quế tiên năm cành tốt". Chu Thế Tông, Hiển Đức năm thứ hai, thái sư trung thư lệnh doanh Văn Ý Vương Phùng Đạo mất.

- Canh Dần: Trường Hưng năm đầu. Khiết Đan, Thiên Hiển năm thứ tư.

Triệu			*Phụng Tường*	*Ngô Việt: Bảo Chánh năm thứ 5*	*Sở: Ân mất*
Kinh Nam	*Ngô: Thái Hòa năm thứ 2*	*Mân*	*Thục*	*Hán: Đại Hữu năm thứ 3*	

Tháng mười một, Sở Vương Mã Ân mất, con là Hy Thanh lên kế ngôi, làm theo di mệnh, bỏ phép chế dựng nước, trở lại phép cũ phiên trấn. Đế hạ chiếu cho Hy Thanh làm Vũ An Tĩnh Giang Tiết độ sứ.

* ***Tông Vân Môn:*** Thiền sư Văn Yển ở viện Quang Phụng, núi Vân Môn, Thiều châu, Quảng Đông đạo. Sư họ Trương, quê ở Tú Thủy, Chiết Tây, nay là Gia Hưng lộ. Từ nhỏ, Sư theo Luật Sư Chí Trừng chùa Không Vương xuất gia, lớn lên thế phát thọ giới ở giới đàn Tỳ Lăng. Sư hầu Chí Trừng mấy năm, tinh thông Luật bộ. Nhận thấy việc mình chưa sáng tỏ, Sư đến tham vấn Mục Châu Trần Tôn Túc. Sư đẩy cửa bước vào, Mục Châu nắm đứng lại, bảo: "Nói, nói!". Sư nghĩ ngợi, Mục Châu liền đẩy ra khỏi cửa nói: "Cái dùi lăn đời Tần!(Kẻ vô dụng)" rồi đóng cửa làm bị thương chân Sư. Nhân đó Sư tỉnh ngộ. Mục Châu bảo Sư đến yết kiến Thiền sư Tuyết Phong Nghĩa Tồn, đắc pháp, mật khế tâm tông. Sư xuống núi tham vấn khắp nơi. Sau, Sư đến pháp hội của Thiền sư Linh Thọ Mẫn ở Quảng Trung. Trước đây, chúng không xin người làm Thủ tòa, có người khuyên Linh Thọ xin một người làm Thủ tòa, Linh Thọ nói: "Thủ tòa của ta đã xuất gia!" Thời gian sau, Thọ lại nói: "Thủ tòa của ta hành cước đã ngộ đạo!". Sau đó, Thọ lại nói: "Thủ tòa ta đến rồi!" Một hôm Linh Thọ bảo chúng đánh chuông để nghinh Thủ tòa, lúc ấy Sư cũng vừa đến. Linh Thọ cười bảo: "Nghinh ông lâu rồi, sao đến chậm thế!", và Linh Thọ bảo Sư làm Thủ tòa. Sư vui vẻ nhận, đó là vào năm Canh Dần, niên hiệu Trường Hưng năm đầu. Cùng lúc Quảng Chủ Lưu Vương muốn khởi binh mới đến Linh Thọ hỏi xem có nên hay không. Linh Thọ biết, trao cho thị giả cái hộp và dặn: "Vương đến, hãy ra đợi ông ấy!" Lúc ấy có Tăng hỏi: "Thế nào là ý Tổ Sư từ Tây sang". Linh Thọ liền lên tòa quy tịch. Vương đến nghe Thọ đã tịch, thất kinh than trách. Thị giả trao cho ông cái hộp, ông mở ra, trong ấy ghi: "Con mắt của trời người là Thượng tòa trong pháp đường!" Vương lạy thỉnh Sư kế thế trụ trì Linh Thọ, nghinh Sư đến phủ khai pháp. Thời

gian sau, Sư về ở tại núi Vân Môn, Thiều Dương. Năm Mậu Thân, Quảng Chủ nhiều lần thỉnh Sư về phủ hỏi pháp, lấy lễ thầy tiếp đãi, ban cho Sư hiệu Khuông Chân Thiền sư. Tháng bảy, Quảng nghinh Sư đến Vương phủ cúng dường. Tháng chín Sư từ biệt Vương về núi. Mồng mười tháng tư năm sau, Sư dâng biểu từ biệt Quảng Chủ, răn nhắc đồ chúng xong, ngồi ngay thẳng thị tịch. Đồ chúng an táng toàn thân Sư sau phương trượng. Năm Bính Dần, Triệu Thái Tổ, Càn Đức năm thứ tư, tức Quảng Chủ Thiên Bảo năm thứ chín, Sư báo mộng cho Nguyễn Thiệu Trang: "Ông hãy gởi lời ta đến Tú Hoa Quan Sứ Đặc Tiến Lý Thác". Thác liền tâu xin mở tháp Sư, phụng chiếu nghinh thỉnh linh thần vào triều cúng dường, tháng sau mới hoàn lại, nhân đó đổi tên chùa là Đại Giác, Đế gia cho Sư thụy Đại Từ Vân Khuông Chân Hoằng Minh Thiền Sư. Sư nối pháp Tuyết Phong Nghĩa Tồn, Tồn nối pháp Đức Sơn Tuyên Giám, Giám nối pháp Long Đàm Sùng Tín. Đạo pháp của Sư được đời tôn ngưỡng, gọi đây là Tông Vân Môn.

- Tân Mão: Trường Hưng năm thứ hai. Khiết Đan, Thiên Hiển năm thứ năm.

Triệu			*Phụng Tường*	*Ngô Việt: Bảo Chánh năm thứ 6*	*Sở:*
Kinh Nam	*Ngô: Thái Hòa năm thứ 3*	*Mân*	*Thục*	*Hán: Đại Hữu năm thứ 4*	

- Nhâm Thìn: Trường Hưng năm thứ hai. Khiết Đan, Thiên Hiển năm thứ sáu.

Triệu			*Phụng Tường*	*Ngô Việt: Nguyên Quán lên ngôi*	*Sở:*
Kinh Nam	*Ngô: Thái Hòa năm thứ 4*	*Mân*	*Thục*	*Hán: Đại Hữu năm thứ 5*	

Mùa Xuân tháng hai, Đế lệnh cho quốc tử giám hiệu đính Cửu Kinh khắc bản, đến Châu Quảng Thuận năm thứ ba khắc bản xong, ấn hành.

Tháng ba, Ngô Việt Vũ Túc Vương Tiền Liêu mất, thọ tám mươi mốt tuổi, con giữa là Truyền Quán kế vị, sau đổi tên Nguyên Quán, theo di mệnh bỏ quốc nghi, chỉ dùng phép tắc Phiên Trấn.

Mùa thu tháng bảy, Vũ An Tĩnh Giang Tiết độ sứ Mã Hy Thanh mất, bọn lục quân Tự Viên Dư, Phan Ước đưa em Hy Thanh là Hy Phạm, ở Lãng Châu lên kế ngôi, trị vì mười lăm năm, thọ bốn mươi chín tuổi.

- Quý Tỵ: Trường Hưng năm thứ tư, Đế mất. Khiết Đan, Thiên Hiển năm thứ bảy.

Triệu			*Phụng Tường*	*Ngô Việt: Nguyên Quán tức Văn Mục Vương*	*Sở*
Kinh Nam	*Ngô: Thái Hòa năm thứ 5*	*Thục: Lân Long Khải năm đầu*	*Thục: họ Mạnh được phong Vương*	*Hán: Đại Hữu năm thứ 6*	

Mùa Xuân, tháng giêng, Mân Chủ Vương Diên Quân lên ngôi Hoàng Đế, lấy quốc hiệu Đại Mân, niên hiệu Long Khải. Ông đổi tên là Lân. Tháng hai, Đường cho Mạnh Tri Tường làm Đông Tây Xuyên Tiết độ sứ Thục Vương.

Tháng mười một, Đế không khỏe, hạ chiếu lập con năm thứ ba là Tống Vương Tùng Hậu, Đế mất. Tháng mười hai, Tống Vương Tùng Hậu lên ngôi Hoàng Đế, đó là Mẫn Đế. Tháng giêng năm Giáp Thân, đổi niên hiệu Ứng Thuận. Lúc này Phụng Tường Tiết độ sứ kiêm thị trung Lộ Vương Tùng Kha hiềm khích với triều đình. Tháng mười hai, Lộ Vương dựng cờ Đại tướng chỉnh đốn ba quân kéo về đông. Mẫn Đế nghe Lộ Vương đến đất Thiểm lo sợ chẳng biết làm sao, mới đem năm mươi quân kỵ ra cửa Huyền Vũ đến Vệ châu, dựa Thứ sử Vương Hoằng Chí. Lộ Vương đến Tưởng Kiều, bọn Phùng Đạo đều dâng biểu chương

khuyên Vương tiến tới. Lộ Vương vào ra mắt Thái hậu, Thái phi, đến Tây Cung phủ phục trước linh cửu Minh đế, cả cung gào khóc. Thái hậu hạ lệnh phế Thiếu đế làm Ngạc Vương, cho Lộ Vương lên ngôi Hoàng Đế trước linh cửu. Vương Hoằng Chí đưa Mẫn Vương về doanh sở Vệ châu. Lộ Vương sai con Hoằng Chí là Điện Trực Loan đến chuốc độc Đế, Mẫn Đế biết có độc không chịu uống, Loan xiết cổ ông chết.

* **Lộ Vương:** Húy Tùng Kha, con nuôi của Minh Tông. Ông họ Vương, người Trấn Châu, nay là Chân Định lộ. Ngày Minh Tông chiếm thiên hạ cũng chính là ngày mẹ Đế nhặt được ông nuôi làm con mình, lúc ấy ông mới mười tuổi. Ông được phong Lộ Vương làm Phụng Tường Tiết độ sứ. Mẫn Đế lên ngôi, do Dương Vương Tùng Trác đem quân sang đánh, từ đó cứ khởi binh. Đế chạy khỏi cung, Lộ Vương phụng mệnh Thái hậu lên ngôi, ở ngôi ba năm, thọ ba mươi tuổi.

Giáp Ngọ: Tháng tư, đổi niên hiệu Thanh Thái năm đầu. Khiết Đan năm Thiên Hiển năm thứ tám.

Triệu			*Phụng Tường*	*Ngô Việt: Nguyên Quán lên ngôi*	*Sở*
Kinh Nam	*Ngô: Thái Hòa năm thứ 6*	*Mân: Long Khải năm thứ 2*	*Thục: Minh Đức năm đầu*	*Hán: Đại Hữu năm thứ 7*	

Tháng giêng nhuần, Thục Vương Mạnh Tri Tường lên ngôi Hoàng Đế ở Thành Đô, đổi niên hiệu. Mùa thu tháng bảy Đế mất. Thái tử Nhân Tán lên ngôi Hoàng Đế. Ông đổi tên là Sưởng. Minh Đức năm đầu.

* ***Thượng tọa Tĩnh ở Quốc Thanh, Thiên Thai:*** Ngài đắc pháp với Thiền sư Huyền Sa Sư Bị, cư ngụ núi Thiên Thai hơn ba mươi năm. Có người hỏi: Tâm niệm lăng xăng, chưa rõ làm sao nhiếp phục?

Ngài đáp: Đem tâm niệm lăng xăng ấy, cứu xét chỗ lăng xăng của nó, xét đến không còn chỗ để xét thì niệm lăng xăng ấy làm sao còn! Mà trái lại xét đến cái tâm xét cứu, thì tâm năng cứu xét ấy ở đâu? Nhân xem Nghĩa Huyễn trong giáo môn, ngài thuật kệ:

Đạo hay pháp đều như huyễn có
Tội ác gây nên phải không lỗi Vì
sao nghiệp đã tạo chẳng quên

Bởi nhờ Phật từ độ dẫn dắt.

Có ông Tiểu Tĩnh Thượng tòa đáp:

Người huyễn khởi huyễn, huyễn bủa vây
Nghiệp huyễn hay đem pháp huyễn trị
Chẳng tỏ huyễn sinh các huyễn khổ
Tỉnh biết như huyễn, huyễn vô vi.

Di tích của hai Tĩnh Thượng tòa vẫn còn ở chùa Quốc Thanh.

- Ất Mùi: Thanh Thái năm thứ hai. Khiết Đan, Thiên Hiển năm thứ chín.

Triệu			*Phụng Tường*	*Ngô Việt*	*Sở*
Kinh Nam	*Ngô: Thiên Tường năm đầu*	*Mân: Long Khải năm thứ 3*	*Thục: Minh Đức năm thứ 2*	*Hán: Đại Hữu năm thứ 8*	

Kinh Nam Tiết độ sứ Cao Tùng Hối bẩm tính thông minh, hiếu để, lạy Hiền Sĩ Ủy Nhiệm Lương Chấn. Chấn khoác áo lông Hạc tự xưng là Kinh Đài Ẩn sĩ. Mỗi lần đến phủ ông thường cỡi bò đến xét việc.

Ngô gia phong Từ Tri Cáo làm Thượng phu Thái sư đại Thừa Tướng đại nguyên soái, tấn phong Tề Vương, đủ lễ đặc biệt, cho mười châu gồm: Thăng, Nhuận, Tuyên, Trì, Hấp, Thường, Giang, Nhiêu, Tín, Hải làm nước Tề.

- Thanh Thái năm thứ ba, tháng sáu, Hà Đông Tiết độ sứ Bắc diện tổng quản Thạch Kính Đường đã trở về trấn giữ Tấn Dương, ngầm bàn kế tự lập. Trước đây, Đế muốn sai Kính Đường về trấn giữ Vận Châu, nay là Đông Bình lộ. Cấp sự trung Lý Tung, Lã Kỳ đều cố sức can cho rằng không nên. Đế nghe theo lời của khu mật trực học sĩ Tiết Văn Ngộ cho Kính Đường làm Thiên Bình Tiết độ sứ. Lệnh vua ban ra, các quan nhìn nhau thất sắc. Kính Đường nói: "Ta không làm loạn, triều đình đày ta đi, lẽ đâu ta chịu bó tay chết giữa đường ư!". Đô áp nha Lưu Tri Viễn nói: "Minh Công chiếm địa thế thuận lợi, binh mã tinh mạnh, nếu khởi binh truyền hịch, đế nghiệp tất thành". Chưởng thư ký Tang Di Hân nói: "Minh Công suy phò Khiết Đan thì lo gì không xong!" Kính Đường ý đã quyết, liền dâng biểu can Đế không nên truyền ngôi cho con nuôi mà xin truyền cho Hứa Vương. Đế nổi giận tự tay viết chiếu lấy lại

đất, tước luôn quan tước của Kính Đường, sai Trương Kính Đạt cùng Thái Nguyên Tây diện bài trần sứ thống lãnh các tướng thảo phạt Kính Đường. Kính Đường dâng biểu xưng thần với Khiết Đan, lạy Đan thờ làm cha mình, hứa cắt đất giao nộp. Tháng chín, Khiết Đan Chủ Thái Tông Đức Quang đem năm vạn kỵ binh, ba mươi vạn giáp sĩ kéo đến Tấn Dương giao chiến. Quân Đường thua to. Tháng mười một, Khiết Đan chủ làm Sách Lệnh, cho Kính Đường làm Đại Tấn Hoàng Đế, dựng đàn ở Liễu Lâm và lên ngôi, đại xá thiên hạ, đổi năm Trường Hưng năm thứ bảy, thành Thiên Phước năm đầu. Lộ Vương biết Thạch Kính Đường lên ngôi Hoàng Đế liền cùng Tào Thái hậu, Lưu Hoàng hậu, Ung Vương Trùng Mỹ và bọn Tống Thẩm Kiền đem báu vật truyền quốc lên lầu Huyền Vũ hỏa thiêu mà chết. Hoàng hậu chất củi muốn đốt cung thất Trùng Mỹ can: "Thiên Tử mới đến đây ắt không ở ngoài trời, ngày sau sẽ làm lao nhọc sức dân, chết mà để oán thì đốt làm gì!". Hoàng hậu không đốt. Bà và Trùng Mỹ (con Lộ Vương) cùng chết. Chiều hôm đó, Tấn Cao Tổ vào Lạc Dương nghỉ tại phủ đệ cũ của mình. Binh Đường cởi giáp chịu tội, Tấn đế an ủi rồi thả họ hết, sai Lưu Tri Viễn sắp đặt lại Kinh thành. Tri Viễn chia quân hán cho về lại doanh, để Khiết Đan chủ ở chùa Thiên Cung. Trong thành tuyệt nhiên không ai dám phạm lệnh. Tháng mười hai, Tấn đế truy phế Lộ Vương làm dân thường, cho Phùng Đạo làm Đồng Bình Chương sự.

Nhà Đường gồm bốn chủ, trị vì mười bốn năm, vận nước về nhà Tấn.

Nhà Tấn: Họ Thạch lấy hiệu Kim Đức Vương, đóng đô ở Biện Châu, gồm Cao Tổ, Tề Vương.

* **Cao Tổ:** Họ Thạch, húy Kính Đường, vốn người Tây Địch, anh dũng thiện chiến, Đường Minh Tông yêu mến gả công chúa Vĩnh Ninh cho ông. Ông nhiều lần chuyển đến làm Hà Đông Tiết độ sứ. Thanh Thái năm đầu, ông trấn giữ Thái Nguyên, sau đổi làm Thiên Bình Tiết độ sứ nhưng ông không tuân mệnh, mới khởi binh cầu viện với Khiết Đan. Ông lên ngôi Hoàng Đế, vào Lạc Dương, cắt mười sáu châu như: U, Tô, Doanh, Mạc, Trác, Đàn, Thuận, Tân, Quy, Nho, Vũ, Vân, Ứng, Hoàn, Sóc, Uất cho Khiết Đan. Ông ở ngôi bảy năm, thọ năm mươi mốt tuổi. Niên hiệu Thiên Phước bảy năm. Tháng mười một năm Bính Thân, đổi niên hiệu Thiên Phước năm đầu. Khiết Đan năm Thiên Hiển thứ mười.

Triệu			*Phụng Tường*	*Ngô Việt*	*Sở*
Kinh Nam	*Ngô: Thiên Tường năm thứ 2*	*Mân: Thông Văn năm đầu*	*Thục: Minh Đức năm thứ 3*	*Hán: Đại Hữu năm thứ 9*	

Cao Ly: Cuối đời Đường, Cao Ly Vương họ Cao, vào Đường Trang Tông năm Đồng Quang năm thứ hai, Cao Ly sai sứ đến Trung Quốc. Sử sách không ghi Vương này họ tên là gì. Đến Minh Tông năm Trường Hưng năm thứ ba, Quyền nắm quốc sự là Vương Kiến sai sứ đến, Minh Tông phong Vương Kiến làm Cao Ly quốc vương. Đến lúc này, năm Bính Thân, Cao Ly đem binh đánh phá Tân La, Bá Tế. Lúc đó các nước Đông Di đều theo về, có hai kinh, sáu phủ, chín Tiết Độ và một trăm hai mươi bộ.

Đinh Dậu: Thiên Phước năm thứ hai. Đại Liêu, Hội Đồng năm đầu.

Triệu			*Phụng Tường*	*Ngô Việt: dựng lại nước*	*Sở*
Kinh Nam	*Đường nhận ngôi, Thăng Nguyên năm đầu*	*Mân: Thông Văn năm thứ 2.*	*Thục: Minh Đức năm thứ 4*	*Hán: Đại Hữu năm thứ 10*	

Đại Liêu Thái Tông Đức Quang lập ra nhà Tấn, nhận mười sáu châu do Tấn cắt nộp. Tháng giêng mùa Xuân, Đế lấy U châu làm Nam Kinh, đổi quốc hiệu Khiết Đan thành Đại Liêu, lấy niên hiệu Hội Đồng. Công Khanh quan dân bắt chước người Trung Quốc, trưng dụng người Trung Quốc.

Tháng hai, Đế về Bắc, cho Triệu Diên Thọ làm khu mật sứ kiêm trung thư lệnh.

Tháng ba, Tấn bàn việc dời đô về Đại Lương. Tháng tư, Đế đến Biện Châu. Ngô Việt Vương Nguyên Quán lại dựng nước, giống như việc cũ trong năm Đồng Quang.

Tháng tám, Ngô Chủ hạ chiếu nhường ngôi cho Tề Vương, Từ Tri Cáo lên ngôi Hoàng Đế ở Kiến Khang, đại xá thiên hạ, lấy quốc hiệu là Đường (Nam Đường), lấy niên hiệu Thăng Nguyên, tôn Ngô chủ là Nhượng Hoàng, cung thất, xa giá, ngự phục vẫn giữ như cũ, Tông miếu, chánh sóc, huy chương, sắc phục đều theo pháp chế nhà Ngô. Năm sau, Nhượng Hoàng mất, Đường chủ không thiết triều hai mươi bảy ngày, truy thụy là Duệ Hoàng Đế. Đường, năm Thăng Nguyên năm thứ ba, Tri Cáo lại lấy họ Lý, đổi tên là Biện.

* ***Thiền sư Phong Huyệt ở Nhữ châu:*** Sư họ Lưu, húy Diên Chiểu người Dư Hàng, Tiền Đường. Từ nhỏ Sư đã không ăn mặn, học Nho đi thi tiến sĩ nhưng không đỗ bèn xuất gia, theo Trí Cung chùa Khai nguyên trong châu này thế phát, thọ Cụ túc, học chỉ quán Thiên Thai. Năm hai mươi lăm tuổi, Sư yết kiến Cảnh Thanh, tham vấn Nam Viện Ngung Công, tỏ ngộ yếu chỉ. Sư ở đây sáu năm rồi cáo từ ra đi. Hậu Đường Minh Tông năm Trường Hưng năm thứ hai, Sư đến Nhữ Thủy, ngôi nhà tranh chỉ còn vài cây kèo gác vách núi như nhà hoang, Sư hỏi các bậc phụ lão, họ đáp: "Đây là chùa Phong Huyệt xưa kia, đời đời truyền Luật, tăng vật cũ chúng bỏ đi hết rồi!". Sư hỏi: "Tôi ở được không?" Họ đáp: "Được!"

Sư dừng chân ở đây, ban ngày vào thôn xóm khất thực, đêm về đốt nhựa tùng, một mình ở suốt bảy năm. Đến lúc này, Thiên Phước năm thứ hai, châu mục Lý sứ quân nghe đạo phong của Sư, chí thành lạy thỉnh. Ngày Thượng Nguyên, Sư khai đường thuyết pháp, kế thừa Nam Viện Ngung Công. Hán Ẩn Đế, năm Càn Hựu năm thứ hai, Lý Quân dời qua trấn giữ Trình châu, Sư tránh loạn nên qua đây ở tạm tại nơi thanh tịnh trong quận. Có Tống Thái sư ở Nhữ châu cúng phủ đệ làm Tăng phường lấy tên Tân Tự, thỉnh Sư trụ trì. Pháp tịch hưng thịnh. Chu Thái Tổ, niên hiệu Quảng Thuận năm đầu, Đế sắc tứ thành chùa Quảng Tuệ. Sư trụ ở đây hai mươi hai năm, chúng hơn trăm người. Tăng hỏi:

- Thế nào là Phật?

Sư đáp:

Roi tre trong rừng cây dưới núi.

Tống Thái Tổ năm Khai Bảo năm thứ sáu, mồng bảy tháng tám, Sư lên tòa nói bài kệ:

Thuận thời truyền đạo lợi sinh linh

Phương xa mến mộ đến ào ào
Năm khác có người nòi giống ấy
Ngày dâng hương khói đêm chong đèn.

Đến ngày mười bốn, Sư viết thư từ biệt đàn việt, ngày rằm thì kiết già quy tịch, thọ bảy mươi tám tuổi, Tăng lạp năm mươi chín hạ. Sư nối pháp Nam viện Tuệ Ngung, Ngung nối pháp Hưng Hóa Tồn Tưởng, Tưởng nối pháp Lâm Tế Nghĩa Huyền.

- Mậu Tuất: Thiên Phước năm thứ ba. Đại Liêu, Hội Đồng năm thứ hai.

Triệu			*Phụng Tường*	*Ngô Việt: Văn Mục Vương Nguyên Quán*	*Sở*
Kinh Nam	*Đường: Thăng Nguyên năm thứ 2*	*Mân: Thông Văn năm thứ 3*	*Thục: Quảng Chính năm đầu*	*Hán: Đại Hữu năm thứ 11*	

Tháng tám, Tấn Đế tôn hiệu Đại Liêu Chủ và Thái Hậu, cho Bình Chương Phùng Đạo, Lưu Hú làm sách lễ sứ, sắm đủ nghi vệ Thiên Tử, xa giá đến Liêu Chủ hành lễ. Đế thờ Liêu rất kính, dâng biểu xưng Thần, tôn là Phụ Hoàng Đế.

Tháng mười, Đế cho thuyền, xe Đại Lương tụ tập ở Tào Vận, rồi xây Đông kinh ở Biện châu, lại lấy Biện châu làm phủ Khai Phong lấy Đông Đô làm Tây Kinh, lấy Tây đô làm Tấn Xương quân tiết sứ, hạ chiếu cho quan dân tự đúc tiền đồng. Tiền ấy có tên Thiên Phước Nguyên Bảo.

Kỷ Hợi: Thiên Phước năm thứ tư. Đại Liêu, Hội Đồng năm thứ ba.

Triệu			*Phụng Tường*	*Ngô Việt:*	*Sở*
Kinh Nam	*Đường: Lý Thăng Nguyên năm thứ 3*	*Mân: Vĩnh Long năm đầu*	*Thục: Quảng Chính năm thứ 2*	*Hán: Đại Hữu năm thứ 12*	

Mùa Xuân tháng giêng, quần thần của Nam Đường nhiều lần dâng biểu xin Đường chủ Từ Tri Cáo lấy lại họ Lý, lập Tông miếu, Đường chủ đồng ý. Ông đổi tên Biện. Quần thần lại xin truy phong tôn hiệu, nhưng ông không nhận. Đường chủ không dùng ngoại thích làm phụ chánh, hoạn quan không được dự việc. Đó là điều mà các nước khác không theo kịp.

Mùa Thu tháng bảy nhuần, Mân chủ bị củng thần Khống Hạc quân sứ Liên Trùng Ngộ giết. Thúc phụ ông là Diên Nghĩa tự xưng uy vũ Tiết độ sứ Mân quốc chủ. Ông đổi tên Hy, truy thụy Mân Chủ là Đường Tông.

* ***Bồ-tát Quán Thế Âm:*** Tăng Đạo Dực người Hàng châu đêm nọ mộng thấy ánh sáng trên núi, lên xem thì thấy cây gỗ thơm lạ, mới sai thợ giỏi tạc tượng Bồ-tát Quán Thế Âm, ánh sáng phát ra liên tục ngày đêm. Hán Cao Tổ, Càn Hựu năm thứ hai, có Tăng là Tùng Huân lấy xá-lợi của cổ Phật đặt vào tướng lông trắng của tượng, xá-lợi liền hiện che phủ đỉnh tượng. Lại nữa núi Bổ Đát Lạc Già trong biển thuộc Khánh Nguyên lộ, là nơi Bồ-tát thị hiện. Đường Tuyên Tông trong năm Đại Trung, Tăng Tây Vực Thiên Trúc đến trong động đốt ngón tay cầu khấn, tận mắt nhìn thấy diệu tướng của Bồ-tát Quán Âm, được Bồ-tát nói pháp yếu. Danh tích này từ đó nổi tiếng. Về sau, Tăng của Nhật Bản là Tuệ Ngạc được một tượng vẽ của Bồ-tát ở Ngũ Đài Sơn, Bắc Yên, mới đặt bên cạnh núi, nhà họ Trương. Họ Trương phụng thờ đổi nhà mình thành viện Quán Âm. Trong Xương Quốc Chí ghi: "Lương, năm Trinh Minh năm thứ hai mới dựng chùa. Tống Thần Tông năm Khai Phong năm thứ ba, sai sứ Vương Thuấn Phong quan Tam Hàn, đi thuyền đến động, gió dữ nổi lên, rùa nâng lấy thuyền. Thuấn Phong cầu khấn, Bồ-tát hiện tướng, thuyền an ổn về lại triều. Phong tâu lên triều đình, Đế ban vàng lụa cho dời chùa về dựng ở phía Nam núi Mai Sầm. Đế sắc tứ là Bảo Đà vốn là chùa hiện nay.

- Canh Tý: Thiên Phước năm thứ năm. Đại Liêu, Hội Đồng năm thứ tư. Mân Vương Hy độ một vạn một ngàn Tăng.

Triệu			*Phụng Tường*	*Ngô Việt*	*Sở*
Kinh Nam	*Đường: Thăng Nguyên năm thứ 4*	*Mân: Vĩnh Long năm thứ 2*	*Thục: Quảng Chính năm thứ 3*	*Hán: Đại Hữu năm thứ 13*	

Tân Sửu: Thiên Phước năm thứ sáu. Đại Liêu, Hội Đồng năm thứ năm.

Triệu			*Phụng Tường*	*Ngô Việt: Con là Hoằng Tá lên ngôi*	*Sở*
Kinh Nam	*Đường: Thăng Nguyên năm thứ 5*	*Mân: Vĩnh Long năm thứ 3*	*Thục: Quảng Chính năm thứ 4*	*Hán: Đại Hữu năm thứ 14*	

Tháng tám, Ngô Việt Quốc Văn Mục Vương Tiền Nguyên Quán mất, con là Hoằng Tá lên ngôi vương. Hoằng Tá bẩm tính ôn hòa, liêm minh, quyết đoán, thích đọc sách, trọng kẻ sĩ, siêng chăm chánh sự. Ông trị vì bảy năm, thọ hai mươi tuổi.

Tháng mười một, Đường chia sứ giả xem xét nghề nghiệp của dân. Xưa cứ dựa mập ốm mà định thuế, dân đều xưng ông xử đoán công bằng.

- Hán, tháng mười hai, Mậu Tuất, Hán chủ lâm bệnh, có vị Tăng Ấn nói với ông rằng, tên Cung là bất lợi, Hán chủ tự tạo chữ Nghiễm (gồm Long và Thiên) để làm tên mình, lấy nghĩa là Phi Long tại Thiên (rồng bay lên trời), đọc như chữ Nghiễm (bộ Nhân). Mân chủ dựng tháp đá bảy tầng ở đồi Tây Thành Nam, làm chưa được một nửa, tháp phát ra như cái tàn, ba đêm sau thì xong. Ánh sáng chiếu thẳng lên trời suốt ba đêm. Vương xa giá đến xem, sắc tứ tháp tên Tịnh Quang, còn dựng chùa viện trong cả nước.

- Nhâm Dần: Thiên Phước năm thứ bảy, Đế mất. Đại Liêu, Hội Đồng năm thứ sáu.

Triệu			*Phụng Tường*	*Ngô Việt: Trung Hiến Vương Hoằng Tá*	*Sở*

K i n h Nam	*Đường: Thăng Nguyên năm thứ 6*	*Mân: Vĩnh Long năm thứ 4*	*Thục: Quảng Chính năm thứ 5*	*Hán: Bân lên ngôi, Quang Thiên năm đầu.*	

Nam Hán tức Nam Bình,Quảng châu. Tháng tư, Cao Tổ Lưu Nghiễm mất. Tần Vương Hoằng Độ lên ngôi Đế, sau đổi tên là Bân.

* **Tề Vương:** Sử chép là Xuất Đế, húy Trọng Quý, anh Cao Tổ, con của Kính Nho, được phong Tề Vương. Năm con của Cao Tổ đều chết sớm, Trọng Duệ còn nhỏ. Tháng sáu năm Thiên Phước năm thứ bảy, Cao Tổ mất. Tháng bảy Thái thú Tư Đồ kiêm Thị trung Phùng Đạo và thiên bình Tiết độ sứ Thị vệ Mã bộ đô ngu hầu Cảnh Diên Quảng bàn đất nước khó khăn nên lập vua trưởng, mới đưa Quảng Tấn Doãn Tề Vương Trọng Quý kế tự rồi lên ngôi Hoàng Đế. Đại thần bàn dâng biểu xưng thần và báo tang với Liêu. Cảnh Diên Quảng xin nên gởi thư xưng cháu chứ không xưng thần. Lý Tung can nhưng Quảng không nghe. Phùng Đạo dựa trên sai trái mà ly gián. Đế mất, ông theo lời bàn của Diên Quảng. Liêu chủ nổi giận sai sứ đến trách tội, Diên Quảng trả lời bất kính. Năm Bính Ngọ, Khai Vận năm thứ ba, tháng mười, Liêu đem đại binh diệt Tấn. Liêu chủ sai Trương Ngạn Trạch dời Tề Vương về phủ Khai Phong và giết ngay. Đế ở ngôi bốn năm, vận nước về nhà Liêu, không thấy ghi ông thọ bao nhiêu tuổi, đó là vào năm Thiên Phước năm thứ tám. Niên hiệu Khai Vận ba năm.

- Quý Mão: Thiên Phước năm thứ tám. Đại Liêu, Hội Đồng năm thứ bảy.

Triệu			*Phụng Tường*	*Ngô Việt*	*Sở*
Kinh Nam	*Đường: Cảnh Bảo Đại năm đầu*	*Mân: Thiên Đức năm đầu.*	*Thục: Quảng Chính năm thứ 6*	*Hán: Hoằng Hy, Càn Hóa năm đầu*	

Đường chủ uống thuốc của bọn Phương sĩ tính tình trở nên nóng nảy. Quần thần vào tấu việc, ông thường nổi giận. Ông hỏi đạo sĩ Vương

Thê Hà:

Đạo nào có thể khiến thiên hạ thái bình?

Hà đáp:

Vương giả trị tâm trị thân chính là trị quốc gia. Nay bệ hạ còn chưa bỏ được đói no lo vui thì bàn thái bình làm gì!

Tống hậu khen hay, cho là chí lý. Tất cả những gì Đường chủ ban cho, Hà đều không nhận. Tháng mười hai, bệnh Đường chủ phát ra ở lưng, ông triệu Tề Vương Cảnh vào hầu bệnh và nói với Cảnh: "Ta uống Kim thạch cốt muốn sống lâu, trái lại nguy hại, ông nên dè dặt!" Đêm ấy, ông mất. Nguyên Tông Cảnh lên ngôi.

* ***Mân:*** Vương Diên Chính xưng Đế ở Kiến châu, lấy quốc hiệu Đại Ân. Trước đây, Thiên Phước năm thứ tư, Hy lên ngôi nhưng xa xỉ bạo ngược, nghi kỵ Tông tộc. Em ông là Kiến châu Thứ sử Vương Diên Chính gởi thư can gián, Hy nổi giận. Từ đó anh em gây thù chuốc hận đem binh đánh nhau. Đến lúc này Diên Chính xưng Đế.

* ***Hán:*** Thương Đế: Ông kiêu căng xa xỉ không đoái hoài quốc sự, Tấn Vương Hoằng Hy muốn mưu đồ lật đổ nên bày đủ kỷ nhạc, ton hót làm ông hài lòng để hoàn thành dã tâm của mình. Lát sau, thừa lúc Đế say rượu, Hoằng Hy giết ông rồi lên ngôi Hoàng Đế, đổi niên hiệu Càn Hóa, đó là Trung Tông.

* ***Tông Pháp Nhãn:*** Thiền sư Thanh Lương, họ Lỗ húy Văn Ích, người Dư Hàng. Năm bảy tuổi, Sư theo Thiền sư Đồng Vỹ ở viện Trí Thông, Tân Định thế phát, từ nhỏ đã thọ giới tại chùa Khai nguyên, Việt châu, nghiên tầm Tỳ-ni, cứu xét Nho điển. Sư chấn tích về nam, đến Phước châu yết kiến Thiền sư Tuệ Lăng Trường Khánh nhưng không khai ngộ, muốn xuống núi đi qua Chương châu. Đến Thạch Sơn, Thành Tây gặp phải trời tuyết, Thiền sư Quế Sâm ở viện Địa Tạng hỏi Sư:

- Thượng tọa học hiểu giảng tam giới duy tâm vạn pháp duy thức, và Sâm chỉ phiến đá trước thềm hỏi: Phiến đá này ở trong tâm hay ngoài tâm?

Sư đáp:

Trong tâm.

- Hành cước mắc chứng gì để phiến đá trong tâm mà đi.

Sư bí lối không đáp được và ở lại đây cầu quyết trạch. Hơn một tháng, Sư trình kiến giải, nói đạo lý. Sâm nói:

- Phật pháp không phải như vậy.

Sư thưa:

Con lời hết lý cùng rồi.

- Nếu luận Phật pháp thì tất cả đều hiện thành.

Ngay đây, Sư đại ngộ, ở lại đây rất lâu. Đường, Lộ Vương năm Thanh Thái năm thứ hai, Sư từ biệt đến Gianh Tây,. Châu mục Vũ châu kính trọng đạo đức của Sư nên thỉnh Sư trụ trì viện Sùng Thọ. Nam Đường lập quốc, Đường chủ đón Sứ đến Thiền viện Báo Ân ở Kim Lăng, ban hiệu Tịnh Tuệ Thiền sư. Thỉnh qua trụ trì chùa Thanh Lương, xiển dương Phật pháp. Đường chủ mời Sư đi xem hoa mẫu đơn, thỉnh Sư làm thi phú. Sư ứng thanh đọc:

Theo vua ngắm hoa thơm
Cảm nhận vốn chẳng đồng
Tóc ngày nay bạc trắng
Hoa năm ngoái vẫn hồng,
Sắc đẹp tùy sương sớm
Mùi hương theo gió nồng
Đâu cần đợi héo úa
Sau đó mới biết không.

Đường chủ nghe bài thơ liền đốn ngộ huyền chỉ. Đến Chu, Hiểu Đức năm thứ năm, tức Đường, Giao Thái năm đầu, ngày mười bảy tháng bảy, Sư có chút bệnh, Đường chủ đến thăm hỏi. Mồng năm thánh bảy nhuần, sư từ biệt đại chúng kiết già quy tịch, thọ bảy mươi bốn tuổi, tăng lạp năm mươi bốn hạ. Công Khanh Lý Kiến Huân trở xuống đều mặc tang phục dựng tháp phụng toàn thân Sư ở Đan Dương, huyện Giang Ninh. Đế ban Sư thụy Đại Pháp Nhãn Thiền Sư, tháp hiệu Vô Tướng. Sau, Đế lại ban thụy Đại Trí Tạng Đại Đạo Sư. Đệ tử đắc pháp có bốn mươi ba người, mỗi người dẫn dắt một phương. Những người tùy căn cơ ngộ nhập thật không kể hết. Sư nối pháp Địa Tạng Quế Sâm, Sâm nối pháp Huyền Sa Sư Bị, Bị nối pháp Tuyết Phong Nghĩa Tồn. Tông môn kính ngưỡng đạo pháp của Sư, gọi đây là Tông Pháp Nhãn.

- Giáp Thìn: Khai Vận năm đầu. Đại Liêu, Hội Đồng năm thứ tám.

Triệu			*Phụng Tường*	*Ngô Việt Quốc*	*Sở*
Kinh Nam	*Đường: Bảo Đại năm thứ 2*	*Mân: Chu Văn Tiến*	*Thục: Quảng Chính năm thứ 7*	*Hán: Càn Hóa năm thứ 2*	

Lưu Hú giao cho Tư không Bình Chương sự soạn Cựu Đường Sử, những dị tích của Phật, Tổ đều được chép trong đây. Đời Tống, Âu Dương Tu soạn Đường Thư đã cắt bỏ hết.

Mùa Xuân, tháng giêng, Mân củng thần đô chỉ huy sứ Chu Văn Tiến, các môn sứ Liên Trọng Ngộ giết Mân Chủ Hy, hạ chiếu cáo với bá quan: "Thái tổ Quang mở nước Mân, nay con cháu xa xỉ bạo ngược, mất hết tôn ty, Trời ghét họ Vương nên lựa người có đức lập lên". Mọi người chẳng ai dám lên tiếng. Trọng Ngộ suy tôn Chu Văn Tiến lên điện, đội mũ miện, dẫn quần thần quay mặt về bắc lạy hai lạy xưng thần. Văn Tiến tự xưng Mân Vương, truy tôn Mân chủ Hy thụy là Cảnh Tông. Năm đó, Văn Tiến bị thuộc hạ giết, gói đầu giao nộp Ân Vương Diên Chính ở Kiến châu. Năm sau, quân của Nam Đường lấy Kiến châu, Diên Chính quy hàng. Nước Mân tồn tại năm mươi năm vận nước hết.

*Nghe chuông dứt khổ: Thời Nam Đường, ở huyện Thượng Nguyên Giang Nam có người dân chết giấc, ba ngày sau tỉnh dậy nói: "Tôi đến trước sân điện chợt thấy Tiên vương bị gông cùm rất chặt, tôi đến gần và hỏi: "Ngài vì sao ra nông nỗi này?" Người đó đáp: Ta bị Tống Tề Khâu lừa dối đã giết hơn ngàn người quy hàng ở Hòa Châu, oan gia tố tụng nên bị giam ở đây. Ông được thả về hãy đến báo với nhà vua đương triều phàm chùa viện đánh chuông hãy đánh lâu một chút. Người chịu khổ nghe chuông liền được tạm tha. Hoặc có thể đúc một quả chuông cho ta càng tốt. Khi còn ở ngôi, ta giao hảo với nước Vu-điền, quốc vương ấy có tặng cho ta một tượng Thiên Vương bằng ngọc, ta thường để trong búi tóc, sau giấu nó dưới gối trái tượng Phật trong chùa Ngõa quan mà chẳng ai hay biết. Ông có thể lấy tượng này làm vật chứng minh". Người dân ấy về báolại mọi việc, Đường chủ đích thân đến chùa Ngõa quan quả nhiên thấy pho tượng dưới gối trái của Phật. Đường chủ cảm thương khóc lóc rồi đúc một quả chuông trong chùa Thanh Lương trên chuông ghi: "Cầu phước cho Liệt Tổ Hiếu Cao Hoàng Đế thoát khỏi u đồ, ra khỏi ách nạn". Ông dựng tháp ở Tưởng Sơn an trí pho tượng.

- Ất Tỵ: Khai Vận năm thứ hai. Đại Liêu, Hội Đồng năm thứ chín.

Triệu			*Phụng Tường*	*Ngô Việt*	*Sở*

Kinh Nam	*Đường: Bảo Đại năm thứ 2*	*Mân diệt vong*	*Thục: Quảng Chính năm thứ 8*	*Hán: Càn Hóa năm thứ 3*	

Bính Ngọ: Khai Vận năm thứ ba. Đại Liêu, Hội Đồng năm thứ chín.

Triệu			*Phụng Tường*	*Ngô Việt*	*Sở*
Kinh Nam	*Đường: Bảo Đại năm thứ 4*		*Thục: Quảng Chính năm thứ 8*	*Hán: Càn Hóa năm thứ 4*	

Đinh Mùi: Khai Vận năm thứ tư. Đại Liêu, Hội Đồng năm thứ mười một.

Triệu			*Phụng Tường*	*Ngô Việt: Hoằng Tá mất.*	*Sở: Hy Quảng lên ngôi.*
Kinh Nam	*Đường: Bảo Đại năm thứ 5*		*Thục: Quảng Chính năm thứ 10*	*Hán: Càn Hóa năm thứ 5*	

Tháng tư, Liêu Thái Tông mất, ở ngôi hai mươi hai năm. Tháng năm, Thế Tông lên ngôi, húy Nguyễn Phiên, tên Ngột Dục, con của Đông Đan Vương Đột Dục, cháu Thái tổ. Năm Mậu Thân, đổi niên hiệu Thiên Lộc. Thiên Lộc năm thứ tư, Tân Hợi mùa Thu tháng chín, ông bị Yên Vương Thuật Triếp giết ở Hỏa Thần Định, Tân châu, ở ngôi năm.

Tháng năm, Sở Văn Chiêu Vương Hy Phạm mất, bá quan đưa em ông là Hy Quảng lên ngôi.

Tháng sáu, Ngô Việt Trung Hiến Vương Hoằng Tá mất, di mệnh cho Thừa Tướng Hoằng Tông làm Trấn hải trấn đông Tiết độ sứ. Năm này, ông bị nội nha Thống quân sứ Hồ Tiến Tư phế, lập em ông là Hoằng Thục, đó là Trung Ý Vương. Vương để tâm đến Phật giáo, vừa lên ngôi,

ông đã đem ban vàng lụa, dựng Già-lam ở những nơi danh Sơn Thánh tích của các quận ở Lưỡng chiết. Núi Chi Đề ở Phước Châu là Thiên Quan Bồ-đề đạo tràng. Vương cúng bảy báu đúc cả ngàn tượng Thiên Quan, lập chùa viện nguy nga tráng lệ bậc nhất ở Thất Mân (Phước Kiến và Chiết Giang).

Mùa Xuân tháng giêng năm Đinh Mùi, quân Liêu đến Đại Lương. Tấn đế, Thái hậu trở xuống dâng biểu xin hàng, đón ở ngoài cửa Phong Khâu. Liêu chủ cáo từ không gặp, phong Tấn đế làm Phụ Nghĩa Hầu, cho ở tại phủ Hoàng Long, tức thành Hòa Long của Mộ Dung Yên. Liêu chủ đổi và mặc y phục Trung Quốc, trăm quan đi ở đều theo pháp chế cũ, đưa Tấn đế, Lý Thái hậu, Phùng hậu về bắc, Tả hữu ở hậu cung hơn trăm người cùng đi theo, có ba trăm quân kỵ của Khiết Đan đưa đi. Tháng hai, Liêu chủ về nước, cho Tiêu Hàn làm Đại Lương Tiết độ sứ. Hàn là con của người anh Thuật Luật Thái hậu, em ông lại làm Hoàng hậu của Liêu chủ. Ban đầu, Hàn có họ Tiêu, là họ của Hoàng hậu Thuật Luật Thái tổ A Bảo Cơ. Mùa hạ, tháng tư, Liêu chủ về lại Lâm Thành thì ngã bệnh, đến Loan Thành bệnh càng nặng. Năm Bính Tý, đến Sát Hồ Lâm thì mất, người trong nước ướp mấy đấu muối trong bụng ông rồi đưa về bắc. Người Tấn gọi ông là Đế Ba (vua bị ướp muối). Hồi ấy, Hà Đông Tiết độ sứ Lưu Tri Viễn nghe Liêu Chủ vào đất Biện mới chia quân giữ bốn nơi đề phòng bị đánh úp, lúc này tướng tá đều khuyên Viễn nên tôn hiệu, hiệu lệnh bốn phương, Tri Viễn không chịu. Quân sĩ đều nói: Nay Khiết Đan bắt Thiên Tử, thiên hạ không có chủ. Phiên Hán Khổng mục quan Quách Uy Đô, áp nha Dương Bân cũng khuyến tấn, Tri Viễn nghe theo. Tháng hai, Tân Mùi ông lên ngôi Hoàng Đế, vẫn xưng Thiên Phước năm thứ mười hai, đổi quốc hiệu Hán. Khiết Đan Tiêu Hàn nghe Hán đế xua quân về Nam, liền muốn về Bắc sợ trong nước không có chủ. Lúc này có con Đường Minh Tông là Lý Tùng Ích cùng mẹ là Vương Thục phi ở Lạc Dương, Hàn đón họ rồi lập làm Đế, dẫn hết các tộc trưởng đến lạy, trăm quan đến yết kiến. Thục phi khóc nói: Mẹ con ta yếu đuối thế này mà các ông lập nên thì thật là họa cho nhà ta. Hàn để hơn ngàn quân Yên ở lại giữ cổng thành, hộ vệ cho Tùng Ích, Hàn cáo từ về bắc. Hán đế đến Lạc Dương, sai Trịnh châu phòng ngự sử Quách Tùng Nghĩa vào trước Thanh cung Đại Lương, giết Lý Tùng Ích và Vương Thục phi. Hán đế đến Đại Lương, lại lấy Biện châu làm Trần kinh, quốc hiệu Hán.

Nhà Tấn gồm hai chủ, trị vì mười một năm, vận nước về nhà Hán.

* ***Nhà Hán:***

Họ Lưu, lấy hiệu Thủy Đức Vương, đóng đô đất Biện gồm Cao Tổ, Ẩn Đế.

Cao Tổ: Húy Tri Viễn, đổi tên là Hạo, người bộ lạc Sa Đà, nhiều đời ở Thái Nguyên, cùng Tấn Cao Tổ đồng thờ Đường Minh Tông. Tấn Cao Tổ lên ngôi, cho Tri Viễn làm bảo nghĩa quân Tiết độ sứ, sau đổi qua làm Hà Đông Tiết độ sứ. Khai Vận năm thứ hai, ông được phong Bắc Bình Vương. Tấn Đế về Bắc, ông lên ngôi ở Tấn Dương, ở ngôi hai năm, thọ năm mươi bốn tuổi, xưng Thiên Phước hai năm, Càn Hựu một năm.

- Mậu Thân: Càn Hựu năm đầu. Đại Liêu, Thế Tông, Thiên Lộc năm đầu.

Triệu			*Phụng Tường*	*Ngô Việt: Hoằng Thục.*	*Sở.*
Kinh Nam: Bảo Dung lên ngôi	*Đường: Bảo Đại năm thứ 6*		*Thục: Quảng Chính năm thứ 11*	*Hán: Càn Hóa năm thứ 6*	

Tháng giêng, Đế lại đổi tên Hạo. Giáp Tý, ông không khỏe, Đinh Sửu mất ở điện Vạn tuế, nhưng quần thần giấu kín không phát tang. Tháng hai, lập Hoàng Thái tử Thừa Hựu làm Chu Vương rồi lên ngôi Hoàng Đế, lúc này Hựu mười tám tuổi.

Mùa Đông tháng mười, Hình Nam Tiết độ sứ Nam Bìnhvăn Hiến Vương CaoTùng Hối mất, con ông là Bảo Dung làm Lưu Hậu, trị vì mười năm, thọ bốn mươi mốt tuổi.

* **Ẩn Đế:** Húy Thừa Hựu, con năm thứ hai của Cao Tổ, ở ngôi ba năm, thọ hai mươi tuổi, xưng năm Càn Hựu năm đầu.

Kỷ Dậu: Càn Hựu năm thứ hai. Đại Liêu, Thiên Lộc năm thứ hai.

Triệu			*Phụng Tường*	*Ngô Việt*	*Sở: Hy Quảng bị giết.*

Kinh Nam	*Đường: Bảo Đại năm thứ 7*		*Thục: Quảng Chính năm thứ 12*	*Hán: Càn Hóa năm thứ 7*	

* ***Quốc sư Đức Thiều:*** Ngài họ Trần, người Long Tuyền, Xử Châu, mười lăm tuổi xuất gia, mười bảy tuổi thế phát tại chùa Long quy trong châu này, mười tám tuổi thọ giới ở chùa Khai nguyên, Tín châu. Hậu Đường Trang Tông, trong năm Đồng Quang, ngài du phương, đầu tiên yết kiến Thiền sư Đồng ở núi ĐầuTử, kế đến yết kiến Long Nha Sơ Sơn. Cứ thế ngài tham vấn khắp năm mươi bốn Thiện tri thức. Sau cùng, ngài đến Gianh Tây, Phủ Châu tham vấn Thiền sư Pháp Nhãn VănÍch. Ngài mệt mỏi chuyện tham vấn nên chỉ tùy chúng chấp lao phục dịch. Một hôm, tăng hỏi Pháp Nhãn:

- Thế nào là một giọt nước Tào Khê?

Nhãn đáp:

Là một giọt nước Tào Khê.

Ngài ở bên tòa nghe được hoát nhiên khai ngộ, thưa với Pháp Nhãn. Nhãn nói: "Về sau, ông được quốc vương thờ làm thầy, làm cho đạo Tổ rực sáng!".

Ngài trở về Xử châu, lên núi Thiên Thai, thấy di tích của Thiền sư Trí Giả Trí Khải, cảm thấy mình khế hợp đâu từ trước. Đầu tiên, ngài ở Bạch Sa. Lúc này Ngô Việt Trung Ý Vương Hoằng Thục làm vương tử, ông đến Thai châu, nghe danh tiếng ngài liền mời đến hỏi đạo. Đến lúc này, Càn Hựu năm thứ hai, Vương đã nối ngôi Ngô Việt, sai Sứ đi đón ngài, nhận lễ làm đệ tử, tôn ngài làm Quốc sư. Lúc này, có Sa-môn Nghĩa Tịch hoằng truyền giáo quán Thiên Thai của Trí Giả, Tịch chính là Pháp Sư Loa Khê. Tịch nhiều lần nói với ngài: "Giáo quán của Trí Giả qua nhiều năm tháng phần nhiều mai một, chỉ có nước Tân La là còn đầy đủ nhất, mong Hòa thượng từ bi đến đó cho". Ngài tâu với Việt Vương, vương sai sứ mang thư của ngài qua Tân La xin sao chép đầy đủ giáo quán đem về. Cho đến nay, giáo quán của tông Thiên Thai sở dĩ đầy đủ như vậy đều nhờ công sức của ngài. Ngài có bài kệ:

Trên đỉnh Thông huyền
Không phải nhân gian
Ngoài tâm không pháp
Đầy mắt núi xanh.

Pháp Nhãn nghe được, nói: "Một bài kệ này đủ dựng tông ta".

Ngày hai mươi tám tháng sáu, Tống Thái Tổ, Khai Bảo năm thứ năm, ngài nhóm chúng từ biệt, ngồi kiết già quy tịch ở Liên hoa phong, thọ tám mươi hai tuổi, tăng lạp sáu mươi lăm hạ. Ngài nối pháp Pháp Nhãn Văn Ích.

- Canh Tuất: Càn Hựu năm thứ ba. Đại Liêu, Thiên Lộc năm thứ ba.

Triệu			*Phụng Tường*	*Ngô Việt*	*Sở*
Kinh Nam	*Đường: Bảo Đại năm thứ 8*		*Thục: Quảng Chính năm thứ 13*	*Hán: Càn Hóa năm thứ 8*	

Vũ bình Tiết độ sứ Mã Hy Ngạc là anh của Hy Quảng bắt Sở Vương Hy Quảng và giết. Hy Ngạc tự xưng Vũ An Tĩnh Giang Ninh Viễn Đẳng Quân Tiết độ sứ, hàng nhà Đường. Đường phong cho ông làm Sở Vương, cuối cùng bị Đường diệt, đưa họ Mã về Kim Lăng. Mùa hè tháng tư, Hán đế cho Quách Uy làm Nghiệp đô lưu thú Thiên Hùng Tiết độ sứ. Khu mật vẫn giữ như cũ, cho Hữu giám môn vệ tướng quân Quách Vinh làm Thiên Hùng nha nội Đô Chỉ Huy Sứ. Vinh vốn họ Sài, cha là Thủ Lễ vốn anh vợ của Quách Uy. Uy chưa có con, mới nuôi Vinh làm con mình. Tháng năm, Uy nhận mệnh, cáo từ đi và nói với Đế: "Thái hậu theo Tiên đế nhiều năm nếm đủ việc trong thiên hạ, bệ hạ phải quý trọng thân mình, có việc gì nên thưa với Thái hậu sau đó hãy làm, thân gần trung tín, lánh xa tà nịnh, giữa tốt xấu phải phân định rạch ròi". Lúc ấy, khu mật sứ hữu bộc xạ Đồng Bình Chương sự Dương Bân tổng quản quân cơ, khu mật sứ kiêm Thị trung Quách Uy nắm việc chinh phạt, Quy Đức Tiết độ sứ Thị Vệ Thân Quân Đô Chỉ Huy Sứ kiêm Trung Thư Lệnh Sử Hoằng Triệu nắm việc Túc vệ, Tam Ty Sứ Đồng Bình Chương Sự Vương Chương nắm việc thuế má. Các ông Bân v.v.. là trung thần, Đế tin dùng Nội Khách Tỉnh Sứ Diêm Tấn Khanh, Khu Mật Thừa Chỉ Nhiếp Văn Tiến, Phi Long Sứ Hậu Khuông Tán, Hàn Lâm Trà Tửu Sứ Quách Doãn Minh, họ sàm tấu rồi chấp chính. Đế ngày một lớn, chán ghét vì đại thần quản chế, nên cùng Khu Mật Sứ Nhiếp Văn

Tiến, Khuông Tán, Doãn Minh đã giết Bân. Triệu, Chương ở nhà Đông điện Quảng Chính vào mồng một tháng mười một. Đế sai Cung Phụng quan Mạnh Nghiệp đem mật chiếu đến Thiền châu và Nghiệp Đô để giết Vương Ân. Lại lệnh cho Nghiệp đô Hành Dinh Quân Mã Đô Chỉ Huy Quách Sùng Uy, Bộ Quân Đô Chỉ Huy Sứ Tào Uy giết Quách Uy và Giám quân Tuyên Huy Sứ Vương Tuấn. Quách Uy mới gọi Quách Sùng Uy, Tào Uy đến nói rằng: Bân v.v.. bị chết oan. Ông nói: "Ta cùng các ông ấy vạch gai góc, theo Tiên đế lấy Thiên hạ, nhận lệnh thác cô, tận lực giữ nước nhà, nay các ông ấy đã chết, ta lòng dạ nào sống một mình, các ông hãy làm theo chiếu thư cắt đầu ta đem về báo với Thiên Tử, ngõ hầu không phiền lụy nhau". Bọn Quách Sùng Uy khóc nói: "Thiên Tử nhỏ, háo thắng, đây chắc là do bọn tiểu nhân Tả hữu bày ra, chúng tôi xin nguyện theo ông vào triều tự tố, giết sạch bọn chuột kia để làm sạch triều đình, không thể để ông chết một mình". Quách Uy mới để con nuôi là Vinh ở lại giữ Nghiệp đô, sai Quách Sùng Uy dẫn kỵ binh đi trước, còn mình dẫn đại quân đi ngày sau kéo đến Phong Khâu. Tháng mười một, Đế sai bọn Mộ Dung Ngạn Siêu đem quân chống cự. Bọn Ngạn Siêu đánh và thua to chạy về. Hôm đó Đế ra ủy lạo ba quân, tàn quân thua trận chỉ có mấy mươi người chạy về cung, qua đêm ở Thất Lý trại, còn lại đều bỏ trốn. Sáng ngày Ất Dậu, Đế lên ngựa về lại cung đến cửa Huyền Hóa, Lưu Thù đứng trên cửa hỏi Đế "Tả hữu binh mã đâu mất?" Nhân đó bắn Tả hữu. Đế quay ngựa chạy lên Tây bắc, đến Triệu Thôn, truy binh đuổi đến, Đế xuống ngựa chạy vào nhà dân, bị loạn binh giết chết. Quách Uy đi thẳng vào Xuân môn. Đinh Hợi, Quách Uy dẫn bá quan đến cửa Minh Đức, rồi đến chỗ Thái hậu tâu rõ việc quân việc nước, xin lập vua mới. Thái hậu mới cho con của Hà Đông Tiết độ sứ Lưu Sùng là Vũ Ninh Tiết độ sứ Bân lên ngôi Hoàng Đế. Uy tấu cho Thái sư Phùng Đạo đến Từ châu nghênh rước. Canh Dần, Uy dẫn quần thần dâng biểu, Hoàng Đế đến cửa cung, cảm động gào khóc cả tuần, thỉnh Thái hậu lâm triều thính chính. Nhâm Thìn, Thái hậu bắt đầu lâm triều. Quách Uy vượt sông, đóng quân ở Thiền Châu. Quý Sửu, tướng sĩ cùng tôn lập Uy rồi đưa Uy về Nam, Uy dâng biểu cho Thái hậu xin phụng việc tông triều của nhà Hán, tôn Thái hậu làm mẹ. Vũ Ninh Tiết độ sứ Bân đã đến Tống châu. Quách Uy gởi thư cho Bân nói vì các tướng ép buộc, triệu Phùng Đạo về trước. Bân hỏi, nay phải tính thế nào? Đạo im lặng. Tháng mười hai, Kỷ Mùi, Thái hậu lệnh phế Bân làm Tương Âm Công, cho thị trung Quách Uy làm giám quốc. Tháng giêng năm Tân Hợi, Hán Thái hậu hạ chiếu giao phù bảo giám quốc,

Uy lên ngôi Hoàng Đế. Giám quốc Uy từ Cao Môn vào cung, lên ngôi ở điện Sùng Nguyên, xuống chiếu rằng: "Trẫm là con cháu nhà Chu, hậu duệ của Thúc, nên lấy quốc hiệu Chu". Tháng đó, giết Tương Âm Công ở Tống châu.

* ***Nhà Hán:*** gồm hai chủ, tồn tại bốn năm, vận nước về nhà Chu.

* ***Nhà Chu:*** Họ Quách, lấy hiệu Mộc Đức, đóng đô ở Đại Lương, gồm Thái Tổ, Thế Tông, Cung Đế.

* **Thái Tổ:** Húy là Uy, tự Trọng Văn, người Nghiêu Sơn, Hình châu. Cha là Giản thờ nhà Tấn giữ chức Thuận châu Thứ sử. Uy từ nhỏ mồ côi, sống nhờ người họ Thường ở Lộ châu. Lộ châu Lưu Hậu Lý Kế Thao chiêu mộ cảm tử làm quân, Uy năm ấy mười tám tuổi nhờ dũng cảm nên được tuyển chọn. Tấn, Thiên Phước năm thứ hai, Phạm Diên Quang làm phản ở Ngụy châu, Uy làm quân sĩ, từng theo Dương Quang Viễn chinh phạt phía Bắc. Uy vốn đầu quân với Lưu Tri Viễn, Tri Viễn xin cho ở lại, người ta hỏi nguyên do, Uy đáp: Ông Dương là kẻ có tài gian trá, không có khí chất anh hùng, được ta không biết dùng vào đâu. Người có thể dùng ta là ông Lưu chăng!". Sau, Uy phụng sự Tri Viễn làm Thị Vệ Đô Ngưu Hầu. Tri Viễn lên ngôi Hoàng Đế, Uy phò tá có công được bái phong đồng Trung Thư Môn Hạ Bình Chương Sự. Trong đời Hán Ẩn Đế, ông nhiều lần lập công, được phong làm Nghiệp đô Lưu Thú. Tháng mười một, năm Càn Hựu năm thứ ba, Hán Ẩn Đế bị giết, ông lên ngôi, ở ngôi ba năm, thọ năm mươi hai tuổi. Niên hiệu Quảng Thuận ba năm.

- Tân Hợi: Quảng Thuận năm đầu. Đại Liêu, Thiên Lộc năm thứ tư, tháng chín Mục Tông lên ngôi. Ứng Lịch năm đầu. Đức Thích-ca nhập diệt một ngàn chín trăm năm.

Triệu	*Bắc Hán lập quốc, xưng Càn Hựu năm thứ 4*		*Phụng Tường*	*Ngô Việt*	*Sở*
Kinh Nam	*Đường: Bảo Đại năm thứ 8*		*Thục: Quảng Chính năm thứ 14*	*Hán: Càn Hóa năm thứ 9*	

* ***Bắc Hán:*** Hồi ấy, Hà Đông Tiết độ sứ kiêm Trung Thư lệnh Lưu Sùng là em cùng mẹ với Cao Tổ, khi Cao Tổ lên ngôi, cho Sùng làm Thái Nguyên Doãn Bắc Kinh Lưu Thú. Hán Ẩn Đế bị hại, ông muốn khởi binh về nam, nghe đón con ông là Bân làm Hoàng Đế, ông dừng quân và nói: "Con ta làm Đế, ta còn cầu gì nữa". Đến khi Chu Thái Tổ lên thay nhà Hán, giết Bân ở Tống châu, Sùng nổi giận, hôm đó ông lên ngôi Hoàng Đế ở Tấn Dương, lấy quốc hiệu Hán, xưng năm Càn Hựu năm thứ tư. Tháng hai, Lưu chủ nghe Bắc Hán lập đế, mới sai Chiêu thảo sứ Phan Duật Nhiên gởi thư cho con ông là Lưu Thừa Quân. Hán chủ sai Thừa Quân gởi thư phúc đáp: "Bản triều điêu linh, muốn theo việc xưa nhà Tấn, cầu viện xin binh". Liêu chủ vui mừng, mùa hạ tháng tư Hán Chủ sai Trịnh Cung gởi thư cho Liêu xưng cháu và xin làm Sách lễ. Liêu Đế sai Yên Vương Thuật Trát đem Sách mệnh phong Hán chủ làm Đại Hán Thần Vũ Hoàng Đế, Hán chủ lại đổi tên Mân. Tháng chín, Liêu chủ đích thân viện giúp nhà Hán. Khi đến đầm Hỏa Thần ở Tân Châu. Yên Vương Thuật Trát và con Vỹ Vương là Đại Ninh Vương Âu Tăng v.v.. đem quân làm phản giết Đế, rồi Thuật Trát tự lập. Con Thái Tông là Tề Vương Thuật Luật ở xa ngoài Nam Sơn. Các đại thần phụng sự ông ấy để đánh giết bọn Thuật Trát, Âu Tăng và bè đảng của họ lập Thuật Luật làm Đế, đổi niên hiệu Ứng Lịch, an táng Liêu Đế ở Y Vu, Lư Sơn miếu hiệu Thế Tông, ở ngôi năm.

* ***Liêu Mục Tông Thiên Thuận Hoàng Đế:*** Húy Cảnh, tên Phiên là Thuật Luật, sau đổi tên là Minh, con trưởng của Thái Tông. Hồi ấy Thái Tông đánh Thạch Tấn để Đế ở lại hầu hạ Thuật Luật Thái hậu. Thái Tông mất, các tướng lập Thế Tông. Thế Tông bị giết, các tướng đón ông lên ngôi, từ đầm Hỏa Thần vào U châu. Đế tuổi trẻ ham chơi, không lo việc nước, mỗi đêm nhậu nhẹt đến sáng mới ngủ, đến trưa mới dậy. Người trong nước gọi ông là Thùy Vương, ở ngôi mười tám năm.

* ***Thiền sư Vĩnh Minh, Hàng châu:*** Tên Đạo Tiềm, người phủ Hà Trung, họ Vũ. Ban đầu, ngài yết kiến Thiền sư Pháp Nhãn Văn Ích. Pháp Nhãn hỏi:

- Ngoài tham vấn, ông xem kinh gì?

Ngài đáp:

Kinh Hoa Nghiêm.

- Sáu tướng tổng biệt dị đồng thành hoại, môn nào thâu nhiếp?

- Văn thì ở phẩm Thập Địa, nhưng lý thì ở tất cả pháp thế gian xuất thế gian đều có đủ sáu tướng.

- Hư không có sáu tướng không?

Ngài mờ mịt không đáp được.Pháp Nhãn nói:

Ông hỏi ta đi!

Ngài hỏi:

Hư không có sáu tướng không?

- Rỗng rang.

Ngay đó, ngài khai ngộ. Hôm sau nhân có sĩ nữ đến viện, Pháp Nhãn hỏi ngài:

Trong Luật nói, cách vách nghe tiếng vòng xuyến thì gọi là phá giới. Thấy vàng bạc, tạp vật đủ màu đỏ tía lẫn lộn, là phá giới hay không phá giới?

Ngài đáp:

Đó là con đường tốt để vào.

Pháp Nhãn nói:

Về sau, ông có năm trăm đồ chúng (hạc hóa sinh), được Vương hầu kính trọng.

Ngài lạy từ biệt, chấn tích đến ngôi chùa cổ ở Cù châu, ngày xem Đại Tạng Kinh. Đến lúc này, Quảng Thuận năm đầu, Ngô Việt Trung Ý Vương Hoằng Thục thỉnh ngài vào phủ thọ Bồ-tát giới, ban ngài hiệu Từ Hóa Định Tuệ Thiền sư, dựng đại Già-lam ở Nam Sơn lấy tên Tuệ Nhật Vĩnh Minh thỉnh ngài ở. Ngài xin ở tại chùa La-hán Quá Tân dưới tháp, thật phù hợp với mộng trước đây của Ý Vương. Thế là ý Vương lại ban hiệu cho ngài thêm hai chữ Ứng Chân. Ngài tịch năm Chu Hiển Đức năm thứ năm, nối pháp Pháp Nhãn Văn Ích.

* ***Thiền sư Vĩnh Minh Trí Giác ở Tuệ Nhật, Hàng châu:*** Ngàihọ Vương, húy Diên Thọ, người Dư Hàng. Từ nhỏ, ngài đã quy tâm Phật thừa, không ăn mặn, ngày ăn một bữa, trì kinh Pháp Hoa, một lần phải hết bảy quyển. Chỉ trong hai tháng ngài đã tụng thuộc, cảm được bầy dê quỳ nghe. Năm hai mươi tám tuổi, ngài làm Hoa Đình Trấn Tướng, chí mộ Chân Thừa. Ngô Việt Văn Mục Vương Nguyên Quán biết ngài có tâm đạo mới thuận theo chí nguyện để ngài xuất gia. Ngài lễ Thiền sư Thúy Nham chùa Long Sách thế phát, chấp lao phục dịch, quên thân là quan lại. Áo chẳng mặc lụa là, ăn chẳng chọn mùi vị, rau dưa đạm bạc độ nhật qua ngày. Sau ngài lên ngọn Thiên Trụ ở Thiên Thai thiền định suốt ba tháng, đến nỗi chim yến làm tổ trong tay áo. Kế đó, ngài yết kiến Quốc sư Đức Thiều. Vừa gặp, Đức Thiều đã hứa khả, ngài tỏ ngộ huyền chỉ. Đức Thiều nói: "Ông có duyên với Nguyên Soái, ngày sau đại hưng Phật sự".

Ban đầu, ngài trụ ở Tuyết Đậu, từng có bài thơ:

Vượn lạc kêu rụng trăng, trong núi trăng
Khách quê ngâm hết nửa đêm đèn
Cảnh ấy lúc này ai hiểu thấu
Mây trắng núi sâu Tăng ngồi thiền.

Ngô Việt Trung Ý Vương Hoằng Thục thỉnh ngài khai sơn Linh Ẩn Tân Tự. Năm sau, ngài về đạo tràng Vĩnh Minh, chúng đến hai ngàn. Tăng hỏi:

Thế nào là diệu chỉ của Vĩnh Minh?

Ngài đáp:

Đốt thêm hương đi!

- Cảm tạ thầy chỉ dạy.

- Với vui (hỷ), chẳng dính dáng.

Tăng lễ bái. Ngài nói:

Muốn biết Vĩnh Minh chỉ
Trước cửa nước một hồ
Trời soi ánh sáng hiện
Gió đến sóng nhấp nhô.

Ngài ở Vĩnh Minh mười lăm năm, độ một ngàn bảy đệ tử, thường truyền bá Bồ-tát giới cho bảy chúng, ban đêm cúng quỷ thần, phóng sinh các loài không thể kể hết, sáu thời dâng hoa hành đạo, ngoài ra tụng kinh Pháp Hoa đến một vạn ba ngàn biến, soạn Tông Cảnh Lục một trăm quyển. Ngô Việt Vương viết lời tựa, lời bạt, nhập Đại tạng lưu hành. Nay, phương trượng ở Tịnh Từ gọi là Tông Cảnh Đường. Thi, kệ, phú, vịnh của ngài đến ngàn vạn bài truyền khắp nước khác. Quốc vương Cao Ly xem văn giáo của ngài, liền sai sứ đem thơ sang nhận lễ đệ tử, lấy sợi vàng thêu y Tăng-già-lê, chuỗi hạt bằng thủy tinh, thau rửa bằng vàng dâng cúng cho ngài, ba mươi sáu Tăng Cao Ly được ngài ấn khả thọ ký, lần lượt về Cao Ly mỗi người giáo hóa một nơi. Tống Thái Tổ, Khai Bảo năm thứ bảy, ngài vào núi Thiên Thai truyền giới cho hơn vạn người. Giờ Thìn ngày hai mươi sáu tháng mười hai năm sau, ngài đốt hương từ biệt chúng rồi kiết già quy tịch, thọ bảy mươi hai tuổi, tăng lạp bốn mươi hai hạ. Năm sau, môn nhân dựng tháp ngài ở núi Đại Từ. Tống Thái Tông sắc tứ là Thọ Ninh Thiền Viện. Ngài nối pháp Quốc Sư Thiên Thai Đức Thiều, Thiều nối pháp Thanh Lương Pháp Nhãn Văn Ích, thuộc phái Thanh Nguyên đệ tử Lục tổ. Nối pháp của ngài có Hàng châu Càn Minh Tân Thiền Sư, Đương Dương Tử Mông Hòa thượng.

- Nhâm Tý: Quảng Thiện năm thứ hai. Đại Liêu Mục Tông Ứng

Lịch năm thứ hai.

Triệu	*Bắc Hán xưng Càn Hựu năm thứ 5*		*Phụng Tường*	*Ngô Việt*	*Sở bị Đường diệt, tồn tại 56 năm.*
Kinh Nam	*Đường*		*Thục: Quảng Chính năm thứ 15*	*Hán: Càn Hóa năm thứ 10*	

Mồng một tháng sáu, Chu Đế đi Khúc phụ, đến miếu thờ Khổng Tử, lệnh sửa sang lại, cấm không được đốn củi trong Khổng Lâm. Đế hỏi thăm hậu duệ của Khổng Tử là Nhan Uyên, cho Uyên làm Khúc Phụ Lệnh và làm Chủ Bạ.

- Quý Sửu: Quảng Thuận năm thứ ba. Đại Liêu Ứng Lịch năm thứ ba. Tượng Phật Chiên-đàn từ đây xuống đến một trăm bảy mươi bảy năm ở tại Biện Kinh.

Triệu	*Bắc Hán: họ Lưu Càn Hựu năm thứ 6*		*Phụng Tường*	*Ngô Việt*	
Kinh Nam	*Đường: bảo Đại năm thứ 11*		*Thục: Quảng Chính năm thứ 16*	*Hán: Càn Hóa năm thứ 11*	

Trước đây, Hậu Đường Minh Tông năm Trường Hưng năm thứ ba, Tể tướng Phùng Đạo, Lý Ngu xin khắc bản Cửu Kinh. Tháng sáu năm này họ khắc bản xong, dâng Đế, lưu bố rộng rãi. Việc khắc chữ ấn bản khởi nguyên từ đây.

- Giáp Dần: Tháng giêng Đế mất. Hiển Đức năm đầu. Đại Liêu, Ứng Lịch, năm này Thái sư Trung thư lệnh Doanh văn ý Vương Phùng

Đạo mất.

Triệu	*Bắc Hán chủ mất, Càn Hựu năm thứ 7*		*Phụng Tường*	*Ngô Việt*	
Kinh Nam	*Đường: Bảo Đại năm thứ 12*		*Thục: Quảng Chính năm thứ 17*	*Hán: Càn Hóa năm thứ 12*	

Chu Đế không khỏe, tháng giêng gia phong Tấn Vương Vinh kiêm chức Thị trung Phán nội ngoại binh mã. Đế nhiều lần dặn Tấn Vương "Xưa ta chinh Tây thấy mười tám lăng của nhà Đường đều bị đào bới lên. Đó không do gì khác mà chỉ là do chôn cất quá nhiều vàng ngọc. Ta chết đi, ông hãy liệm ta vải thô, đặt trong áo quan đất nung, an táng liền đừng để lâu trong cung, chớ đặt quan giữ lăng mộ, chớ đục dê, cọp, người, ngựa bằng đá, chỉ khắc bia đá dựng trước lăng ghi rằng: "Thiên Tử nhà Chu bình sinh thích cần kiệm, di lệnh bảo liệm vải thô, áo quan đất nung, Thiên Tử kế vị không dám trái mệnh". Nhâm Thìn, tuyên chiếu xong, Đế mất. Bính Thân, Tấn Vương Vinh lên ngôi Hoàng Đế.

Tháng mười một, Bắc Hán chủ Mân mất, con là Thừa Quân sau đổi tên Quân lên kế ngôi. Hiếu Hòa Đế Quân tính hiếu thuận, cẩn thận. Sau khi lên ngôi, ông chăm lo quốc sự, thương dân, kính lễ kẻ sĩ, trong nước tạm yên.

* **Thế Tông:** Húy là Vinh, con người anh của Thái tổ Thánh Hậu Sài Thế, Thái Tổ nuôi ông, xem như con mình, phong làm Tấn Vương sau cho kế ngôi. Ông ở ngôi sáu năm, thọ ba mươi chín tuổi. Niên hiệu Hiển Đức sáu năm.

- Ất Mão: Hiển Đức năm thứ hai. Đại Liêu Ứng Lịch năm thứ năm.

Triệu	*Bắc Hán: Lưu Quân, Càn Hựu năm thứ 8*		*Phụng Tường*	*Ngô Việt*	

Kinh Nam	*Đường: Bảo Đại năm thứ 13*		*Thục: Quảng Chính năm thứ 18*	*Hán: Càn Hóa năm thứ 13*	

Tháng hai, Chu đế hạ chiếu dẹp bớt chùa viện không được sắc tứ trong cả nước, sai Quận phủ mỗi năm làm Tăng trướng, hễ có Tăng mất thì lấy ra treo lên. Tăng trướng xuất phát từ đó.

- Bính Thìn: Hiển Đức năm thứ ba. Đại Liêu, Ứng Lịch năm thứ sáu.

Triệu	*Bắc Hán: Càn Hựu năm thứ 9*		*Phụng Tường*	*Ngô Việt*	
Kinh Nam	*Đường: Bảo Đại năm thứ 13*		*Thục: Quảng Chính năm thứ 19*	*Hán: Càn Hóa năm thứ 14*	

Trước đây, Chu túc vệ tướng Triệu Khuông Dận đánh Bắc Hán có công, đến lúc này ông được phong làm Định quốc Tiết độ sứ kiêm Điện Tiền Đô Chỉ Huy Sứ. Khuông Dận dâng biểu xin Vị châu quân sự phán quan người Tô châu là Triệu Phổ làm Tiết Độ.

Tháng giêng, Chu Đế hạ chiếu thân chinh Hoài Nam. Đế triệu Hoa sơn ẩn sĩ Chân Nguyên Trần Bác vào hỏi thuật Phi Thăng Hoàng Bạch. Bác đáp: ""Bệ hạ là Thiên Tử phải lấy việc trị yên thiên hạ làm đầu, dùng những thứ ấy làm gì!" Bác cáo từ về núi.

- Đinh Tỵ: Hiển Đức năm thứ tư. Đại Liêu, Ứng Lịch năm thứ bảy.

Triệu	*Bắc Hán: Thiên Hội năm đầu.*		*Phụng Tường*	*Ngô Việt*	

Kinh Nam	*Đường: Bảo Đại năm thứ 15*		*Thục: Quảng Chính năm thứ 20*	*Hán: Càn Hóa năm thứ 15*	

- Mậu Ngọ: Hiển Đức năm thứ 5. Đại Liêu, Ứng Lịch năm thứ 8.

Triệu	*Bắc Hán: Thiên Hội năm thứ 2*		*Phụng Tường*		
Kinh Nam	*Đường: Năm Trung Hưng đổi thành Giao Thái năm đầu*		*Thục: Quảng Chính năm thứ 21*	*Hán: Sưởng, Thiên Bảo năm đầu.*	

Tháng ba, Chu Đế vượt sông đánh Đường. Đường chủ thẹn vì hàng quân Phiên, mới sai Binh Bộ Thị lang Trần dâng biểu xin nhường ngôi cho Thái tử Hoằng, dâng đất bốn châu Lô, Thư, Kỳ, Hoàng, vạch sông làm biên giới xin dứt binh. Tháng năm, Đường chủ Hoằng vì tránh tên húy của Chu Đế nên đổi tên Dực, hạ lệnh bỏ Đế hiệu chỉ xưng Quốc chủ. Tất cả nghi chế của Thiên Tử đều giáng thấp hoặc không dùng, bỏ niên hiệu, dùng Chánh Sóc nhà Chu, rồi cáo ở Thái miếu.

Mùa Thu tháng bảy, ban hành Đại Chu hình thống, Đế muốn thu đều thuế ruộng, lấy Nguyên chẫn quân điền đồ đưa về khắp các đạo. Nam Hán Trung Tông Lưu Hoằng Hy mất, con trưởng Vệ Vương Kế Hưng lên ngôi Hoàng Đế, sau ông đổi tên Sưởng lúc ấy mười sáu tuổi.

- Kỷ Mùi: Hiển Đức năm thứ sáu. Đại Liêu, Ứng Lịch năm thứ chín.

Triệu	*Bắc Hán: Quân Thiên Hội năm thứ 3*		*Phụng Tường*	*Ngô Việt*	
Kinh Nam	*Đường:*		*Thục: Quảng Chính năm thứ 22*	*Hán: Thiên Bảo năm thứ 2*	

Sân điện nhà Chu có bày chuông khánh nhưng không treo lên. Đế hỏi Nhạc công vì sao, chẳng ai đáp được. Khu mật sứ Vương Phác vốn hiểu âm luật, Đế đem việc nhạc hỏi, Phác dâng sớ đáp: "Lễ để kiểm thúc thân, nhạc để điều trị tâm, hình thuận bên ngoài, tâm hòa bên trong, mà thiên hạ không yên là điều chưa từng có. Bởi vậy trên tu lễ nhạc thì dưới vạn nước yên. Lời dạy Thánh nhân chẳng trang trọng nhưng hình thành nền chánh, không nghiêm cẩn nhưng trị dụng đạo này. Phàm nhạc phát sinh từ lòng người, tiếng hình thành ở vật. Vật tiếng đã thành lại hay cảm được lòng người. Xưa Hoàng Đế thổi ống quản chín tấc được chánh âm hoàng chung, một nửa là tiếng trong, hai phần là tiếng chùng. Thêm bớt trong ba phần ấy mà hình thành mười hai luật. Mười hai luật này hỗ trợ nhau hình thành cung, sinh ra bảy điệu gọi là một quân. Được mười hai Quân, tám mươi bốn điệu là đầy đủ nhất. Gặp lúc nhà Tần diệt học trò, nhiều đời nay, người đánh nhạc ít ai dùng đến. Thế Tổ Hiếu Tông của Đường Thái Tông Trương Văn Thâu khảo chính đại nhạc đủ tám mươi bốn điệu, trong biến loạn của An Sử, nhạc cụ và nhạc công trong mười người chết hết tám, chín. Đế loạn Hoàng Sào thì chết sạch không còn. Lúc này có Thái Thường Bác sĩ Ân Doanh Tôn xét dựa Công ký mới đúc mười hai bác chung, hai trăm bốn mươi biên chung. Xử sĩ Tiêu Thừa Huấn giáo định khánh đá, nay là những thứ ở trong huyện. Tuy có hình dáng chuông khánh (nhưng hòa âm hoàn toàn khác. Chung và bác này không nghe ra âm luật, chỉ tuần tự mà đánh, còn biên chung biên khánh) chỉ để không trong huyện mà thôi. Trúc tơ, bầu đất chỉ có bảy thanh, gọi là cung của Hoàng chung, nay còn chín khúc, khảo xét ba khúc hợp luật, sáu khúc sai lệnh các điệu, bởi âm nhạc phế khuyết không gì hơn hiện nay. Bệ hạ vũ công vang danh, lại lưu tâm trong lễ nhạc, cho thần từng học luật,

cung, chỉ bày âm nhạc xưa nay, sai thần thảo luận. Thần kinh cẩn vâng mệnh, sẽ phân định rõ ràng. Loại dài chín tấc rộng ba phân là ống quản của Hoàng Chung, tương ưng với Hoàng Chung ngày nay, nhân đó suy ra được mười hai luật, để làm tiếng chung cho các loại quản, không tiện mới soạn luật. Xét loại đàn có mười ba dây nó dài chín thước đều ứng với hoàng chung. Luật, thanh theo năm thứ tự xếp ở trụ làm thành mười một luật, đến tiếng trong của hoàng chung lại dùng bảy luật làm một quân, đó là chủ của quân, còn gọi là quan. trưng, thương, vũ, giốc, biến quan, biến trưng ở kế sau. Phát thanh quân chủ kết quy về luật âm gốc, theo năm thứ tự không loạn liền thành điệu, gồm tám mươi mốt Điệu. Cách này đã mất từ lâu, vượt ngoài hiểu biết của Thần, xin cho tập họp các quan để so sánh được mất."

Đế hạ chiếu làm theo. Bá quan đều cho là đúng và ban hành. (Bác chung (loại chuông lớn) có mười hai giá ứng với vị thứ của mười hai giờ. Bào là một trong tám âm, chính là bào sinh (Sênh như quả bầu) do đất nặn thành.

Lập Hoàng Tử Tông Huấn làm Lương Vương, lãnh chức tả thượng tướng quân. Đế bắc chinh, lưng nổi nhọt, tháng sáu mất trên đường về. Giáp Ngọ tuyên di chiếu cho Lương Vương lên ngôi Hoàng Đế.

* **Cung Đế:** Tên là Tông Huấn, con của Thế Tông, được phong Lương Vương, lên ngôi năm bảy tuổi. Tháng giêng năm Canh Thân, Trấn Định dịch trạm báo, Bắc Hán cấu kết với người Nhung vào cướp phá. Đế sai chỉ huy sứ Triệu Khuông Dận bắc chinh. Ngay hôm đó, Dận xuất quân, tối thì đến dịch trạm Trần Kiều. Canh năm đêm ấy, quân sĩ tuốt kiếm, đứng xếp hàng trước sân nói: "Chúng tôi không có chủ, nguyện tôn Thái úy làm Thiên Tử" Họ suy tôn ép ông về Nam, từ cửa Nhân Hòa vào. Thái úy về dinh thự, Tể tướng Phạm Chất v.v... đến điện Sùng Nguyên, triệu văn võ bá quan đến quyết định. Đế tự hàng, hạ chiếu rằng: "Trời sinh dân đen, lập người chăn dắt, hai Đế chỉ việc chung mà nhường ngôi, ba Vương thuận thời mà thay đổi, nhằm thống nhất vậy. Tôi là con út gặp phải gia cảnh không đoàn viên, lòng người đã hết, vận nước phải có nơi về, tìm đến người có đức. Quân Tiết độ sứ Điện tiền đô điểm kiểm Triệu Khuông Dận bẩm thọ tư chất thượng Thánh, tài lược Thần vũ giúp Cao Tổ ta thay đổi mệnh trời, nay thờ Thế Tông công to phước lớn, đánh đông dẹp tây ông ấy có công đầu, trời đất quỷ thần nhờ người có đức, xướng ca kiện tụng vì kẻ nhân từ, ứng trời thuận người theo Nghiêu nhường Thuấn, nay bỏ trọng trách, tôi xin làm khách. Than ôi! Kính thay! Chỉ sợ mệnh trời". Tuyên huy sứ dẫn Dận

đến thềm điện nghe chiếu dụ xong, Tể tướng dìu ông lên điện, vào nhà đông bận ngự phục lên tòa. Quần thần lạy mừng. Đế hạ chiếu đổi Chu Hiển Đức năm thứ bảy thành Kiến Long năm đầu, lấy quốc hiệu Đại Tống. Mồng bốn tháng giêng, ông phong Cung Đế là Trịnh Vương, đưa người tế tự Chu thất về Tây Kinh, Khai Bảo năm thứ sáu, Trịnh Vương mất.

Nhà Chu gồm ba chủ, trị vì chín năm, vận nước về nhà Tống.